

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ VĂN TRÙ

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN  
TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**HÀ NỘI - 2015**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**NGÔ VĂN TRÙ**

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN  
TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**Mã số: 62 38 01 01**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS. TS. TRỊNH ĐỨC THẢO**

**HÀ NỘI - 2015**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân tôi. Các kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học trình bày trong bản luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin, tư liệu trích dẫn trong luận án có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Tôi xin chịu trách nhiệm về những cam kết của mình.*

**TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**Ngô Văn Trù**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN NGHIÊN CỨU</b>	7
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	7
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	16
1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	20
<b>Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM</b>	24
2.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam	24
2.2. Các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam	37
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam	51
2.4. Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các nhà tù ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo/bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	59
<b>Chương 3: TÌNH HÌNH PHẠM NHÂN, THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA</b>	71
3.1. Tình hình phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam	71
3.2. Thực trạng công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam hiện nay	80
3.3. Một số vấn đề đang đặt ra trong giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại các trại giam ở Việt Nam hiện nay	111
<b>Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>	117
4.1. Quan điểm chỉ đạo công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam	117
4.2. Các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam	126
<b>KẾT LUẬN</b>	149
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b>	151
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	152
<b>PHỤ LỤC</b>	161

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT

CBCC	: Cán bộ, công chức
CBGDPL	: Cán bộ giáo dục pháp luật
ĐTXHH	: Điều tra xã hội học
GDPL	: Giáo dục pháp luật
PN	: Phạm nhân
QPPL	: Quy phạm pháp luật
TG	: Trại giam
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BIỂU, BẢNG

*Trang*

Biểu đồ 3.1: Diễn biến tăng số phạm nhân các năm 2005-2014.....	72
Biểu đồ 3.2: Diễn biến giảm số phạm nhân các năm 2005-2014 .....	73
Biểu đồ 3.3: Cơ cấu giới tính của phạm nhân .....	73
Biểu đồ 3.4: Cơ cấu lứa tuổi của phạm nhân .....	74
Biểu đồ 3.5: Cơ cấu thành phần dân tộc của phạm nhân .....	75
Biểu đồ 3.6: Cơ cấu nghề nghiệp trước khi phạm tội .....	76
Biểu đồ 3.7: Cơ cấu trình độ văn hóa của phạm nhân .....	77
Biểu đồ 3.8: Cơ cấu đào tạo nghề - chuyên môn .....	78
Biểu đồ 3.9: Cơ cấu theo hành vi phạm tội.....	79
Biểu đồ 3.10: Cơ cấu theo mức án phạm nhân đang chấp hành.....	80
Bảng 3.1: Số lớp và số lượng phạm nhân được giáo dục pháp luật.....	91

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) Việt Nam đã và đang là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới nhằm “nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương” [29, tr.247]. Một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền là pháp luật phải luôn luôn được tôn trọng và được đặt ở vị trí thượng tôn; bất kỳ ai, dù ở cương vị nào cũng đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với Nhà nước ta không chỉ là xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống pháp luật, mà điều quan trọng hơn là phải đưa pháp luật vào thực thi trong đời sống xã hội; biến các quy phạm pháp luật thành nhân tố thường trực trong nhận thức và trở thành phương tiện điều tiết, điều chỉnh hành vi pháp luật của mỗi công dân. Con đường ngắn nhất, nhanh nhất, hiệu quả nhất để đưa pháp luật vào đời sống xã hội chính là đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (GDPL) cho đội ngũ cán bộ, công chức (CBCC) nhà nước, các tầng lớp nhân dân nói chung, cho từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể nói riêng; hướng tới cung cấp, trang bị cho họ những kiến thức, hiểu biết về pháp luật.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của GDPL cho CBCC và các tầng lớp nhân dân nên Đảng, Nhà nước ta rất coi trọng công tác này. Trong Văn kiện Đại hội VI Đảng ta đã nhấn mạnh: “Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*... Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân” [22, tr.121]. Nhà nước ta cũng đã từng bước xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phổ biến, GDPL cho các tầng lớp nhân dân; trong đó có *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*...

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phổ biến, GDPL đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật; góp phần thực hiện nếp sống và làm việc theo pháp luật trong CBCC, nhân dân... Tuy nhiên, thực tế cho thấy, có lúc, có nơi, công tác này còn thiếu trọng tâm, trọng điểm, làm theo kiểu đối phó, thiếu tính thường xuyên nên

hiệu quả không cao; nhận thức, ý thức pháp luật của một bộ phận CBCC, người dân chậm được cải thiện, chưa được nâng lên tương xứng với những thay đổi trong hệ thống pháp luật thời kỳ đổi mới. Thực tiễn công tác phòng, chống tội phạm ở nước ta trong những năm qua cho thấy, *do những hạn chế về trình độ học vấn, thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật nói chung, hiểu biết pháp luật hình sự nói riêng* nên không ít người đã thực hiện hành vi phạm tội, bị tòa tuyên án, trở thành phạm nhân (PN).

PN là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân. Trong nhiều trường hợp, một người trở thành PN là do thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự; bởi vậy, trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam (TG), theo quy định tại Điều 28 Luật Thi hành án hình sự, *PN phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề. PN được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của Nhà nước.* Mục đích của hình phạt mà PN bị buộc phải chấp hành tại TG “không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới” [61, Đ 27]. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 cũng đã dành Điều 21 để quy định về phổ biến, GDPL cho người đang chấp hành hình phạt tù... Điều đó nói lên rằng, GDPL cho PN trong các TG là hoạt động có vai trò hết sức quan trọng nhằm trang bị cho họ kiến thức pháp luật, chuẩn bị hành trang để họ trở thành người có ích cho xã hội, không phạm tội mới sau khi trở về tái hòa nhập cộng đồng.

Là những cơ quan thi hành án hình sự trực thuộc Bộ Công an, các TG ở nước ta trong những năm qua luôn phấn đấu hoàn thành tốt công tác tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo PN, trong đó có GDPL cho PN. Công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng, giúp PN nhận thức được tính chất, hậu quả nguy hại cho xã hội mà hành vi phạm tội của họ gây ra, làm hình thành, củng cố ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của PN. Bên cạnh đó, công tác GDPL cho PN trong các TG ở nước ta trong những năm qua cũng còn bộc lộ những hạn chế, nhược điểm nhất định, như vẫn còn PN bỏ trốn khỏi TG; còn có PN vi phạm nội quy, quy chế TG, vẫn có PN phạm tội mới sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù... Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó là *do công tác GDPL cho PN trong các TG chưa đạt mục tiêu, hiệu quả như mong*



*muốn*; ngoài ra còn do ảnh hưởng của những nét đặc thù về điều kiện địa lý - tự nhiên, thành phần dân tộc, văn hóa, lối sống, phong tục tập quán... của các vùng, miền khác nhau ở Việt Nam. Thực tế trên đây đã và đang đặt ra yêu cầu khách quan phải đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học cả về lý luận và thực tiễn vấn đề GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay.

Xuất phát từ tình hình trên, tác giả nhận thấy, việc nghiên cứu lý luận về GDPL cho PN, khảo sát, đánh giá thực trạng, nguyên nhân, chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng tới công tác này để trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay là *một vấn đề có tầm quan trọng và mang tính cấp thiết cả trên phương diện lý luận và thực tiễn*. Đó cũng là lý do tác giả chọn vấn đề **“Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam”** làm đề tài luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

**2.1. Mục đích nghiên cứu:** Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, khảo sát tình hình PN, điều tra xã hội học (ĐTXHH) về thực trạng GDPL cho PN tại các TG ở Việt Nam trong những năm qua (đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, bất cập, tìm hiểu nguyên nhân của nó), luận án đề xuất quan điểm và các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trong điều kiện cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, góp phần bảo đảm quyền con người; tạo điều kiện tốt cho PN tái hòa nhập cộng đồng sau này.

**2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:** Để đạt được mục đích đặt ra, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trên các phương diện: làm rõ khái niệm, các yếu tố cấu thành GDPL cho PN; chỉ ra vai trò, những nét đặc thù và các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam; tìm hiểu GDPL cho PN trong các TG ở một số nước trên thế giới và rút ra những bài học kinh nghiệm, giá trị tham khảo cho Việt Nam trong lĩnh vực này.

- Phân tích đặc điểm tình hình PN trong các TG; khảo sát, đánh giá thực trạng GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến

thực trạng đó; nhận diện những vấn đề cấp thiết đang đặt ra đối với công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam.

- Đề xuất quan điểm và phân tích, luận giải tính khả thi của các nhóm giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, góp phần bảo đảm quyền con người; tạo điều kiện tốt nhất cho PN tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

**3.1. Đối tượng nghiên cứu:** Luận án nghiên cứu về GDPL cho PN tại các TG ở Việt Nam dưới góc độ Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật.

**3.2. Phạm vi nghiên cứu:** Phạm vi nghiên cứu của luận án chỉ giới hạn ở việc phân tích lý luận, đánh giá thực tiễn GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho đối tượng này.

Phạm vi nghiên cứu của luận án cũng được giới hạn theo không gian và thời gian. *Theo không gian*, luận án chỉ khảo sát, đánh giá về GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam *thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an*, không khảo sát các TG thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. *Theo thời gian*, sự khảo sát, đánh giá giới hạn trong thời gian *từ năm 2005 - 2014 (10 năm)*.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

**4.1. Cơ sở lý luận:** Cơ sở lý luận của luận án là những nguyên lý của Triết học Mác - Lênin về lý luận nhận thức; tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và GDPL; các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về GDPL cho các đối tượng xã hội; chính sách, pháp luật của Nhà nước về GDPL nói chung, GDPL cho PN trong các TG nói riêng. Ngoài ra, những quan điểm lý luận, kết quả nghiên cứu thực tiễn về GDPL của các nhà khoa học, tác giả đi trước cũng là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng của luận án.

**4.2. Phương pháp nghiên cứu:** Trong quá trình viết luận án, tác giả sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic, phương pháp so sánh - thống kê, khái quát hóa, hệ thống hóa, phương pháp điều tra xã hội học (phát - thu phiếu thu thập ý kiến). Các phương pháp nghiên cứu nói trên được sử dụng trong các chương của luận án như sau:

- Để nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, luận án đã sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic để chỉ ra được những vấn đề lý luận, thực tiễn đã được nghiên cứu ở trong

nước và ở nước ngoài có liên quan đến nội dung luận án; đồng thời xác định rõ những vấn đề mà luận án cần triển khai tiếp tục nghiên cứu.

- Chương 2 của luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic, phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa và so sánh để nghiên cứu và làm sáng tỏ cơ sở lý luận của luận án, nghiên cứu vấn đề GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam và tại một số nước trên thế giới, từ đó chỉ ra những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo.

- Chương 3 của luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học kết hợp với phương pháp so sánh - thống kê, phân tích và tổng hợp, lịch sử và lôgic để phân tích, đánh giá tình hình PN trong các TG ở Việt Nam; đồng thời, đánh giá, phân tích những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2014.

- Chương 4 của luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic để phân tích, luận chứng và làm sáng tỏ các quan điểm và giải pháp đảm bảo nâng cao hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay.

## **5. Đóng góp khoa học mới của luận án**

- Luận án đưa ra được khái niệm riêng về GDPL cho PN trong các TG; chỉ ra vai trò, đặc trưng của GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam; đồng thời, xác định được các yếu tố cấu thành GDPL cho PN trong các TG, gồm mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL. Luận án cũng chỉ ra và phân tích được các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam.

- Trên cơ sở khảo sát về GDPL cho PN ở một số nước trên thế giới, luận án đã rút ra được những bài học kinh nghiệm, có giá trị tham khảo cho Việt Nam, như: lao động phải được xem là hình thức giáo dục PN; xã hội hóa GDPL, đa dạng hóa hình thức GDPL cho PN; nâng cao chất lượng chủ thể trực tiếp GDPL cho PN; mở rộng hợp tác quốc tế về GDPL cho PN trong TG.

- Trên cơ sở phân tích kết quả ĐTXHH, luận án đã chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế về chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam và nguyên nhân; xác định được các vấn đề cấp thiết đặt ra trong GDPL cho PN tại các TG ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án đề xuất được những quan điểm và các nhóm giải pháp toàn diện, khoa học, khả thi bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

**6.1. Ý nghĩa lý luận:** Luận án là công trình chuyên khảo đầu tiên khảo sát, phân tích một cách hệ thống và tương đối toàn diện về GDPL cho PN trong các TG, phân tích và làm rõ được khái niệm, các yếu tố cấu thành GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam; qua đó, luận án cung cấp, bổ sung thêm các căn cứ lý luận và thực tiễn, góp phần làm phong phú và hoàn thiện thêm lý luận về GDPL cho nhóm đối tượng xã hội đặc biệt - PN trong các TG.

**6.2. Ý nghĩa thực tiễn:** Với những kết quả nghiên cứu đạt được, luận án có thể được sử dụng làm *tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập, nghiên cứu* của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh chuyên ngành Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật ở phạm vi những nội dung có liên quan. Với sự đồng ý của lãnh đạo Tổng cục VIII, Bộ Công an (nơi tác giả đang công tác) về hướng đề tài nghiên cứu, kết quả nghiên cứu của luận án được các cơ quan quản lý thi hành án hình sự và các TG thuộc Bộ Công an sử dụng làm *luận cứ khoa học, tài liệu tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực hiện* hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu gồm 4 chương, 12 tiết.

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN NGHIÊN CỨU

### 1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

Giáo dục pháp luật là một trong những nội dung quan trọng của khoa học Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, thể hiện ở những đề tài khoa học, cuốn sách chuyên khảo, bài báo khoa học đã được công bố; đồng thời, là đề tài nghiên cứu của nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ luật học. Căn cứ vào nội dung của các công trình, bài viết liên quan đến vấn đề GDPL đã được công bố cũng như tên đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*”, có thể phân loại các tài liệu đó thành các nhóm vấn đề sau: 1) Những vấn đề lý luận chung về GDPL; 2) GDPL gắn với một đối tượng cụ thể ở một khu vực, địa bàn nhất định; 3) GDPL cho PN trong các TG. Ở mỗi nhóm vấn đề tác giả luận án sẽ đi qua một số công trình theo trình tự thời gian công bố, chỉ ra nội dung chính của công trình đó trong sự liên hệ tham khảo với đề tài luận án.

#### 1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu lý luận chung về giáo dục pháp luật

Những công trình nghiên cứu, đề tài khoa học, bài báo liên quan đến các vấn đề lý luận chung về GDPL có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì chúng *tạo cơ sở lý luận* cho việc nghiên cứu về GDPL cho các đối tượng xã hội cụ thể. Nhìn trên phương diện này, có thể kể ra một số công trình sau:

- Đề tài *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, của Viện Nhà nước và Pháp luật [95]. Xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật là chủ đề xuyên suốt của đề tài khoa học này. Tập thể tác giả đã tập trung luận chứng tính cấp thiết của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật ở nước ta trong thời kỳ đổi mới. Để làm được điều đó thì nhất thiết phải dựa trên những cơ sở khoa học nhất định, gồm cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. GDPL được các tác giả coi là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để có thể xây dựng, nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ CBCC và nhân dân, lấy đó làm nền tảng để xây dựng lối sống theo pháp luật trong xã hội ta hiện nay.

- *Bàn về giáo dục pháp luật*, của Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai [35]. Đây là cuốn sách chuyên khảo đề cập các vấn đề liên quan đến GDPL trên phương diện lý luận: khái niệm GDPL, các khái niệm có liên quan đến GDPL, như chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL... Từ những vấn đề lý luận cơ bản, các tác giả bàn luận một số giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL ở nước ta. Cuốn sách này tuy không trực tiếp bàn luận về GDPL cho đối tượng đặc thù là PN, nhưng có giá trị tham khảo đối với tác giả trong quá trình viết luận án khi phân tích, bàn luận về các khái niệm có liên quan đến hoạt động GDPL.

- *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, của Trường Đại học Luật Hà Nội [89]. Trong cuốn giáo trình này, các tác giả có dành một tiết thuộc *Chương XVIII- Ý thức pháp luật* để viết về vấn đề bồi dưỡng và giáo dục nâng cao ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa [89, tr.418-422]; theo đó, *GDPL là sự tác động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật*. Các tác giả cho rằng, mục tiêu cụ thể của GDPL thể hiện ở ba điểm cơ bản: *Thứ nhất*, GDPL nhằm hình thành, làm sâu sắc và mở rộng hệ thống tri thức pháp luật của công dân (mục tiêu nhận thức); *Thứ hai*, GDPL nhằm hình thành tình cảm và lòng tin đối với pháp luật (mục đích cảm xúc); *Thứ ba*, GDPL nhằm làm hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự hợp pháp, tích cực (mục đích hành vi). Trên cơ sở đó, các tác giả nêu lên một số biện pháp giáo dục để nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân, như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích pháp luật; kết hợp GDPL với giáo dục đạo đức, văn hóa...

- *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật (Tái bản lần thứ 3 có sửa đổi)*, của Trường Đại học Luật Hà Nội [91]. Trong cuốn giáo trình mới nhất này, các tác giả dành tiết V (*Chương XVIII- Ý thức pháp luật*) để viết về giáo dục pháp luật [91, tr.177-180]. Vấn đề cập và sử dụng lại khái niệm GDPL như cuốn giáo trình năm 2004 kể trên, các tác giả cho rằng, mục đích của GDPL được xem xét trên nhiều góc độ tùy thuộc vào đối tượng, cấp độ giáo dục cũng như hình thức giáo dục, có thể mang tính lâu dài hoặc trước mắt, nhưng đều hướng tới ba vấn đề cơ bản: *Một là*, GDPL nhằm nâng cao khả năng nhận thức pháp lý, sự hiểu biết pháp luật, hình thành tri thức pháp luật cần thiết cho các chủ thể. *Hai là*, GDPL nhằm khơi dậy tình

cảm, lòng tin và thái độ đúng đắn đối với pháp luật. *Ba là*, GDPL nhằm hình thành thói quen xử sự theo pháp luật với động cơ tích cực. Theo các tác giả, để hoạt động GDPL được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả cần xác định nội dung cơ bản, phù hợp với đối tượng giáo dục, loại hình và cấp độ giáo dục.

- *Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam*, của Nguyễn Đình Lộc [51]. Trong luận án, tác giả tập trung phân tích những vấn đề lý luận về ý thức pháp luật, như khái niệm, đặc điểm và cấu trúc của ý thức pháp luật; tính cấp thiết của việc nghiên cứu ý thức pháp luật phục vụ công cuộc đổi mới đất nước. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá tình hình thực hiện giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam, chỉ ra những điểm tích cực, hạn chế trong công tác giáo dục ý thức pháp luật ở nước ta thời kỳ trước đổi mới; từ đó, đề xuất những giải pháp thiết thực cho công tác giáo dục ý thức pháp luật tại Việt Nam. Đây được coi là công trình đặt nền móng cho việc nghiên cứu lý luận về GDPL, có giá trị tham khảo cho những nhà nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực.

- *Giáo dục pháp luật hay giáo dục ý thức pháp luật?*, của Ngô Văn Nhân [57]. Trong bài báo khoa học này, theo tác giả, trên diễn đàn khoa học pháp lý, khoa học hành chính từ trước đến nay thường tồn tại song song hai khái niệm: “*giáo dục pháp luật*” và “*giáo dục ý thức pháp luật*”. Hai khái niệm này có khi được dùng tách rời nhau như hai khái niệm riêng biệt, có khi lại được sử dụng đi liền nhau theo kiểu “*giáo dục pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật*”; đồng thời, có sự nhầm lẫn, hoán đổi hoặc đồng nhất nội hàm của hai khái niệm này. Từ sự so sánh, đối chiếu về mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL và giáo dục ý thức pháp luật, tác giả đi đến kết luận rằng, trong khoa học pháp lý cần thống nhất sử dụng khái niệm “*giáo dục pháp luật*” làm khái niệm chuẩn; hết sức hạn chế nếu không nói là không nên sử dụng khái niệm “*giáo dục ý thức pháp luật*”. Còn khi muốn nhấn mạnh ý thức pháp luật thì có thể nói “*giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật*” cho một đối tượng hoặc nhóm đối tượng cụ thể.

Ngoài ra, có thể kể thêm một số công trình nghiên cứu liên quan đến GDPL nói chung, như: *Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi* của Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý [94]; *Một số vấn đề về giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, của Vụ Phổ biến Pháp luật - Bộ Tư pháp [96]; *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, của Nguyễn Duy Lâm [49]; *Công tác tuyên*

*truyền, giáo dục pháp luật ở nước ta - thực trạng và giải pháp*, của Hồ Quốc Dũng [19]; *Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình mới*, của Hồ Việt Tiệp [77]; *Hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật ở Việt Nam nhằm thi hành Hiến chương ASEAN*, của Trần Ngọc Dũng [20];... Trong các công trình nghiên cứu kể trên, các tác giả đã phác họa rõ nét một bức tranh về GDPL, xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật của con người Việt Nam. Bên cạnh đó, các đề tài, công trình trên cũng đã khái quát về mặt lý luận các vấn đề chung về GDPL, như mục đích, mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL nhằm cung cấp những kiến thức, hiểu biết pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật cho các tầng lớp xã hội.

### **1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật gắn với một đối tượng cụ thể và ở một khu vực, địa bàn nhất định**

Trên nền tảng những công trình nghiên cứu lý luận về GDPL, chủ đề GDPL cho từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể và tại từng khu vực, địa bàn nhất định ở nước ta cũng đã được triển khai nghiên cứu tương đối đa dạng, phong phú bởi nhiều tác giả, nhà khoa học khác nhau. Những cuốn sách, công trình nghiên cứu, bài báo khoa học tiêu biểu có thể kể ra đây gồm:

- *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường Chính trị ở nước ta hiện nay*, của Khoa Nhà nước và Pháp luật (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [44]. Nội dung của đề tài khoa học này đề cập, phân tích cơ sở lý luận về GDPL, về vai trò, nhiệm vụ của các trường Chính trị tỉnh trong GDPL cho đội ngũ CBCC các địa phương, đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế của công tác GDPL trong hệ thống trường Chính trị; từ đó, các tác giả đề xuất những giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng GDPL trong hệ thống các trường Chính trị tỉnh ở nước ta.

- *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, của Nguyễn Quốc Sửu [69]. Trong cuốn sách này, tác giả tập trung phân tích khá toàn diện, hệ thống về GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN cả về phương diện lý luận và thực tiễn; làm rõ các khái niệm cơ bản; đưa ra các tiêu chí để xác định, phân loại chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính; chỉ ra những nét đặc thù về chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho đội ngũ CBCC hành



chính; làm sáng tỏ những yêu cầu khách quan của việc nâng cao chất lượng GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính, từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- *Xã hội học pháp luật (tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa, bổ sung)*, của Ngô Văn Nhân [58]. Trong cuốn sách này, tại chương VIII- *Những khía cạnh xã hội của hoạt động áp dụng pháp luật*, khi bàn về các biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật ở nước ta hiện nay, tác giả có nêu và phân tích biện pháp “*Tăng cường GDPL, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ CBCC nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật*”. Từ việc đưa ra khái niệm GDPL cho đội ngũ CBCC nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật, tác giả đi sâu phân tích mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho đội ngũ CBCC nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật [58, tr.380-387].

- *Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay*, của Lê Đình Khiên [43]. Từ sự phân tích lý luận về ý thức pháp luật (khái niệm, đặc trưng, chủ thể ý thức pháp luật...); về đội ngũ cán bộ quản lý hành chính (khái niệm, phân loại cán bộ quản lý hành chính, chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính...), tác giả khẳng định rằng, ý thức pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, quản lý hành chính; bởi vậy, nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ này là yêu cầu cấp thiết ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả luận án này đề xuất, luận giải một số giải pháp nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay mà một trong số đó là phải tiếp tục đẩy mạnh công tác GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý hành chính.

- *Giáo dục ý thức pháp luật cho cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay*, của Trần Công Lý [52]. Trong luận án này, tác giả tập trung luận bàn về vấn đề giáo dục ý thức pháp luật chứ không phải GDPL. Mặc dù cũng bàn đến các vấn đề về chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục ý thức pháp luật gắn với đối tượng CBCC ở Việt Nam hiện nay; song về thực chất, các vấn đề lý luận đó đều dựa trên nền tảng các vấn đề lý luận về GDPL.

- *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, của Trần Thị Sáu [66]. Luận án này tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận

và thực tiễn về công tác GDPL cho học sinh trong các trường trung học phổ thông ở Việt Nam theo hình thức giáo dục cơ bản từ năm 2000 đến nay; qua đó, đề xuất những quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho học sinh trong các trường trung học phổ thông ở Việt Nam trong thời gian tới.

- *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*, của Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông [68]. Luận án đã nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào; phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

Vấn đề GDPL gắn với một đối tượng xã hội cụ thể và ở một khu vực, địa bàn nhất định cũng là đề tài nghiên cứu của nhiều luận văn thạc sĩ luật học. Có thể điểm qua một số luận văn được bảo vệ trong thời gian gần đây:

- *Hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật đối với đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tiến trình hội nhập phát triển của đất nước*, của Bùi Thị Diễm Trang [86]. Trong luận văn này, tác giả đã tập trung làm sáng tỏ về mặt lý luận các khái niệm về phổ biến, GDPL và hoạt động phổ biến, GDPL; phân tích, đánh giá đặc điểm và thực trạng hoạt động phổ biến, GDPL cho đoàn viên thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội; đề xuất những giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến, GDPL cho đoàn viên thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội, góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng nói chung đối với thế hệ trẻ trước những yêu cầu phát triển mới của đất nước.

- *Giáo dục pháp luật cho đồng bào công giáo ở tỉnh Đồng Nai hiện nay*, của Nguyễn Thanh Tùng [92]. Tác giả luận văn tập trung phân tích một số vấn đề lý luận về GDPL cho đồng bào công giáo ở tỉnh Đồng Nai, đánh giá thực trạng công tác GDPL cho đồng bào công giáo ở tỉnh Đồng Nai và nguyên nhân của thực trạng đó; trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường công tác GDPL cho đồng bào công giáo ở tỉnh Đồng Nai hiện nay.

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội*, của Trần Đức Toàn [79]. Luận văn này có kết cấu gồm 03 chương: Chương 1 được tác giả dành để trình bày cơ sở lý luận về phổ biến, GDPL về phòng, chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên.

Chương 2 tập trung đánh giá thực trạng phổ biến, GDPL về phòng, chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong chương 3, trên cơ sở trình bày yêu cầu của công tác phổ biến, GDPL về phòng, chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên, xác định phương hướng đổi mới công tác này, tác giả đề xuất và luận giải 3 nhóm giải pháp đổi mới công tác phổ biến, GDPL về phòng, chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên ở thành phố Hà Nội.

- *Vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên đô thị*, của Mai Ngọc Bích [5]. Từ sự trình bày, phân tích trình bày cơ sở lý luận về vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục ý thức pháp luật đối với thanh niên đô thị, đánh giá thực trạng vai trò của tổ chức Đoàn trong giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên đô thị, tác giả đề xuất các quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của tổ chức Đoàn trong việc giáo dục ý thức pháp luật đối với thanh niên đô thị hiện nay, gồm: nhóm giải pháp về chủ thể giáo dục ý thức pháp luật; nhóm giải pháp về nội dung và hình thức giáo dục ý thức pháp luật và nhóm giải pháp về đối tượng giáo dục ý thức pháp luật.

Ngoài ra, có thể kể thêm một số công trình luận văn thạc sĩ luật học, như: *Đổi mới giáo dục pháp luật hệ đào tạo trung học chính trị ở nước ta hiện nay*, của Nguyễn Ngọc Hoàng [38]; *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bình Định - thực trạng và giải pháp*, của Trần Văn Trầm [85]... Các luận văn khoa học kể trên ở những mức độ khác nhau đã tập trung khảo sát, nghiên cứu các đặc điểm về mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho các đối tượng cụ thể; đánh giá thực trạng, chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, nhược điểm của công tác GDPL cho các đối tượng; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho mỗi nhóm đối tượng; từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho các đối tượng.

### **1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu gần với chủ đề giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam**

Trên diễn đàn khoa học pháp lý hiện nay, GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam là vấn đề còn ít được quan tâm cả trên phương diện nghiên cứu lý luận và đánh giá thực tiễn. Theo sự cập nhật thông tin của tác giả luận án, có thể liệt kê một số công trình, bài viết có liên quan ít nhiều đến chủ đề này:

- *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp (bằng thực tiễn của tòa án và luật sư)*, của Dương Thanh Mai [55]. Trong luận án, từ sự luận bàn những vấn đề lý luận về GDPL, như khái niệm, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức GDPL..., tác giả đi sâu vào một hình thức GDPL đặc thù - GDPL thông qua hoạt động tư pháp, dựa trên thực tiễn hoạt động tranh tụng tại phiên tòa với sự tham gia của Kiểm sát viên giữ quyền công tố, Thẩm phán và Luật sư. Tác giả cho rằng, bản thân quá trình hoạt động tư pháp đã mang tính chất GDPL rồi. Vấn đề đặt ra là cần phải có những giải pháp cụ thể để phát huy hiệu quả của công tác GDPL thông qua hoạt động tư pháp bằng thực tiễn của tòa án và luật sư. Điều đó cũng có nghĩa là, ngay tại phiên tòa hình sự, hoạt động tranh tụng, thẩm vấn công khai, xét xử công khai bị cáo tại phiên tòa đã có tác dụng GDPL đối với bị cáo, giúp bị cáo ít nhiều nhận ra tội lỗi của mình; nhờ đó, trong quá trình chấp hành án phạt tù tại TG, việc GDPL cho PN sẽ thuận lợi hơn.

- *Hoạt động tái hòa nhập cộng đồng tại trại giam trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ*, của Nguyễn Văn Hùng [41]. Mục tiêu của luận văn này là trên cơ sở hệ thống hóa lý luận về tái hòa nhập cộng đồng trong thi hành án hình sự, đánh giá thực trạng việc tổ chức tái hòa nhập cộng đồng tại TG trong tình hình hiện nay và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này tại TG. Tác giả luận văn có dành vài trang để nói về thực trạng hoạt động giáo dục ý thức pháp luật và ý thức xã hội cho phạm nhân tại các TG ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, chủ yếu là vấn đề học văn hóa, học pháp luật và giáo dục công dân. Dù sao, luận văn này cũng mang lại cho tác giả luận án vài nét chấm phá về tình hình PN và công tác chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho PN tại các TG ở khu vực miền Đông Nam Bộ.

- *Giáo dục pháp luật trong hoạt động thu thập chứng cứ tại tòa án*, của Nguyễn Thị Tĩnh [78]. Trong bài viết này, tác giả khẳng định rằng, hoạt động thu thập chứng cứ tại tòa án hàm chứa nhiều khía cạnh của chức năng GDPL cho đông đảo quần chúng nhân dân. Chẳng hạn, việc lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, trung cầu giám định... là những hoạt động chuyên môn nghiệp vụ nhằm bổ sung các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết một vụ kiện. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ GDPL, đây là một trong những hoạt động truyền thụ kiến thức pháp lý. Tuy bài viết chỉ nhìn vấn đề GDPL từ góc độ dân sự và không đề cập đến vấn đề GDPL cho PN, song cách triển khai vấn đề nghiên cứu là điều mà tác giả luận án có thể học hỏi được từ bài viết này.

- *Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án - qua thực tiễn tỉnh Thanh Hoá*, của Lê Tiến Thịnh [71]. Nội dung của luận văn này tập trung vào việc phân tích cơ sở lý luận về GDPL thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án, làm rõ khái niệm, đặc trưng, vai trò của GDPL thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án; phân tích đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa có ảnh hưởng đến công tác GDPL của Tòa án; đánh giá thực trạng GDPL thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, rút ra những bài học kinh nghiệm; trên cơ sở đó, tác giả nêu lên các quan điểm và phân tích các giải pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả GDPL thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án.

Điểm đáng chú ý trong luận văn này là, khi bàn về vai trò của GDPL thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án đối với bị cáo, tác giả khẳng định rằng, GDPL thông qua hoạt động xét xử hình sự *có vai trò giúp chuẩn bị tâm lý, tư tưởng, kiến thức pháp luật để bị cáo yên tâm học tập, cải tạo trong quá trình chấp hành án phạt tù tại TG*. Khi đã giúp bị cáo có niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật thì họ sẽ tự biết ăn năn, hối cải, tự nhận thức được tội lỗi của mình, hối hận vì đã thực hiện hành vi phạm tội. Đó cũng là sự chuẩn bị cần thiết về tâm lý, tư tưởng, hành trang kiến thức pháp luật để bị cáo biết tự uốn nắn, chỉnh sửa những suy nghĩ, tư tưởng lệch lạc, tự xác định được động cơ, mục tiêu phấn đấu trong thời gian chấp hành án phạt tù trong TG (nếu bị kết án phạt tù) mà không cần tới sự tác động cưỡng bức hay tâm lý từ phía cán bộ trại giam sau này [71, tr.25-26].

- Liên quan trực tiếp đến vấn đề GDPL cho PN trong các TG, cho đến nay mới chỉ có công trình luận văn thạc sĩ luật học “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*” của tác giả luận án này. Trong luận văn này, tác giả đã phân tích, làm rõ được khái niệm, mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho PN trong các TG; chỉ ra được vai trò của GDPL cho PN trong các TG ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam; các yếu tố ảnh hưởng đến công tác này. Từ cơ sở lý luận, tác giả đã khảo sát, đánh giá đặc điểm, tình hình PN, thực trạng GDPL cho PN trong các TG ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta, nguyên nhân và các vấn đề đang đặt ra trong GDPL cho PN ở khu vực này. Từ nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng, tác giả đã đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN trong các TG ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Tuy nhiên, trong luận văn, phạm vi khảo sát, đánh giá về GDPL cho PN trong các TG mới chỉ dừng lại ở các TG thuộc *các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, mà chưa có điều kiện mở rộng sự khảo sát thực tiễn tại nhiều trại giam khác trên phạm vi toàn quốc (chưa phát - thu phiếu ĐTXHH cho đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật (CBGDPL) cho PN và cho chính những PN trong các TG); còn nhiều vấn đề lý luận về GDPL cho PN chưa được đào sâu nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, thấu đáo; chưa tìm hiểu GDPL cho PN tại các nước trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam...

Chính vì vậy, đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*” mà tác giả đang triển khai thực hiện là sự tiếp tục mở rộng, phát triển hướng nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ trước đây ở tầm luận án tiến sĩ luật học và triển khai nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc.

## 1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

### 1.2.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục và giáo dục pháp luật

Giáo dục nói chung, GDPL nói riêng là một chủ đề lớn, quan trọng, thu hút sự quan tâm của nhiều học giả thuộc các quốc gia khác nhau trên thế giới.

- *Triết lý giáo dục hiện đại*, của Lương Vị Hùng, Khổng Khang Hoa (chủ biên) [40]. Đây là cuốn sách chuyên khảo của các nhà nghiên cứu Trung Quốc bàn về triết lý giáo dục hiện đại. Nội dung cuốn sách gồm 07 chương, tập trung bàn về *bản chất của giáo dục, về chức năng của giáo dục, về mục đích của giáo dục, về yếu tố giáo dục, về cơ cấu giáo dục, về cơ chế giáo dục và về phương pháp giáo dục*. Nội dung cuốn sách chứa đựng nhiều triết lý sâu sắc về giáo dục hiện đại. Tuy không bàn về GDPL hay GDPL cho PN trong các TG, song nội dung cuốn sách gợi mở nhiều vấn đề về quan niệm giáo dục, về các yếu tố cấu thành giáo dục (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục)... mà tác giả có thể *suy ngẫm và tham khảo trong quá trình viết luận án, luận bàn các vấn đề lý luận chung về giáo dục và GDPL*.

- *Lý luận và thực tế giáo dục hiện đại*, của Quách Vi Phiên [60]. Theo tác giả cuốn sách, công tác giáo dục, đào tạo con người hiện đại đòi hỏi phải có quy phạm - một thứ thước đo, chuẩn mực. “Không có thước đo thì không thành vuông, tròn”. Thước của giáo dục thể hiện trong hoạt động hình thành quy phạm hành vi của người được giáo dục. Bàn sâu về mục đích của giáo dục, tác giả cho rằng, trong xã hội hôm nay, mục đích của giáo dục không thể không tính đến lợi ích, công dụng

của mình, tức là làm thế nào để dạy cho thế hệ trẻ nắm được con đường mưu sinh tốt hơn. Công dân thế hệ tương lai sẽ sống trong cuộc sống xã hội đầy áp lực tri thức, họ ở trong sự cạnh tranh gay gắt cả ở trong và ngoài nước.”Giáo dục, ngoài các chức năng khác ra, còn phải làm cho con người thích ứng một cách có phê phán với thời đại mà họ đang sống” [60, tr.69-70]. Hoạt động giáo dục nảy sinh từ hoạt động của xã hội loài người, phát triển cùng sự tiến bộ của loài người, quán xuyên suốt cuộc đời của người được giáo dục. Tính linh hoạt, đa dạng của hoạt động giáo dục hiện đại thể hiện ở các mặt thể chế giáo dục, đối tượng giáo dục, nội dung và phương thức giáo dục càng đòi hỏi việc “thiết kế, dẫn dắt, phê phán và so sánh để tăng thêm hiệu quả của hoạt động giáo dục” [60, tr.70-71].

Cuốn sách có giá trị tham khảo đối với tác giả luận án ở chừng mực *những vấn đề liên quan đến các thành tố của hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam*.

- Ngoài ra, liên quan đến triết lý về giáo dục còn có các công trình khác, như: *Mục đích giáo dục*, của Cù Bảo Khôi [45]; *Giáo trình tu dưỡng nhân tài*, của Lưu Đức Đạo, Thạc Tinh Thẩm [32]; *Lý luận mới của giáo dục học*, của Điền Bồi Lâm (chủ biên) [50]; *Nguyên lý giáo dục*, của Cù Lập Hạc, Trịnh Thế Hưng (chủ biên) [36];... Nội dung những cuốn sách trên đều tập trung bàn luận về các khía cạnh liên quan đến lý thuyết giáo dục học hiện đại, phân tích sâu các yếu tố cơ bản cấu thành nền giáo dục hiện đại.

- *Lý luận nhà nước và pháp luật (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)*, của N. I. Matuzova, A. V. Maluko (chủ biên) [99]. Trong số 34 chuyên đề của cuốn sách bàn sâu về các vấn đề lý luận nhà nước và pháp luật, cuốn sách dành chuyên đề số 28 (từ tr.611 đến tr.625) để luận bàn, phân tích về vấn đề ý thức pháp luật và GDPL. Theo các tác giả, GDPL là hoạt động có chủ đích của nhà nước, các tổ chức xã hội và mỗi công dân nhằm truyền đạt các kinh nghiệm pháp luật; sự tác động có hệ thống lên ý thức và hành vi của con người nhằm làm hình thành quan niệm, định hướng giá trị, cách nhìn nhận tích cực, bảo đảm cho việc thực hiện và sử dụng pháp luật. GDPL hướng tới trang bị cho mọi người những hiểu biết về nhà nước và pháp luật, về các đạo luật, về các quyền tự do, dân chủ của mỗi cá nhân, định hướng cho công dân thực hiện những hành vi pháp luật hợp pháp. Các thành tố của GDPL bao gồm chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật

(tr.623 - 625). Những vấn đề cơ bản về GDPL được nêu trong cuốn sách này *có giá trị tham khảo*, giúp tác giả luận án luận chứng, phân tích về khái niệm GDPL, về các thành tố của GDPL.

### **1.2.2. Các công trình nghiên cứu về chủ đề lao động, giáo dục dạy nghề cho phạm nhân trong các trại giam, nhà tù**

Qua khảo cứu nguồn tư liệu mà tác giả luận án có được cùng với việc trao đổi trực tiếp tại các hội nghị, hội thảo khoa học với các nhà lãnh đạo, quản lý hệ thống TG, nhà tù của một số nước trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, có thể khẳng định rằng, các nước khác nhau trên thế giới ít dành sự quan tâm đối với GDPL cho PN trong các TG, nhà tù, hầu như không có các hoạt động dành riêng cho lĩnh vực này; mà nếu có thì chủ yếu là lồng ghép vào các hoạt động lao động, giáo dục, dạy nghề cho PN. Đó cũng là lý do chủ đề lao động, giáo dục, dạy nghề cho PN trong TG, nhà tù là một chủ đề được nhiều cuốn sách, công trình khoa học, hội nghị, luận án... đề cập đến. Có thể dẫn ra đây một số công trình tiêu biểu:

- *Thị trường lao động và các hình phạt - suy nghĩ từ góc độ xã hội học về tư pháp hình sự*, của Georg Rusche và Gerda Dinwiddie [98]. Trong cuốn sách, từ cách tiếp cận xã hội học và dưới góc nhìn tư pháp hình sự, các tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá tình hình thị trường lao động gắn liền với việc khai thác, cho thuê sức lao động của các tù nhân ở Hoa Kỳ. Hệ thống thi hành án phạt tù của Hoa Kỳ được xây dựng theo nguyên lý “Cải huấn - Tổ hợp công nghiệp” (The Correctional - Industrial Complex). Trong quá trình tù nhân chấp hành án phạt tù, có rất nhiều chương trình được thực hiện dành cho họ, như cải huấn, điều trị tâm lý, giáo dục, dạy nghề... Hiện Hoa Kỳ là nước có số PN lớn nhất thế giới nên các nhà tù tại quốc gia này đều ở trong tình trạng quá tải, như nhà tù ở bang California được thiết kế để giam giữ 84.000 tù nhân, nhưng vào năm 2009 số tù nhân được giam giữ đã lên tới 158.000 người, quá tải gần gấp đôi so với quy mô giam giữ. Ngoài hệ thống nhà tù liên bang và nhà tù của các bang còn có hệ thống nhà tù tư nhân hình thành từ khoảng những năm 1980. Để cắt giảm lực lượng lao động liên bang, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã ký hợp đồng với các công ty tư nhân thực hiện việc giam giữ tù nhân và tổ chức lao động; từ đó, làm hình thành nên một *thị trường lao động tù nhân*. Nhà tù tư nhân nhận được khoản chi phí quản lý PN và được quyền khai thác sức lao động của họ. Các tác giả phát hiện ra rằng, bí quyết để nhà tù có chi phí vận hành thấp là “*số lượng tối thiểu nhân viên cho số lượng tối đa tù nhân*”.



- *Lao động nhà tù và công nghiệp nhà tù*, của Gordon Hawkins [97]. Tác giả cuốn sách đã phác thảo nên một bức tranh tương đối toàn cảnh về sự phát triển ngành công nghiệp nhà tù ở Mỹ - nơi mà các chính trị gia vẫn luôn rao giảng về dân chủ và nhân quyền dành cho toàn bộ phần còn lại của thế giới; trong khi đó, tù nhân ở Mỹ phải lao động làm thuê cho các ngành công nghiệp từ quân sự đến dân sự với giá công lao động rẻ mạt dành cho những công việc nặng nhọc. Về nguồn đầu tư khai thác hệ thống nhà tù, các nghiên cứu của tác giả chỉ ra rằng, có nhiều bang ở Mỹ đã hợp pháp hóa việc các tập đoàn tư nhân ký kết hợp đồng lao động với các nhà tù của bang. Danh sách các công ty đầu tư vào khu vực này bao gồm tất cả các tập đoàn lớn nhất của Hoa Kỳ và thế giới, như IBM, Boeing, Motorola, Microsoff, Texas Instrument... Tù nhân bị bóc lột thậm tệ, chỉ có số ít tù nhân nhận được mức lương tối thiểu cho công việc của họ.

Điều dễ dàng nhận thấy trong hệ thống nhà tù ở Mỹ là do quá tải và quá chú trọng khai thác sức lao động tù nhân nên việc giáo dục nói chung, GDPL nói riêng cho tù nhân ở đây gần như là một thứ “xa xỉ phẩm” đối với họ. Nói đúng hơn là công tác này không được nhà nước liên bang và chính quyền các bang quan tâm như ở Việt Nam. Việc tác giả luận án tham khảo, dẫn ra các tài liệu, công trình nói trên chỉ để *khẳng định thêm chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta đối với PN*. Đồng thời, đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*” sẽ đáp trả một cách thực chứng, hùng hồn những luận điệu vu cáo, xuyên tạc về vi phạm nhân quyền từ phía các thế lực thù địch, chống phá cách mạng Việt Nam.

- *Tội phạm xảy ra trong các trại cải tạo và việc phòng chống*, của V. O. Mironov [100]. Trong luận án này, trên cơ sở khảo sát, đánh giá tình hình tội phạm vẫn thường xảy ra trong số các PN đang chấp hành án phạt tù trong các nhà tù, trại cải tạo ở Liên bang Nga, tác giả luận án khẳng định sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống các giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, phòng chống tình trạng tù nhân tiếp tục phạm tội trong các trại giam, nhà tù, trong đó có việc tăng cường GDPL cho tù nhân.

- *Hội nghị các cán bộ lãnh đạo, quản lý trại giam khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 27 (APCCA 27)*, của Bộ Công an - Cục V26 [6]. Cuốn sách là tài liệu tập hợp các bài phát biểu, chuyên đề, bài tham luận hội thảo của các cán bộ

lãnh đạo, quản lý TG, chuyên gia nghiên cứu về TG, nhà tù, nghiên cứu về PN đến từ nhiều quốc gia thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương tham dự Hội nghị APCCA 27 được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 25/11/2007 đến ngày 30/11/2007. Các nhà quản lý, chuyên gia đến từ Australia, Ấn Độ, Brunei, Canada, Indonesia, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapo, Sri Lanka... đã mang đến Hội nghị nhiều báo cáo, bài viết với những thông tin, tư liệu phản ánh tình hình lao động, cải tạo, GDPL, dạy nghề cho PN ở các quốc gia đó; cung cấp một cái nhìn đa cạnh, nhiều chiều về tình hình TG /nhà tù và tình hình PN ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

### **1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

#### **1.3.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Từ sự tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài được nêu ở trên, có thể đưa ra một số nhận xét, đánh giá chung và chỉ ra những giá trị tham khảo cho đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*” như sau:

**Thứ nhất**, từ tình hình nghiên cứu ở trong nước, có thể thấy rằng, vấn đề GDPL nói chung, GDPL cho từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể, ở những địa bàn, khu vực cụ thể nói riêng đã được các nhà khoa học, các tác giả đề cập, phân tích khá đa dạng, phong phú trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, thể hiện trong các đề tài khoa học, các giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, bài báo khoa học và cũng là đề tài của nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ luật học. Cụ thể:

- Trong nhóm các công trình nghiên cứu lý luận chung về GDPL, các tác giả đã phác họa rõ nét một bức tranh về GDPL, xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật của con người Việt Nam; đã khái quát về mặt lý luận các vấn đề chung về GDPL, như khái niệm, vai trò, mục đích, mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL... Xét trong mối liên hệ với đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*”, những đề tài, sách, công trình nghiên cứu nêu trên là những tài liệu tham khảo hữu ích mà tác giả có thể tiếp thu, kế thừa khi bàn luận, phân tích những vấn đề lý luận về GDPL liên quan đến đối tượng PN trong các TG ở Việt Nam. Tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh gắn với công tác GDPL cho một đối tượng có tính đặc thù cao như PN trong

các TG ở Việt Nam hiện nay thì những cuốn sách, công trình kể trên lại chưa có điều kiện đề cập đến.

- Những công trình nghiên cứu về GDPL gắn với một đối tượng cụ thể, ở một khu vực, địa bàn nhất định đã làm rõ nhiều luận cứ khoa học và thực tiễn về GDPL theo từng đối tượng, địa bàn, đã vận dụng khá sáng tạo lý luận chung về GDPL để đánh giá thực tiễn GDPL trên từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng cụ thể và đưa ra một số giải pháp bảo đảm GDPL cho đối tượng; khẳng định vị trí, vai trò cũng như hiệu quả của GDPL cho các đối tượng cụ thể. Các công trình đó đều có giá trị tham khảo đối với tác giả luận án ở chừng mực các nội dung có liên quan đến đề tài khi bàn về GDPL cho một đối tượng cụ thể; song, điều quan trọng hơn là vấn đề GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay thì lại *không có công trình nào kể trên đề cập đến*.

- Trong nhóm công trình nghiên cứu gần với chủ đề GDPL cho PN trong các TG, mặc dù không nhiều, song có một số công trình nghiên cứu đã bàn đến vấn đề GDPL thông qua hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử hình sự của tòa án... Các công trình này tuy không trực tiếp bàn về GDPL cho PN trong các TG, song, có giá trị tham khảo quý báu đối với tác giả không chỉ về mặt lý luận, mà còn gợi mở những giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho PN ở Việt Nam khi tác giả triển khai viết luận án.

**Thứ hai**, từ sự tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy, các tác giả nước ngoài chủ yếu bàn về triết lý giáo dục nói chung, đề cập đến vấn đề GDPL nói riêng. Có thể khẳng định rằng, các nước khác nhau trên thế giới ít dành sự quan tâm đối với công tác GDPL cho PN trong nhà tù, hầu như không có các hoạt động dành riêng cho lĩnh vực này; mà nếu có thì chủ yếu là lồng ghép vào các hoạt động lao động, giáo dục, dạy nghề cho PN. Đó cũng là lý do chủ đề lao động, giáo dục, dạy nghề cho PN trong các nhà tù là chủ đề được nhiều cuốn sách, công trình khoa học, luận án... đề cập đến. Những công trình của các tác giả nước ngoài là tài liệu tham khảo quan trọng và cần thiết, giúp tác giả luận án suy ngẫm về triết lý giáo dục, bàn luận các vấn đề lý luận về GDPL; đặc biệt là triển khai nội dung “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm, giá trị tham khảo cho Việt Nam*” trong quá trình viết luận án tiến sĩ.

### 1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Sự đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài nêu trên đặt ra cho tác giả đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*” những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển, bao gồm:

- ***Về phương diện lý luận***, luận án cần tiếp tục:

+ Luận giải, làm sâu sắc thêm những khái niệm liên quan đến đề tài: khái niệm GDPL cho PN trong các TG; những khái niệm phái sinh, như mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam.

+ Phân tích sâu sắc hơn vai trò, đặc trưng của hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, làm nổi bật những nét đặc thù - cũng là sự khác biệt của hoạt động cho PN trong các TG ở Việt Nam so với hoạt động GDPL cho các đối tượng xã hội cụ thể khác.

+ Phân tích nội dung các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho PN trong các TG, gồm các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan.

+ Tập trung khảo cứu, tìm hiểu công tác giáo dục, cải tạo, GDPL cho PN trong các TG /nhà tù tại một số nước trên thế giới để có thể tìm kiếm những bài học kinh nghiệm, có giá trị tham khảo đối với hoạt động GDPL cho PN ở Việt Nam; chứng minh tinh thần khoan hồng, nhân đạo trong các chế độ, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với PN.

- ***Về phương diện thực tiễn***, luận án cần tiếp tục:

+ Phân tích đặc điểm, tình hình PN trong các TG, đánh giá thực trạng GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, chỉ ra những điểm thành công, các mặt hạn chế, bất cập của công tác này và nguyên nhân của thực trạng đó qua phân tích kết quả ĐTXHH.

+ Xác định và phân tích những vấn đề cấp thiết đang được đặt ra trong công tác GDPL cho PN tại các TG ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- ***Về quan điểm, giải pháp***, luận án cần tiếp tục:

+ Đề xuất và lập luận, phân tích những quan điểm bảo đảm nâng cao hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam.

- Đề xuất, luận giải tính khoa học, thực tiễn và tính khả thi của các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam.

## Kết luận chương 1

Từ sự tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước, có thể thấy rằng, vấn đề GDPL nói chung, GDPL cho từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể, ở những địa bàn, khu vực cụ thể nói riêng đã được các nhà khoa học, các tác giả đề cập, phân tích khá đa dạng, phong phú trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, thể hiện trong các cuốn giáo trình, đề tài khoa học, sách chuyên khảo, tham khảo, bài báo khoa học và cũng là đề tài của nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ luật học. Một số công trình nghiên cứu đã bàn đến vấn đề GDPL thông qua hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử hình sự của tòa án...

Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy, các tác giả nước ngoài chủ yếu bàn về triết lý giáo dục nói chung, đề cập đến vấn đề GDPL nói riêng. Có thể khẳng định rằng, các nước khác nhau trên thế giới ít dành sự quan tâm đối với công tác GDPL cho PN trong nhà tù, hầu như không có các hoạt động dành riêng cho lĩnh vực này; mà nếu có thì chủ yếu là lồng ghép vào các hoạt động lao động, giáo dục, dạy nghề cho PN. Đó cũng là lý do chủ đề lao động, giáo dục, dạy nghề cho PN trong TG, nhà tù là một chủ đề được nhiều cuốn sách, công trình khoa học, hội nghị, luận án... đề cập đến.

Từ đó, có thể khẳng định rằng, cho đến nay vẫn chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện cả mặt lý luận và thực tiễn vấn đề *giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam* - một nhóm đối tượng đặc thù với những đặc điểm riêng có của nó. Đó cũng là lý do tác giả chọn vấn đề nêu trên làm đề tài luận án tiến sĩ luật học; vừa để phục vụ trực tiếp cho lĩnh vực công tác của bản thân, vừa góp một phần nhỏ công sức nghiên cứu đề tài còn mới mẻ này và khóa lấp phần nào khoảng trống trên diễn đàn khoa học Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật.

## Chương 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM

#### 2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG, VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM

##### 2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho phạm nhân

Trong khoa học giáo dục, khái niệm giáo dục thường được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Giáo dục theo nghĩa rộng bao hàm tất cả những tác động xã hội đến cá nhân và trong mối quan hệ của cá nhân đó với các quan hệ xã hội nhằm làm hình thành, biến đổi và phát triển nhân cách của cá nhân. Quá trình giáo dục tổng thể được hiểu là một quá trình bao gồm nhiều quá trình giáo dục bộ phận tồn tại, vận động và phát triển trong sự thống nhất với nhau, đều hướng mục đích là làm cho người được giáo dục tự giác, chủ động, tích cực chiếm lĩnh các tri thức, giá trị, chuẩn mực xã hội; từ đó, hình thành và phát triển nhân cách phù hợp với mục đích giáo dục. Theo nghĩa hẹp, “giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra” [59, tr.384].

Giáo dục pháp luật là một trong những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học Lý luận Nhà nước và pháp luật. Sự phân tích, làm rõ nội hàm khái niệm GDPL có ý nghĩa quyết định đối với việc xác định nội dung của nhiều khái niệm khác có liên quan mật thiết tới GDPL; đồng thời, có tác dụng định hướng đối với hoạt động thực tiễn GDPL nói chung, GDPL cho từng đối tượng xã hội cụ thể nói riêng. Tuy nhiên, trong khoa học pháp lý hiện nay khái niệm GDPL vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất, nghĩa là còn có những quan điểm, cách hiểu khác nhau [xem: 55, tr.51-52].

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay, công tác GDPL có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng ta đã khẳng định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức và mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật” [26, tr.132]. GDPL được coi là *cầu nối* quan trọng giữa hoạt động xây dựng pháp luật và thực tiễn đời sống xã hội, là phương thức đưa pháp luật vào thực tế cuộc sống, giúp cho các thành viên trong xã hội biết sống và làm việc theo pháp luật. Đó cũng là đòi hỏi tất yếu, khách quan của tiến trình xây

dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam với yêu cầu phải luôn đặt pháp luật ở vị trí thượng tôn. Để đội ngũ CBCC nhà nước các cấp, các ngành cũng như đông đảo các tầng lớp nhân dân có kiến thức, hiểu biết về pháp luật, biết sống và làm việc theo pháp luật thì công tác GDPL phải được đặt ra một cách nghiêm túc, khoa học và phải được giải quyết đúng đắn cả về mặt lý luận và thực tiễn. Trên diễn đàn khoa học pháp lý hiện nay, khái niệm GDPL thường được các nhà nghiên cứu tiếp cận từ những góc độ rộng, hẹp khác nhau tùy thuộc vào xuất phát điểm nghiên cứu và mục tiêu, yêu cầu của việc vận dụng vào GDPL cho đối tượng cụ thể.

*Theo nghĩa rộng*, GDPL được coi là một bộ phận, một hệ thống con của hệ thống giáo dục nói chung, là một hoạt động có tính độc lập tương đối và có mối quan hệ tương hỗ với các hệ thống con khác, như kinh tế, chính trị, văn hóa, đạo đức... tạo nên một hệ thống các quan hệ xã hội tác động đến cá nhân, làm hình thành nên bản chất lịch sử - xã hội của con người. Quan niệm GDPL này xuất phát từ nghĩa rộng nhất của thuật ngữ GDPL, đồng nhất GDPL với quá trình xã hội hóa cá nhân trong môi trường có sự tác động, điều chỉnh của pháp luật và các loại chuẩn mực xã hội khác. Nhân cách con người được hình thành và phát triển là do tác động, ảnh hưởng của tổ hợp các nhân tố kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, pháp luật, đạo đức, phong tục, tập quán, lễ nghi... trong quá trình các cá nhân tham gia vào những quan hệ xã hội đó. Quan niệm GDPL theo nghĩa rộng này có hai ý nghĩa quan trọng: *Một là*, thấy được quá trình xã hội hóa cá nhân nói chung và GDPL nói riêng chịu sự tác động, chi phối của nhiều yếu tố xã hội khác nhau. Chủ thể giáo dục có thể chủ động khai thác, phát huy những yếu tố tích cực và hạn chế những ảnh hưởng xấu của các yếu tố tiêu cực. *Hai là*, không đồng nhất, không coi GDPL đã có hoặc được lồng ghép trong giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

*Theo nghĩa hẹp*, GDPL là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có tổ chức, tuân theo kế hoạch mà chủ thể GDPL vạch ra nhằm chuyển tải, truyền đạt những nội dung pháp luật nhất định tới đối tượng giáo dục dựa trên những phương pháp giáo dục khoa học và bằng những hình thức giáo dục phù hợp; qua đó, hiện thực hóa những mục tiêu, nhiệm vụ GDPL nhất định.

Cách diễn đạt có thể khác nhau, song đa số các định nghĩa về GDPL đều tiếp cận theo nghĩa hẹp nói trên. Có nhiều định nghĩa về GDPL đã được các nhà nghiên cứu đưa ra, đề cập ở những mức độ khác nhau nội hàm của khái niệm; tác giả luận án đồng tình với định nghĩa sau đây:

*Giáo dục pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, theo nội dung và thông qua những phương pháp, hình thức nhất định từ phía chủ thể giáo dục pháp luật, tác động đến đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật nhằm làm hình thành và phát triển ở họ hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết về pháp luật; làm hình thành tình cảm, thói quen và hành vi xử sự tích cực theo pháp luật [xem: 69, tr.124].*

Giáo dục pháp luật là lĩnh vực hoạt động diễn ra theo một *quá trình*, bao gồm các công đoạn: định hướng GDPL, lập chương trình, kế hoạch giáo dục pháp luật, sử dụng các phương pháp và áp dụng các hình thức GDPL nhất định; triển khai thực hiện chương trình GDPL; kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác GDPL. Về cơ bản, quá trình GDPL cho một đối tượng xã hội là thể thống nhất các thành tố: mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL.

Dưới tác động của những nguyên nhân, điều kiện chủ quan và khách quan cũng như xuất phát từ mục đích, động cơ nhất định mà có những người dính líu vào hành vi phạm tội. Cái giá mà những người phạm tội phải trả cho hành động sai lầm của họ là phải nhận bản án nghiêm khắc do tòa án tuyên với hình phạt chính và có thể kèm theo hình phạt bổ sung tùy thuộc vào tính chất, mức độ của từng hành vi phạm tội cụ thể. Theo bản án đã có hiệu lực pháp luật, những người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân, nếu không có quyết định hoãn chấp hành án phạt tù của cơ quan có thẩm quyền, thì sẽ phải đi chấp hành án tại các TG theo quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an. Theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010, trong thời gian chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân trong các TG họ được gọi là *phạm nhân*. “Phạm nhân là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân” [64, khoản 2, Điều 3]. Hình phạt tù là hình phạt tương đối nghiêm khắc, áp dụng đối với những người phạm tội có tính chất, mức độ cao hơn so với hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, nhưng thấp hơn so với hình phạt tử hình. Người chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân *phải chấp hành án phạt tù tại TG dưới sự quản lý, giáo dục của TG*.

Về cơ bản, cơ quan, nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo PN trong các TG. Ngoài ra, theo quy định và quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, vẫn có một bộ phận PN được tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo tại các trại tạm giam; song, các hoạt



động đó được thực hiện tại phân trại riêng với các nguyên tắc, quy định giống như đối với TG. TG là cơ quan nhà nước được giao trách nhiệm trực tiếp tổ chức thi hành án phạt tù, là nơi người bị kết án phạt tù phải chấp hành hình phạt. TG cũng là cơ sở giam giữ những người đang chấp hành án phạt tù, được xây dựng, trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác thi hành án phạt tù với lực lượng cán bộ chuyên trách có trang bị vũ khí, phương tiện chuyên dụng, các trang thiết bị khác phục vụ việc quản lý, giáo dục, cải tạo PN. TG là cơ quan chuyên trách có trách nhiệm quản lý, giáo dục, cải tạo PN theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục, cảm hóa PN, giúp họ trở thành công dân có ích cho xã hội sau khi chấp hành xong án phạt tù, ngăn ngừa họ phạm tội mới, bảo đảm đạt được mục đích của hình phạt và bảo đảm thực hiện các quyền, nghĩa vụ của PN theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chấp hành án phạt tù tại TG, PN bị tước và hạn chế một số quyền công dân, như bị tước quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước; bị hạn chế quyền đi lại...; song họ vẫn còn những quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản, như lao động, học tập, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, tiếp cận thông tin chính trị thời sự, nắm bắt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.v.v. Trong quá trình quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo PN, TG có trách nhiệm tổ chức cho PN thực hiện các quyền, nghĩa vụ nói trên theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và các văn bản QPPL khác có liên quan; trong đó có việc tổ chức, thực hiện giáo dục công dân, GDPL, học văn hóa, cung cấp thông tin chính trị, thời sự cho PN.

*Giáo dục pháp luật cho PN là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng mà TG phải thực hiện nhằm giúp cho PN nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả do hành vi phạm tội của họ gây ra; biết được chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với PN và một số quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nắm bắt được một số nội dung pháp luật thực định liên quan trực tiếp đến quá trình PN chấp hành án phạt tù (Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Đặc xá, Quy chế trại giam...). Từ đó, giúp PN ổn định tư tưởng, yên tâm lao động, học tập, phấn đấu tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo tốt và chuẩn bị cho mình hành trang tri thức, hiểu biết pháp luật để có thể tái hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù.*

Như vậy, có thể định nghĩa: *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam là hoạt động có mục đích, có tổ chức, tuân theo kế hoạch, chương trình nhất định; được các trại giam triển khai thực hiện thông qua các phương pháp đặc thù và bằng những hình thức phù hợp, hướng tới trang bị cho phạm nhân những thông tin, kiến thức pháp luật về các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân nói chung, các nội dung pháp luật cụ thể liên quan đến quá trình chấp hành án phạt tù trong trại giam nói riêng; làm hình thành ở phạm nhân tri thức, hiểu biết pháp luật, tình cảm, niềm tin đối với pháp luật và hành vi pháp luật phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân; giúp họ có khả năng tái hòa nhập cộng đồng, biết sống và làm việc theo pháp luật sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù.*

### **2.1.2. Đặc trưng của giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Giáo dục pháp luật cho PN trong các TG, trước hết, là hoạt động GDPL cho một đối tượng xã hội cụ thể, nên nó cũng mang đầy đủ các đặc điểm của GDPL cho các đối tượng xã hội cụ thể, như tính có mục đích và hướng tới đạt được những mục tiêu xác định; đặc điểm về chủ thể và đối tượng; đặc điểm về nội dung, phương pháp và hình thức GDPL... Bên cạnh đó, GDPL cho PN trong các TG còn có những nét đặc trưng riêng.

**Thứ nhất**, GDPL cho PN trong các TG là dạng hoạt động giáo dục được thực hiện thông qua sự tương tác giữa chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL; là hoạt động có mục đích, có định hướng, có tổ chức, có kế hoạch, tuân theo những nội dung GDPL cụ thể được chủ thể GDPL xây dựng dành riêng cho đối tượng PN đang chấp hành án phạt tù trong các TG, dựa trên các phương pháp và thông qua những hình thức GDPL phù hợp với điều kiện của từng TG cũng như phù hợp với đặc điểm tình hình PN trong các TG.

Trong hoạt động GDPL cho PN tại các TG, sự tương tác giữa chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL được thể hiện thông qua *hoạt động dạy* của chủ thể GDPL (phổ biến, thuyết trình, đối thoại, truyền đạt những thông tin, kiến thức pháp luật cho đối tượng) và *hoạt động học* của đối tượng tiếp nhận GDPL (nghe, nắm bắt, tiếp thu, lĩnh hội các thông tin, kiến thức pháp luật được truyền đạt từ chủ thể). Hoạt động dạy và hoạt động học, do đó, luôn luôn nằm trong mối liên hệ hữu cơ, gắn bó mật thiết với nhau.

*Tính có mục đích* của hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam phản ánh những đòi hỏi tất yếu, khách quan của quá trình quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân, thể hiện tính nhân đạo trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với PN, tạo các điều kiện tốt nhất có thể để đưa họ trở về với con đường lương thiện, trở thành công dân có ích cho xã hội sau khi chấp hành xong án phạt tù. Mục đích mà hoạt động GDPL cho PN hướng tới là khắc phục nguyên nhân thiếu hiểu biết pháp luật dẫn họ tới hành vi phạm tội trước đây; tạo cơ hội để họ tiếp thu những kiến thức pháp luật cần thiết, biết sống, làm việc theo pháp luật. Mục đích đó chỉ có thể đạt được khi mỗi PN thực sự cầu thị, chủ động, tự giác chiếm lĩnh những thông tin, kiến thức pháp luật mà chủ thể cung cấp cho họ, biến việc học tập pháp luật trong TG trở thành nhu cầu nội tại, mục đích tự thân của mỗi PN.

*Tính có tổ chức, có kế hoạch* của hoạt động GDPL cho PN thể hiện sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo của chủ thể GDPL trong việc xác định, lựa chọn những nội dung GDPL thực sự cần thiết, phù hợp với nhu cầu của PN; từ đó, tìm ra được những nội dung, phương pháp, hình thức GDPL phù hợp để có thể hiện thực hóa một cách tối ưu mục tiêu GDPL cho nhóm đối tượng này.

**Thứ hai**, GDPL cho PN trong các TG là hoạt động giáo dục diễn ra trong một *môi trường đặc biệt* và dành cho *những đối tượng đặc biệt*: môi trường *trại giam* và đối tượng là *phạm nhân* đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân. Vì lẽ đó, hoạt động GDPL cho PN trong các TG có những đặc điểm, tính chất phức tạp, khó khăn hơn nhiều so với GDPL cho các nhóm đối tượng xã hội khác. Môi trường TG là môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo PN, luôn nằm trong sự kiểm tra, giám sát một cách chặt chẽ, tuân theo những quy tắc nghiêm ngặt, mang tính cưỡng chế rất cao, tạo ra một thứ “kỷ luật thép” đối với PN. Môi trường đó, *một mặt*, có thể tạo điều kiện thuận lợi đối với hoạt động GDPL cho PN nhờ vào sự quản lý khá chặt chẽ, nghiêm túc; song, *mặt khác*, tính tự giác, chủ động, tích cực của PN trong quá trình tham gia học tập pháp luật lại thường “*tỷ lệ nghịch*” với mong muốn của chủ thể GDPL do những nguyên nhân chủ quan từ phía PN, bởi họ thường tham gia các lớp học tập pháp luật với tâm thế miễn cưỡng, đối phó nhiều hơn là hào hứng, chủ động.

**Thứ ba**, điểm khác biệt cơ bản so với GDPL cho các đối tượng khác thể hiện ở chỗ, GDPL cho PN trong các TG là quá trình hoạt động diễn ra theo cơ chế/mô hình “*vừa xây, vừa chống*”. “**Xây**” ở đây có nghĩa là chủ thể GDPL phải tìm cách

khơi gợi, thức tỉnh, từ đó nuôi dưỡng, bồi đắp những phẩm chất tốt đẹp vốn có/vẫn còn trong con người mỗi PN; bằng hoặc thông qua tác động của GDPL để giúp PN nhận thức được tội lỗi mà họ đã gây ra trước đây, biết ăn năn, hối hận, hình thành động cơ phấn đấu học tập, cải tạo tốt, tự giác lĩnh hội kiến thức pháp luật, biết thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp để sau này tái hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội. “**Chống**” ở đây là thông qua công tác giáo dục cải tạo nói chung, GDPL nói riêng để loại bỏ những yếu tố tâm lý tiêu cực, tư tưởng cực đoan, chống đối; hướng tới chỉnh sửa, uốn nắn những suy nghĩ lệch lạc đang còn thường trực trong tâm lý, nhận thức của mỗi PN; giúp họ ổn định về mặt tư tưởng, thông suốt về chính sách, pháp luật đối với PN, đưa họ trở lại với con đường lương thiện, không phạm phải tội mới trong quá trình chấp hành án phạt tù trại TG. Trong trường hợp cần thiết còn phải áp dụng biện pháp “*giáo dục cá biệt*” đối với từng PN bằng cách gặp gỡ riêng để vận động, tuyên truyền, giải thích cho họ hiểu rõ về các quy định của pháp luật. “Xây” và “chống” cũng là “*mục tiêu kép*” mà hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam cần đạt được.

*Thứ tư*, nhìn bề ngoài, có thể nhiều người cho rằng hoạt động GDPL cho PN trong các TG có nhiều điều kiện thuận lợi, dễ thực hiện hơn so với GDPL cho các đối tượng khác vì hoạt động này diễn ra trong một môi trường đặc biệt là TG - nơi mà việc học tập pháp luật là bắt buộc đối với mỗi PN; quan hệ quản lý từ phía chủ thể GDPL đối với PN là quan hệ mang tính chất mệnh lệnh - phục tùng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ GDPL cho PN được Nhà nước đầu tư.v.v. Quan niệm đó đúng, nhưng mới chỉ phản ánh được một phần đặc điểm, tính chất của GDPL cho PN trong các TG và nếu chỉ nhìn nhận dưới góc độ chủ thể GDPL thực hiện cho xong nhiệm vụ được giao, không cần tính đến chất lượng, hiệu quả của công tác này. Trên thực tế, để có thể bảo đảm chất lượng, hiệu quả thực sự thì GDPL cho PN trong các TG lại là hoạt động không kém phần khó khăn, phức tạp và chịu sự ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm các *yếu tố chủ quan* (ý thức trách nhiệm, năng lực tổ chức, thực hiện của chủ thể GDPL; trình độ học vấn, khả năng tiếp nhận kiến thức pháp luật của các PN; các nhân tố tâm lý) và các *yếu tố khách quan* (điều kiện kinh tế; môi trường giáo dục cải tạo, lao động, sinh hoạt trong TG; chính sách và thực hiện chính sách của Nhà nước đối với PN...). Điều đó giúp giải thích tại sao trong cùng điều kiện, hoàn cảnh như nhau, có thể hoạt động GDPL cho

PN ở TG này thì diễn ra chủ động, tích cực, đạt hiệu quả cao; còn ở TG khác lại thụ động, cảm chừng và kém hiệu quả.

*Thứ năm*, kết quả, đồng thời là thước đo đánh giá hiệu quả của hoạt động GDPL cho PN trong các TG là những mục tiêu cụ thể mà hoạt động này cần đạt được. Đó là mục tiêu về *nhận thức* (PN tiếp thu, tích lũy được những thông tin, kiến thức pháp luật cơ bản phục vụ trực tiếp cho quá trình chấp hành án phạt tù cũng như sau khi trở về hòa nhập cộng đồng); mục tiêu về *thái độ, tình cảm* (làm hình thành ở PN sự ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội trước đây; có thái độ tôn trọng pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, tuân thủ nội quy, quy chế TG; có niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật...); mục tiêu về *hành vi* (giúp PN có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật tiếp thu được qua việc học tập pháp luật để thực hiện quyền, nghĩa vụ của PN trong quá trình chấp hành án phạt tù; xây dựng, củng cố hành vi pháp luật tích cực, lối sống theo pháp luật sau khi chấp hành xong án phạt tù).

### **2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Việc một người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết tội, bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân và buộc phải chấp hành án phạt tù đó trong các TG ở Việt Nam luôn xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan nhất định. Trong số các nguyên nhân chủ quan dẫn đến hành vi phạm tội thì thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật luôn là nguyên nhân chủ yếu, có thể nói là đứng ở vị trí hàng đầu. Trong chính sách pháp luật đối với PN, Nhà nước ta luôn chú trọng công tác GDPL cho PN, coi đó vừa là chế độ, chính sách, vừa là biện pháp tác động tích cực nhằm giáo dục, cải tạo, cảm hóa PN. “Phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề” [64, khoản 1, Điều 28]. Vai trò của công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam thể hiện trên các phương diện sau:

*a) Giáo dục pháp luật giúp cho phạm nhân trong trại giam nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà họ đã gây ra*

Nhiều cá nhân, khi thực hiện một hành vi vi phạm pháp luật, đã không biết rằng hành vi đó đồng thời là hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; không hình dung được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, những thiệt hại mà hành vi đó gây ra cho xã hội, cho cá nhân và không lường trước được hậu quả pháp lý hình sự mà họ phải gánh chịu. Nguyên nhân của tình trạng đó là do họ thiếu một nền tảng trình độ học vấn,

hiều biết xã hội nhất định; đặc biệt là *thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng*. “Về nguyên tắc, người thực hiện hành vi phạm tội thì phải chịu hình phạt, hình phạt là hệ quả của việc họ đã thực hiện hành vi gây nguy hại cho xã hội và theo quy định của pháp luật họ phải gánh chịu những hậu quả pháp lý hình sự bất lợi đó là hình phạt” [42, tr.40].

Trong quá trình bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, bị kết tội, người phạm tội đã dần dần nắm bắt được tính chất, mức độ, hậu quả nguy hại mà hành vi của mình đã gây ra cho xã hội nói chung, cho người bị hại/nạn nhân nói riêng; bởi lẽ, bản thân quá trình hoạt động tố tụng, tranh tụng, xét xử cũng đã phần nào mang tính chất phổ biến, GDPL. “Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử hình sự có vai trò giúp chuẩn bị tâm lý, tư tưởng, kiến thức pháp luật để bị cáo yên tâm học tập, cải tạo trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam” [71, tr.24]. Tuy nhiên, mỗi hành vi phạm tội lại có những đặc điểm riêng về tính chất, mức độ nguy hiểm, về hậu quả gây ra cho xã hội và cá nhân; về phương thức, thủ đoạn phạm tội; về tính chất, mức độ lỗi của người phạm tội; về điều kiện, hoàn cảnh xảy ra hành vi phạm tội. Ngoài ra, những đặc điểm về nhân thân người phạm tội ở từng đối tượng PN cụ thể cũng khác nhau, như tiền án, tiền sự, giới tính, độ tuổi, học vấn, nghề nghiệp, thể chất, bệnh tật... Tất cả những đặc điểm riêng đó khiến cho người phạm tội không thể ngay lập tức nhận thức đầy đủ về tội lỗi của mình. Sau khi được chuyển đến TG, một số PN vẫn tỏ thái độ ương ngạnh, lỳ lợm, bướng bỉnh, bất hợp tác hoặc chống đối vì cho rằng bị kết tội oan, mức án quá nặng, không “tâm phục, khẩu phục”; vẫn còn những PN che giấu đồng phạm hoặc không khai báo hành vi phạm tội khác mà họ đã thực hiện, thậm chí tiếp tục vi phạm quy chế TG, phạm tội mới khi đang chấp hành án phạt tù...

Tình hình nêu trên đòi hỏi hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay cần phải được triển khai thực hiện một cách mạnh mẽ với một trong những yêu cầu quan trọng là *giúp cho PN nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà họ đã gây ra*. Ngoài GDPL chung cho tất cả phạm nhân, hình thức GDPL mang lại hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu nêu trên là *hình thức GDPL cá biệt, tư vấn pháp luật cho từng PN*. Trên cơ sở phân hóa đối tượng PN, nắm vững hồ sơ bản án, nắm bắt tâm tư, suy nghĩ của đối tượng, cán bộ GDPL của TG tiến hành gặp gỡ riêng từng PN để giải thích cho họ các nguyên tắc, quy định pháp luật hình sự liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã gây ra; phân

tích các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi; khẳng định với PN rằng, bản án mà cơ quan tòa án đã tuyên với họ là đúng người, đúng tội, thấu tình đạt lý, đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật. Cán bộ GDPL cũng cần lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của PN, động viên họ ổn định tư tưởng, yên tâm học tập, cải tạo tốt để được hưởng chính sách khoan hồng, có thể chấp hành xong bản án trước thời hạn để trở về đoàn tụ với gia đình.

Thông qua hoạt động GDPL chung cũng như GDPL cá biệt, cán bộ GDPL của TG giúp cho PN nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà họ đã gây ra; từ đó, PN yên tâm học tập, lao động, chấp hành tốt kỷ luật TG để có thể sớm rời TG, trở về đoàn tụ với gia đình và tái hòa nhập cộng đồng. Như vậy, hoạt động GDPL cho PN, ở mức độ khác nhau, giúp PN nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà họ đã gây ra

*b) Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam có vai trò cung cấp, trang bị những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết cho phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù*

Trên thực tế, không ai muốn mình trở thành người phạm tội, bị kết án và phải chấp hành án phạt tù trong các TG; song, dù lỗi cố ý hay vô ý, một khi đã “sa chân lỡ bước” vào TG theo bản án đã có hiệu lực pháp luật thì tất cả các PN đều buộc phải thích nghi với cuộc sống trong môi trường TG. Trong quá trình chấp hành án phạt tù tại các TG ở Việt Nam, PN rất cần biết: mình được phép và không được phép làm gì, làm như thế nào; phải tuân thủ những quy tắc, yêu cầu nào; có các quyền và nghĩa vụ gì; được hưởng những chế độ, chính sách nào dành cho PN theo quy định của pháp luật; nếu chấp hành, thực hiện tốt các quy định về học tập, lao động, cải tạo thì sẽ được hưởng chính sách khoan hồng và nếu vi phạm quy chế TG sẽ bị kỷ luật ra sao... Cùng với giáo dục đạo đức, học văn hóa, GDPL cho PN trong các TG sẽ đáp ứng tất cả những nhu cầu thông tin đó.

Hoạt động GDPL cho PN trong các TG chính là phương thức truyền đạt, chuyển giao những thông tin pháp luật, nội dung các nguyên tắc, quy định pháp luật nói chung, pháp luật về thi hành án hình sự nói riêng đến với PN, giúp họ tiếp thu, nắm bắt các quy định pháp luật một cách nhanh chóng, kịp thời thay cho việc tự tìm hiểu, học tập thường tốn nhiều thời gian, công sức và PN cũng không có đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện. GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam là phương

thức hỗ trợ chủ động, tích cực từ phía Nhà nước, Bộ Công an là con đường nhanh chóng và hiệu quả nhất để cung cấp, trang bị thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết cho PN trong quá trình chấp hành án phạt tù.

Thông qua GDPL, CBGDPL của TG, các chuyên gia pháp luật bên ngoài được mời đến TG sẽ lên lớp để truyền đạt cho PN các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với PN đang chấp hành án phạt tù, ý nghĩa nhân văn, nhân đạo của những đường lối, chính sách đó; giảng giải các nguyên tắc, quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, thi hành án hình sự; pháp luật về đặc xá; pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; nội quy, quy chế TG; quyền và nghĩa vụ của PN... Đây đều là những nội dung pháp luật có liên quan trực tiếp đến PN và rất cần thiết đối với họ trong quá trình chấp hành án phạt tù tại TG. Việc tiếp thu, lĩnh hội, nắm vững những thông tin, kiến thức pháp luật được cung cấp là cơ sở, nền tảng định hướng cho PN ổn định về tư tưởng, vững tâm về niềm tin, xác định được đúng đắn phương hướng, mục tiêu phấn đấu trong lao động, học tập, chấp hành nội quy, quy chế TG. Như vậy, hoạt động GDPL cho PN trong các TG có vai trò trang bị những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết cho PN trong quá trình chấp hành án phạt tù.

*c) Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam góp phần định hướng, hình thành thái độ tích cực, xây dựng, củng cố niềm tin đối với pháp luật cho phạm nhân*

Trong môi trường TG, các QPPL liên quan đến cuộc sống, học tập, lao động, sinh hoạt của PN chỉ có thể được các PN chấp hành, thực hiện nghiêm túc và phát huy hiệu quả khi họ thực sự tin tưởng vào tính đúng đắn, công bằng, nghiêm minh của pháp luật. Khi và chỉ khi nào từng PN nhận thức đúng, đầy đủ các QPPL điều chỉnh việc chấp hành án phạt tù, thấy được triển vọng ra khỏi TG trước thời hạn nếu chấp hành tốt các QPPL đó thì họ mới có thể tự nguyện, tự giác, chủ động, tích cực tuân thủ, chấp hành pháp luật mà không cần sử dụng các biện pháp cưỡng chế. Từ việc cung cấp, trang bị những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết cho PN trong quá trình chấp hành án phạt tù, hoạt động GDPL góp phần làm hình thành ở PN thái độ tích cực trước các yêu cầu pháp luật, xây dựng, củng cố niềm tin của PN đối với pháp luật.

Thái độ tích cực trước các yêu cầu pháp luật, niềm tin đối với pháp luật là nhân tố định hướng cho hành vi pháp luật của mỗi PN; niềm tin đối với pháp luật



trong mỗi PN càng vững chắc bao nhiêu thì càng là cơ sở chắc chắn để họ thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp bấy nhiêu. Khi PN trong các TG có niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật thì họ sẽ tự biết ăn năn, hối cải, tự nhận thức được tội lỗi của mình, biết tự vấn lương tâm, hối hận vì đã thực hiện hành vi phạm tội; biết tự uốn nắn, chỉnh sửa những suy nghĩ, tư tưởng lệch lạc; tự xác định được động cơ, mục tiêu phấn đấu trong thời gian chấp hành án mà không cần tới bất kỳ sự tác động cưỡng bức hay tác động tâm lý từ phía CBGDPL hay cán bộ quản giáo của TG. Có niềm tin vững chắc vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, mỗi PN sẽ biết cách thực hiện hành vi pháp luật phù hợp với các yêu cầu pháp luật một cách tự nguyện, tự giác. Niềm tin đối với pháp luật được hình thành qua GDPL cho PN trong các TG cũng sẽ trở thành hành trang theo họ trở về cuộc sống đời thường sau khi chấp hành xong án phạt tù.

Tăng cường hoạt động GDPL để hình thành thái độ tích cực, xây dựng, củng cố niềm tin đối với pháp luật cho PN tại các TG càng có vai trò đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, khi mà một số thế lực thù địch vẫn núp bóng, lợi dụng các chiêu bài chính trị, dân chủ, tôn giáo, nhân quyền để tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ta đối với PN. Việc PN trong các TG ở nước ta hiện nay được tạo những điều kiện thuận lợi để yên tâm lao động, cải tạo, được GDPL, có niềm tin đối với pháp luật, được chuẩn bị hành trang tri thức để trở về tái hòa nhập cộng đồng sẽ là câu trả lời đanh thép, đập tan những luận điệu, chiêu trò của các thế lực phản động, thù địch.

*d) Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam góp phần củng cố, nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, tự giác và chủ động thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp cho phạm nhân*

Ý thức của mỗi PN trong việc tự giác chấp hành pháp luật, tuân thủ nội quy TG chỉ có thể được củng cố và nâng cao thông qua hoạt động GDPL. Từ chỗ được cung cấp, trang bị thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết, có thái độ phản ứng tích cực trước các yêu cầu pháp luật và có niềm tin đối với pháp luật, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của mỗi PN sẽ từng bước được nâng cao. Trên cơ sở ý thức pháp luật cá nhân được hình thành, củng cố qua quá trình tham dự GDPL, mỗi PN sẽ biết vận dụng các quy định pháp luật tiếp thu được để đối chiếu, đánh giá hành vi của bản thân và của những PN khác; từ đó, biết cách tự giác, chủ động lựa chọn thực

hiện những hành vi phù hợp với quy định pháp luật, biết khước từ cũng như khuyên nhủ PN khác không vi phạm pháp luật; biết đồng tình, ủng hộ cái đúng, những hành vi, việc làm hợp pháp và biết phê phán cái sai, lên án những hành vi bất hợp pháp.

Để có thể củng cố, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tự giác và chủ động thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp cho PN trong quá trình chấp hành án phạt tù thì trong công tác giáo dục pháp luật, chủ thể GDPL cần chú trọng lồng ghép việc giáo dục tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm và tình cảm không khoan nhượng với các hành vi vi phạm pháp luật. *Giáo dục tình cảm công bằng* là giáo dục cho PN biết nhìn nhận, đánh giá một hành vi nào đó xảy ra là đúng hay sai để từ đó, bày tỏ thái độ bất bình, phê phán, lên án cái sai; bênh vực, ủng hộ và đấu tranh bảo vệ cái đúng dựa trên cơ sở những kiến thức, hiểu biết pháp luật có được. *Giáo dục tình cảm trách nhiệm* là làm cho PN ý thức được bổn phận, nghĩa vụ pháp lý của mình để thực hiện hành vi pháp luật phù hợp, biết rõ trách nhiệm pháp lý của mình và sống có trách nhiệm trong quan hệ với các phạm nhân khác. *Giáo dục tình cảm không khoan nhượng đối với các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm*, về thực chất, là giáo dục cho PN có ý thức, tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, không khoan nhượng trước hành vi vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội của các PN khác trong quá trình chấp hành án phạt tù; từ đó, hình thành ở họ thái độ phê phán, lên án hành vi phạm pháp, phạm tội, không a dua theo cái sai, ngăn ngừa PN tiếp tục phạm pháp, phạm tội trong quá trình chấp hành án phạt tù. Tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm pháp lý, tình cảm không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội là những nhân tố thuộc về niềm tin đối với pháp luật, là động lực nội tâm thúc đẩy PN thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp.

*đ) Giáo dục pháp luật góp phần chuẩn bị hành trang kiến thức pháp luật cần thiết để phạm nhân tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù, trở thành công dân có ích cho xã hội, không phạm tội mới*

Trong quá trình lao động, học tập, cải tạo tại TG, thông qua hoạt động GDPL, chủ thể giáo dục đã cung cấp cho PN không chỉ những thông tin, kiến thức pháp luật liên quan đến quá trình chấp hành án phạt tù, quyền và nghĩa vụ của PN, quy chế TG..., mà còn trang bị cho PN các thông tin, kiến thức pháp luật chung, như một số nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ của công dân, pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.v.v. Ngoài ra, theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự, hai tháng trước khi PN hết hạn chấp hành án phạt tù, TG có trách

nhiệm tổ chức GDPL cho PN (*GDPL đầu ra*) nhằm phổ biến những thông tin thời sự, chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, về thị trường lao động, trang bị những kiến thức cần thiết khác và hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho PN.

Nội dung GDPL cho những phạm nhân sắp hết hạn chấp hành án phạt tù bao gồm một số nội dung cơ bản của pháp luật hành chính về giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Luật Giao thông đường bộ; Bộ luật Dân sự; Bộ luật Lao động; Luật Cư trú. Luật Hôn nhân và gia đình... Đó đều là những thông tin, kiến thức pháp luật hết sức hữu ích, cần thiết cho PN, giúp họ chuẩn bị sẵn sàng về tâm lý, xác định tâm thế để xóa bỏ mặc cảm tội lỗi, tự tin trở về với cuộc sống đời thường. Điều đó nói lên vai trò rất quan trọng của công tác GDPL cho phạm nhân trong các TG ở Việt Nam: góp phần chuẩn bị hành trang kiến thức pháp luật cần thiết để PN tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù, trở thành công dân có ích cho xã hội, không phạm tội mới.

## **2.2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM**

Hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam được cấu thành từ các yếu tố: mục tiêu GDPL; chủ thể và đối tượng của GDPL; nội dung, phương pháp và hình thức GDPL.

### **2.2.1. Mục tiêu của giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Mục tiêu của hoạt động GDPL cho PN trong các TG bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể:

#### **2.2.1.1. Mục tiêu chung của giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào của con người cũng đều có mục tiêu, nghĩa là hoạt động đó nhằm hướng tới và đạt được điều gì. Tương tự như vậy, hoạt động GDPL cho các đối tượng xã hội nói chung, cho PN trong các TG nói riêng, cũng là hoạt động có mục tiêu chung. Việc xác định mục đích chung của GDPL cho PN trong các TG có ý nghĩa rất quan trọng, bởi vì đây là yếu tố giữ vai trò chi phối các thành tố khác của hoạt động GDPL. Từ việc xác định rõ mục tiêu chung của GDPL, chủ thể giáo dục có căn cứ để lựa chọn những nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp với PN.

Nếu lấy định hướng của Ủy ban Quốc tế về Giáo dục thế kỷ XXI của UNESCO về mục tiêu chung của giáo dục (*học để biết, học để làm, học để cùng*

*chung sống và học cách sống, học để tự khẳng định mình)* làm cơ sở để xác định mục tiêu chung của GDPL cho PN trong các TG, thì có thể khái quát mục tiêu chung đó như sau: GDPL cho PN trong các TG là để trang bị cho họ những kiến thức, hiểu biết pháp luật nhất định, giúp họ nhận ra lỗi lầm đã phạm phải trước đây; để tuân thủ các quy định pháp luật về thi hành án hình sự, thực hiện nội quy, quy chế TG trong quá trình chấp hành án phạt tù, không phạm phải tội mới; biết sống và làm việc theo pháp luật sau khi kết thúc thời hạn chấp hành án, trở về tái hòa nhập cộng đồng, không tái phạm.

Như vậy, *mục tiêu chung của GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam là cung cấp, trang bị cho PN những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết liên quan đến quá trình chấp hành án phạt tù; từ đó, làm hình thành ở họ tình cảm, niềm tin đối với tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật; tạo thói quen, lối sống, hành vi xử sự tích cực theo pháp luật cho PN trong thời gian chấp hành án phạt tù cũng như sau khi trở về tái hòa nhập cộng đồng.*

#### **2.2.1.2. Các mục tiêu cụ thể của giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Mục tiêu chung của GDPL cho PN trong các TG mang tính khái quát và có tính định hướng. Để có thể đạt được mục tiêu chung mà công tác GDPL cho PN trong các TG đặt ra thì nhất thiết phải cụ thể hóa mục tiêu chung đó thành những mục tiêu cụ thể nhất định. Có thể hình dung rằng, mục tiêu chung là “sản phẩm cuối cùng” cần phải thu được; còn mục tiêu cụ thể là từng “chi tiết” được sản xuất, làm ra qua từng công đoạn cụ thể để “lắp ráp”, tạo nên “sản phẩm cuối cùng” (thành phẩm). *Mục tiêu cụ thể của GDPL cho PN trong các TG là những yêu cầu, tiêu chí/thước đo cụ thể được chủ thể GDPL xác định, vạch ra và lấy đó làm thước đo để đánh giá kết quả tác động của GDPL tới PN sau khi kết thúc quá trình GDPL cho họ; qua đó, đánh giá mức độ hoàn thành mục đích chung của GDPL cho đối tượng này.*

Thông thường, hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam phải đạt được ba mục tiêu chủ yếu sau:

**Thứ nhất**, *mục tiêu về nhận thức*: GDPL cho PN trong các TG trước hết phải đạt được mục tiêu về nhận thức, nghĩa là phải cung cấp, trang bị được cho PN những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết liên quan đến quá trình phạm nhân chấp hành án phạt tù trong TG. Đây là mục tiêu quan trọng đầu tiên của hoạt động GDPL cho PN; bởi lẽ, có đạt được mục tiêu cung cấp, trang bị thông tin, kiến thức

pháp luật thì mới có thể hiện thực hóa các mục tiêu tiếp theo. Khi còn ở ngoài xã hội, do không có thông tin, kiến thức pháp luật, thiếu hiểu biết pháp luật cùng những nguyên nhân, điều kiện chủ quan và khách quan khác nên đã dẫn PN đến việc thực hiện hành vi phạm tội, thiếu niềm tin đối với pháp luật. Việc chủ thể GDPL cung cấp, trang bị kiến thức pháp luật cho PN là để hình thành, củng cố niềm tin của họ vào pháp luật; từ đó, họ biết so sánh, đối chiếu hành vi của mình với các quy định pháp luật để có thể chủ động, tự tin thực hiện những hành vi pháp luật phù hợp trong quá trình lao động, học tập, cải tạo ở TG.

*Thứ hai, mục tiêu về thái độ:* GDPL cho PN trong các TG phải nhắm tới mục tiêu về thái độ, tức là phải làm hình thành, củng cố cho mỗi PN tình cảm, niềm tin đối với pháp luật. Pháp luật chỉ có thể được mọi người thực hiện nghiêm chỉnh khi họ tin tưởng vào các nguyên tắc, quy định của pháp luật. Vì thiếu hiểu biết pháp luật, thiếu niềm tin đối với pháp luật mà một số cá nhân đã phạm tội, bị kết án phạt tù và bị bắt buộc phải chấp hành án trong TG - nơi họ phải triệt để, nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật về thi hành án hình sự. Chỉ khi nào PN nhận thức đúng đắn, đầy đủ các quy định của pháp luật, nhận ra lỗi lầm của mình để khắc phục, sửa chữa thì mới không cần đến các biện pháp cưỡng chế mà họ vẫn tự giác thực hiện pháp luật. GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay chính là để góp phần xây dựng, củng cố tình cảm, niềm tin của PN đối với pháp luật, tin tưởng vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật; từ đó, hình thành trong mỗi PN tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm pháp lý, tinh thần không khoan nhượng trước các hành vi sai trái, tội lỗi của người khác và của chính bản thân.

*Thứ ba, mục tiêu về hành vi:* GDPL cho PN còn có mục tiêu về hành vi, nghĩa là phải làm hình thành trong mỗi PN ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật và hành vi xử sự tích cực theo các yêu cầu của pháp luật. Mục tiêu xây dựng, củng cố cho PN hành vi pháp luật hợp pháp, tích cực chỉ có thể đạt được thông qua quá trình GDPL cho họ một cách kiên trì, thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức và phương pháp khác nhau để PN hiểu được sự cần thiết, hợp lý và lợi ích mà pháp luật mang lại cho xã hội nói chung, cho mỗi cộng đồng, gia đình và từng cá nhân nói riêng. Đối với mỗi PN, hành vi pháp luật hợp pháp, tích cực phải trở thành thói quen, là kết quả của quá trình tác động mà GDPL mang lại. GDPL cho PN trong các TG là để giúp PN học cách sống và biết chung sống, biết chia sẻ với những PN khác trong cùng buồng giam, biết khuyên nhủ, can ngăn PN khác từ bỏ

những thói quen, hành vi xấu; tự giáo dục, cải tạo chính mình, tự quyết định được suy nghĩ và hành động của mình trong môi trường TG dựa trên các nguyên tắc, quy định pháp luật. Điều đó cho phép lý giải được vì sao công tác GDPL cho PN trong các TG càng được triển khai thực hiện tốt, hiệu quả bao nhiêu thì ý thức tự giác chấp hành pháp luật và hành vi xử sự tích cực theo pháp luật của các PN càng được củng cố bấy nhiêu.

### **2.2.2. Chủ thể, đối tượng của giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Trong công tác GDPL nói chung, chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL là “đối tác” của nhau, nằm trong mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau để cùng hướng tới đạt được mục tiêu của GDPL.

#### **2.2.2.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Theo lý luận giáo dục học, chủ thể giáo dục là những thầy giáo, cô giáo và những người khác làm công tác quản lý giáo dục. Vận dụng lý luận này vào lĩnh vực GDPL cho PN trong các TG, có thể hiểu, chủ thể GDPL là tất cả những người mà theo chức năng, nhiệm vụ hay trách nhiệm xã hội phải tham gia vào việc thực hiện các mục tiêu của GDPL cho PN. Đó chính là các nhà giáo dục pháp luật. Tuy nhiên, cách hiểu này mới chỉ nhìn thấy một khía cạnh của chủ thể GDPL là những người trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia truyền đạt nội dung GDPL cho PN, mà chưa nhìn thấy một thành tố quan trọng khác thuộc chủ thể GDPL cho PN trong các TG - cơ quan quản lý GDPL cho PN.

Như vậy, chủ thể GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay phải được nhìn nhận từ cả ba phương diện: chủ thể giữ *vai trò quản lý* công tác GDPL cho PN, chủ thể giữ *vai trò tổ chức triển khai* công tác GDPL cho PN và chủ thể *trực tiếp thực hiện* GDPL cho PN trong các TG.

#### **a) Chủ thể giữ vai trò quản lý**

Theo quy định của *Luật Thi hành án hình sự*, hệ thống tổ chức thi hành án hình sự gồm có cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự gồm “a) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an; b) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng” [64, khoản 1, Điều 10]. Cơ quan thi hành án hình sự gồm “Trại giam thuộc Bộ Công an, trại giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại giam thuộc quân khu” [64, điểm a, khoản 2, Điều 10]. Luật Thi hành án hình sự cũng giao “Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy

định chi tiết tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự” [64, khoản 4 Điều 10].

Theo Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an* [16], công tác quản lý thi hành án hình sự thuộc về Tổng cục VIII. Quản lý công tác giáo dục cải tạo PN, trong đó có *GDPL, giáo dục công dân cho PN* tại các TG là một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của Tổng cục VIII. Chức năng, nhiệm vụ đó được giao cho *Cục Giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng*, quy định tại Quyết định số 4051/QĐ-BCA ngày 11/12/2009 của Bộ trưởng Bộ công an *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp* [8].

Để bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự nói chung, giáo dục cải tạo PN nói riêng, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 35/QĐ-BCA ngày 5/01/2010 *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng* (Cục C86). Điều 1 của Quyết định trên quy định về vị trí và chức năng:

Cục giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng thuộc Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật đối với phạm nhân, trại viên; chỉ đạo hoạt động giáo dục cải tạo, công tác quản giáo và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về đặc xá, giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại cho phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho trại viên trong các cơ sở giáo dục; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc hòa nhập cộng đồng cho những người chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục [9, Điều 1].

Từ vị trí, chức năng kể trên, với *tư cách chủ thể quản lý công tác GDPL cho PN trong các TG*, Cục C86 có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- *Nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành về công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân...* [9, khoản 1, Điều 2]. Thực hiện nhiệm vụ này, trong những năm qua, Cục C86 đã tham mưu cho các cấp có thẩm

quyền và Tổng cục VIII xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn thực hiện về công tác giáo dục cải tạo phạm nhân nói chung, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân cho phạm nhân nói riêng, như: Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT ngày 06/02/2012 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo *Hướng dẫn việc tổ chức dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân, phổ biến thông tin thời sự, chính sách và thực hiện chế độ sinh hoạt, giải trí cho phạm nhân*; Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 26/3/2012 của Đảng ủy Tổng cục VIII *Về tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục phạm nhân, trại viên, học sinh giai đoạn 2012 - 2016*; Thông tư số 39/2013/TT-BCA ngày 25/9/2013 của Bộ Công an *Quy định về giáo dục và tư vấn cho phạm nhân sắp chấp hành án phạt tù*; Công văn số 148/C81-C86 ngày 30/01/2013 *Hướng dẫn việc dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân cho phạm nhân...* Những văn bản pháp quy trên đây là cơ sở pháp lý để các TG triển khai thực hiện công tác GDPL cho PN.

- *Nghiên cứu xây dựng nội dung, chương trình giáo dục cải tạo và các biện pháp tác động giáo dục...* [9, khoản 2, Điều 2]. Hiện thực hóa nhiệm vụ này, năm 2009, Tổng cục VIII đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (Bộ giáo dục và Đào tạo) biên soạn Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” gồm 03 tập dành cho 03 nhóm đối tượng PN (PN mới đến trại giam chấp hành án phạt tù; PN đang chấp hành án phạt tù; PN sắp chấp hành xong án phạt tù), góp phần tạo nên sự đồng bộ, thống nhất trong công tác GDPL cho PN tại tất cả các TG thuộc Bộ Công an. Sau mấy năm triển khai thực hiện, đến nay, Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” đã bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định nên năm 2014, Tổng cục VIII đã ban hành Chương trình khung về giáo dục cải tạo PN, trong đó quy định những nội dung cụ thể về GDPL cho ba nhóm PN nêu trên, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 21 *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*.

#### *b) Chủ thể giữ vai trò tổ chức thực hiện*

Chủ thể giữ vai trò *tổ chức thực hiện GDPL* cho PN trong TG là *Giám thị trại giam*. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định: “*Giám thị trại giam có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho phạm nhân*” [65, khoản 3, Điều 21]. Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ theo luật định, Giám thị TG hoặc Phó giám thị được ủy quyền có trách nhiệm phân công công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, tài liệu học tập pháp luật cho PN; lựa chọn và xây dựng đội ngũ CBGDPL có đủ



trình độ chuyên môn, kiến thức, hiểu biết pháp luật và năng lực nghiệp vụ sư phạm để trực tiếp lên lớp truyền đạt nội dung GDPL cho PN; giám sát, kiểm tra việc thực hiện chương trình, đưa ra hình thức đánh giá kết quả GDPL cho PN trong TG...

*c) Chủ thể giữ vai trò trực tiếp thực hiện giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Chủ thể giữ vai trò *trực tiếp thực hiện* hoạt động GDPL cho PN trong TG là *lãnh đạo TG* (Giám thị, các Phó giám thị), *chỉ huy* (Đội trưởng) và *những cán bộ thuộc Đội giáo dục - hồ sơ* (đơn vị nghiệp vụ thuộc cơ cấu tổ chức cán bộ của TG). Các cán bộ này là những nhà GDPL, có nhiệm vụ chuẩn bị giáo án/bài giảng theo quy định của chương trình GDPL cho PN; chuẩn bị các câu hỏi, bài tập tình huống, sự kiện pháp lý thực tiễn liên quan đến nội dung bài giảng, lựa chọn phương pháp GDPL phù hợp và trực tiếp lên lớp truyền đạt nội dung GDPL cho các PN; qua đó, hiện thực hóa mục tiêu của công tác này. Khi cần thiết, Giám thị trại giam hoặc Phó Giám thị được ủy quyền có thể trực tiếp lên lớp làm công tác GDPL cho PN.

Ngoài ra, tùy theo chủ đề pháp luật có tính chất chuyên sâu, chuyên ngành cần phổ biến, giáo dục cho PN trong các TG, tùy thuộc vào điều kiện vật chất, khả năng kinh phí, nhu cầu thực tế của PN và sự đồng ý của Giám thị TG, từng TG có thể mời các thầy giáo, cô giáo của các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật, mời những chuyên gia pháp luật đang công tác tại Tổng cục VIII, Sở Tư pháp các tỉnh trên địa bàn TG đứng chân, mời các thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư... đến TG và trực tiếp lên lớp giảng bài cho PN.

Các trại giam... có thể mời giáo viên hoặc người có chuyên môn về pháp luật, giáo dục công dân có trình độ từ đại học trở lên đang công tác ở các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các cơ quan của Bộ Tư pháp vào giảng dạy pháp luật và giáo dục công dân cho phạm nhân [11, khoản 1, Điều 10].

Sự đa dạng hóa thành phần chủ thể GDPL cho PN sẽ mang đến những cách tiếp cận vấn đề khác nhau với kiến thức lý luận, thông tin và kinh nghiệm thực tiễn đa dạng, phong phú. Điều đó sẽ ra tạo ra sự mới mẻ, sức hấp dẫn, lôi cuốn PN vào bài học pháp luật, kích thích sự hăng hái học tập của PN.

#### **2.2.2.2. Đối tượng của giáo dục pháp luật**

Đối tượng của GDPL là những người chịu sự tác động của hoạt động GDPL, trực tiếp tham gia vào quá trình GDPL để tiếp thu, lĩnh hội những thông tin, kiến thức pháp luật xuất phát từ nhu cầu hoặc yêu cầu hình thành, tích lũy, củng cố hay nâng

cao vốn kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân nhằm đáp ứng những đòi hỏi nhất định của thực tiễn cuộc sống. Đối tượng của GDPL cho PN trong các TG *chính là những phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù trong các trại giam ở Việt Nam*. Dựa trên các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự, các TG với tư cách là chủ thể tổ chức hoạt động GDPL cho PN; còn PN với tư cách là đối tượng, tham dự vào hoạt động GDPL được tổ chức dành riêng cho họ nhằm tiếp nhận những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết, phục vụ thiết thực cho quá trình chấp hành án phạt tù trong TG cũng như sau khi mãn hạn tù, trở về tái hòa nhập cộng đồng.

Đối tượng PN trong các TG có cơ cấu rất đa dạng và mang những nét đặc thù riêng chỉ có ở đối tượng này, như: phạm những tội khác nhau và có mức án phạt tù khác nhau; trình độ học vấn rất không đồng đều, từ mù chữ cho đến tốt nghiệp đại học, thậm chí sau đại học; có sự đa dạng về thành phần dân tộc; có nghề nghiệp và địa bàn cư trú rất khác nhau trước khi nhập trại; đa số không có hoặc rất thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật; một bộ phận có diễn biến tâm lý phức tạp; có cả PN là người nước ngoài... Chủ thể GDPL cần nắm bắt, thấu hiểu những nét đặc thù trên đây để có thể đưa ra những nội dung, phương pháp và hình thức GDPL sao cho phù hợp với đặc thù của từng nhóm đối tượng PN. Dựa trên những nét đặc thù đó, chủ thể GDPL cần xây dựng những tiêu chí phân hóa đối tượng nhằm bảo đảm hiệu quả GDPL cho PN.

Hiện nay, theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT, PN trong các TG được phân chia thành ba nhóm đối tượng với nhu cầu và yêu cầu tiếp nhận GDPL khác nhau tùy thuộc vào từng giai đoạn chấp hành án phạt tù của họ; tương ứng với 03 chương trình GDPL: chương trình dành cho số PN *mới đến chấp hành án phạt tù* (GDPL đầu vào), chương trình cho số PN *đang chấp hành án phạt tù* (GDPL thường xuyên) và chương trình cho số PN *sắp chấp hành xong án phạt tù* (GDPL đầu ra).

### **2.2.3. Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Nội dung, phương pháp và hình thức GDPL là những yếu tố cấu thành cơ bản của hoạt động GDPL cho bất cứ đối tượng nào. Giữa các yếu tố cấu thành này phải có sự ăn khớp, phù hợp thì mới đảm bảo chất lượng và hiệu quả của hoạt động GDPL nói chung, GDPL cho PN trong các TG nói riêng.

### **2.2.3.1. Nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Muốn đạt được mục tiêu GDPL cho PN thì phải có nội dung GDPL. *Nội dung GDPL cho PN trong các TG là toàn bộ những quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, pháp luật về hình sự, thi hành án hình sự, xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về phòng, chống ma túy, tệ nạn xã hội... mà chủ thể GDPL có trách nhiệm truyền đạt, chuyển tải cho các đối tượng PN, giúp họ có được những thông tin, kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật.*

Trong GDPL, nội dung GDPL là hệ thống các văn bản QPPL. Tuy nhiên, nội dung GDPL có quan hệ và tác động trực tiếp tới nhiều đối tượng GDPL khác nhau, nên nội dung GDPL vừa phải có tính trực tiếp, cụ thể cho từng nhóm đối tượng, lại vừa phải có tính rộng rãi chung cho toàn xã hội.

Do đó, nội dung GDPL phải mang tính cụ thể, trực tiếp về các văn bản pháp luật để đối tượng được giáo dục nắm bắt và thực hiện. Phạm vi nội dung GDPL bao gồm hệ thống pháp luật thực định, các văn bản pháp luật; các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật và thực tiễn pháp luật, các thông tin về tình hình vi phạm pháp luật; kết quả xử lý các vi phạm pháp luật; thông tin phản hồi của các tầng lớp nhân dân góp ý, đề xuất ý kiến về việc xây dựng, thực hiện và hoàn thiện pháp luật; v.v.. [69, tr.155-156].

Bên cạnh những đặc điểm chung, nội dung GDPL cho PN trong các TG còn có đặc điểm riêng xuất phát từ mục tiêu GDPL cho đối tượng này. Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT, có thể chỉ ra nội dung GDPL cụ thể cho PN trong TG ở nước ta hiện nay, bao gồm:

- Những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước liên quan đến PN và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù;

- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp, pháp luật; Quyền và nghĩa vụ của PN được quy định trong Luật Thi hành án hình sự; Luật Đặc xá và các văn bản hướng dẫn thi hành khác;

- Các quy định về tội phạm, hình phạt, về hoãn, tạm đình chỉ, miễn, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, về đặc xá, xóa án tích và những nội dung cơ bản, cần thiết khác được quy định trong các Nghị quyết của Quốc hội, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Cư trú, Luật Giao thông đường

bộ, Luật Dạy nghề, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đặc xá, Luật Phòng, chống ma túy, Luật Phòng, chống HIV/AIDS...;

- Nội quy trại giam và các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù;

- Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong TG, trại tạm giam, nhà tạm giữ;

- Các chuẩn mực đạo đức xã hội trong các mối quan hệ với bản thân, với người khác, với công việc, với gia đình và cộng đồng;

- Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng [11, khoản 2, Điều 8].

Những nội dung GDPL nêu trên đều rất cần thiết cho PN, giúp họ có thông tin, kiến thức pháp luật làm nền tảng để tự xác định mục tiêu phấn đấu học tập, cải tạo tốt để có thể sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng.

### ***2.2.3.2. Phương pháp giáo dục pháp luật cho phạm nhân***

Mỗi nội dung GDPL đòi hỏi phải vận dụng phương pháp chủ đạo và có sự phối hợp với nhiều phương pháp khác nhau. Phương pháp GDPL phù hợp là điều kiện quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả GDPL cho các đối tượng. GDPL cho PN trong các TG cũng không nằm ngoài tính quy luật đó.

*Phương pháp GDPL cho PN trong các TG là tổ hợp cách thức tổ chức hoạt động dạy và học được chủ thể (thực hiện hoạt động dạy, truyền đạt) và đối tượng PN (thực hiện hoạt động học, tiếp thu) sử dụng nhằm chuyển hóa nội dung GDPL thành kiến thức, hiểu biết pháp luật của PN; qua đó, hiện thực hóa mục tiêu GDPL cho đối tượng này.*

Các nội dung pháp luật không thể tự đến được với mỗi PN, mà phải thông qua phương pháp GDPL để truyền đạt cho PN. Phương pháp GDPL cho PN trong các TG là một thành tố rất quan trọng trong quá trình GDPL cho đối tượng này. Từ mục tiêu, nội dung GDPL cho PN cần lựa chọn, sử dụng các nhóm phương pháp GDPL tương ứng, phù hợp và hiệu quả.

- Để GDPL nhằm hình thành, củng cố ý thức pháp luật cho PN, có thể sử dụng các phương pháp GDPL sau:

- + *Phương pháp thông tin pháp luật*: Phương pháp này được sử dụng cùng với sự hỗ trợ đặc lực của các phương tiện truyền thông, như báo chí, các chương trình truyền hình, hệ thống loa truyền thanh, phim, ảnh..., để chuyển tải các nội dung pháp luật tới PN.

+ *Phương pháp tuyên truyền, giải thích pháp luật*: Phương pháp này được sử dụng khi chủ thể cần phổ biến các quy định pháp luật mới liên quan đến các chế độ, chính sách đối với PN.

+ *Phương pháp nói chuyện, trao đổi về pháp luật*: Chủ thể GDPL tổ chức cho PN nghe nói chuyện về các chủ đề pháp luật hoặc trò chuyện, trao đổi về các sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn xã hội hoặc trong môi trường TG; qua đó, giáo dục cho PN cách nhìn nhận, đánh giá một sự việc, sự kiện pháp lý, hình thành tình cảm pháp chế, niềm tin vào pháp luật.

+ *Phương pháp nêu gương điển hình*: căn cứ vào tình hình thực tế trong mỗi trại giam, chủ thể GDPL lựa chọn những PN có thành tích lao động, học tập, cải tạo tốt; những PN điển hình trong việc tôn trọng, thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật, nội quy, quy chế trại giam để nêu gương, biểu dương trước các phân trại hoặc trước toàn TG vào các dịp chào cờ, sinh hoạt văn hóa, thể thao... để tất cả các PN khác trong TG được biết; giúp cho các PN khác học tập, noi theo những tấm gương tốt; biết né tránh cái xấu, tiêu cực.

+ *Phương pháp tạo dư luận xã hội trong PN để GDPL*: Chủ thể GDPL chủ động tạo ra các luồng dư luận xã hội trong toàn thể PN tại TG trên cơ sở các sự việc, sự kiện pháp luật có thật xảy ra ngoài xã hội hoặc trong TG; từ đó, tạo dựng cho mỗi PN ý thức phê phán, lên án hành vi phạm pháp, phạm tội; củng cố, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tuân thủ nội quy TG của PN.

+ *Phương pháp giảng dạy pháp luật trên hội trường, trong lớp học*: Chủ thể GDPL tổ chức cho PN tập trung trên hội trường lớn hoặc biên chế PN theo các lớp học nhỏ và bố trí CBGDPL, giáo viên lên lớp giảng bài, truyền đạt nội dung pháp luật cho PN. CBGDPL khi lên lớp có thể sử dụng phối kết hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau một cách hài hòa, như thuyết trình, phát vấn, trực quan, thảo luận nhóm, luyện tập, thực hành... Ngoài ra, tùy theo điều kiện thực tế, chủ thể GDPL có thể tổ chức các hoạt động GDPL ngoài giờ lên lớp, như giao bài tập về nhà cho PN.

- Để GDPL làm hình thành kinh nghiệm giao tiếp, ứng xử phù hợp với các quy định pháp luật, nội quy, quy chế TG... cho PN, chủ thể GDPL có thể dùng các phương pháp GDPL sau:

+ *Phương pháp nêu các yêu cầu pháp luật*: Chủ thể GDPL nêu và nhấn mạnh các quy định, yêu cầu cụ thể về pháp luật, về nội quy, quy chế TG mà các PN

phải chấp hành, tuân thủ trong quá trình chấp hành án phạt tù tại TG. Tính bắt buộc phải thực hiện các quy định pháp luật thi hành án hình sự, nội quy, quy chế TG là nguyên tắc mà PN nhất thiết phải quán triệt và tuân thủ.

+ *Phương pháp tạo tình huống pháp luật*: Chủ thể GDPL sưu tầm, lựa chọn và đưa ra các tình huống có thật hoặc tình huống giả định liên quan tới các quy định pháp luật về những hành vi, việc làm mà PN được phép thực hiện hoặc không được phép thực hiện trong quá trình chấp hành án phạt tù; những tình huống đó đòi hỏi PN phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật nhất định thì mới giải quyết được. Bằng cách đó, chủ thể GDPL đã chủ động gây ra ở các PN tâm trạng, tình cảm, phản ứng và hành vi xử sự cần thiết trước các quy định pháp luật. Việc giải quyết các tình huống pháp luật đó giúp PN củng cố ý thức chấp hành pháp luật, biết cách hành động, ứng xử sao cho phù hợp với các nguyên tắc, quy định pháp luật về thi hành án hình sự.

+ *Phương pháp rèn luyện, thực hành pháp luật*: Chủ thể GDPL tổ chức cho PN rèn luyện, thực hành vận dụng những kiến thức pháp luật, nội quy, quy chế đã được học vào môi trường thực tế trong TG; qua đó, giúp PN biết cách lựa chọn và thực hiện những hành vi đúng đắn, phù hợp với quy định pháp luật về thi hành án hình sự.

### **2.2.3.3. Hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Hình thức GDPL cho PN trong các TG là những mô hình tổ chức triển khai thực hiện, những cách làm cụ thể mà thông qua đó, chủ thể thực hiện hoạt động GDPL cho PN. Với cách tiếp cận này, có thể đưa ra định nghĩa hình thức GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam như sau: *Hình thức GDPL cho PN trong các trại giam là tập hợp các mô hình tổ chức triển khai thực hiện, những cách làm cụ thể, đa dạng khác nhau; thông qua đó, chủ thể giáo dục pháp luật chuyển giao các nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân; hướng tới đạt được mục đích, mục tiêu giáo dục pháp luật cho đối tượng này.*

Ở nước ta hiện nay, đối với công tác GDPL nói chung, *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012* quy định các hình thức phổ biến, GDPL cho các đối tượng, gồm: 1) Hợp báo, thông cáo báo chí; 2) Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; 3) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin

điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; 4) Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; 5) Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; 6) Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở; 7) Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; 8) Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả [65, Điều 11].

Đối với PN trong các TG, hình thức GDPL cho họ gồm:

...thực hiện thông qua chương trình học pháp luật, giáo dục công dân và lồng ghép trong chương trình học văn hoá, học nghề, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng; phổ biến thông tin thời sự, chính sách; sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng và các hình thức phù hợp khác [65, khoản 2, Điều 21].

Còn theo Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT, các trại giam:

Có thể tổ chức giáo dục pháp luật, giáo dục công dân cho phạm nhân bằng nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị, với khả năng của giáo viên và nhận thức của phạm nhân. Hình thức chủ yếu là tổ chức thành các lớp học có giáo viên lên lớp hướng dẫn bài giảng, quản giáo tổ chức thảo luận theo đội, tổ. Việc phổ biến tài liệu, hướng dẫn nội dung giáo dục pháp luật, giáo dục công dân cho phạm nhân có thể thực hiện thông qua các hệ thống phát thanh, truyền hình cáp nội bộ, băng, đĩa video, thi tìm hiểu pháp luật và các hình thức phù hợp khác [11, khoản 2, Điều 9].

Từ các quy định pháp luật nêu trên, có thể chỉ ra những hình thức cơ bản, phù hợp với GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay, bao gồm:

- *Hình thức tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường*: Cán bộ chỉ huy, giáo viên được phân công trực tiếp lên lớp giảng bài cho PN theo từng chủ đề pháp luật trong chương trình, cán bộ quản giáo tổ chức và hướng dẫn PN thực hiện hoạt động thảo luận các nội dung bài học theo đội, tổ.

- *Hình thức cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho PN*: Các TG cần xây dựng thư viện, tủ sách pháp luật, phòng đọc sách dành cho PN, trong đó trang bị các loại sách, báo pháp luật; các loại tài liệu pháp luật nói chung, liên quan đến Luật Thi hành án hình sự nói riêng; giáo trình, tập bài giảng theo nội dung các chương trình GDPL dành cho PN... Trên cơ sở đó, từng TG tổ chức cho PN đọc sách tại phòng đọc hoặc cho phép PN mượn sách, tài liệu mang về buồng giam để đọc theo thể thức, nội quy hoạt động của thư viện.

- *Hình thức niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại/phân trại, ở buồng giam PN*: Hình thức này đòi hỏi thông tin pháp luật phải ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu đối với PN. Những thông tin được niêm yết chủ yếu là quy chế TG, nội quy buồng giam; chế độ, chính sách pháp luật mới đối với PN...

- *Hình thức GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động*: Các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp với PN trong TG gồm báo in, báo nói, báo hình với những nội dung liên quan đến pháp luật; hệ thống loa truyền thanh được trang bị trong TG; các panô, áp-phích, tranh cổ động được đặt ở những vị trí hợp lý trong TG. Đặc tính cơ bản của các loại hình nêu trên là tính phổ cập thông tin pháp luật nhanh chóng, kịp thời và rộng rãi. Chủ thể cần xây dựng băng ghi âm, ghi hình phục vụ GDPL một cách hiệu quả, truyền tải thông tin, kiến thức pháp luật đến với PN thông qua tiếng nói, hình ảnh. Trong GDPL, các phương tiện truyền thông có vai trò rất quan trọng, là phương tiện hữu hiệu đưa pháp luật tới từng PN, giúp họ dễ dàng tiếp thu, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

- *Hình thức tổ chức cho PN làm báo tường, thi tìm hiểu pháp luật*: Các hình thức này được tổ chức nhằm động viên, khuyến khích các PN trong cùng buồng giam thiết kế, xây dựng những tờ báo tường theo một nội dung, chủ đề pháp luật nhất định; tham gia tìm hiểu pháp luật thi hành án hình sự, tìm hiểu chế độ, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với PN; qua đó, giúp PN nâng cao nhận thức pháp luật, yên tâm học tập, cải tạo trong quá trình chấp hành án.

- *Hình thức GDPL thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghệ, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội*: Việc lồng ghép đòi hỏi tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của chủ thể GDPL nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho PN. Chẳng hạn, có thể tổ chức *sâu khấu hóa* nội dung GDPL thông qua



việc dàn dựng các tiểu phẩm sân khấu, kịch nói; viết thư gửi lời xin lỗi người bị hại, thân nhân người bị hại...

- *Hình thức GDPL cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng PN*: Đối với hình thức này, lãnh đạo, chỉ huy hoặc CBGDPL có uy tín, có kinh nghiệm, hiểu sâu tâm lý tội phạm, có kiến thức tội phạm học, xã hội học tội phạm... gặp gỡ riêng những PN cá biệt nhằm răn đe, uốn nắn nếu họ có nhận thức, hành vi lệch lạc; giải thích, động viên, khích lệ tinh thần nếu họ có thái độ tự ti, mặc cảm, thiếu hòa nhập trong sinh hoạt TG; trao đổi, tìm hiểu, chia sẻ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho PN hoặc gợi mở, giúp họ tìm ra biện pháp đúng đắn để giải quyết vấn đề mà PN đang gặp phải. Bên cạnh đó, có thể dùng PN đặc biệt đã qua giáo dục có tiến bộ, có hiểu biết và có uy tín, sự lôi cuốn để giáo dục lại số PN cá biệt đang còn có thái độ, biểu hiện chống đối cũng rất hiệu quả trong giáo dục cá biệt; hoặc cũng có thể cho kèm cặp giúp đỡ, gặp gỡ thường xuyên và đi liền với kiểm tra, giám sát chặt chẽ, có khuyến khích, động viên và uốn nắn kịp thời.

### **2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM**

Công tác GDPL cho PN trong các TG là hoạt động khó khăn, phức tạp và chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm cả *chủ quan* và *khách quan*. Tất nhiên, sự phân chia các yếu tố chủ quan và khách quan chỉ có tính tương đối vì về cơ bản, các yếu tố này luôn nằm trong sự đan xen và có quan hệ mật thiết với nhau. Sự nhận diện, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho PN tại các TG có ý nghĩa rất quan trọng; nó giúp giải thích tại sao trong cùng điều kiện, hoàn cảnh như nhau, có thể hoạt động GDPL cho PN ở TG này diễn ra chủ động, tích cực, đạt hiệu quả cao; còn ở TG khác lại mang tính thụ động, cầm chừng và kém hiệu quả, mà hậu quả là tỷ lệ PN xếp loại kém, loại trung bình còn cao, trốn trại, đưa vật cấm vào TG, phạm tội mới...

#### **2.3.1. Các yếu tố chủ quan**

Các yếu tố chủ quan là những yếu tố tồn tại bên trong ý thức của các chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL, chi phối quan niệm, nhận thức và hoạt động thực tiễn của họ; từ đó, ảnh hưởng tới hiệu quả GDPL cho PN. Các yếu tố chủ quan đó bao gồm ý thức trách nhiệm, năng lực tổ chức, thực hiện, đạo đức, lối sống của chủ thể GDPL cho PN và trình độ học vấn, khả năng tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của bản thân các PN.

### ***2.3.1.1. Ý thức trách nhiệm, năng lực tổ chức, thực hiện, đạo đức của chủ thể giáo dục pháp luật cho phạm nhân***

#### ***a) Ý thức trách nhiệm của chủ thể giáo dục pháp luật***

Theo quy định của pháp luật, việc triển khai GDPL cho PN thuộc trách nhiệm của TG mà trực tiếp là lãnh đạo, chỉ huy, CBGDPL và cán bộ quản giáo. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện trách nhiệm đó như thế nào lại phụ thuộc chủ yếu vào ý thức trách nhiệm của từng chủ thể. Điều đó nói lên rằng, *ý thức trách nhiệm* của chủ thể GDPL có ảnh hưởng rất quan trọng tới chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN trong các TG.

Ý thức trách nhiệm của chủ thể GDPL cho PN thể hiện ở quan niệm, sự nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, sự tác động của công tác GDPL đối với PN; ở sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành công tác chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ GDPL; xây dựng, phê duyệt kế hoạch, chuẩn bị bài giảng theo nội dung chương trình GDPL; lựa chọn phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp với nội dung bài giảng về pháp luật, đặc điểm của đối tượng PN... Ý thức trách nhiệm của chủ thể còn biểu hiện ở sự đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chương trình; ở việc đánh giá kết quả thực hiện của CBGDPL, đánh giá hiệu quả, sự tác động của GDPL đối với PN tại TG.

Nếu chủ thể có ý thức trách nhiệm cao đối với công tác GDPL cho PN: Đảng ủy, từng chi bộ thuộc TG có sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát công tác này; lãnh đạo TG có sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt việc thực hiện kế hoạch, chương trình, dành thời gian để trực tiếp đứng lớp; chỉ huy các phân trại, đội nghiệp vụ giáo dục có sự đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra thường xuyên; từng CBGDPL có sự nhiệt tình, tận tâm với công việc được giao... thì chắc chắn công tác GDPL cho PN trong các TG sẽ đạt được chất lượng, hiệu quả cao, tác động tích cực tới việc hình thành, củng cố và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của PN. Ngược lại, khi chủ thể GDPL thiếu tinh thần, ý thức trách nhiệm, thiếu sự phối hợp, thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, CBGDPL chỉ lên lớp làm cho xong nhiệm vụ được giao, ít quan tâm tới chất lượng, hiệu quả công việc... thì công tác GDPL cho PN sẽ chỉ mang tính hình thức, hoạt động cầm chừng, không đạt được hiệu quả như mong muốn.

Như vậy, ý thức trách nhiệm của chủ thể GDPL có ảnh hưởng rất quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN trong các TG.

*b) Năng lực tổ chức, thực hiện, đạo đức của chủ thể giáo dục pháp luật*

Cùng với ý thức trách nhiệm, năng lực tổ chức, thực hiện và đạo đức của chủ thể GDPL cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN trong các TG. Giữa ý thức trách nhiệm của chủ thể và năng lực tổ chức thực hiện của chủ thể GDPL có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, thể hiện ở chỗ: nếu chủ thể GDPL cho PN có ý thức trách nhiệm mà không có năng lực tổ chức, thực hiện thì đó chỉ là ý thức trách nhiệm suông, vô giá trị; ngược lại, nếu chủ thể có năng lực tổ chức, thực hiện nhưng không có hoặc thiếu ý thức trách nhiệm thì công tác GDPL cho PN sẽ không được thực hiện đến nơi, đến chốn, nảy sinh tình trạng né tránh, dùn đẩy trách nhiệm.

Về cơ bản, năng lực tổ chức, thực hiện GDPL cho PN trong các TG là phẩm chất, tiêu chuẩn nghiệp vụ cần thiết và phải có ở từng chủ thể trực tiếp làm công tác GDPL cho PN. Năng lực đó chủ yếu thể hiện ở *trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm* của chủ thể GDPL.

Để có thể lên lớp giảng dạy về pháp luật cho PN thì trước hết, bản thân lãnh đạo, chỉ huy, CBGDPL của các TG phải có trình độ kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật. Kiến thức pháp luật là nền tảng để CBGDPL nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công việc mà mình đảm nhiệm, về nội dung, tinh thần của pháp luật nói chung, pháp luật hình sự, thi hành án hình sự và các văn bản QPPL khác có liên quan đến quá trình PN chấp hành án phạt tù nói riêng; về tác động thực tế của các văn bản QPPL đó đối với PN... Trên nền tảng kiến thức, hiểu biết pháp luật sẵn có, CBGDPL mới có thể xác định, lựa chọn những nội dung pháp luật cụ thể, thiết thực, tác động trực tiếp tới PN để giảng dạy, truyền đạt nhằm cung cấp kiến thức pháp luật cho họ một cách hiệu quả. Ngược lại, nếu kiến thức pháp luật của đội ngũ CBGDPL ở trình độ thấp, không được tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề pháp luật thường xuyên thì họ sẽ bị động, lúng túng khi đứng lớp giảng bài; thiếu tự tin khi giải thích những nội dung pháp luật mà PN chưa rõ. Kiến thức, hiểu biết pháp luật của CBGDPL ở trình độ thấp sẽ có *tác động tiêu cực* tới hiệu quả GDPL cho PN.

Có kiến thức, hiểu biết pháp luật rồi, chủ thể GDPL còn phải có và (nếu có thể) thành thạo kỹ năng nghiệp vụ sư phạm - *nhân tố quyết định tạo nên bài giảng pháp luật sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn người nghe*. Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của chủ thể GDPL thể hiện ở khâu khiêu thuyết trình, đối thoại, ở sự lựa chọn và sử dụng phối kết hợp các phương pháp giảng dạy, truyền đạt thông tin, nội dung pháp

luật; ở việc đưa ra những tình huống pháp lý, sự kiện pháp luật thực tế liên quan đến nội dung pháp luật đang truyền đạt để giúp PN dễ nhớ, dễ hiểu; ở sự vận dụng công nghệ thông tin để soạn giáo án/bài giảng điện tử phục vụ quá trình giảng dạy... Có được những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản là điều kiện tiên quyết để CBGDPL thu hút, lôi cuốn PN vào nội dung bài giảng mà không cần đến bất kỳ một mệnh lệnh hành chính nào. Ngược lại, CBGDPL thiếu hoặc không có những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết thì dù có dùng tới biện pháp bắt buộc PN ngồi im lặng, trật tự trong hội trường hay phòng học, tâm hồn họ vẫn rất có thể đang “treo ngược cành cây” trong khi CBGDPL vẫn đang thuyết trình, độc thoại. Ngoài ra, phẩm chất đạo đức lành mạnh, trong sáng của người thầy cũng ảnh hưởng tích cực tới PN.

Sự phân tích, lý giải trên đây cho thấy năng lực tổ chức, thực hiện GDPL của chủ thể GDPL có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng, mạnh mẽ tới chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay.

### ***2.3.1.2. Trình độ học vấn, khả năng tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của các phạm nhân***

Trình độ học vấn là khái niệm chỉ hệ thống những kiến thức, hiểu biết về tự nhiên, xã hội, về chính bản thân con người mà mỗi cá nhân tiếp nhận và tích lũy được trong quá trình tham gia học tập, nghiên cứu ở những cấp học, bậc học nhất định thuộc nền giáo dục của một quốc gia. Trình độ học vấn là khái niệm có nội hàm rất rộng, trong đó bao hàm cả trình độ hiểu biết xã hội nói chung và trình độ hiểu biết pháp luật nói riêng [56, tr.180].

Trong hoạt động GDPL cho PN, trình độ học vấn của PN có ảnh hưởng rất lớn tới khả năng tiếp thu kiến thức pháp luật của họ. Quá trình tham gia giáo dục, học tập ở các cấp học, bậc học trước đây đã giúp PN tiếp thu, tích lũy được những tri thức, hiểu biết khoa học nhất định. Những tri thức, hiểu biết đó là cơ sở để PN lĩnh hội, ghi nhớ các nội dung pháp luật được truyền đạt trên lớp và thông qua những hình thức giáo dục pháp luật khác; từ đó, họ có thể vận dụng những kiến thức pháp luật hấp thụ được vào quá trình chấp hành án phạt tù trong TG cũng như sau khi mãn hạn tù. Trình độ học vấn có được càng cao thì PN càng dễ tiếp thu, hiểu được những khái niệm pháp lý được sử dụng trong các văn bản QPPL mà họ được học. Ngược lại, trình độ học vấn của PN thấp, thậm chí mù chữ thì họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức pháp luật; bởi lẽ, bản thân PN chưa

hiểu hết ngữ nghĩa của những thuật ngữ, khái niệm thông thường thì làm sao họ có thể hiểu được các khái niệm pháp luật.

Chẳng hạn, một PN trước đây đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã tốt nghiệp đại học, thậm chí sau đại học, sẽ dễ dàng tiếp thu, lĩnh hội thông tin, kiến thức pháp luật hơn so với một PN mới chỉ học xong tiểu học hoặc mù chữ; có nghĩa là *sự khác biệt nằm ở nền tảng trình độ học vấn*. Điều đó chứng tỏ trình độ học vấn có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của các PN; từ đó, ảnh hưởng đến hiệu quả GDPL cho PN tại các TG.

### **2.3.2. Các yếu tố khách quan**

Các yếu tố khách quan là những yếu tố tồn tại bên ngoài ý thức của chủ thể và đối tượng GDPL nhưng có tác động, ảnh hưởng tới kết quả, hiệu quả GDPL cho chính đối tượng. Các yếu tố khách quan có thể *ảnh hưởng tích cực* (góp phần làm gia tăng chất lượng, hiệu quả GDPL) hoặc *ảnh hưởng tiêu cực* (dẫn tới suy giảm hiệu quả GDPL cho đối tượng). Trong công tác GDPL cho PN, các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả GDPL bao gồm: điều kiện kinh tế; môi trường giáo dục cải tạo, lao động, học tập, sinh hoạt trong TG; chính sách và tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước đối với PN.

#### **2.3.2.1. Điều kiện kinh tế**

Kinh tế là điều kiện tiên quyết, có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với chất lượng, hiệu quả công tác GDPL nói chung, GDPL cho PN trong các TG nói riêng. Về cơ bản, có thể nhìn nhận, đánh giá sự ảnh hưởng của điều kiện kinh tế đối với GDPL cho PN trong các TG trên các phương diện sau:

##### *a) Từ phía Nhà nước*

Hiện nay, kinh phí phục vụ các mặt hoạt động của các TG, trong đó có GDPL cho PN, chủ yếu lấy từ nguồn ngân sách nhà nước và được bảo đảm trong dự toán kinh phí hàng năm của Bộ Công an. Kinh tế phát triển, nguồn thu ngân sách nhà nước gia tăng nhanh, bền vững là động lực quan trọng thúc đẩy công tác GDPL cho PN diễn ra với kết quả, hiệu quả cao hơn. Với tiềm lực kinh tế đủ mạnh, Nhà nước có điều kiện kinh tế để đầu tư kinh phí nhiều hơn cho hoạt động của các TG, trong đó có việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ GDPL cho PN. Chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng mà Nhà nước dành cho đội ngũ cán bộ TG trực tiếp làm công tác GDPL cho PN có tác dụng động viên, khích lệ họ hăng hái, nhiệt tình hơn với nhiệm vụ được giao. Ngược lại, điều kiện kinh tế

còn khó khăn, nguồn kinh phí Nhà nước đầu tư cho hoạt động của TG hạn hẹp sẽ là trở ngại lớn đối với các mặt hoạt động của trại giam, trong đó có công tác GDPL cho PN.

*b) Từ phía các trại giam*

Mọi hoạt động của TG hầu như phụ thuộc vào nguồn kinh phí được phân bổ từ ngân sách nhà nước. Là cơ quan thi hành án phạt tù, TG có một trong những nhiệm vụ là tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân, bao gồm cả công tác GDPL cho PN. Điều kiện kinh tế nói chung, nguồn kinh phí được cấp nói riêng có ảnh hưởng rất quan trọng tới các mặt hoạt động nghiệp vụ của TG và công tác GDPL cho PN. Nguồn kinh phí được cung cấp đầy đủ, kịp thời là điều kiện để các TG đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất (phòng học, thư viện, tủ sách pháp luật, học liệu, thiết bị âm thanh...) phục vụ công tác GDPL cho PN; chi trả thù lao thỏa đáng cho các cộng tác viên bên ngoài và những cán bộ giáo dục trực tiếp lên lớp giảng bài cho PN. Điều đó có ảnh hưởng tích cực tới việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này. Còn nếu điều kiện kinh tế không cho phép, nguồn chi ngân sách cho GDPL eo hẹp thì TG không đủ khả năng đầu tư cho hoạt động GDPL; do đó, hoạt động này khó mà đạt được kết quả như mong muốn.

*c) Về phía đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giáo dục pháp luật*

Điều kiện kinh tế cũng có tác động quan trọng tới những cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL cho PN. Kinh tế phát triển, đời sống vật chất được cải thiện và nâng cao, đội ngũ CBGDPL có điều kiện tập trung nghiên cứu, tìm hiểu, tự trang bị thêm thông tin, kiến thức pháp luật mới; đầu tư thời gian, công sức để soạn bài, xây dựng giáo án điện tử, chuẩn bị các bài tập trắc nghiệm, tình huống pháp lý thực tiễn trước khi lên lớp giảng bài cho PN, tạo ra những giờ giảng hấp dẫn, lý thú, thu hút PN. Đây là điều kiện tiên quyết để CBGDPL nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chỉ khi thu nhập của CBGDPL bảo đảm được nhu cầu vật chất của bản thân và gia đình thì họ mới yên tâm công tác, chấp hành kỷ cương, điều lệnh công an nhân dân, tận tâm, tận lực với công tác GDPL cho PN.

Còn khi điều kiện kinh tế chưa được đảm bảo, đời sống vật chất còn gặp nhiều khó khăn thì đội ngũ CBGDPL khó có thể tập trung toàn tâm, toàn ý với công tác GDPL cho PN. Như vậy, để công tác GDPL cho PN trong các TG thực sự đạt được hiệu quả, có chiều sâu thì vấn đề có tính chất nền tảng trước tiên phải giải

quyết chính là nâng cao đời sống vật chất của đội ngũ cán bộ trại giam nói chung, cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL cho PN nói riêng.

*đ) Về phía phạm nhân trong các trại giam*

Phạm nhân là những người tham dự và thụ hưởng thành quả công tác GDPL dành cho họ cả trong quá trình chấp hành án phạt tù cũng như sau khi mãn hạn tù, trở về với đời sống cộng đồng. Điều kiện kinh tế, đời sống vật chất trong TG có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động học tập pháp luật của họ. Việc Nhà nước, lãnh đạo TG quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất của TG ngày càng tiện nghi, đầy đủ hơn chính là nhằm bảo đảm cho cuộc sống, lao động, học tập, sinh hoạt của PN. Với điều kiện kinh tế gia đình khá giả, thân nhân có điều kiện định kỳ thăm gặp, hỗ trợ thêm kinh phí, khích lệ, động viên tinh thần PN sẽ giúp họ yên tâm tư tưởng, phấn đấu học tập, cải tạo tốt. Còn điều kiện kinh tế gia đình không cho phép, người thân ít có cơ hội thăm gặp PN thì dễ khiến họ rơi vào trạng thái tâm lý tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến tinh thần học tập pháp luật.

**2.3.2.2. Môi trường giáo dục cải tạo, lao động, học tập, sinh hoạt trong các trại giam**

Toàn bộ quá trình phạm nhân chấp hành án phạt tù, từ ăn, mặc, ở, học tập, lao động, chăm sóc sức khỏe (trừ những giờ lao động bên ngoài TG) cho đến các sinh hoạt khác đều diễn ra trong TG; bởi vậy, môi trường giáo dục cải tạo, lao động, học tập, sinh hoạt trong TG có ảnh hưởng rất quan trọng tới hoạt động chấp hành án nói chung, hoạt động học tập pháp luật của PN nói riêng. Sống trong môi trường TG, PN bị tước, bị hạn chế một số quyền công dân, phải thực hiện những nghĩa vụ bắt buộc đối với họ, trong đó có việc học tập pháp luật. Sự cưỡng chế trong khuôn khổ trại giam đối với nhiều hoạt động của PN sẽ làm hình thành ở họ cảm giác ân hận, day dứt lương tâm, không bằng lòng với bản thân; thậm chí là rơi vào trạng thái tâm lý nặng nề, tự sống khép kín, xa lánh những PN xung quanh, tự ti, mặc cảm với tội lỗi mà mình đã gây ra trước đây. Trong bối cảnh đó, nếu môi trường giáo dục cải tạo, lao động, học tập, sinh hoạt trong TG đáp ứng tốt những nhu cầu cuộc sống thường ngày của PN thì sẽ có tác động, ảnh hưởng tích cực đối với họ. Cảnh quan môi trường TG xanh, sạch, đẹp; điều kiện ăn, mặc, ở được bảo đảm theo quy định pháp luật; được tham gia các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách báo, xem tivi; tham gia lao động không cảm thấy gò bó, cưỡng bức, mà coi đó là việc làm cần thiết và có ích, đạt mục tiêu “ấm cái bụng, thông cái đầu”...

chính là những nhân tố quan trọng cần phải được tạo ra trong môi trường TG nhằm giúp cho PN có được tinh thần lạc quan, vui vẻ, yên tâm với việc chấp hành án phạt tù. Tạo ra một môi trường giáo dục cải tạo, lao động, học tập, sinh hoạt trong TG với việc duy trì trật tự, kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh nhưng vẫn biểu hiện bầu không khí thân thiện, nhân ái, khoan dung theo phương châm “lạt mềm buộc chặt” cũng có nghĩa là tạo cho PN thói quen suy nghĩ, nếp sống và hành động theo lẽ phải, sống, học tập, lao động sao cho có ích. Tất cả những điều đó đều có ảnh hưởng tích cực đối với công tác GDPL cho PN trong các TG.

### ***2.3.2.3. Chế độ, chính sách và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân trong các trại giam***

Chế độ, chính sách của Nhà nước đối với PN là sự thể chế hóa quan điểm đối xử của Nhà nước ta đối với những người bị kết án phạt tù nhằm bảo đảm hiệu quả của công tác thi hành án phạt tù, giáo dục, định hướng PN trở thành người có ích cho xã hội.

Chính sách của Nhà nước đối với người đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam không chỉ thể hiện nguyên tắc trừng trị đối với người đang chấp hành bản án, “trong thời gian chấp hành hình phạt, người bị kết án tù phải bị giam giữ, phải lao động và học tập theo quy định của pháp luật”, mà còn thể hiện tinh thần nhân văn, nhân đạo sâu sắc. Trong thời gian chấp hành bản án, họ được tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, được bảo đảm về đời sống vật chất và tinh thần [39, tr.3].

Chế độ, chính sách của Nhà nước đối với PN có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho họ, bởi vì nội dung của chế độ, chính sách có liên quan đến mọi mặt đời sống của họ trong TG; bao gồm chế độ về ăn, mặc, ở, sinh hoạt, phòng và khám chữa bệnh cho PN; chính sách về lao động, học tập; chính sách về thăm, gặp, nhận quà, gửi thư, bưu kiện, bưu phẩm và liên lạc bằng điện thoại với thân nhân; chính sách về khiếu nại, tố cáo; chính sách về khen thưởng, kỷ luật; chính sách về tạm đình chỉ, giảm thời hạn chấp hành án, đặc xá đối với PN... *Việc học tập, tìm hiểu để nắm bắt, hiểu rõ những chế độ, chính sách đó sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy PN chủ động, tích cực tham gia chương trình GDPL dành cho họ* theo phương châm: biết để chấp hành tốt, biết để phấn đấu theo các tiêu chí được nêu trong chính sách với mục tiêu được giảm án, được đặc xá. Khi mục tiêu đã được xác định một cách rõ ràng dựa trên sự hiểu biết đầy



đủ, cụ thể về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với PN thì đó đồng thời là động cơ phấn đấu của mỗi PN.

Việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân có tác động mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu sắc hơn đến sự nỗ lực, phấn đấu học tập pháp luật của PN.

Tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân là hoạt động của lực lượng cảnh sát trại giam, sử dụng tổng hợp các biện pháp công tác để áp dụng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với phạm nhân nhằm bảo đảm quyền và nghĩa vụ của họ, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành án phạt tù [39, tr.5].

Nếu việc tổ chức thực hiện chính sách bảo đảm đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tính công khai, công bằng, minh bạch và bảo đảm áp dụng thống nhất tại tất cả các phân trại, các TG thì sẽ có tác dụng động viên, khích lệ tinh thần, tư tưởng của PN; tạo dựng cho họ niềm tin đối với việc thực hiện chính sách. Đến lượt mình, niềm tin lại trở thành động cơ để PN tích cực học tập pháp luật và thực hiện pháp luật về thi hành án hình sự. Ngược lại, việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách thiếu nhất quán, có sự chủ quan, tùy tiện, thiếu công bằng sẽ làm mất đi niềm tin trong phạm nhân. Khi đó, hoạt động học tập pháp luật của họ sẽ trở nên miễn cưỡng, đối phó, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả công tác GDPL cho PN trong các TG.

#### **2.4. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC NHÀ TÙ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO/BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

Qua tìm hiểu, có thể thấy rằng, trên thế giới hiện nay đang tồn tại 02 mô hình chủ yếu về giáo dục cải tạo nói chung, GDPL nói riêng cho phạm nhân: 1) Mô hình giáo dục cải tạo thông qua chế độ lao động cưỡng bức đối với PN; đồng thời, tạo điều kiện để PN tự GDPL. Các nước theo mô hình này ít dành sự quan tâm đối với hoạt động GDPL cho tù nhân, hầu như không có các hoạt động chuyên biệt dành riêng cho GDPL; mà chủ yếu tạo cho PN những cơ hội, điều kiện nhất định để tự tìm hiểu pháp luật, điển hình là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Brazil. 2) Mô hình tổ chức các hoạt động GDPL dành cho PN bằng những hình thức đa dạng, điển hình như Hồng Kông (Trung Quốc), các nước Đông Nam Á. Trong tiết này, tác giả lần

lượt trình bày về GDPL cho phạm nhân ở từng nước, nhóm nước và gắn liền với mỗi nước, nhóm nước sẽ rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

#### **2.4.1. Giáo dục pháp luật cho phạm nhân ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ**

Hệ thống thi hành án phạt tù của Hoa Kỳ được xây dựng theo nguyên lý “cải huấn - tổ hợp công nghiệp” (The Correctional - Industrial Complex). Trong quá trình tù nhân chấp hành án phạt tù, có rất nhiều chương trình được các nhà tù liên bang thực hiện, như cải huấn, điều trị tâm lý, giáo dục, dạy nghề... Hiện Hoa Kỳ là nước có số phạm nhân lớn nhất thế giới, các nhà tù đều ở tình trạng quá tải, như nhà tù ở bang California được thiết kế với quy mô giam giữ 84.000 tù nhân, nhưng đến năm 2009, số tù nhân được giam giữ tại đây đã lên tới 158.000 người, quá tải gần gấp đôi so với quy mô thiết kế.

Ngoài hệ thống nhà tù liên bang và nhà tù của các bang còn có hệ thống nhà tù tư nhân. Nhà tù tư nhân không còn quá mới mẻ trong lịch sử nước Mỹ. Ngay từ giữa những năm 1800, chính quyền đã bàn giao việc quản lý và điều hành những nhà tù đầu tiên cho các doanh nghiệp tư nhân. Cũng kể từ đó, mô hình tư nhân hóa nhà tù đã nở rộ và trở thành một ngành kinh doanh béo bở và cạnh tranh tại đất nước giàu nhất thế giới này. Họ được cho là những tổ chức mang lại lợi nhuận cho chính quyền. Chính phủ hợp tác với doanh nghiệp thông qua các hợp đồng từ xây dựng và điều hành nhà tù đến việc cung cấp các dịch vụ như sức khỏe, thực phẩm hay công tác phục hồi nhân phẩm...

Theo bản báo cáo từ Tổ chức Lợi ích cộng đồng, hiện nay, các nhà tù tư nhân ký kết hợp đồng với các trại giam nhà nước nhiều bản hợp đồng đối với các nhà tù tư nhân, trong đó bao gồm điều kiện luôn phải đảm bảo định mức (hay còn gọi là hạn ngạch của trại giam) từ 80% đến 100%. Nói một cách khác tức là, theo bản hợp đồng này, các trại giam tư nhân phải đảm bảo đủ từ 80 đến 100% số tù nhân mà họ có thể giam giữ. Do đó, không loại trừ khả năng một số người trong số PN này không thực sự phạm tội nhưng vẫn bị tống vào tù chỉ để đủ năng suất [xem: 87].

Bên cạnh những lợi nhuận có thể nhìn thấy được qua các bản hợp đồng tư nhân, những định mức trên cũng là một trong số những nguyên nhân và động lực khiến nhiều PN bị tuyên án nặng tay để có thể đáp ứng được hạn ngạch đặt ra - thực chất là đưa càng nhiều người vào tù để tăng lợi nhuận cho các TG tư nhân.

Để cắt giảm lực lượng lao động liên bang, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã ký hợp đồng với các công ty tư nhân để thực hiện việc giam giữ tù nhân và tổ chức lao động cho họ; làm hình thành nên một *thị trường lao động tù nhân*. Danh sách các công ty đầu tư vào khu vực thị trường lao động tù nhân bao gồm tất cả các tập đoàn lớn nhất của Hoa Kỳ và thế giới, như IBM, Boeing, Motorola, Microsoff, Texas Instrument... Tù nhân bị bóc lột thậm tệ, chỉ có số ít nhận được mức lương tối thiểu cho công việc của họ. Nhà tù tư nhân nhận được khoán chi phí quản lý tù nhân và được quyền khai thác sức lao động của họ. Bí quyết để các nhà tù tư nhân có chi phí vận hành thấp là “số lượng tối thiểu nhân viên cho số lượng tối đa tù nhân” [98, tr.231].

Ở Mỹ, từ lâu, các tổ chức nhân quyền, các nhà hoạt động chính trị - xã hội đã lên án sự khai thác thậm tệ sức lao động của tù nhân. Cách thực thi chế độ lao động tù nhân như vậy khiến Hoa Kỳ đã và đang là quốc gia đi ngược lại những cam kết quốc tế về đối xử với tù nhân, theo đó, các quốc gia phải: “Tạo điều kiện để phạm nhân được thực hiện việc làm có ý nghĩa, được trả lương và các điều kiện tái hòa nhập vào thị trường lao động và cho phép họ đóng góp cho riêng mình và hỗ trợ tài chính cho gia đình” [21, khoản 8].

Trong bối cảnh các nhà tù ở Hoa Kỳ quá coi trọng việc khai thác sức lao động tù nhân như vậy, việc GDPL, cung cấp thông tin thời sự, chính trị, pháp luật... cho tù nhân gần như bị thả nổi. Trong các nhà tù ở Hoa Kỳ hầu như không có chương trình chuyên biệt về GDPL cho tù nhân theo kiểu học tập pháp luật tập trung trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Bù lại, các nhà tù ở Mỹ tập trung xây dựng hệ thống thư viện, tủ sách, trong đó có các đầu sách pháp luật, để sau giờ lao động những PN quan tâm có thể tự tìm hiểu phục vụ mục đích cá nhân.; tù nhân cũng được xem truyền hình để tự cập nhật thông tin chính trị - thời sự, pháp luật; tự tìm đọc sách pháp luật, các loại báo chí để bổ khuyết những kiến thức, hiểu biết pháp luật cần thiết cho bản thân; từ đó, đấu tranh đòi lợi ích và bảo vệ các quyền con người của họ.

Từ việc khảo sát chế độ lao động, giáo dục cải tạo tù nhân ở Hoa Kỳ, ***điều mà Việt Nam có thể cân nhắc, tham khảo, rút kinh nghiệm là:***

- Ở Việt Nam, lao động vẫn là một hình thức giáo dục cải tạo chủ yếu trong quá trình PN chấp hành án phạt tù tại TG, song đó không phải là lao động cưỡng bức, bắt buộc được quy định trong hệ thống pháp luật hình sự, tổ tụng hình sự và thi

hành án hình sự. Chúng ta có thể cân nhắc, xem xét việc sửa đổi, bổ sung pháp luật theo hướng quy định trách nhiệm lao động bắt buộc đối với PN; tổ chức quy mô lao động công nghiệp đối với PN; cân nhắc khả năng xã hội hóa việc huy động các nguồn lực xã hội vào tổ chức lao động PN... phù hợp với điều kiện của Việt Nam trên cơ sở bảo đảm các quyền cơ bản của con người.

- Việt Nam phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác GDPL, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, phổ biến thông tin về chính trị - thời sự, chế độ, chính sách cho PN; qua đó, khẳng định chính sách nhân văn, nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta đối với PN; đồng thời, đáp trả lại một cách đanh thép, hùng hồn những luận điệu tuyên truyền, vu cáo, xuyên tạc về vi phạm nhân quyền của các thế lực thù địch hòng chống phá cách mạng Việt Nam.

#### **2.4.2. Giáo dục pháp luật cho phạm nhân ở Brazil**

Brazil là nước đứng thứ 4 trên thế giới về số lượng tù nhân sau Nga, Mỹ và Trung Quốc. Tình trạng quá tải tù nhân được coi là một trong những yếu tố gây ra các vụ bạo loạn trong tù. Hiện nay, số lượng tù nhân của Brazil đã tăng gấp 4 lần trong 20 năm qua, lên đến 550.000 người và nước này cần ít nhất 200 nhà tù mới để loại bỏ tình trạng quá tải. Nhà tù Pedrinhas được mệnh danh là nhà tù nguy hiểm và khét tiếng nhất Brazil vì đã liên tiếp xảy ra hàng loạt các cuộc đụng độ giữa các băng nhóm tù nhân. “Một nguồn tin từ Hội đồng Tư pháp Quốc gia Brazil cho biết từ năm 2013 đến nay tổng cộng đã có 75 tù nhân chết trong tù, một cuộc bạo loạn năm ngoái khiến 60 tù nhân thiệt mạng, trong đó có 3 người bị nạn tù chặt đầu do mâu thuẫn. Rất nhiều cảnh sát vũ trang phải liên tục tuần tra và giám sát các tù nhân xung quanh bức tường nhà tù ở bang Maranhao này. Tuy nhiên, tình trạng bất ổn ở Pedrinhas đã được cải thiện rõ rệt sau nhiều nỗ lực của chính phủ Brazil. Các phòng giam đã được sửa chữa chắc chắn hơn, nhà tù có quy chế quản lý tù nhân chặt chẽ hơn và cảnh sát được tăng cường canh gác, tuần tra quanh khu giam giữ. Giới chức an ninh khẳng định bạo lực ở Pedrinhas đã giảm dần và không có vụ giết người nào kể từ 4 tháng trở lại đây” [xem: 46]. Giống như tại nhiều nước khác, tù nhân trong các nhà tù ở Brazil cũng phải thực hiện nghĩa vụ lao động như là một nghĩa vụ bắt buộc mà họ phải thực hiện trong quá trình chấp hành án phạt tù.

Liên quan đến vấn đề GDPL cho tù nhân, các nhà tù ở Brazil cũng không xây dựng chương trình GDPL bắt buộc dành cho tù nhân, nghĩa là không có câu chuyện nhà nước Brazil trả kinh phí, yêu cầu nhân viên quản lý nhà tù lên lớp giảng

dạy pháp luật cho PN. Tuy nhiên, cũng như ở Hoa Kỳ, chính quyền Brazil rất quan tâm xây dựng thư viện dành cho PN với những đầu sách các loại mà PN có thể đọc, trong đó có sách pháp luật liên bang và pháp luật của các bang. Hơn thế, khác với ở Hoa Kỳ, việc tù nhân đọc sách nói chung, sách pháp luật nói riêng được nhà tù đặc biệt khuyến khích và coi đó là một “tiêu chuẩn cứng” để xem xét giảm án phạt tù cho tù nhân.

Nhà tù Catanduvras của Brazil nằm ở gần biên giới Argentina, là nơi giam giữ những tội phạm khét tiếng nhất của Brazil. Nhìn bề ngoài, đây cũng giống nhiều nhà tù khác ở Brazil, nhưng nếu để ý quan sát kỹ đằng sau song sắt sẽ thấy sự khác biệt: Những tù nhân ở đây đều đang miệt mài đọc sách. Nhiều tù nhân với lười nhưng nay đã trở thành một người ham đọc sách bởi ngoài lao động, ở đây chẳng có việc gì khác để làm ngoài đọc sách. Tù nhân cho rằng, đọc sách văn học, sách pháp luật rất hữu ích vì họ có thể học hỏi được nhiều; không chỉ giúp giảm án tù mà nó còn mang lại cho họ tri thức, hiểu biết pháp luật. Để được xét giảm án phạt tù, các tù nhân sẽ có bốn tuần để đọc sách, sau đó viết một bài luận về nội dung cuốn sách đã đọc để giám thị kiểm tra. Bài luận phải đáp ứng được các tiêu chí như biết cách chia đoạn, không sai lỗi chính tả và viết đúng phong cách học thuật. Hoàn thành việc đọc mỗi cuốn sách văn học, sách pháp luật có thể giúp tù nhân giảm án đến 4 ngày. Mỗi năm tù nhân có thể được giảm án tối đa là 48 ngày nếu họ đọc hết 12 cuốn sách. Các nhà chức trách Brazil hy vọng chương trình đọc sách nói chung, sách pháp luật nói riêng này có thể giúp các tù nhân khi mãn hạn tù sẽ được khai sáng và có tầm nhìn rộng hơn về thế giới, có tri thức, hiểu biết pháp luật và khi quay trở lại cuộc sống đời thường, họ sẽ trở thành những người tốt hơn, biết ứng xử phù hợp với pháp luật [xem: 47].

Chế độ lao động cải tạo tù nhân ở Brazil cũng có nhiều bất công với giá lao động rẻ mạt và đời sống tù nhân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Đó là nguyên nhân dẫn đến nhiều vụ bạo loạn xảy ra trong các nhà tù ở đất nước này. Tuy nhiên, điều mà Việt Nam có thể học hỏi, tham khảo kinh nghiệm của Brazil trong công tác GDPL cho PN là việc chính quyền Brazil thực thi chính sách khuyến khích tù nhân đọc sách báo pháp luật.

***Việt Nam có thể tham khảo cách làm trên theo hướng:*** Nâng cấp các thư viện, tủ sách pháp luật dành cho PN, tăng cường các đầu sách, tạp chí về pháp luật; tổ chức cho PN đọc sách pháp luật, viết bài luận thu hoạch về nội dung cuốn sách;

đánh giá, cho điểm và lấy đó làm căn cứ để xếp loại thi đua cho phạm nhân - tiêu chí để xét giảm án, tha tù trước thời hạn. Việc đánh giá phải thực sự công tâm, khách quan kèm theo cơ chế cộng điểm thi đua chắc chắn sẽ động viên, khích lệ PN chủ động, tích cực đọc sách pháp luật.

### **2.4.3. Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Hồng Kông, Trung Quốc**

Cục Trại giam Hồng Kông là cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án hình sự của Hồng Kông. Trong thực thi nhiệm vụ thi hành án hình sự của mình, Cục TG Hồng Kông đã xác định và quyết tâm theo đuổi 5 tiêu chí nghề nghiệp của mình là liêm chính, chuyên nghiệp, nhân văn, kỷ luật và kiên định, được thể hiện đầy đủ trong các quy định của pháp luật. Làm việc một cách liêm chính và chuyên nghiệp để đem lại cho cộng đồng những điều tốt đẹp, đồng thời, Cục TG cam kết mang lại những cơ hội tốt nhất cho PN để bắt đầu một cuộc đời mới sau khi mãn hạn tù. Chỉ những nỗ lực từ phía chính quyền không thôi thì chưa đủ để hoàn thành mục tiêu đặt ra nên Cục TG Hồng Kông đã xác định 04 yếu tố quan trọng cho việc tái hòa nhập cộng đồng của PN là: chất lượng quản lý giam giữ, chất lượng giáo dục cải tạo toàn diện, quyết tâm của PN và sự hỗ trợ của cộng đồng. Điều làm nên chất lượng giáo dục cải tạo PN là GDPL cho họ thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Từ năm 1993, Cục TG Hồng Kông đã triển khai Chương trình gặp gỡ PN như một phần của chiến dịch phòng chống tội phạm trong cộng đồng và tuyên truyền pháp luật cho PN. Thanh niên và học sinh được thăm TG, nói chuyện với các PN để chia sẻ kinh nghiệm. Chương trình này có nhiều mục tiêu, như giúp phòng chống tội phạm vị thành niên thông qua việc tìm hiểu của những người tham gia về hậu quả của tội phạm; truyền tải thông điệp về giáo dục cải tạo PN và kêu gọi sự chấp nhận, ủng hộ của cộng đồng đối với PN; tuyên truyền pháp luật, giúp PN thể hiện được hình ảnh tích cực của bản thân và sự tự tin qua việc trò chuyện, chia sẻ nhận thức, kinh nghiệm, lời khuyên... Theo thống kê, tính đến ngày 04/7/2011 Chương trình đã thu hút trên 51.700 học sinh và thanh niên thăm các TG, tạo nên “hiệu quả kép” trong giáo dục nói chung, GDPL nói riêng.

Từ cuối năm 2003 đến năm 2005, Cục TG Hồng Kông đã tổ chức 20 diễn đàn tại tất cả 18 quận của Hồng Kông với tên gọi “Diễn đàn sinh viên - những lựa chọn trong cuộc đời”, thu hút sự tham gia của 3.300 sinh viên. Những diễn đàn này tạo cơ hội cho giới trẻ tiếp xúc, trao đổi với PN về những hậu quả mà hành vi phạm

tội gây ra; các sinh viên luật có điều kiện tư vấn, giới thiệu những nội dung pháp luật cần thiết cho PN. Diễn đàn được xây dựng để hỗ trợ và tư vấn nhằm tăng thêm nghị lực cho những người kiên quyết chống lại việc phạm tội và sử dụng chất ma túy. Vào tháng 3/2010, một diễn đàn khác có quy mô lớn hơn được tổ chức cho 2.500 học sinh, sinh viên, giáo viên và các tình nguyện viên đến từ 32 trường học, trường đại học. Với chủ đề phòng chống sử dụng chất ma túy nơi học đường, từ sự tiếp xúc, trò chuyện với PN, sinh viên được hiểu biết nhiều hơn về những hậu quả do tội phạm và lạm dụng các chất kích thích gây ra.

Cục TG Hồng Kông còn phát động Dự án “*Học tập không ngừng đối với phạm nhân*” có sự kết hợp với một số trường đại học nhằm giúp PN theo đuổi giáo dục đại học. Trong Dự án có một chương trình mang tên “*Mùi vị của đại học*” đã được tổ chức 05 lần ở nhiều TG từ năm 2005 đến nay. Giảng viên các trường đại học được mời đến giảng bài cho PN về nhập môn 10 môn học được dạy ở bậc đại học, trong đó có cả các môn học về pháp luật. Tính đến cuối năm 2010 đã có 254 PN tham gia chương trình này. Cục TG Hồng Kông còn tổ chức “*Giải thưởng Cầu vồng về đọc sách*” với sự tham gia của cán bộ TG, giảng viên đại học các tổ chức phi chính phủ làm việc tình nguyện nhằm động viên, khuyến khích PN có thói quen đọc sách. Theo chương trình, các giảng viên đại học sẽ lựa chọn sách, tài liệu đọc cho PN, bao gồm các sách về văn học, khoa học, pháp luật...; các PN sau khi đọc sách sẽ viết bài thu hoạch; các tình nguyện viên sẽ chấm bài, đánh giá và cho điểm bài thu hoạch của PN. Đây là những sáng kiến có sự phối hợp với các cơ quan giáo dục trong giáo dục cải tạo PN. Năm 2010, tổng cộng có 166 PN trong các TG tham gia “*Giải thưởng Cầu vồng về đọc sách*” và thu về được 268 bài thu hoạch. Bằng hình thức này, tri thức, hiểu biết nói chung, hiểu biết pháp luật nói riêng của PN đã gia tăng đáng kể.

Để triển khai đồng bộ các sáng kiến và chiến lược huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác giáo dục cải tạo PN thì cần thiết phải có một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, tận tâm và có năng lực. Với mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ CBGDPL cho PN, Cục TG Hồng Kông đã mời các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục nói chung, GDPL nói riêng, cung cấp các bài giảng cho các cán bộ TG, cho những người trực tiếp làm công tác GDPL cho PN để cung cấp cho họ những thông tin, kiến thức mới nhất về tâm lý học, tội phạm học, luật học, các kỹ năng nghiệp vụ

sư phạm, tư vấn pháp luật, tư vấn về các nghề nghiệp ngoài xã hội cho PN... Từ đó, giúp đội ngũ CBGDPL của TG triển khai các công việc giáo dục cải tạo PN phù hợp và hiệu quả.

Cục TG Hồng Kông xác định: để động viên, khích lệ PN chủ động, tích cực trong giáo dục cải tạo, học tập pháp luật thì gia đình PN là một trong những chủ thể tác động đáng kể nhất. Trong khi PN đang chấp hành án phạt tù trong TG thì việc duy trì kênh liên lạc gia đình - PN dựa trên các cuộc thăm gặp, thư từ hay điện thoại là rất quan trọng. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người thăm gặp PN là những người già yếu, phụ nữ có thai hay người khuyết tật thì Chương trình thăm gặp qua video đã được Cục TG Hồng Kông sử dụng từ tháng 4/2001. Các TG ở vùng xa xôi được kết nối với trung tâm thành phố qua hệ thống nghe - nhìn; PN ở những nơi này có thể duy trì liên lạc với các thành viên của gia đình mình mà họ không cần phải vất vả, mất nhiều thời gian đi lại để đến tận TG nơi vùng xa để thăm gặp [xem: 33].

Bằng việc tổ chức các diễn đàn, gặp gỡ, tiếp xúc giữa những học sinh, sinh viên, giảng viên đại học với PN trong TG, Cục TG Hồng Kông đã tạo ra được “*hiệu quả kép*” trong GDPL: vừa đạt mục tiêu nâng cao hiểu biết pháp luật cho PN để họ chấp hành án phạt tù trong TG, có thể trở thành người tốt sau khi ra tù; vừa giúp các đối tượng xã hội khác có cơ hội hiểu cuộc sống trong TG, hiểu được các quy định pháp luật để tự kiểm chế, không phạm tội, góp phần hạn chế tội phạm ngoài xã hội.

***Bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo là:***

- Tăng cường tổ chức các diễn đàn, các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa PN trong TG với sinh viên các trường đại học, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành luật, cảnh sát, an ninh, nhằm đối thoại, tư vấn về pháp luật cho PN; đồng thời giúp sinh viên có hiểu biết thực tế về TG.

- Đặt hàng giảng viên các Trường Đại học Luật, Học viện An ninh, Học viện Cảnh sát chuẩn bị một số chuyên đề pháp luật gắn với thực tiễn xã hội và phù hợp với nội dung GDPL cho PN; sau đó, định kỳ mời những giảng viên này đến giảng bài cho PN trong các TG; giúp PN có cơ hội “nếm trải mùi vị đại học” ngay trong TG, tạo sự hưng phấn cho họ trong quá trình GDPL.

- Tạo điều kiện cho những PN có nhiều tiến bộ trong giáo dục cải tạo được tiếp cận Internet, gặp gỡ thân nhân qua các chương trình Video...



#### **2.4.4. Công tác đào tạo cán bộ trại giam, giáo dục pháp luật cho phạm nhân ở một số nước Đông Nam Á**

Tại các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, công tác quản lý, giáo dục cải tạo PN đều do Tổng cục Trại giam hoặc Cục Trại giam đảm nhiệm. Ngoại trừ Vương quốc Campuchia và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có những nét tương đồng nhất định với Việt Nam, hầu như các nước ở khu vực Đông Nam Á không quy định cứng chương trình GDPL cho PN trong TG theo hình thức học tập pháp luật tập trung, mà công tác này được thực hiện lồng ghép trong các chương trình giáo dục cải tạo nói chung hoặc thông qua các kênh thông tin khác, như sách, báo pháp luật, tư vấn pháp luật bởi các cán bộ TG, các phương tiện thông tin đại chúng, giáo dục từ xa, gặp gỡ, tiếp xúc với cộng đồng... Nội dung GDPL thông qua những hình thức nêu trên trong các TG ở khu vực Đông Nam Á là những quy định pháp luật về quyền, nghĩa vụ của phạm nhân, chính sách, chế độ về lao động bắt buộc, về sinh hoạt; về nội quy, quy chế TG, các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với PN...

Các nước trong khu vực Đông Nam Á rất coi trọng công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ TG nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ TG giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và có các kỹ năng giáo dục cải tạo, GDPL cho phạm nhân; coi đây là nhân tố quyết định trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục cải tạo PN. Công tác đào tạo đối với những người mới tuyển dụng ở các nước có sự khác nhau, song nhìn chung, các chương trình đào tạo được phân chia thành: 1) Đào tạo/tuyển dụng ban đầu; 2) Các khóa học bồi dưỡng và 3) Các khóa đào tạo nâng cao. Ở Singapore, cán bộ TG tham gia khóa đào tạo trong 22 tuần tập trung, 12 tuần vừa học vừa làm và 01 tuần nâng cao. Cán bộ cấp cao tham gia khóa học đào tạo cơ bản 25 tuần, 12 tuần vừa học vừa làm và 01 tuần nâng cao. Ở Malaixia có Trường Cao đẳng trại giam đóng vai trò chủ yếu trong công tác đào tạo tất cả cán bộ TG trên các lĩnh vực như quản lý, điều hành TG cũng như các khóa nâng cao. Malaixia cũng có Học viện trại giam ở Langkawi với các chương trình đào tạo các cấp cho cán bộ TG trên các lĩnh vực như xét xử tội phạm, tội phạm học, năng lực lãnh đạo, kỹ năng tiếp xúc đại chúng, tư vấn pháp luật, kỹ năng tuyên truyền pháp luật cho PN...

Mục tiêu chính của đào tạo ban đầu là bảo đảm cho cán bộ TG mới được tuyển dụng có kiến thức chuyên môn, tri thức pháp luật, kỹ năng làm việc hiệu quả trong các TG để bảo vệ sự an toàn của cộng đồng, quản lý giáo dục và giúp PN tái hòa nhập cộng đồng. Ở Malaixia, tất cả những cán bộ TG mới được tuyển dụng đều

phải tham dự khóa huấn luyện để nắm được mục tiêu, nhiệm vụ công tác trong cơ quan nhà nước. Ấn Độ cũng có các khóa đào tạo về năng lực lãnh đạo, quyền con người, trang bị kiến thức pháp luật, tư vấn, quản lý, tâm lý học tội phạm... dành cho cán bộ TG.

Các khóa bồi dưỡng nâng cao được các nước như Singapore, Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia... áp dụng đều nhằm mục đích giúp cán bộ TG nắm được những kiến thức chuyên môn và thực hành những điều mà họ đã được tiếp thu trong các khóa học ban đầu; nắm bắt được những thay đổi và phát triển mới nhất về chính sách, pháp luật và những vấn đề quản lý có liên quan đến nghiệp vụ TG. Ở Singapore, cán bộ TG có cơ hội đăng ký vào khóa học được cấp bằng hoặc chứng chỉ về công tác quản lý TG, giáo dục cải tạo PN. Ấn Độ có chương trình đào tạo nâng cao cho cán bộ TG ở những TG vị thành niên, TG phạm nhân nữ, trại giam dành cho các đối tượng về ma túy và loại an ninh nghiêm ngặt. Ở Campuchia hiện đang có chương trình đào tạo quản lý nhân lực áp dụng cho đội ngũ cán bộ quản lý TG [6, tr.32-35].

Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo cán bộ quản lý TG cũng là lĩnh vực được các nước trong khu vực Đông Nam Á ưu tiên, coi đây là cơ hội tốt để Cục Trại giam các nước chia sẻ những biện pháp hiệu quả nhất và sử dụng tốt hơn nguồn nhân lực quản lý, giáo dục cải tạo PN. Tổng cục Trại giam Campuchia đã ký kết các chương trình đào tạo về công tác chỉ huy, điều hành và chuyên viên với Cục trại giam các nước trong khu vực. Chẳng hạn, gần đây, Bộ Công an Việt Nam đã cử hai chuyên viên cao cấp sang Campuchia đào tạo cho 50 cán bộ quản lý TG Campuchia trong lĩnh vực TG. Việt Nam cũng có chương trình đào tạo hỗ trợ 30 cán bộ Campuchia về công tác quản lý TG tại Việt Nam trong thời hạn 03 tháng. Sự thành công trong chương trình hợp tác đào tạo này là kết quả của sự thỏa thuận chính thức giữa hai Chính phủ Việt Nam và Campuchia.

Hợp tác đào tạo cán bộ TG giữa Bộ An ninh Lào và Bộ Công an Việt Nam cũng là lĩnh vực được ưu tiên theo thỏa thuận giữa Chính phủ hai nước và được thực hiện có hiệu quả, qua đó, giúp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ TG nói chung, CBGDPL cho phạm nhân của Lào nói riêng. Chẳng hạn, thực hiện chương trình hợp tác đào tạo giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ An ninh Lào, ngày 09/08/2013, Học viện Cảnh sát nhân dân đã tổ chức khai giảng Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý TG và cải tạo PN cho cán bộ của Bộ An ninh Lào. Khóa học kéo

dài trong 3 tháng (từ ngày 02/08/2013 đến ngày 01/11/2013) với sự tham gia học tập của 10 học viên là cán bộ Bộ An ninh Lào. Trong quá trình học tập, các học viên sẽ được học tập, nghiên cứu, trao đổi các kiến thức thuộc 4 chuyên đề về nghiệp vụ TG và giáo dục cải tạo PN bao gồm: Những vấn đề cơ bản về công tác thi hành án phạt tù; công tác quản lý giam giữ PN; công tác giáo dục PN, trong đó có GDPL cho PN; công tác hướng nghiệp dạy nghề và tổ chức cho PN lao động. Đồng thời, các học viên sẽ được đến thăm quan thực tế một số TG tại các đơn vị, địa phương tại Việt Nam, trên cơ sở đó giúp các học viên so sánh, đối chiếu, rút ra bài học kinh nghiệm để áp dụng vào thực tiễn quản lý, giáo dục và cải tạo PN tại Lào. Nhằm tạo điều kiện để lớp học đạt hiệu quả cao nhất, Học viện Cảnh sát nhân dân đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành Công an biên soạn tài liệu học tập, đảm bảo tính lý luận và cập nhật thực tiễn; đồng thời, mời các đồng chí lãnh đạo của các Vụ, Cục nghiệp vụ, các nhà khoa học có nhiều kinh nghiệm đến tham gia giảng dạy và báo cáo thực tiễn cho lớp học [xem: 70].

Do sự hợp tác chặt chẽ trong đào tạo cán bộ quản lý trại giam và sự trao đổi các chương trình giáo dục cải tạo, bao gồm cả chương trình GDPL cho PN, nên công tác GDPL cho PN ở Vương quốc Campuchia và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào có nhiều nét tương đồng với công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, như cũng có GDPL đầu vào cho những PN mới nhập trại, GDPL thường xuyên trong quá trình PN chấp hành án phạt tù. Các hình thức GDPL cho PN trong các TG ở Lào cũng đa dạng theo những cách thức mà cán bộ TG của Lào được đào tạo tại Việt Nam.

***Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam:***

- Muốn đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ TG, nhất là đội ngũ CBGDPL cho PN, thì nhất thiết phải coi trọng công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ; phải tăng cường công tác tập huấn chuyên đề pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ này.

- Tăng cường, mở rộng hơn nữa hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ quản lý TG, giáo dục cải tạo PN. Song song với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TG cho các nước trong khu vực (Lào, Campuchia...), Việt Nam cũng cần tích cực cử cán bộ TG đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp thu kỹ thuật, công nghệ mới về quản lý TG tại những nước có trình độ tiên tiến trong lĩnh vực này.

## Kết luận chương 2

Giáo dục pháp luật cho PN trong các TG là hoạt động có mục đích, có tổ chức, tuân theo kế hoạch, chương trình nhất định; được các TG triển khai thực hiện thông qua các phương pháp đặc thù và bằng những hình thức phù hợp, hướng tới cung cấp, trang bị cho PN những thông tin, kiến thức pháp luật; làm hình thành ở PN tình cảm, niềm tin đối với pháp luật và hành vi pháp luật phù hợp; giúp họ có khả năng hòa nhập cộng đồng, biết sống và làm việc theo pháp luật sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù.

Bên cạnh những đặc điểm chung của GDPL, hoạt động GDPL cho PN trong các TG còn có những đặc thù riêng của nó, như: GDPL cho PN trong các TG là hoạt động giáo dục diễn ra trong một *môi trường đặc biệt* và dành cho *những đối tượng đặc biệt*: môi trường TG và đối tượng là PN đang chấp hành án phạt tù; là quá trình hoạt động diễn ra theo cơ chế/mô hình “*vừa xây, vừa chống*”; quan hệ quản lý là quan hệ có tính chất mệnh lệnh - phục tùng...

Công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng, một trong số đó là góp phần chuẩn bị hành trang kiến thức pháp luật để PN tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn chấp hành án phạt tù, trở thành công dân có ích cho xã hội, không phạm tội mới. Cũng như GDPL cho các đối tượng xã hội khác, hoạt động GDPL cho PN trong các TG được cấu thành từ các yếu tố: mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL. GDPL cho PN trong các TG là hoạt động khó khăn, phức tạp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm cả chủ quan và khách quan.

Trên cơ sở khảo sát, đánh giá GDPL, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho tù nhân ở một số nước, như Hoa Kỳ, Brazil, Hồng Kông (Trung Quốc) và một số nước ở khu vực Đông Nam Á (Singapore, Malaixia, Ấn Độ, Lào, Campuchia...), luận án đã đưa ra những nhận xét và rút ra một số bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể cân nhắc, tham khảo.

### Chương 3

## TÌNH HÌNH PHẠM NHÂN, THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

### 3.1. TÌNH HÌNH PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM

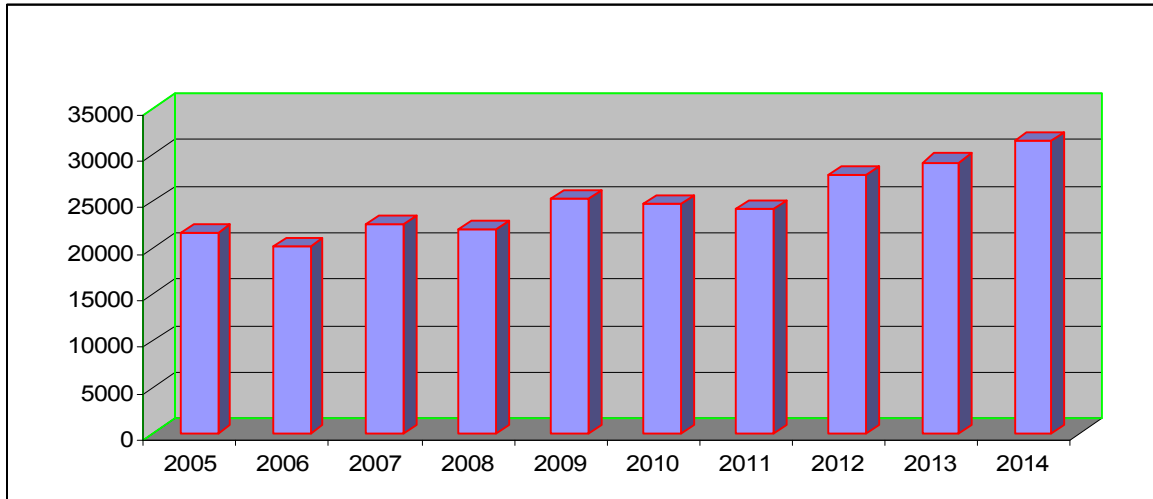
Để có cơ sở thực tiễn nhằm đánh giá đúng thực trạng công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, từ đó, xác định những vấn đề đang đặt ra, đề xuất và luận giải các giải pháp khả thi bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này thì cần phải xuất phát cơ cấu tình hình PN; bởi cơ cấu tình hình PN phản ánh những đặc điểm liên quan đến nhân thân của họ, ít nhiều ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi phạm tội trước đây của họ và là căn cứ để tiến hành GDPL cho họ. Trong số 49 TG thuộc Bộ Công an đứng chân trên địa bàn các tỉnh/thành phố của cả nước, tác giả luận án thu thập số liệu của 23 TG có tính đại diện ở cả ba miền Bắc, Trung và Nam, bao gồm: 1) TG Quyết Tiến (tỉnh Tuyên Quang); 2) TG Ngọc Lý (tỉnh Bắc Giang); 3) TG Xuân Nguyên (thành phố Hải Phòng); 4) TG Hoàng Tiến (tỉnh Hải Dương); 5) TG Tân Lập (tỉnh Phú Thọ); 6) TG Vĩnh Quang (tỉnh Vĩnh Phúc); 7) TG Phú Sơn 4 (tỉnh Thái Nguyên); 8) TG Thanh Xuân (thành phố Hà Nội); 9) TG số 6 (tỉnh Nghệ An); 10) TG Xuân Hà (tỉnh Hà Tĩnh); 11) TG Bình Điền (tỉnh Thừa Thiên - Huế); 12) TG Đắk Tân (tỉnh Đắk Lắk); 13) TG Đại Bình (tỉnh Lâm Đồng); 14) TG Thủ Đức (tỉnh Bình Thuận); 15) TG Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai); 16) TG An Điền (tỉnh Bình Dương); 17) TG An Phước (tỉnh Bình Dương); 18) TG Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); 19) TG Thạnh Hòa (tỉnh Long An); 20) TG Mỹ Phước (tỉnh Tiền Giang); 21) TG Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp); 22) TG Kênh 7 (tỉnh An Giang); 23) TG Cái Tàu (tỉnh Cà Mau). Tác giả luận án dựa vào số liệu của 23 TG đó để đánh giá cơ cấu tình hình PN trong thời gian từ năm 2005 đến 2014.

#### **3.1.1. Diễn biến tăng, giảm số lượng phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam từ năm 2005 đến hết năm 2014**

*a) Về diễn biến tăng:* Diễn biến tăng số lượng PN trong các trại giam chủ yếu bao gồm số PN từ các trại tạm giam chuyển đến TG để chấp hành án phạt tù, số PN hết hạn tạm đình chỉ và số PN từ các TG khác chuyển đến. Tính tổng cộng tại cả 23 trại giam, diễn biến tăng số lượng PN qua các năm lần lượt như sau: năm 2005 là

21.685 PN; năm 2006 là 20.211 PN; năm 2007 là 22.533 PN; năm 2008 là 21.925 PN; năm 2009 là 25.360 PN; năm 2010 là 24.718 PN; năm 2011 là 24.242 PN; năm 2012 là 27.799 PN; năm 2013 là 29.206 PN và năm 2014 là 31.526 PN. Trừ các năm 2006, năm 2008, năm 2010 và năm 2011 có giảm một chút, còn về cơ bản, số lượng PN trong các TG nói trên đều có xu hướng tăng, thường là những năm sau tăng cao hơn so với các năm trước (*xem biểu đồ dưới*).

*Đơn vị tính: người*



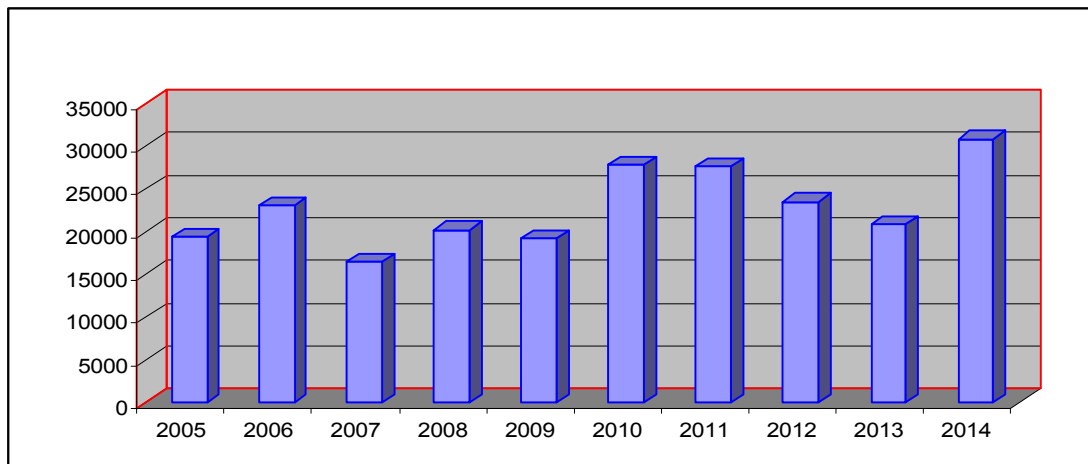
**Biểu đồ 3.1: Diễn biến tăng số phạm nhân các năm 2005-2014**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1a)*

Sự biến động số lượng PN sẽ là khó khăn, thách thức đối với các TG trong công tác tổ chức GDPL cho PN, nhất là GDPL đầu vào cho những PN mới đến chấp hành án phạt; như gây áp lực về cơ sở vật chất phục vụ GDPL, về đội ngũ cán bộ GDPL... để có thể đáp ứng yêu cầu GDPL do sự gia tăng số lượng PN trong từng TG.

*b) Về diễn biến giảm:* Diễn biến giảm số lượng PN trong các TG chủ yếu là do số PN hết hạn chấp hành án phạt tù được ra trại, những PN được đặc xá, trốn trại, chết, trích xuất, tạm đình chỉ chấp hành án hoặc được chuyển đi các TG khác. Tính chung tại cả 23 TG, diễn biến giảm số lượng PN qua các năm lần lượt như sau: năm 2005 là 19.340 PN; năm 2006 là 23.118 PN; năm 2007 là 16.560 PN; năm 2008 là 20.244 PN; năm 2009 là 19.313 PN; năm 2010 là 27.767 PN; năm 2011 là 27.630 PN; năm 2012 là 23.540 PN; năm 2013 là 20.815 PN và năm 2014 là 30.858 PN (*xem biểu đồ dưới*).

Đơn vị tính: người



**Biểu đồ 3.2: Diễn biến giảm số phạm nhân các năm 2005-2014**

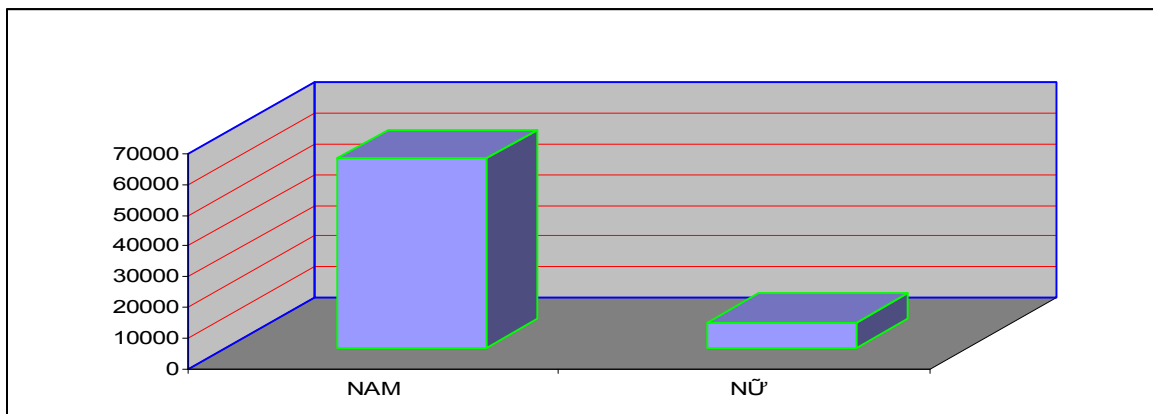
*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1b)*

Các số liệu nêu trên cho thấy diễn biến giảm số lượng PN cũng rất phức tạp và gây không ít khó khăn đối với công tác GDPL cho PN, nhất là công tác tổ chức GDPL cho số PN sắp chấp hành xong án phạt tù.

### 3.1.2. Cơ cấu giới tính

Cơ cấu giới tính của PN là sự phân chia tổng số PN trong các TG thành số PN nam và số PN nữ. Các số liệu thu thập được từ 23 trại giam của nước ta cho thấy, trong tổng số 69.687 PN đang chấp hành án phạt tù tại 23 TG kể trên có tới 61.467 PN là nam giới, chiếm 88.21%; có 8.220 PN là nữ giới, chiếm 11.79%. Các TG Kênh 7, Vĩnh Quang, Mỹ Phước, Đại Bình, Xuyên Mộc, Xuân Hà, Đắk Tân, Cao Lãnh và Hoàng Tiến không tổ chức giam giữ PN nữ. Như vậy, PN là nam giới chiếm tỷ lệ áp đảo so với PN nữ; trung bình cứ trên 07 PN nam giới mới có 01 PN là nữ giới (xem biểu đồ dưới).

Đơn vị tính: người



**Biểu đồ 3.3: Cơ cấu giới tính của phạm nhân**

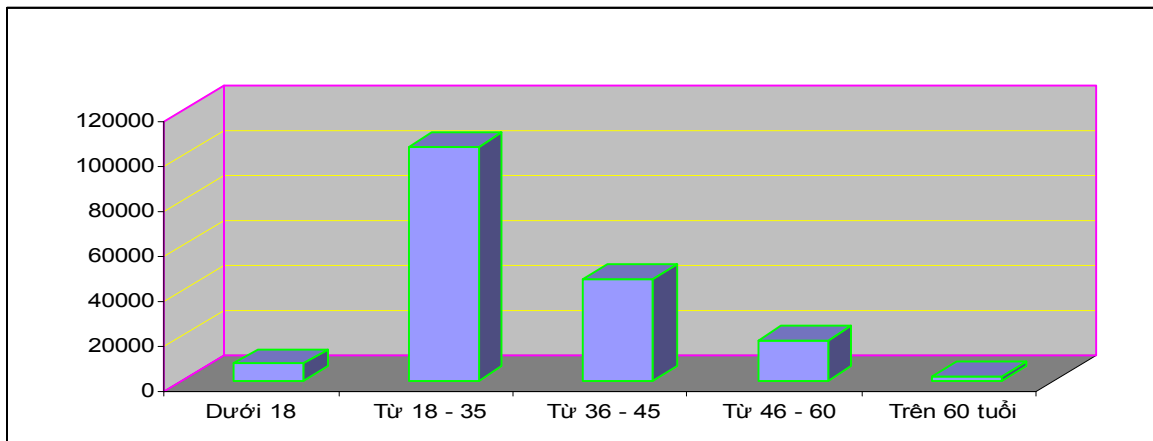
*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1c)*

Thông thường, công tác GDPL cho PN nữ thuận lợi, dễ dàng hơn so với GDPL cho PN nam vì nữ giới thường chăm chỉ, chịu khó học tập và có ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy học tập cao hơn nam giới. Việc PN là nam giới chiếm tỷ lệ áp đảo so với PN nữ chắc chắn sẽ gây khó khăn nhiều hơn đối với công tác GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay.

### 3.1.3. Cơ cấu lứa tuổi

Cơ cấu lứa tuổi của PN là sự phân chia tổng số các PN đang chấp hành án phạt tù tại các TG thành những nhóm tuổi, độ tuổi nhất định. Theo quy định của công tác thống kê lứa tuổi PN trong các TG, PN được phân chia thành 05 nhóm tuổi, gồm nhóm dưới 18 tuổi, nhóm từ 18 đến 35 tuổi, nhóm từ 36 đến 45 tuổi, nhóm 46 đến 60 tuổi và nhóm trên 60 tuổi. Các số liệu về cơ cấu lứa tuổi của PN tại 23 trại giam ở Việt Nam hiện nay được tác giả luận án khảo sát cho thấy: nhóm PN ở độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi có tới 102.653 người, chiếm tỷ lệ cao nhất với 58.90%; nhóm thuộc độ tuổi từ 36 đến 45 chiếm tỷ lệ cao tiếp theo với 26.59% (44.775 PN); tổng cộng, độ tuổi từ 18 đến 45 tuổi chiếm tới 85.49%. Tiếp theo, nhóm PN thuộc độ tuổi từ 46 đến 60 tuổi có 17.793 người, chiếm tỷ lệ 10.21% và độ tuổi trên 60 chỉ chiếm 1.08% với 1.897 PN (*xem biểu đồ dưới*).

*Đơn vị tính: người*



**Biểu đồ 3.4: Cơ cấu lứa tuổi của phạm nhân**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1d)*

Ngoại trừ độ tuổi dưới 18 có 7.725 PN, chiếm 04.36%, cơ cấu lứa tuổi nêu trên phản ánh đúng một vấn đề có tính quy luật mà xã hội học tội phạm đã rút ra là: tỷ lệ tội phạm ở lứa tuổi thanh niên có xu hướng gia tăng, trong khi ở độ tuổi trung niên và về già thì tỷ lệ tội phạm lại giảm đi một cách rõ rệt [90, tr.163]. GDPL cho

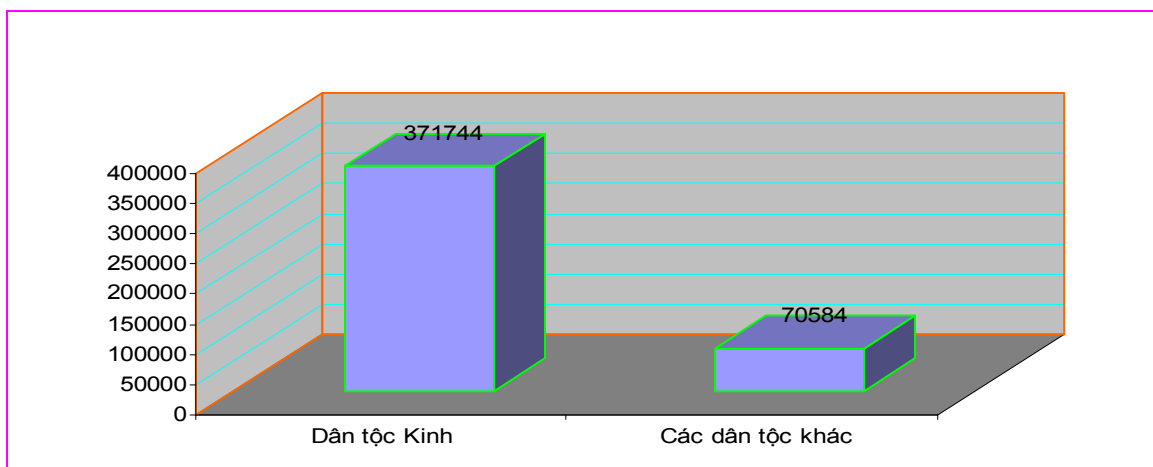


PN ở tuổi trung niên và cao niên thường gặp nhiều khó khăn hơn, hiệu quả thấp hơn so với lứa tuổi thanh thiếu niên vì từ độ tuổi trung niên trở đi, nói chính xác hơn là tuổi càng cao thì khả năng tiếp thu, ghi nhớ thông tin, kiến thức pháp luật càng có xu hướng giảm sút và kém hơn.

#### 3.1.4. Cơ cấu thành phần dân tộc

Cơ cấu thành phần dân tộc của PN là sự phân chia tổng số các PN đang chấp hành án phạt tù tại 23 TG, được khảo sát theo thành phần dân tộc của từng PN. Theo quy định của Tổng cục VIII, Bộ Công an, PN trong các TG thường được phân chia theo các dân tộc: Kinh, Thái, H'mông, Tày, Nùng, Thổ, Dao, Khmer, Êđê, Chăm và các dân tộc khác. Theo cơ cấu nêu trên, căn cứ vào diễn biến tăng số lượng PN từ năm 2005 đến năm 2013, trong tổng số 442.328 PN, tỷ lệ cơ cấu thành phần dân tộc của PN lần lượt như sau: 1) Dân tộc Kinh: 371.744 PN, chiếm 84.04%; 2) Dân tộc Thái: 4.533 PN, chiếm 1.02%; 3) Dân tộc H'mông: 2.395 PN, chiếm 0.45%; 4) Dân tộc Tày: 9.102 PN, chiếm 2.05%; 5) Dân tộc Nùng: 5.851 PN, chiếm 1.32%; 6) Dân tộc Thổ: 53 PN, chiếm 0.02%; 7) Dân tộc Dao: 1835 PN, chiếm 0.41%; 8) Dân tộc Khmer: 4.278 PN, chiếm 0.96%; 9) Dân tộc Êđê: 719 PN, chiếm 0.16%; 10) Dân tộc Chăm: 365 PN, chiếm 0.08%; 11) Các dân tộc khác: 41.453 PN, chiếm 9.37%. Như vậy, số PN là người dân tộc Kinh luôn chiếm tỷ lệ áp đảo tại tất cả các TG với tỷ lệ 84.04%; tất cả các dân tộc còn lại chỉ chiếm tỷ lệ 15.96%. Có thể so sánh tương quan tỷ lệ giữa PN là người dân tộc Kinh với tất cả các dân tộc còn lại trong biểu đồ sau:

*Đơn vị tính: người*



**Biểu đồ 3.5: Cơ cấu thành phần dân tộc của phạm nhân**

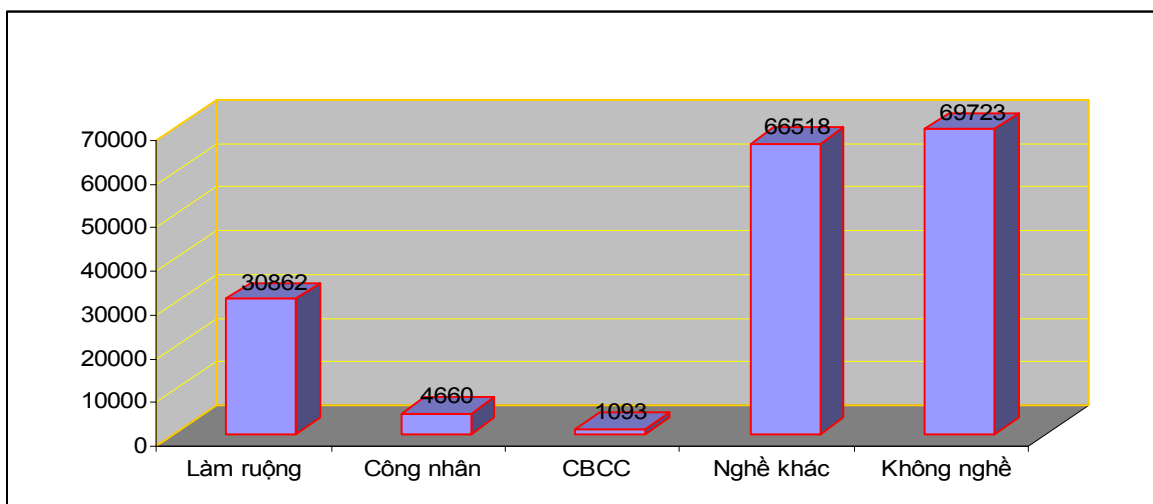
*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1e)*

Mặc dù số PN là người dân tộc thiểu số chỉ chiếm tỷ lệ thấp, song nhìn chung, trình độ học vấn, nhận thức pháp luật của số PN là người dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, một bộ phận còn mù chữ. Điều đó sẽ có ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến công tác GDPL cho họ.

### 3.1.5. Cơ cấu nghề nghiệp của phạm nhân trước khi phạm tội

Các số liệu thống kê về cơ cấu nghề nghiệp của 172.856 PN trước khi họ phạm tội và bị kết án phạt tù cho thấy: có tới 69.723 PN (40.33%) tại 23 trại giam được khảo sát không có nghề nghiệp gì trước khi phạm tội. Có thể khẳng định rằng, chính tình trạng thất nghiệp, không có nghề nghiệp ổn định là nguyên nhân chủ yếu khiến những người này phạm tội. Số PN là nông dân, ở nhà làm ruộng trước khi phạm tội cũng có tới 30.862 người, chiếm tỷ lệ 17.85%. Nghề làm ruộng ở nước ta hiện nay, nhất là ở những khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, năng suất thường bấp bênh, thu nhập thấp, cuộc sống nhiều khó khăn cũng là nguyên nhân dẫn những người nông dân này tới con đường phạm tội. Có 4.660 PN là công nhân trước khi phạm tội, chiếm 2.69%. Những người là CBCC nhà nước, viên chức trước khi trở thành PN chiếm tỷ lệ thấp nhất với 0.63% (1.093 PN). Số PN làm các nghề nghiệp khác (kinh doanh, buôn bán, lao động tự do...) có 66.518 người, chiếm 38.48%, là chỉ số cao thứ hai trong số các tiêu chí đánh giá (xem biểu đồ dưới).

*Đơn vị tính: người*



**Biểu đồ 3.6: Cơ cấu nghề nghiệp trước khi phạm tội**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1f)*

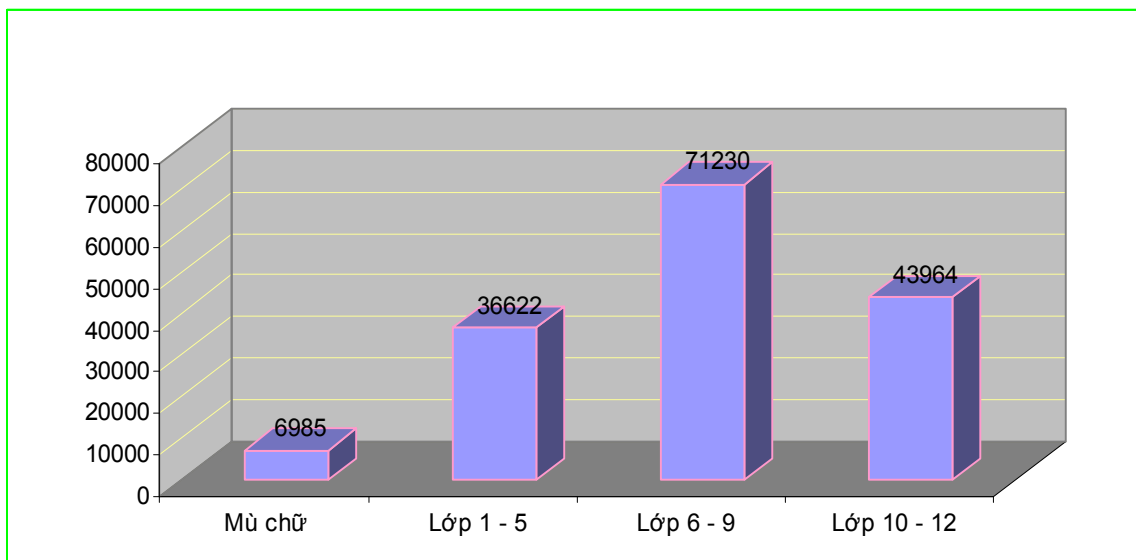
Như vậy, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống một cách bền vững cho đội ngũ CBCC, viên chức, công nhân, người lao động và các

tầng lớp nhân dân là một giải pháp cơ bản trước mắt cũng như lâu dài nhằm phòng ngừa tình hình tội phạm.

### 3.1.6. Cơ cấu trình độ văn hóa/học vấn

Trình độ văn hóa/học vấn của PN tại các TG là một trong những yếu tố có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến công tác GDPL cho họ. Nhìn trên phương diện này, công tác GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay sẽ gặp nhiều khó khăn vì trong số 158.801 PN được khảo sát chỉ có 43.964 PN có trình độ trung học phổ thông (lớp 10 - 12), chiếm tỷ lệ 27.68%; trong khi đó, số PN chưa biết chữ có 6.985 người, chiếm 4.39% và học hết tiểu học (lớp 1 - 5) chiếm 23.06% với 36.622 PN. Chiếm tỷ lệ cao nhất là số PN học hết trung học cơ sở (lớp 6 - 9) với 71.230 PN, chiếm 44.85% (xem biểu đồ dưới).

Đơn vị tính: người



**Biểu đồ 3.7: Cơ cấu trình độ văn hóa của phạm nhân**

Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1g)

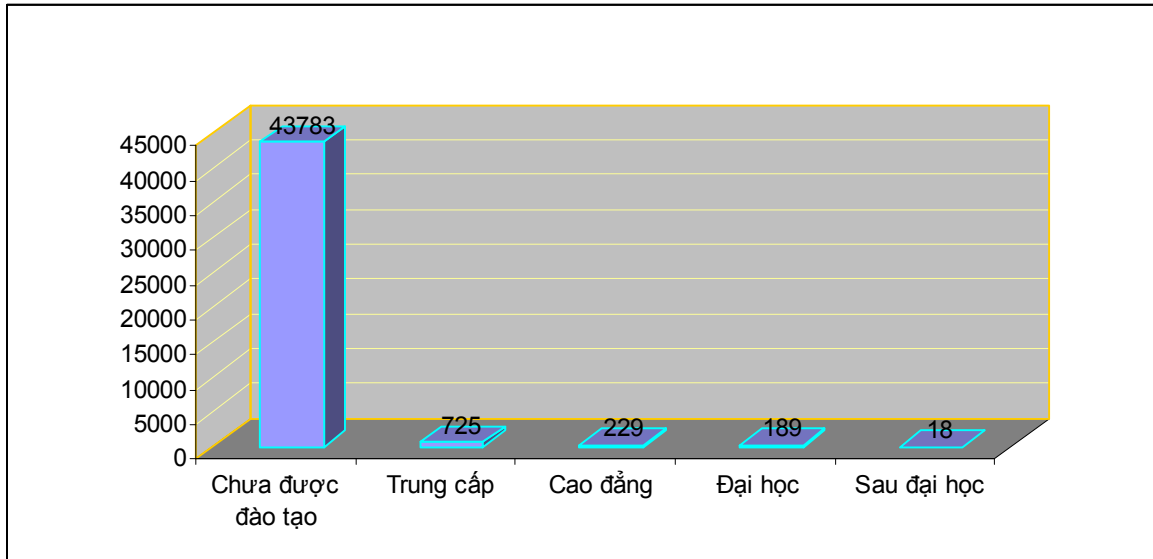
Thiếu trình độ học vấn cần thiết, PN sẽ khó tiếp thu, nắm bắt các thông tin, kiến thức pháp luật trong quá trình tham dự GDPL dành cho họ trong TG.

### 3.1.7. Cơ cấu trình độ đào tạo nghề, chuyên môn

Số liệu thống kê từ một số TG cho thấy, trong số 44.944 PN được khảo sát có tới 43.783 PN chưa từng được đào tạo bất kỳ một nghề nào trước khi phạm tội, chiếm tới 97.41%; có 725 PN đã qua đào tạo trung cấp nghề, chiếm 1.63%; có 229 PN đã được đào tạo cao đẳng nghề, chiếm 0.50%; có 189 PN đã tốt nghiệp đại học

trước khi phạm tội, chiếm 0.42% và có 18 PN đã được đào tạo sau đại học, chiếm 0.04% (xem biểu đồ dưới).

Đơn vị tính: người



**Biểu đồ 3.8: Cơ cấu đào tạo nghề - chuyên môn**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1h)*

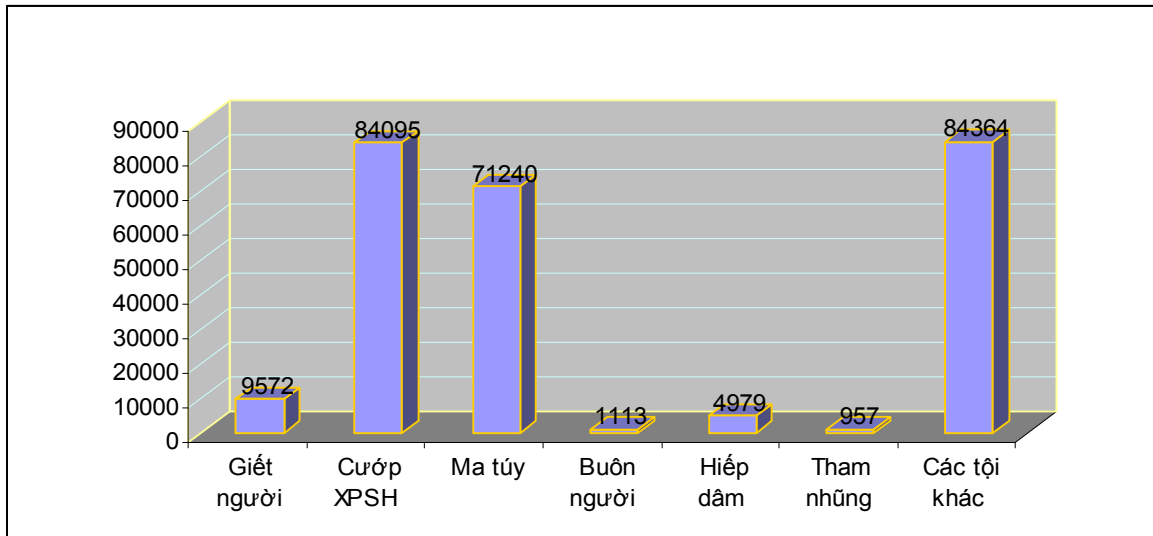
Tuyệt đại đa số PN (97.41%) chưa qua đào tạo nghề sẽ là một khó khăn, trở ngại rất lớn đối với các TG ở Việt Nam trong công tác tổ chức dạy nghề cho PN - một trong những nhiệm vụ của TG. Chưa được đào tạo nghề cùng với tình trạng thất nghiệp cũng chiếm tỷ lệ cao (40.33%) là một trong những nguyên nhân dẫn những người này tới hành vi phạm tội và phải chấp hành án phạt tù trong TG. Tuy nhiên, nếu CBGDPL của các TG biết cách lồng ghép những nội dung GDPL vào quá trình dạy nghề một cách hợp lý thì sẽ có nhiều PN được nghe phổ biến, GDPL nhiều lần, nhất là những thông tin, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực dân sự, lao động, việc làm để giúp PN trở về tái hòa nhập cộng đồng sau khi hết hạn chấp hành án phạt tù.

### 3.1.8. Cơ cấu theo các loại tội phạm

Các số liệu thống kê thu thập từ 23 TG cho thấy, trong tổng số 255.411 PN đang chấp hành án phạt tù, có 9.572 PN phạm tội giết người, chiếm 3.75%; có 84.095 PN phạm tội cướp tài sản và các tội xâm phạm sở hữu, chiếm 32.92%; có 71.240 PN phạm các tội về ma túy, chiếm 27.89%; có 1.113 PN phạm tội buôn bán phụ nữ và trẻ em, chiếm 0.44%; có 4.07% PN phạm tội hiếp dâm, chiếm 1.59%; có 957 PN phạm các tội về tham nhũng, chiếm 0.37%; số còn lại là 84.364 PN, chiếm

33.03%, phạm các tội khác - đây cũng là tỷ lệ cao nhất trong các nhóm tội phạm được các TG thống kê (xem biểu đồ dưới).

Đơn vị tính: người



**Biểu đồ 3.9: Cơ cấu theo hành vi phạm tội**

Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1i)

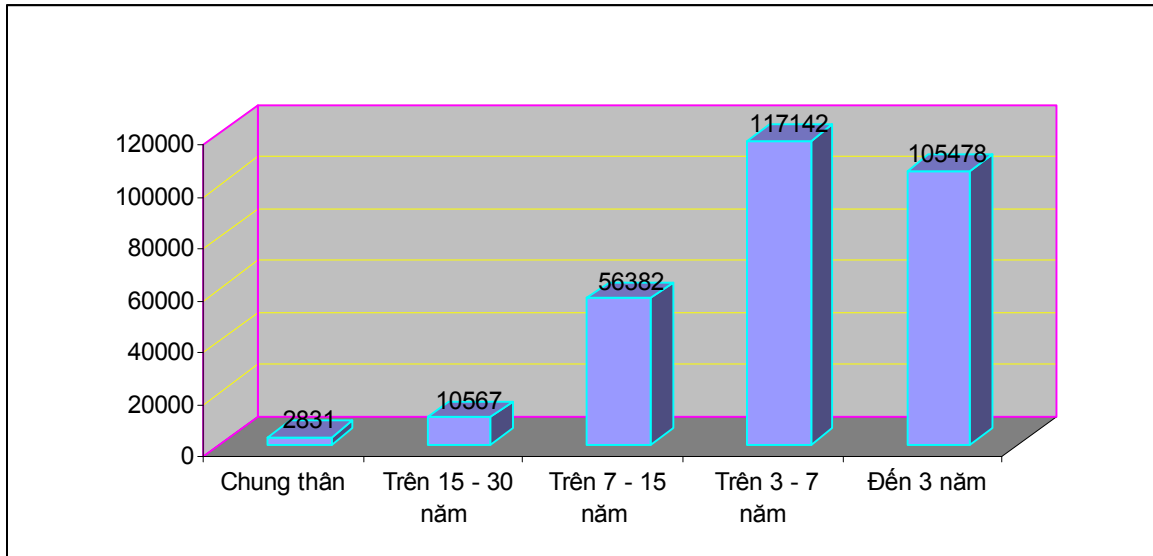
Các số liệu trên cho thấy nhóm tội phạm cướp tài sản, xâm phạm sở hữu và nhóm các tội phạm về ma túy là các loại tội phạm nổi cộm ở nước ta trong giai đoạn hiện nay; trong đó, các PN phạm các tội về ma túy tập trung nhiều ở các TG ở khu vực miền núi phía Bắc. Điều đó cho thấy cuộc chiến của lực lượng cảnh sát nhân dân trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy vẫn luôn nóng bỏng và ẩn chứa những khó khăn, phức tạp. Từ thực tế đó, việc *tăng cường* các nội dung GDPL về hình sự (Chương XVIII- Các tội phạm về ma túy) và nội dung về Luật Phòng, chống ma túy cho PN trong các TG ở khu vực miền núi phía Bắc đang là vấn đề cấp thiết đặt ra; góp phần hạn chế tình trạng tái phạm sau khi PN ra trại.

### 3.1.9. Cơ cấu theo mức án

Các số liệu thống kê thu được từ 23 TG cho thấy: Trong số 292.400 PN đang chấp hành án phạt tù trong TG, mức án tù giam từ trên 3 năm đến 7 năm (tội phạm nghiêm trọng) là mức án mà 117.142 PN trong các TG đang phải chấp hành, chiếm 40.06% - cũng là tỷ lệ cao nhất trong các mức án tù giam được thống kê. Chiếm tỷ lệ cao tiếp theo là mức án tù từ 3 năm trở xuống (tội phạm ít nghiêm trọng) với 105.478 PN đang phải chấp hành, chiếm 36.08%. Có 56.382 PN đang chấp hành án từ trên 7 năm đến 15 năm tù giam (tội phạm rất nghiêm trọng), chiếm 19.28%; mức

án từ trên 15 đến 30 năm chiếm 3.61% (10.567 PN); thấp nhất là mức án tù chung thân với 2.831 PN, chiếm 0.97%.

*Đơn vị tính: người*



**Biểu đồ 3.10: Cơ cấu theo mức án phạm nhân đang chấp hành**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84] (xem chi tiết tại Phụ lục 1k)*

Với cơ cấu mức án như vậy, vấn đề đặt ra trong công tác GDPL cho PN ở các TG hiện nay là phải sàng lọc, phân loại phạm nhân theo từng mức án trước khi tiến hành GDPL cho họ nhằm đảm bảo tiến độ chương trình và tránh tình trạng có PN phải học tập pháp luật nhiều lần, trong khi có PN chưa kịp học vì phải chuyển TG hoặc hết thời hạn chấp hành án.

### **3.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Việc đánh giá thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân của công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay, bên cạnh cơ sở lý luận, luôn đòi hỏi phải có những minh chứng, luận cứ thực tiễn. Các minh chứng, luận cứ thực tiễn sẽ giúp cho việc phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân của công tác GDPL cho PN mang tính đúng đắn, khách quan và khoa học, tránh được căn bệnh giáo điều, sự suy diễn chủ quan, cảm tính hay tùy tiện. Theo logic đó, để tìm kiếm các minh chứng, luận cứ thực tiễn cho việc đánh giá đúng thực trạng công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trong những năm qua, tác giả đã sử dụng phương pháp ĐTXHH thông qua việc xây dựng, phát ra, thu về và xử lý số liệu hai loại **Phiếu thu thập ý kiến**: *Mẫu phiếu dành cho CBGDPL trong TG* và *Mẫu phiếu dành cho*

*PN trong các TG.* Nội dung các mẫu phiếu gồm những câu hỏi liên quan tới các khía cạnh khác nhau của hoạt động GDPL cho PN trong các TG. Các phiếu thu thập ý kiến được phát ra - thu về tại 24 TG do Bộ Công an quản lý, đứng chân trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, gồm: 1) TG Quyết Tiến (tỉnh Tuyên Quang); 2) TG Ngọc Lý (tỉnh Bắc Giang); 3) TG Xuân Nguyên (thành phố Hải Phòng); 4) TG Hoàng Tiến (tỉnh Hải Dương); 5) TG Tân Lập (tỉnh Phú Thọ); 6) TG Vĩnh Quang (tỉnh Vĩnh Phúc); 7) TG Phú Sơn 4 (tỉnh Thái Nguyên); 8) TG Thanh Xuân (thành phố Hà Nội); 9) TG Thanh Lâm (tỉnh Thanh Hóa); 10) TG số 6 (tỉnh Nghệ An); 11) TG Xuân Hà (tỉnh Hà Tĩnh); 12) TG Bình Điền (tỉnh Thừa Thiên - Huế); 13) TG Đắc Tân (tỉnh Đắc Lắc); 14) TG Đại Bình (tỉnh Lâm Đồng); 15) TG Thủ Đức (tỉnh Bình Thuận); 16) TG Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai); 17) TG An Điền (tỉnh Bình Dương); 18) TG An Phước (tỉnh Bình Dương); 19) TG Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); 20) TG Thạnh Hòa (tỉnh Long An); 21) TG Mỹ Phước (tỉnh Tiền Giang); 22) TG Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp); 23) TG Kênh 7 (tỉnh An Giang); 24) TG Cái Tàu (tỉnh Cà Mau).

Về số lượng phiếu, đối với ***Phiếu thu thập ý kiến (Dành cho CBGDPL trong TG)***: số lượng phiếu phát ra là 650 phiếu; số lượng phiếu thu về là 584 phiếu; đạt tỷ lệ 89.84%. Đối với ***Phiếu thu thập ý kiến (Dành cho PN trong các TG)***: số lượng phiếu phát ra là 1300 phiếu; số lượng phiếu thu về là 1258 phiếu; đạt tỷ lệ 96.76%. Sở dĩ phải xây dựng, triển khai hai mẫu phiếu thu thập ý kiến dành cho hai đối tượng khảo sát khác nhau (CBGDPL với tư cách là chủ thể giáo dục và PN với tư cách là đối tượng tiếp nhận GDPL) là để có đầy đủ cơ sở so sánh, đối chiếu kết quả thu được, ý kiến của hai nhóm đối tượng này trước cùng một vấn đề bởi họ là “*đối tác*” của nhau trong hoạt động GDPL. Ngoài ra, để bảo đảm tính xác thực, độ tin cậy của kết quả ĐTXHH, tác giả còn sử dụng thêm phương pháp phỏng vấn thông qua việc gặp gỡ, trao đổi, phỏng vấn trực tiếp các CBGDPL và PN tại 10 TG trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Trên cơ sở kết quả xử lý phiếu, tác giả tập trung phân tích, đánh giá thực trạng công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trong những năm qua trên phương diện những điểm thành công, kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của công tác này; phân tích các nguyên nhân đưa đến những thành công và nguyên nhân của những hạn chế. Cuộc ĐTXHH có mục đích phục vụ trực tiếp

cho việc viết luận án, bởi vậy, các bảng số liệu và từng số liệu cụ thể được sử dụng trong luận án, nếu không có sự dẫn nguồn cụ thể khác, thì có nghĩa đó là các bảng số liệu và số liệu được khai thác từ cuộc ĐTXHH do chính tác giả luận án thực hiện. Các mẫu phiếu thu thập ý kiến và kết quả xử lý phiếu được trình bày ở phần Phụ lục của luận án.

### **3.2.1. Những kết quả đạt được trong giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam và nguyên nhân**

#### ***3.2.1.1. Những kết quả đạt được***

Trong những năm qua, cùng với công cuộc đổi mới toàn diện, đất nước ta đang trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN - Nhà nước luôn đặt pháp luật ở vị trí thượng tôn; mọi hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội đều phải dựa trên các nguyên tắc, quy định của pháp luật, mọi hành vi phạm pháp, phạm tội đều phải bị xử lý theo luật định, tăng cường pháp chế XHCN. Vì lẽ đó và để làm được điều đó, bên cạnh việc không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nhà nước ta luôn chú trọng công tác phổ biến, GDPL nói chung, GDPL cho từng nhóm đối tượng xã hội nói riêng. Trong lĩnh vực thi hành án hình sự, việc Nhà nước buộc người phạm tội bị kết án phạt tù phải chấp hành án trong TG “không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới” [61, Điều 27]. GDPL cho PN trong các TG là một trong những hoạt động nhằm đạt được mục tiêu này.

Trên tinh thần đó, công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trong những năm qua đã được tăng cường và đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện trên các phương diện *mục tiêu, chủ thể, nội dung, phương pháp, hình thức* và cơ sở vật chất phục vụ GDPL:

*a) Về xác định mục tiêu giáo dục pháp luật, trong quá trình lên lớp giảng bài, tổ chức thảo luận, cán bộ giáo dục pháp luật đã xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Việc xác định mục tiêu GDPL có vai trò rất quan trọng, bởi lẽ, nếu không xác định đúng, rõ ràng mục tiêu của GDPL cho PN thì chủ thể GDPL khó có thể đưa ra nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp, dễ rơi vào tình trạng hình thức, giáo điều. Nhận thức rõ điều này nên về cơ bản, CBGDPL của các TG



khi lên lớp đã *xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu* mà mỗi PN phải đạt được sau khi tham dự GDPL. Kết quả ĐTXHH về vấn đề này cho thấy có tới 93.93% CBGDPL được hỏi khẳng định *có xác định cụ thể, rõ ràng*; chỉ có 05.55% trả lời *có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng* và 00.52% cho rằng *không xác định, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được* [xem Phụ lục 2a]. Kết quả trả lời của CBGDPL về cơ bản phù hợp với kết quả khảo sát PN, thể hiện ở chỗ có tới 84.58% PN khẳng định họ được CBGDPL *xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu*; 09.96% trả lời *có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng* và 05.38% PN cho rằng CBGDPL *không xác định mục tiêu giáo dục, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được* [xem Phụ lục 2b]. Điều đó chứng tỏ kết quả ĐTXHH có độ tin cậy cao.

Đây là kết quả của công tác GDPL cho PN tại các TG ở nước ta. Tổng cục VIII (Bộ Công an) đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo) biên soạn Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” gồm 3 tập: Tập I dành cho PN *mới đến TG chấp hành hình phạt tù*; Tập II dành cho PN *đang chấp hành hình phạt tù*; Tập III dành cho PN *sắp chấp hành xong hình phạt tù*. Ở mỗi tập đều có phần *GDPL*, trong đó xác định rõ mục tiêu:

Học xong chủ đề này, anh (chị) cần hiểu được:

1. Về kiến thức: Biết một số nội dung cơ bản của chính sách và pháp luật Việt Nam có liên quan đến phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù trong các trại giam, trại tạm giam; Hiểu một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Hiểu ý nghĩa nhân văn, nhân đạo của các chính sách và pháp luật đã học.
2. Về kỹ năng: Biết nhận xét, đánh giá hành vi bản thân và của người khác đối chiếu với các quy định của pháp luật; Biết cách ứng xử phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Về thái độ: Có ý thức tôn trọng pháp luật, tích cực học tập, cải tạo để trở thành một công dân tốt, một người lương thiện; Đồng tình, ủng hộ những hành vi, việc làm phù hợp với pháp luật, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật [80, tr.18].

Ngoài ra, gắn liền với mỗi nội dung GDPL cụ thể, các tác giả biên soạn tài liệu đều xác định các mục tiêu cụ thể phù hợp với bài giảng. Khi giảng bài, việc đầu tiên CBGDPL cần làm là giới thiệu mục tiêu cần đạt được từ bài học.

*b) Về chủ thể giáo dục pháp luật, các trại giam đã chú trọng xây dựng được một đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân đáp ứng tương đối tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao*

Trong công tác GDPL cho PN, chủ thể GDPL giữ vai trò đặc biệt quan trọng, có tính quyết định đối với chất lượng, hiệu quả của công tác này. Việc có được một đội ngũ CBGDPL đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ sẽ giúp Ban Giám thị TG chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện chương trình GDPL cho PN theo đúng yêu cầu pháp luật. Chính vì vậy, trong những năm qua, các TG ở nước ta đã chú trọng xây dựng được một đội ngũ CBGDPL cho PN cả về số lượng và chất lượng nhằm chủ động nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chương trình GDPL và nhu cầu ngày càng nhiều về số lượng PN cần được học tập pháp luật.

***Thứ nhất**, đại đa số CBGDPL cho PN trong các TG đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật. Để có thể lên lớp giảng dạy về pháp luật cho PN thì trước hết, bản thân CBGDPL phải có trình độ kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật. Kiến thức pháp luật là nền tảng để CBGDPL nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, về nội dung, tinh thần của pháp luật nói chung, pháp luật hình sự, thi hành án hình sự và các văn bản QPPL khác có liên quan đến quá trình PN chấp hành án phạt tù nói riêng; về tác động thực tế của các văn bản QPPL đó đối với PN... Trên nền tảng kiến thức pháp luật sẵn có, CBGDPL mới có thể xác định, lựa chọn những nội dung pháp luật cụ thể, thiết thực, tác động trực tiếp tới PN để giảng dạy, truyền đạt nhằm cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật cho họ một cách hiệu quả. Với ý nghĩa đó, một trong những kết quả cần ghi nhận là có tới 97.95% CBGDPL được hỏi khẳng định họ đã được trang bị kiến thức pháp luật; chỉ có 02.05% chưa được trang bị kiến thức pháp luật (chủ yếu là cán bộ dạy văn hóa cho PN) [xem Phụ lục 2c].*

*Thời điểm mà đội ngũ CBGDPL cho PN trong các TG được trang bị kiến thức, hiểu biết về pháp luật cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với quá trình thực hiện công tác GDPL của họ. Kết quả ĐTXHH về vấn đề này cho thấy: đa số CBGDPL cho PN đã được trang bị kiến thức pháp luật trước khi trở thành CBGDPL, chiếm 82.44% số phiếu trả lời hợp lệ; còn lại 17.56% trả lời được trang bị sau khi đã là CBGDPL [xem Phụ lục 2d]. Được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật một cách chính quy, bài bản trước khi trở thành CBGDPL là một lợi thế rất lớn*

đối với bản thân mỗi cán bộ cũng như đối với các TG. CBGDPL thì yên tâm, ổn định về công tác, chủ động phát huy những gì đã được học vào nhiệm vụ chuyên môn được giao, khi cần thiết thì tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn các chuyên đề pháp luật để cập nhật thêm những thông tin, kiến thức pháp luật mới; các TG thì không lo thiếu cán bộ chuyên môn làm việc vì lý do “có quá nhiều người xin đi học”.

*Thứ hai, đa số CBGDPL của các TG ở nước ta đã có trình độ từ cử nhân luật trở lên.* Tìm hiểu về trình độ kiến thức pháp luật của đội ngũ CBGDPL tại các TG, tác giả luận án đưa ra những trình độ sau: 1) Trình độ Sơ cấp về luật; 2) Trình độ Trung cấp luật; 3) Trình độ Đại học luật; 4) Trình độ Thạc sĩ luật; 5) Trình độ Tiến sĩ luật. Kết quả ĐTXHH về vấn đề này cho thấy: đa số CBGDPL cho PN đã có trình độ cử nhân luật, chiếm 52.45% hợp lệ; đặc biệt có 2 người (00.35%) đã đạt trình độ thạc sĩ luật và 1 người đạt trình độ tiến sĩ luật (00.19%). Như vậy, số CBGDPL của các TG đã đạt trình độ từ cử nhân luật trở lên chiếm 52.99% trong số CBGDPL được khảo sát [*xem Phụ lục 2đ*]. Đối với CBGDPL cho PN thì đây là tỷ lệ tương đối cao, cho thấy đa số CBGDPL của các TG đã có sự chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ kiến thức pháp luật. Điều đó cũng nói lên rằng, các TG ở nước ta đã chú trọng xây dựng được một đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL cho PN có trình độ, từng bước đáp ứng tương đối tốt yêu cầu nhiệm vụ GDPL cho PN trong các TG.

*Thứ ba, từ thực tiễn làm công tác GDPL cho PN, đội ngũ CBGDPL đã đánh giá rất cao vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với công việc mà họ đang đảm nhiệm.* Đội ngũ CBGDPL có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với hoạt động GDPL cho PN. Họ là những người thay mặt TG truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho PN; giúp PN hiểu được rằng pháp luật luôn luôn giữ vị trí thượng tôn trong xã hội; không một tổ chức, cơ quan hay cá nhân nào có thể đứng ngoài hay đứng trên pháp luật. Muốn giải quyết các công việc chuyên môn kịp thời, đúng quy định của pháp luật thì đội ngũ CBGDPL phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật, phải có thái độ công minh, chính trực, có tinh thần trách nhiệm cao khi truyền đạt tri thức pháp luật cho PN. Hiểu biết pháp luật không chỉ để mỗi CBGDPL thi hành đúng pháp luật, mà còn để tổ chức, giáo dục cho PN hiểu và tuân thủ những quy định của pháp luật.

Chính vì nhận thức được đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của những kiến thức, hiểu biết pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ GDPL cho PN nên tuyệt đại đa số CBGDPL được hỏi đánh giá rất cao vai trò của kiến thức pháp luật đối với công việc mà họ đang đảm nhiệm. Kết quả ĐTXHH cho thấy, có tới 87.16% số CBGDPL được hỏi khẳng định rằng kiến thức pháp luật có vai trò *rất cần thiết* đối với công tác chuyên môn của họ; 12.67% hợp lệ ghi nhận sự *cần thiết* của tri thức pháp luật đối với công tác chuyên môn; tổng cộng có tới 99.83% đánh giá rằng kiến thức pháp luật là *rất cần thiết* và *cần thiết*; chỉ có 01 người (00.17%) đánh giá rất không cần thiết đối với công việc của mình [xem Phụ lục 2e]. Điều đó cho phép khẳng định rằng, về cơ bản, đội ngũ CBGDPL của các TG ở nước ta hiện nay đã nhận thức được đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình thực thi nhiệm vụ nói chung, đối với hoạt động GDPL cho PN nói riêng.

*Thứ tư, về cơ bản, các TG với tư cách chủ thể tổ chức đã tổ chức GDPL cho PN theo đúng quy định của pháp luật.* GDPL cho PN là một trong những việc quan trọng của các TG nhằm nhanh chóng đưa các văn bản QPPL của Nhà nước đến với các PN, bởi lẽ pháp luật không thể tự đến được với mỗi PN, mà phải thông qua con đường GDPL cho họ. Trả lời câu hỏi về việc có được TG tổ chức cho học tập pháp luật không, có tới 98.00% PN khẳng định rằng họ có được trại giam tổ chức cho học tập pháp luật [xem Phụ lục 2f].

Tìm hiểu *tiêu chí* tổ chức GDPL cho PN trong các TG cho kết quả như sau: có 95.52% CBGDPL được hỏi khẳng định TG đã tổ chức GDPL *đầu vào* theo chương trình, kế hoạch (khi có đủ số PN để mở lớp); 89.21% cho biết TG đã tổ chức GDPL *đầu ra* theo chương trình, kế hoạch (khi PN sắp chấp hành xong hình phạt tù); 86.47% ghi nhận đã tổ chức mỗi khi có văn bản QPPL mới liên quan đến chế độ, chính sách đối với PN cần tuyên truyền, phổ biến và 18.83% CBGDPL trả lời là có tổ chức GDPL theo yêu cầu, đề nghị của PN [xem Phụ lục 2g].

Tính từ năm 2002 đến nay, các trại giam đã tổ chức được trên 42.286 lớp cho 11.157.000 lượt phạm nhân tham gia học chính trị, thời sự, pháp luật, nội quy trại giam...; tổ chức 13.697 lớp học cho 443.539 phạm nhân mới đến trại giam, 4.515 lớp học cho 720.345 phạm nhân đang chấp hành án và 7.154 lớp học cho 265.794 phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù [84, tr.5].

Các số liệu trên cho thấy một trong những kết quả quan trọng mà công tác GDPL cho PN đạt được là hầu hết PN đã được học tập pháp luật theo quy định của

chương trình GDPL dành cho họ - cũng là sự nỗ lực của các TG trong việc trang bị thông tin, kiến thức pháp luật cho PN trong suốt quá trình chấp hành án phạt tù cũng như sau khi trở về cuộc sống đời thường.

*c) Về nội dung, đã cung cấp, trang bị cho phạm nhân những kiến thức, hiểu biết cơ bản về những lĩnh vực pháp luật quan trọng, cần thiết đối với quá trình chấp hành án phạt tù của phạm nhân*

Nội dung GDPL là một thành tố quan trọng của hoạt động và phải phù hợp, phục vụ thiết thực, trực tiếp cho đối tượng tiếp nhận GDPL là PN. Theo tinh thần đó, một trong những kết quả đạt được của công tác GDPL cho PN trong các TG là chủ thể đã lựa chọn và biên soạn được những nội dung cụ thể, chi tiết, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin, kiến thức pháp luật của PN. Đồng thời, những nội dung đó cũng đã được truyền đạt tới các PN. Kết quả ĐTXHH về vấn đề này cho thấy sự chênh lệch tuy có nhưng không nhiều giữa ý kiến trả lời của CBGDPL và PN xung quanh nội dung GDPL cho PN. Cụ thể, có 95.55% CBGDPL và 83.62% PN trả lời rằng PN đã được học tập những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến PN và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù; tỷ lệ tương ứng lần lượt ở các nội dung khác là: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác (92.29% và 78.46%); Các quy định liên quan đến phạm nhân trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự Luật Cư trú, Luật Đặc xá... (92.97% và 78.86%); Nội quy trại giam, các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù (95.55% và 93.00%); Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong TG (92.64% và 81.40%); Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng (98.55% và 78.78%) [xem Phụ lục 2h].

Những nội dung GDPL cho PN nêu trên được thể hiện trong Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” gồm 3 tập do Tổng cục VIII phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo) biên soạn, mỗi tập đều có phần GDPL với những nội dung cụ thể:

Nội dung GDPL trong Tập I gồm: 1) Chính sách hình sự của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đối với người phạm tội; 2) Một số nội dung cơ bản của Pháp lệnh Thi hành án phạt tù và Quy chế TG; 3) Tôn trọng Nội quy TG; 4) Quyền và nghĩa vụ của PN [80, tr.14].

Nội dung GDPL trong tập II gồm: 1) Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; 2) Quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; 3) Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của công dân, của Nhà nước và lợi ích công cộng; 4) Nghĩa vụ công dân trong việc bảo vệ môi trường; 5) Phòng chống tệ nạn xã hội; 6) Phòng chống HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm; 7) Một số nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự; 8) Một số nội dung cơ bản của Luật Đặc xá. Ngoài 8 nội dung GDPL bắt buộc cho PN nêu trên còn có phần tự chọn, linh hoạt: một số vấn đề cơ bản của Luật Giao thông đường thủy nội địa; pháp luật và chính sách của Nhà nước về tôn giáo, đại đoàn kết dân tộc; quyền trẻ em; quyền phụ nữ [80, tr.54-55].

Nội dung GDPL ở tập III gồm: 1) Giữ gìn trật tự an toàn xã hội; 2) Giữ gìn trật tự an toàn giao thông đường bộ; 3) Một số nội dung cơ bản của Luật Cư trú; 4, Quyền và nghĩa vụ công dân trong hôn nhân, gia đình [80, tr.18].

Như vậy, những nội dung GDPL cho PN đã được biên soạn tương đối cụ thể, chi tiết và những nội dung này cũng đã được CBGDPL truyền đạt tương đối đầy đủ cho PN. Nếu các PN tích cực học tập thì sẽ đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin, kiến thức pháp luật của họ trong suốt quá trình chấp hành án phạt tù cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau khi hết hạn tù.

*d) Về phương pháp, đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam đã có nhiều cố gắng trong vận dụng các phương pháp giáo dục có tính tương tác, tạo được sự chủ động, tích cực của phạm nhân trong lĩnh hội kiến thức pháp luật*

Do PN là những người đang chấp hành án phạt tù trong các TG nên phạm nhân đến lớp học tập pháp luật theo quy định bắt buộc, tâm lý thường căng cứng, đôi phó chứ không phải đi học với tâm thế “mỗi ngày đến trường là một ngày vui”. Chính vì vậy, CBGDPL cần căn cứ vào đối tượng người học là PN, mục tiêu, nội dung GDPL cho PN để lựa chọn các phương pháp GDPL phù hợp; phải khơi gợi, khích lệ được sự chủ động, hăng hái, nhiệt tình học tập của họ. Nhìn trên phương diện này, trong những năm qua, đội ngũ CBGDPL cho PN đã có nhiều cố gắng trong vận dụng các phương pháp giáo dục có tính tương tác sư phạm cao giữa người dạy và người học, tạo được sự chủ động, tích cực của các PN trong quá trình lĩnh hội tri thức pháp luật.

Kết quả ĐTXHH cho thấy, ngoài việc đa số CBGDPL vẫn chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình truyền thông, đã có 53.93% CBGDPL khẳng định họ sử dụng *phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật* (chia PN thành các nhóm → PN thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → CB kết luận); 64.55% CBGDPL trả lời là sử dụng *phương pháp nêu tình huống* (CB giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → PN trao đổi, tranh luận → CB giữ vai trò điều khiển) và 44.18% sử dụng *phương pháp thực hành pháp luật* (CB giới thiệu nội dung pháp luật → giao bài tập thực hành → PN tự giải quyết bài tập → PN thuyết trình phương án giải quyết → CBGDPL đưa ra kết luận) [*xem Phụ lục 2i*]. Đây đều là những phương pháp tương tác hai chiều, có tác dụng kích lệ PN chủ động, tích cực lĩnh hội kiến thức bài học, ghi nhớ được lâu hơn và có khả năng vận dụng trong thực tiễn chấp hành án cũng như sau này trở về với cộng đồng.

*e) Về hình thức, hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân đã được các chủ thể giáo dục pháp luật từng bước đa dạng hóa phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trại giam*

Hình thức GDPL cho PN đang được sử dụng chủ yếu trong các TG ở nước ta hiện nay là PN tập trung tại hội trường để nghe CBGDPL lên lớp giảng bài. Điều này được 96.40% CBGDPL và 81.16% PN tham gia cuộc ĐTXHH khẳng định. Bên cạnh những ưu điểm nhất định, hình thức này thường mang tính “mùa vụ”, kết quả thường mang tính “nhất thời”. Thấu hiểu điều đó, ngoài hình thức học tập trung tại hội trường, đại đa số các TG ở Việt Nam đã có sự chủ động đa dạng hóa hình thức GDPL cho PN phù hợp với điều kiện cụ thể của từng TG nhằm thực hiện phương châm “*mưa dầm thấm lâu*”. Những hình thức đa dạng, phong phú đang được các TG sử dụng gồm: hình thức cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho PN; hình thức niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại/phân trại, ở buồng giam PN; hình thức GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hệ thống loa truyền thanh được bố trí trong TG, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; hình thức tổ chức cho PN thi làm báo tường, thi tìm hiểu pháp luật; hình thức GDPL thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội; hình thức GDPL cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng PN... Mỗi hình thức GDPL kể trên đều có tác dụng hỗ trợ tích cực cho hình thức học tập trung tại hội trường và đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin, kiến thức

pháp luật của PN trong các TG [xem Phụ lục 2k]. Các số liệu cho thấy hình thức GDPL cho PN đã được các chủ thể từng bước đa dạng hóa phù hợp với điều kiện cụ thể của từng TG.

*f) Về cơ sở vật chất, trong những năm qua, cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam đã dần được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới*

Cơ sở vật chất là điều kiện tiên quyết, không thể thiếu đối với việc tổ chức thực hiện cũng như bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN. Cơ sở vật chất có đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nhu cầu GDPL cho PN thì mới có thể mang lại kết quả, hiệu quả cao trong việc học tập pháp luật của PN và ngược lại. “Cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức dạy - học bao gồm phòng học, bàn, ghế, giấy, bút và trang thiết bị, phương tiện như máy tính, máy chiếu, loa, âmly... là một trong những yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật, giáo dục công dân cho phạm nhân” [83, tr.2]. Nhận thức rõ tầm quan trọng của cơ sở vật chất phục vụ GDPL, trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư kinh phí của Nhà nước, Bộ Công an, các TG ở nước ta đã nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ công tác này. Theo thống kê, một số TG đã có cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho PN tương đối đầy đủ [xem Phụ lục 2l]. Các số liệu thống kê cho thấy: cơ sở vật chất của một số TG ở nước ta đã được chú trọng đầu tư và bước đầu đáp ứng yêu cầu GDPL cho PN. Có thể coi đây là một kết quả tốt trong bối cảnh nhiều TG trên phạm vi cả nước còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho PN.

*g) Đánh giá chung, công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu và nhu cầu về tri thức pháp luật cho phạm nhân*

Như đã đề cập ở trên, một trong những kết quả quan trọng là phần lớn PN đã được học tập pháp luật theo quy định của chương trình GDPL dành cho họ - cũng là sự nỗ lực của các TG trong việc trang bị thông tin, kiến thức pháp luật cho PN trong suốt quá trình chấp hành án phạt tù cũng như sau khi trở về cuộc sống đời thường. Đánh giá chung, “trong những năm qua, công tác giáo dục, cải tạo PN tại các TG đã có sự chuyển biến, đổi mới về nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng giáo dục. Những nội dung đổi mới thể hiện qua việc các TG đã tiến hành GDPL cho PN hiệu



rõ về chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta đối với PN...” [84, tr.4]. Kết quả GDPL cho PN trong các trại giam ở Việt Nam theo thống kê của 23 TG được tác giả luận án khảo sát cho thấy, trong giai đoạn 2005 - 2014, 23 TG đã mở được 6.520 lớp học pháp luật cho 206.607 lượt PN mới đến TG để chấp hành án phạt tù; mở được 4.010 lớp học pháp luật cho 168.432 lượt PN sắp chấp hành xong án phạt tù, chuẩn bị trở về tái hòa nhập cộng đồng; mở được 6.169 lớp GDPL thường xuyên cho 448.603 lượt PN trong quá trình họ chấp hành án phạt tù tại TG (xem bảng tổng hợp kết quả bên dưới).

**Bảng 3.1: Số lớp và số lượng phạm nhân được giáo dục pháp luật**

*Đơn vị tính: người*

STT	Đơn vị (Trại giam)	GDPL cho PN mới đến TG (đầu vào)		GDPL cho PN sắp hết án (đầu ra)		GDPL thường xuyên cho PN	
		Số lớp	Số PN	Số lớp	Số PN	Số lớp	Số PN
1	Kênh 7	198	8375	109	7.960	27	5721
2	Phú Sơn 4	632	17.418	503	12.185	279	37125
3	Vĩnh Quang	289	6.844	79	3.844	167	92891
4	Mỹ Phước	113	7.526	38	3223	17	1244
5	Đại Bình	78	5.323	28	5599	96	15009
6	Thủ Đức	1.013	17.881	571	16337	689	12181
7	Tân Lập	83	9.527	105	7473	610	12230
8	Xuyên Mộc	178	8.139	100	6948	67	5462
9	Xuân Hà	103	3.185	59	1788	102	21303
10	Đắk Tân	76	3.865	29	2185	66	5159
11	Thanh Hòa	267	10.669	338	9063	103	15532
12	Quyết Tiến	352	10.565	144	8812	125	7667
13	Thanh Xuân	185	6.304	68	6065	82	6304
14	Ngọc Lý	272	14.341	279	12361	421	10575
15	Bình Điền	105	6.303	130	5354	70	7362
16	Xuân Nguyên	252	7.544	324	6318	334	86750
17	Xuân Lộc	405	14.907	270	14428	360	22000
18	Cao Lãnh	106	7.177	64	4224	115	6946
19	Trại 6	391	15.823	236	12686	210	16232
20	An Điền	540	4.595	108	3955	92	4351
21	An Phước	544	13.273	265	8247	1728	40824
22	Hoàng Tiến	229	1.469	146	7796	376	12295
23	Cái Tàu	109	5.554	17	1581	33	3440
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.520</b>	<b>206.607</b>	<b>4.010</b>	<b>168.432</b>	<b>6.169</b>	<b>448.603</b>

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp [80; 81; 82; 83; 84]*

Kết quả của công tác GDPL cho PN trong các TG đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu và nhu cầu về tri thức pháp luật cho PN. Số liệu thu được từ ĐTXHH cho thấy, có 19.24% CBGDPL đánh giá rằng công tác GDPL đã đáp ứng tốt yêu cầu và nhu cầu về kiến thức pháp luật của PN; 60.65% cho rằng đáp ứng ở mức độ khá. Như vậy, tổng cộng có tới **79.89%** CBGDPL đánh giá hoạt động GDPL đáp ứng tốt và khá yêu cầu và nhu cầu về kiến thức pháp luật cho PN [xem Phụ lục 2m].

Kết quả trả lời của CBGDPL tham gia cuộc khảo sát cũng khá tương đồng với nhận định của chính những PN đã được học tập pháp luật khi cũng có 41.77% PN tự đánh giá đáp ứng ở mức độ tốt và 45.77% ghi nhận ở mức độ khá, tổng cộng có 87.54% PN đánh giá hoạt động GDPL đáp ứng tốt và khá nhu cầu về kiến thức pháp luật của bản thân họ [xem Phụ lục 2n].

Tìm hiểu lý do khiến cho đại đa số PN đánh giá hoạt động GDPL đã đáp ứng tốt và khá yêu cầu và nhu cầu về kiến thức pháp luật của họ, tác giả thu được kết quả như sau: Có 76.07% PN đánh giá công tác GDPL đáp ứng ở mức độ “tốt” và “khá” là vì “*nội dung phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo PN trong TG*”; 69.48% trả lời là do “*nội dung cập nhật được những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của PN*”; 56.20% PN ghi nhận vì “*nội dung đáp ứng được nhu cầu của PN sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng*”; 44.04% PN khẳng định là vì “*nội dung thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của PN*” [xem Phụ lục 2o].

Sau khi được học tập pháp luật, gần như tất cả PN trong các TG (99.60%) đều đánh giá rằng công tác GDPL là “*rất cần thiết*” (74.86%) và “*cần thiết*” (24.74%) đối với họ. Nhận thức, thái độ, hành vi của PN có sự chuyển biến tích cực rõ rệt. Họ tin tưởng hơn vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành nghiêm túc nội quy TG. Các hành vi ứng xử trong giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày được PN thể hiện một cách có văn hóa, hợp chuẩn mực hơn; gần gũi, thân thiện và có ý thức giúp đỡ nhau trong học tập, lao động; biết đồng tình, ủng hộ những cái đúng và đấu tranh, phê phán hành vi, việc làm sai, trái pháp luật, nội quy, quy chế.

Ở những TG làm tốt công tác GDPL cho PN, tình trạng PN vi phạm pháp luật, nội quy, bị xếp loại yếu giảm nhiều và số được xếp loại khá, tốt tăng hơn hẳn so với trước. “Tỷ lệ các loại đối tượng được khen thưởng, xếp loại tốt, khá ngày

càng tăng và loại bị kỷ luật, xếp loại trung bình, kém ngày càng giảm. Do đó, số lượng phạm nhân được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, được đặc xá ngày càng nhiều hơn, tỷ lệ tái phạm tội thấp” [30, tr.1]. Theo Báo cáo chuyên đề “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân, trại viên, học sinh trong độ tuổi thanh thiếu niên tại các trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng*” - báo cáo mới nhất năm 2015 của Tổng cục VIII, nhờ việc tích cực GDPL cho PN trong các TG nên đa số PN đều nhận rõ tội lỗi, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, bản án, Quyết định của Tòa án, Nội quy TG; cố gắng khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình đã gây ra, tích cực lao động, học tập, cải tạo tiến bộ. Số PN vi phạm Nội quy TG giảm đáng kể, từ 13,29% năm 2012 xuống còn 9,45% năm 2014. Hàng năm, số PN được xếp loại cải tạo khá, tốt chiếm tỷ lệ cao (từ 75% - 80%); số PN xếp loại kém giảm (năm 2014 giảm còn 3,29% so với năm 2012. Rõ ràng, công tác GDPL cho PN trong các TG đã tạo được những kết quả, hiệu ứng tích cực trong nhận thức và hành vi chấp hành án phạt tù của PN.

### ***3.2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được***

Những kết quả đạt được trong công tác GDPL cho PN tại các TG trong những năm qua là do bốn nguyên nhân cơ bản sau (Kết quả thăm dò ý kiến của CBGDPL về những nguyên nhân trên thể hiện ở *Phụ lục 2đ*):

*a) Các cấp ủy Đảng từ Bộ Công an, Tổng cục VIII đến các trại giam luôn quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Kế thừa và phát huy truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng và đề cao tinh thần nhân văn, nhân đạo trong xây dựng đường lối, chủ trương, ban hành chính sách, pháp luật, đặc biệt là chính sách pháp luật hình sự và thi hành án hình sự. Quan điểm của Đảng ta về công tác thi hành án phạt tù thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ:

Thực hiện nghiêm chỉnh các hình phạt do luật định đối với kẻ phạm tội, đồng thời tích cực giáo dục kết hợp với dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất, cải thiện các điều kiện giam giữ để cải tạo, cảm hóa phạm nhân, tạo điều kiện đưa họ trở lại làm ăn lương thiện. Ngăn chặn, nghiêm trị các hành vi ngược đãi, ức hiếp người bị giam [23, tr.118]

Nhà nước ta cũng đã ban hành nhiều văn bản QPPL về công tác tổ chức giam giữ, giáo dục cải tạo PN nói chung, GDPL cho PN trong các TG nói riêng,

thể hiện trong Bộ luật Hình sự năm 1999, Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012... và các văn bản QPPL có liên quan. Đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là cơ sở, nền tảng để Bộ Công an, Tổng cục VIII và các TG triển khai công tác GDPL cho PN; góp phần làm nên những thành công, kết quả quan trọng của công tác này.

Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các cấp ủy Đảng từ Bộ Công an đến TG luôn quan tâm lãnh đạo công tác GDPL cho PN. Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Tổng cục VIII đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 26/3/2012 *Về tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục phạm nhân, trại viên, học sinh giai đoạn 2012 - 2016*, trong đó đánh giá tình hình, kết quả công tác giáo dục, đề ra các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, tổ chức thực hiện nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục PN, bao gồm cả công tác GDPL cho PN trong các TG.

Đảng ủy Tổng cục VIII cũng đã tổ chức các hội nghị triển khai, quán triệt sâu sắc Nghị quyết 02/NQ-ĐU tới Đảng ủy các TG, tới toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đội ngũ quản giáo, cán bộ làm công tác GDPL cho PN về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác GDPL cho PN. Yêu cầu đặt ra là mỗi chủ thể nói trên phải coi đó là một nhiệm vụ chính trị quan trọng trong giai đoạn hiện nay; yêu cầu các chủ thể GDPL thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về tiến độ, chương trình, nội dung, hình thức và thời lượng GDPL cho PN trong các TG theo đúng văn bản hướng dẫn của Tổng cục VIII.

Cùng với việc ban hành nghị quyết, Đảng ủy Tổng cục VIII còn ban hành các Quyết định, Kế hoạch về kiểm tra việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐU, thường xuyên tổ chức các Đoàn kiểm tra đi kiểm tra việc quán triệt và thực hiện nghị quyết tại các TG, có Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện. Chẳng hạn, Đảng ủy Tổng cục VIII đã ban hành Quyết định số 125/QĐ-ĐU ngày 12/3/2013 và Kế hoạch của Đảng ủy Tổng cục VIII về kiểm tra việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐU tại Đảng bộ cơ sở TG Cây Cày, TG Kênh 7. Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra của các Đoàn kiểm tra, Đảng ủy Tổng cục VIII đã ra Thông báo kết luận số 302/KL-ĐU (C86-CQUBKT) và Thông báo kết luận số 302/KL-ĐU (C86-CQUBKT) ngày 23/5/2013, trong đó nêu rõ những ưu

điểm, tồn tại, thiếu sót. nguyên nhân của những tồn tại, thiếu sót và yêu cầu Đảng bộ cơ sở trại giam tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Về phía Đảng bộ các TG, như ở Trại giam Kênh 7, sau khi nhận được Nghị quyết số 02/NQ-ĐU, đều đã tổ chức Hội nghị cấp ủy, quán triệt cho các Đảng ủy viên, các chi ủy trực thuộc, lãnh đạo, chỉ huy các Đội nghiệp vụ, Phân trại, cán bộ, chiến sĩ, đồng thời chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện trong toàn Đảng bộ thông qua việc học tập, quán triệt; nhận thức của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhất là cấp ủy, lãnh đạo chỉ huy các cấp trong Đảng bộ đã được nâng lên, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giáo dục cải tạo PN, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị [31, tr.1].

Theo kết quả ĐTXHH, nguyên nhân “*Các cấp ủy Đảng từ Bộ Công an, Tổng cục VIII đến các TG luôn quan tâm lãnh đạo công tác GDPL cho PN*” nhận được sự đồng tình của 91.44% CBGDPL tham gia trả lời bảng hỏi.

*b) Lãnh đạo Tổng cục VIII, Ban Giám thị các trại giam luôn chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của một cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Lãnh đạo Tổng cục VIII thường xuyên chỉ đạo sâu sát công tác quản lý, giáo dục cải tạo PN, trong đó có công tác GDPL cho PN. Điều đó được thể hiện ở việc Lãnh đạo Tổng cục VIII tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ xây dựng các văn bản QPPL về thi hành án hình sự, về GDPL cho PN, như *Luật Đặc xá, Luật Thi hành án hình sự* và các Nghị định có liên quan; tham mưu cho Bộ Công an phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT ngày 06/02/2012 *Hướng dẫn việc tổ chức dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân, phổ biến thông tin thời sự, chính sách và thực hiện chế độ sinh hoạt, giải trí cho phạm nhân*; chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ phối hợp với Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo) biên soạn Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” gồm 3 tập, mỗi tập đều có phần GDPL với những nội dung cụ thể dành cho PN. Năm 2014, Lãnh đạo Tổng cục VIII đã ban hành Chương trình khung về giáo dục cải tạo PN, trong đó quy định những nội dung GDPL cụ thể dành cho PN

mới đến chấp hành án phạt tù, đang chấp hành án phạt tù và sắp chấp hành xong án phạt tù. Hiện tại, Lãnh đạo Tổng cục VIII đang chỉ đạo việc chuẩn bị Tổng kết 30 năm đổi mới công tác giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng.

Trên cơ sở sự chỉ đạo của Tổng cục VIII, Ban Giám thị các TG đã chủ động, tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác GDPL cho PN trong các TG; từ việc xây dựng cơ sở vật chất, tạo dựng cảnh quan môi trường TG xanh, sạch, đẹp, chăm lo việc ăn, ở, mặc, sinh hoạt, chăm sóc y tế, thực hiện chế độ lao động, nghỉ ngơi, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thăm gặp thân nhân... cho đến tạo những điều kiện tốt nhất có thể phục vụ việc học tập pháp luật, giáo dục công dân của PN. Trả lời câu hỏi “Theo đồng chí, Tổng cục VIII, lãnh đạo TG nơi đồng chí đang công tác có *quan tâm* đến công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân không?” thì gần như 100% CBGDPL trả lời là có quan tâm [*xem Phụ lục 20*].

Bên cạnh đó, lãnh đạo Tổng cục VIII thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở Ban Giám thị các TG thực hiện công tác GDPL cho PN theo đúng yêu cầu, kế hoạch đã đề ra. Ban Giám thị các TG đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, thời gian biểu và yêu cầu đội ngũ CBGDPL cho PN trong TG làm tốt công tác GDPL cho cả ba nhóm đối tượng PN (PN mới đến TG chấp hành án phạt tù, PN đang chấp hành án phạt tù và PN sắp chấp hành xong án phạt tù); phải bảo đảm cho tất cả các PN đang chấp hành án trong TG đều được học tập pháp luật theo quy định.. Tất cả những điều đó góp phần nhất định tạo cho các PN thoải mái tư tưởng, yên tâm lao động, học tập và là nguyên nhân làm nên những kết quả tích cực trong công tác GDPL cho PN.

Kết quả kiểm tra, thanh tra của Bộ Công an, Tổng cục VIII cho thấy, thành công, kết quả đạt được trong công tác GDPL, giáo dục công dân cho PN tại các TG “có từ việc quán triệt sâu sắc trong Đảng ủy, Ban Giám thị đến việc xây dựng kế hoạch, lịch học tập, quyết định mở lớp, phân công giáo viên, tổ chức thực hiện và tổ chức kiểm tra, thu hoạch, đánh giá kết quả đều được thực hiện nghiêm túc, có bài bản” [83, tr.5]. Kết quả khảo sát về nguyên nhân này cho thấy có tới 97.60% CBGDPL tham gia cuộc ĐTXHH ghi nhận đây là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nên những kết quả đạt được trong GDPL cho PN. Về phía PN, có tới 91.02% người ghi nhận nguyên nhân này.

*c) Đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật của các trại giam tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Có 91.27% CBGDPL và 76.87% PN được hỏi cho rằng “*các CBGDPL của TG tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác GDPL cho PN*” là một nguyên nhân quan trọng làm nên những kết quả đạt được trong GDPL cho PN tại các TG ở Việt Nam. CBGDPL là kênh thông tin chủ yếu, là “*cầu nối*” giữa chính sách, pháp luật của Nhà nước với PN, trực tiếp truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho PN. Kết quả, hiệu quả GDPL cho PN phụ thuộc phần nhiều vào sự chủ động, tích cực, nhiệt tình, ý thức trách nhiệm của đội ngũ CBGDPL. Hiểu rõ điều đó nên nhiều CBGDPL ở các TG đã có được ý thức trách nhiệm cao, chủ động, nhiệt tình trong thực thi nhiệm vụ, công việc được giao; tự nghiên cứu, tìm hiểu để nâng cao trình độ chuyên môn về pháp luật, nắm vững nội dung chương trình GDPL cho PN; tự tìm tòi, học hỏi để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, chủ động sưu tầm những ví dụ thực tiễn có trong TG, ngoài xã hội để minh họa cho bài giảng, lựa chọn được phương pháp giảng bài phù hợp với nhận thức của PN, vận dụng công nghệ thông tin để soạn giáo án điện tử; có thái độ vui vẻ, thân thiện, gần gũi với PN, biết động viên, khích lệ PN hăng hái tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài trong quá trình GDPL cho họ... Chính ý thức trách nhiệm cao, sự chủ động, nhiệt tình trong GDPL của nhiều CBGDPL đã có tác dụng cảm hóa, thu phục PN, khiến họ tích cực hơn trong học tập pháp luật; góp phần làm nên những kết quả quan trọng đã đạt được trong GDPL cho PN tại các TG ở Việt Nam.

*d) Đa số phạm nhân hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình giáo dục, cải tạo trong trại giam cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau này nên đã chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ*

Giáo dục pháp luật cho PN trong các TG thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta, hướng tới cung cấp cho PN những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết - cơ sở, nền tảng để mỗi PN thay đổi, điều chỉnh ý thức, thái độ, hành vi theo hướng tích cực, phù hợp với các chuẩn mực pháp luật và đạo đức xã hội; giúp họ nhận thức rõ tội lỗi, vượt qua mặc cảm, tự ti, nỗ lực học tập, cải tạo tốt để sớm được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước. Nhận thức được vai trò, tác dụng của việc học tập pháp luật, giáo dục công dân đối với bản thân

nên phần lớn PN trong các TG ở nước ta đã tích cực tham dự hoạt động GDPL dành cho họ với niềm phấn khởi, sự thích thú. “So với việc học văn hóa thì nội dung học tập pháp luật, giáo dục công dân đối với PN là thiết thực hơn. Do đó, việc học tập pháp luật và giáo dục công dân nhận được sự quan tâm, ủng hộ, thích thú của nhiều PN” [41, tr.37]. Đó cũng là một nguyên nhân quan trọng làm nên kết quả đạt được trong GDPL cho PN tại các TG ở nước ta hiện nay. Nguyên nhân này nhận được sự đồng tình của 71.75% CBGDPL và 61.37% PN tham gia cuộc ĐTXHH.

### **3.2.2. Những hạn chế, bất cập trong giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại các trại giam ở Việt Nam và nguyên nhân**

#### ***3.2.2.1. Những hạn chế, bất cập***

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác GDPL cho PN ở Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập sau đây:

*a) Số lượng cán bộ giáo dục pháp luật của các trại giam tuy có sự gia tăng, đại đa số đã được trang bị kiến thức pháp luật, song vẫn thiếu và trình độ không đồng đều*

Kết quả ĐTXHH cho thấy, trong khi có 52.99% CBGDPL tham gia cuộc khảo sát trả lời họ có trình độ chuyên môn từ cử nhân luật trở lên thì vẫn còn 11.05% CBGDPL của các TG mới chỉ đạt trình độ sơ cấp về luật, nghĩa là họ mới chỉ được học một số môn luật lồng ghép trong chương trình đào tạo không chuyên về luật hoặc tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật. Đối với số này, việc trực tiếp lên lớp giảng dạy pháp luật cho PN chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có 35.96% CBGDPL cho PN đạt trình độ trung cấp luật. Tổng cộng, số CBGDPL có trình độ sơ cấp và trung cấp luật chiếm 47.01% hợp lệ. Ngoài ra, vẫn còn một số ít (02.05%) CBGDPL chưa được trang bị kiến thức pháp luật với những lý do như: chưa tham dự một chương trình đào tạo, tập huấn kiến thức pháp luật nào; đã có học qua một vài môn luật nhưng không liên quan đến nội dung GDPL cho PN hiện nay nên coi như chưa được trang bị. Số này chủ yếu là những cán bộ tốt nghiệp các trường đại học và cao đẳng sư phạm, được tuyển dụng để làm công tác dạy văn hóa cho PN. Những con số trên đây cho thấy *trình độ kiến thức pháp luật của đội ngũ CBGDPL không đồng đều.*



Một khía cạnh khác thể hiện sự không đồng đều về trình độ, kéo theo sự hạn chế về chất lượng của đội ngũ CBGDPL cho PN trong các TG là *đa số họ được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật thông qua hình thức đào tạo vừa làm vừa học (hệ tại chức) và tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật*. Các số liệu ĐTXHH cho thấy chỉ có 08.99% CBGDPL được hỏi đã được đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ chính quy và 22.40% tốt nghiệp Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ chính quy; tổng cộng là 31.39%. Số còn lại 68.61% được đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (42.15%), đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (16.22%), đào tạo Đại học Luật hệ từ xa (00.36%) và hình thức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật (09.88%) [xem Phụ lục 2p]. Dĩ nhiên, các hình thức đào tạo trên và văn bằng được cấp đều nằm trong hệ thống văn bằng quốc gia và có giá trị pháp lý như nhau; song, ai cũng hiểu được đặc thù của các hình thức đào tạo này và chất lượng đào tạo không thể sánh với đào tạo hệ chính quy tập trung.

Báo cáo Tổng kết 30 năm đổi mới công tác giáo dục cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng của Tổng cục VIII nêu rõ:

Đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục, quản giáo còn thiếu về số lượng, một bộ phận còn yếu về chất lượng, nhất là thiếu đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản về chuyên ngành tâm lý, giáo dục, sư phạm, dạy nghề nên thiếu kiến thức, hạn chế, bất cập về khả năng tư duy và kỹ năng tổ chức giải quyết các yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của công tác giáo dục cải tạo phạm nhân [84, tr.11].

*b) Nhiều trại giam chưa thực hiện được việc sàng lọc, phân loại đối tượng phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức giáo dục pháp luật cho họ*

Đối tượng PN trong các TG có cơ cấu rất đa dạng và mang những nét đặc thù riêng chỉ có ở đối tượng này, như: phạm những tội khác nhau và có mức án phạt tù khác nhau; trình độ học vấn rất không đồng đều, từ mù chữ cho đến tốt nghiệp đại học, thậm chí sau đại học; có sự đa dạng về thành phần dân tộc; có nghề nghiệp và địa bàn cư trú rất khác nhau trước khi nhập trại; đa số không có hoặc rất thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật; một bộ phận có diễn biến tâm lý phức tạp trong quá trình giáo dục cải tạo; có cả PN là người nước ngoài... Những nét

đặc thù trên đây dẫn đến một thực tế là mặt bằng nhận thức của các PN trong một TG rất không đồng đều. Nếu chủ thể tổ chức GDPL xếp chung tất cả các đối tượng PN này vào cùng một lớp học để tiến hành GDPL thì hiệu quả giáo dục sẽ rất không đồng đều và thấp.

Từ thực tế đó, việc tiến hành sàng lọc, phân loại PN theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của PN trước khi tổ chức GDPL cho họ là *rất cần thiết*. Khảo sát vấn đề này ở đội ngũ CBGDPL của các TG và ở PN cho kết quả như sau: tổng cộng có tới 83.86% CBGDPL khẳng định việc tiến hành sàng lọc, phân loại PN theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của PN trước khi tổ chức GDPL cho họ là *rất cần thiết* (43.23%) và cần thiết (40.63%). Về phía các PN được khảo sát, tỷ lệ tương ứng về mức độ rất cần thiết và cần thiết là 46.85% và 29.93%, tổng cộng là 76.78% [*xem Phụ lục 2q*].

Mặc dù việc tiến hành sàng lọc, phân loại PN theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của PN trước khi tổ chức GDPL cho họ là cần thiết như vậy; khi được hỏi cũng có tới 59.34% CBGDPL và 53.85% PN nói họ có được phân loại, nhưng trên thực tế chỉ có rất ít TG làm được việc này. Lý do được các TG đưa ra là vì lực lượng CBGDPL mỏng, thiếu cán bộ GDPL là người dân tộc, PN lại đông, quá tải so với quy mô giam giữ của TG nên không đủ sức tổ chức GDPL theo sàng lọc, phân loại PN. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong các TG, cũng là hạn chế của công tác này.

*c) Về nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân, một số nội dung đã lạc hậu, phân bố không đồng đều, chậm triển khai, thiếu học liệu; chưa có những nội dung chuyên biệt phù hợp với tình hình tội phạm ở từng khu vực*

Nội dung GDPL cho PN hiện đang được triển khai theo chương trình do Tổng cục VIII phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục biên soạn. Đó là bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” gồm 3 tập: Tập I dành cho PN *mới đến TG chấp hành hình phạt tù*; Tập II dành cho PN *đang chấp hành hình phạt tù*; Tập III dành cho PN *sắp chấp hành xong hình phạt tù*; trong mỗi tập đều có nội dung GDPL. Kết quả phỏng vấn sâu các CBGDPL tại các TG và trao đổi ý kiến với PN do tác giả luận án thực hiện cho thấy các ý kiến đều khẳng định những bài học trong Bộ tài liệu nêu trên về cơ bản là phù hợp, cần thiết; nội dung phù hợp với tâm lý, nhu cầu

thông tin của PN. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện nội dung chương trình này ở các TG đang bộc lộ hạn chế, bất cập sau:

**Thứ nhất**, khoản 1 Điều 28 Luật Thi hành án hình sự quy định “Phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề”. Theo tinh thần đó, việc học pháp luật (GDPL) *phải được đặt ngang hàng* với giáo dục công dân. Tuy nhiên, theo chương trình hiện hành thì nội dung GDPL cho PN chỉ là một chủ đề thuộc nội dung giáo dục công dân. Điều đó dễ dẫn đến tình trạng CBGDPL xem nhẹ phần GDPL và về mặt hình thức trình bày cũng như tên gọi của Bộ tài liệu, nhiều người *dễ nhầm tưởng không có phần GDPL*. Hơn nữa, đặt tên Bộ tài liệu là “*Giáo dục công dân*” để dạy cho PN cũng không ổn, bởi trong TG, khái niệm “*công dân*” không còn nguyên nghĩa do PN đã bị tước và hạn chế một số quyền công dân. Tên gọi đúng, phù hợp với các nội dung của Bộ tài liệu phải là “*Giáo dục phạm nhân*”.

**Thứ hai**, trong Bộ tài liệu “Giáo dục công dân” gồm 3 tập nêu trên, mỗi tập đều gồm 3 chủ đề là giáo dục đạo đức, GDPL và giáo dục kỹ năng sống với số tiết giảng được phân bổ còn nhiều bất cập [*xem Phụ lục 2r*].

Ngoài ra, trong tập II còn dành 4 bài (7 tiết) cho phần tự chọn, linh hoạt thuộc nội dung giáo dục đạo đức và 4 bài (7 tiết) cho phần tự chọn, linh hoạt thuộc nội dung GDPL. Trong 3 nhóm nội dung ở 3 tập tài liệu nói trên, nội dung GDPL luôn được dành số trang nhiều nhất. Ví dụ, tập II có 183 trang thì nội dung giáo dục đạo đức gồm 53 trang, nội dung GDPL gồm 106 trang và nội dung giáo dục kỹ năng sống gồm 24 trang; *suy ra*, nội dung GDPL chiếm 57.92% dung lượng trang của tập II. So sánh giữa số tiết dành cho GDPL với số lượng trang dành cho nội dung GDPL thì dễ dàng nhận thấy *phần GDPL là quá nặng đối với cả người dạy và người học*; nói đúng hơn, số tiết dành cho mỗi phần đều ít so với nội dung cần truyền đạt cho PN. Từ đây, khó tránh khỏi tình trạng dạy và học theo kiểu hình thức, đối phó cho xong chương trình mà không chú trọng tới chất lượng, hiệu quả học tập của PN.

**Thứ ba**, nhiều nội dung GDPL trong tập I liên quan đến Pháp lệnh Thi hành án phạt tù và Quy chế TG, quyền và nghĩa vụ của PN *không còn phù hợp* sau khi Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 117/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Trong khi chờ đợi Tổng cục VIII tổ chức biên soạn lại Bộ tài liệu “Giáo dục

công dân” mới, nếu đội ngũ CBGDPL của các TG không chủ động, linh hoạt trong cập nhật thông tin, không tự giác biên soạn lại bài giảng theo các văn bản QPPL mới thì sẽ dẫn đến việc truyền đạt cho PN những thông tin, kiến thức pháp luật đã lạc hậu, lỗi thời.

**Thứ tư**, vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, một số TG ở nước ta chưa tổ chức được các lớp GDPL cho số PN đang chấp hành án phạt tù trong TG theo những nội dung GDPL quy định tại Tập II “Giáo dục công dân”; nhiều PN, do đó, cũng chưa được học tập những nội dung pháp luật này. Đây là sự thiệt thòi đối với PN trong quá trình chấp hành án phạt tù; những TG đó, bởi vậy, cũng chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao nếu không nói là chưa thực hiện đúng quy định pháp luật về GDPL cho PN.

**Thứ năm**, tài liệu học tập pháp luật dành cho PN hiện cũng rất ít, số lượng bản photocopy Bộ tài liệu “Giáo dục công dân” trong thư viện, tủ sách, của các TG hiện không đáng kể, đồng nghĩa với việc nhiều PN không được phát tài liệu học tập, phải dùng chung tài liệu học tập cùng PN khác. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng tiếp thu nội dung GDPL của PN, bởi rất nhiều người trong số họ không đủ năng lực để có thể nghe giảng một lần là hiểu ngay, đòi hỏi phải tự đọc thêm tài liệu thì may ra mới hiểu.

**Thứ sáu**, đặc điểm tình hình PN trong các TG ở Việt Nam cho thấy nổi lên sự khác biệt về cơ cấu các tội danh giữa các TG đứng chân trên những khu vực, địa bàn khác nhau (chẳng hạn, tại các trại giam ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam tỷ lệ phạm nhân phạm các tội về ma túy chiếm tỷ lệ cao tới 63.13%) [88, tr.89]; khác biệt về đặc điểm nhân thân (phạm tội lần đầu, đã có tiền án...); khác biệt về cơ cấu giới tính, lứa tuổi, thành phần dân tộc... Những khác biệt đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả GDPL chung và đặt ra những yêu cầu riêng về GDPL cho mỗi nhóm đối tượng. Tình hình trên đòi hỏi Tổng cục VIII và các TG phải xây dựng những chuyên đề GDPL có tính chất chuyên biệt dành riêng cho các nhóm đối tượng và theo đặc điểm của từng địa bàn, khu vực. Ví dụ: Tỷ lệ PN phạm các tội về ma túy trong các TG ở khu vực miền núi phía Bắc chiếm tỷ lệ cao nên rất cần xây dựng chuyên đề GDPL với các nội dung về pháp luật hình sự (*Các tội phạm về ma túy*) và nội dung về Luật Phòng, chống ma túy dành cho PN trong các TG ở khu vực miền núi phía Bắc;

góp phần hạn chế tình trạng tái phạm. Hoặc, đối với PN là người dân tộc thiểu số cần xây dựng chuyên đề GDPL chuyên biệt về chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc... Tuy nhiên, cho đến nay, Tổng cục VIII và các TG vẫn chưa thực hiện được việc này.

*d) Về phương pháp, đa số cán bộ giáo dục pháp luật của các trại giam vẫn thiên về sử dụng phương pháp thuyết trình, còn nhiều hạn chế về kỹ năng nghiệp vụ sư phạm*

Sự cố gắng của đội ngũ CBGDPL cho PN tại các TG trong vận dụng các phương pháp GDPL có tính tương tác, tạo sự chủ động, tích cực của PN trong lĩnh hội tri thức pháp luật là điều cần ghi nhận, Tuy nhiên, trong GDPL cho PN tại các TG từ trước đến nay, phương pháp tương tác sư phạm theo kiểu thảo luận, tranh luận, nêu các tình huống pháp luật thực tế... còn ít được vận dụng. Các phương pháp được sử dụng chủ yếu là thuyết trình theo kiểu độc thoại, một chiều. Theo cách thức này, CBGDPL chủ yếu đóng vai trò “thợ nói”, cứ việc truyền đạt nội dung bài học về pháp luật, PN cứ việc nghe, hiểu được thì hiểu, ghi chép được thì ghi chép, hiểu và ghi chép được đến đâu là việc của PN một cách mặc nhiên; có nghĩa là, CBGDPL đứng ở vị trí trung tâm của GDPL, còn PN rơi vào trạng thái thụ động, tự phát. Rõ ràng, phương pháp GDPL kiểu này không phù hợp với đối tượng người học là PN - những người vốn dĩ tham dự học tập pháp luật trong tâm thế gò bó, miễn cưỡng. Do ảnh hưởng lâu dài của phương pháp độc thoại nên khi được hỏi, đa số PN (78.30%) khẳng định CBGDPL vẫn dùng phương pháp độc thoại; các phương pháp tương tác sư phạm hai chiều ít được sử dụng hơn [xem Phụ lục 2i].

Phương pháp độc thoại một chiều khiến cho PN rơi vào trạng thái thụ động trong tiếp thu kiến thức, bị “căng cứng” về tâm lý, chán nản về thái độ và mất đi sự hưng phấn, năng động, tích cực trong quá trình học tập pháp luật. Hệ quả tất yếu của phương pháp này là chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong các TG bị giảm sút nghiêm trọng; người dạy - CBGDPL - rơi vào trạng thái quan liêu, kinh viện, giáo điều; còn người học - PN - thì xác định học tập theo kiểu đối phó cho xong.

Ngoài ra, thiếu hoặc không có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cũng là nhược điểm, hạn chế khá phổ biến của đội ngũ CBGDPL cho PN trong các TG hiện nay.

Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm là gốc rễ tạo nên bài giảng sinh động, tiết học hấp dẫn người nghe. Thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đồng nghĩa với những bài giảng khô khan, nhàm chán, tiết học uể oải, cảm giác kéo dài đối với PN. Qua phỏng vấn, trao đổi trực tiếp của tác giả luận án với nhiều CBGDPL của các TG, đại đa số CBGDPL, nhất là những người tốt nghiệp Đại học Luật, Học viện Cảnh sát, đều phàn nàn về việc họ thiếu các kỹ năng sư phạm cần thiết nên hoạt động giảng bài thường khó hấp dẫn, lôi cuốn được PN. Họ cũng đề nghị Tổng cục VIII, Bộ Công an thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ CBGDPL cho PN. “Một bộ phận cán bộ giáo dục còn thiếu kinh nghiệm, nghiệp vụ sư phạm nên khi làm công tác giáo dục chưa mang lại hiệu quả cao” [18, tr.6].

Việc áp dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ hoạt động giảng bài trên lớp cho PN trong các TG cũng rất hạn chế. Theo khảo sát thực tế của tác giả luận án tại nhiều TG thì hiện chỉ có rất ít CBGDPL ở một số TG đã soạn giáo án điện tử, tự mua máy tính xách tay và TG có trang bị máy chiếu phục vụ giảng bài cho PN trên lớp; đa số các TG khác chưa thực hiện được việc này.

Những hạn chế, bất cập nêu trên về phương pháp GDPL, dĩ nhiên, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả giảng dạy pháp luật cho PN.

*e) Hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam tuy đã đa dạng hóa nhưng chưa đi vào chiều sâu và thực chất*

Hình thức GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay chủ yếu vẫn là *tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường*. Điều này được 96.40% CBGDPL và 81.16% PN tham gia cuộc ĐTXHH khẳng định. Với số lượng PN tương đối đông và phương pháp giảng bài độc thoại thì hiệu quả học tập pháp luật của PN sẽ bị hạn chế. Thậm chí, qua trao đổi, phỏng vấn trực tiếp CBGDPL và PN tại một số TG thì có những TG mới chỉ tổ chức đọc, phổ biến nội dung GDPL cho PN qua hệ thống loa truyền thanh, mạng truyền hình cáp nội bộ hoặc có tổ chức lớp học nhưng còn mang tính hình thức.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng TG, hình thức GDPL cho PN tuy đã được đa dạng hóa nhưng cũng chủ yếu dừng lại ở cấp độ hình thức, chưa đi vào chiều sâu và thực chất của từng hình thức GDPL cụ thể. Chẳng hạn, *hình thức cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho PN* đã được một số TG triển khai, được

58.05% CBGDPL và 66.77% PN ghi nhận, nhưng hạn chế, bất cập ở chỗ *rất thiếu* các loại sách, báo, tạp chí chuyên ngành luật; các loại tài liệu pháp luật, tài liệu học tập theo nội dung chương trình GDPL dành cho PN. Quan sát thực tế tại một số TG cho thấy trong tủ sách dành cho PN chủ yếu là các loại truyện tranh, sách văn học..., rất ít đầu sách về pháp luật.

*Hình thức niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại/phân trại, ở buồng giam PN* được hầu hết các TG áp dụng nhưng chủ yếu là quy chế TG, nội quy buồng giam; các chế độ, chính sách, quy định pháp luật mới đối với PN ít khi được cập nhật.

*Hình thức tổ chức cho PN thi tìm hiểu pháp luật* ít được các TG triển khai; trong khi đó có PN đề xuất: “Tôi có nguyện vọng được tổ chức học tập, thi tìm hiểu pháp luật tại trại giam để tập thể phạm nhân chúng tôi hiểu biết về pháp luật nhiều hơn, nhất là đối với phạm nhân là người dân tộc thiểu số”.

*Hình thức GDPL thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội* hầu như chưa được áp dụng vì cán bộ dạy văn hóa, dạy nghề thiếu thông tin, kiến thức pháp luật hoặc không có thời gian để lồng ghép.

*f) Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho phạm nhân tuy có được thực hiện nhưng còn mang nặng tính hình thức*

Trong hoạt động GDPL, công tác kiểm tra, đánh giá là bước cuối cùng nhằm nhận xét, đánh giá kết quả tiếp thu kiến thức, sự chuyển biến trong nhận thức, hiểu biết pháp luật của đối tượng sau khi kết thúc một đợt học tập pháp luật. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả cũng là thông tin phản hồi, là thước đo đánh giá tính phù hợp của nội dung, tính hiệu quả của phương pháp, hình thức GDPL cho PN. Theo tinh thần đó, các TG đã có chú ý đến công tác đánh giá kết quả GDPL cho PN thông qua việc phát cho PN *Bản thu hoạch kết quả học tập pháp luật*. Tùy từng TG mà Bản thu hoạch có thể là giấy trắng phát cho PN để họ tự viết ra những gì học tập được; hoặc có thể là Bản thu hoạch được thiết kế sẵn, ngoài việc điền đầy đủ các thông tin cá nhân (họ tên, năm sinh, quê quán, can tội...), PN được yêu cầu viết thu hoạch theo các mục: I- Nguyên nhân dẫn đến phạm tội; II- Nội dung đã được học; III- Nhận thức sau khi được học tập; IV- Cung cấp những thông tin đồng phạm và các hành vi vi phạm pháp luật ngoài xã hội mà chưa bị phát hiện;

V- Cam kết trong thời gian chấp hành án hoặc chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập pháp luật của PN *mới chỉ mang tính hình thức*, bộc lộ những hạn chế, bất cập sau:

- Trong Bản thu hoạch kết quả học tập pháp luật, ở mỗi mục chỉ dành một số ít dòng trống để PN tự ghi nội dung được học, nhận thức sau khi được học tập pháp luật. Đối với những PN nghiêm túc, muốn viết đầy đủ những nội dung pháp luật mà họ nhận thức được thì sẽ không đủ chỗ để viết thu hoạch.

- Trong Bản thu hoạch kết quả học tập pháp luật cũng không có chỗ dành cho CBGDPL cho điểm hoặc ghi nhận xét nội dung thu hoạch của PN. Đối với những PN có năng lực phán đoán thì họ sẽ suy luận “viết thu hoạch cho vui”. Yêu cầu PN viết thu hoạch nhưng lại không tổ chức đánh giá, cho điểm thì làm sao lượng hóa, biết được nhận thức của PN chuyển biến như thế nào sau một chương trình học tập pháp luật. Trên thực tế, các TG chưa thực hiện việc đánh giá kết quả học tập pháp luật của PN theo đúng nghĩa sự phạm.

- Hệ quả tất yếu của hạn chế nêu trên là PN viết thu hoạch mà không nhận được thông tin phản hồi từ CBGDPL, không biết bài viết của mình có đạt yêu cầu không, có được biểu dương, khen ngợi hay phải viết lại, học lại.

*g) Về cơ sở vật chất, mặc dù đã được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới; song cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đồng đều giữa các trại giam và chưa đáp ứng nhu cầu của công tác này*

Số liệu thống kê về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho PN của một số TG cho thấy tình trạng không đồng đều giữa các TG ở Việt Nam về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho PN. Trong khi các TG như Phú Sơn 4, Thủ Đức, Bình Điền, Xuân Lộc, Trại 6... được trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho PN khá đầy đủ về số lượng phòng học, tủ sách, đầu sách, thì các TG như Tân Lập, Xuyên Mộc, Xuân Hà, Đắc Tân, Hoàng Tiến lại chỉ được trang bị khá sơ sài, ngoài nhà học tập thì còn thiếu phòng đọc, tủ sách, đầu sách phục vụ GDPL cho PN [*xem Phụ lục 2s*]. Những TG còn thiếu thốn cơ sở vật chất chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn trong tổ chức GDPL cho PN. Mặt khác, có tương đối đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho PN nhưng nếu các TG không biết cách



bố trí khai thác, sử dụng một cách khoa học, hiệu quả thì cũng khó đạt được kết quả phục vụ GDPL cho PN như mong muốn.

### ***3.2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập***

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong GDPL cho PN tại các TG có thể có nhiều, trong đó có sáu nguyên nhân cơ bản được tác giả luận án đưa ra lấy ý kiến của CBGDPL và PN, thể hiện trong *Phụ lục 2t*.

*a) Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam còn nhiều khó khăn, thiếu thốn*

Cơ sở vật chất (phòng học, tài liệu học tập, thiết bị kỹ thuật...) phục vụ GDPL cho PN trong TG là những yếu tố tuy mang tính chất hỗ trợ, nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả của công tác này. Cơ sở vật chất có đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nhu cầu GDPL cho PN thì mới có thể mang lại hiệu quả cao trong việc học tập pháp luật của PN và ngược lại. Tại những TG có cơ sở vật chất tốt, như trại Phú Sơn 4, trại thanh Xuân, trại Thủ Đức, trại Xuân Lộc, trại An Phước... chắc chắn công tác GDPL cho PN được triển khai dễ dàng, thuận lợi hơn; còn tại những TG mà cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, như trại Hoàng Tiến, trại Xuân Hà, trại Đắc Tân... thì sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, làm suy giảm chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN.

Nhìn chung, dù đã có sự đầu tư của Nhà nước, Bộ Công an và các TG đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, song cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho PN giữa các TG không đồng đều và còn nhiều thiếu thốn nên đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác GDPL cho PN. Đó cũng là nguyên nhân khiến cho 90.92% CBGDPL và 80.52% PN tham gia cuộc ĐTXHH coi cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho PN trong TG còn nhiều khó khăn, thiếu thốn là một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, bất cập của công tác này tại các TG ở nước ta hiện nay. “Kinh phí, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục cải tạo còn thiếu thốn, hầu hết các trại giam chưa có phòng học, bàn ghế cho phạm nhân học tập, sinh hoạt, nhiều đơn vị chưa có thư viện cho phạm nhân mượn sách đọc” [84, tr.11].

*b) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo trại giam đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đôi khi chưa sâu sát, quyết liệt*

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám thị TG là một trong những nhân tố bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong

các TG; bởi vậy, khi thiếu đi sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đó thì công tác này sẽ nảy sinh những hạn chế, bất cập. Tổng cục VIII đã chỉ rõ:

Thiếu sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám thị nhiều TG đối với việc tổ chức dạy - học chương trình giáo dục công dân cho PN; thiếu chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch, bố trí thời gian, lực lượng và tổ chức thực hiện nên kết quả còn thấp. Thời gian, công sức của PN vẫn tập trung chủ yếu cho lao động, sản xuất, chưa quan tâm đến công tác giáo dục, trong đó có giáo dục công dân, nên nhìn chung chất lượng, hiệu quả giáo dục còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu giáo dục. Nhiều đơn vị có nhà học tập tập trung nhưng dùng để tổ chức lao động sản xuất, không tổ chức các hoạt động giáo dục, trong đó có GDPL cho PN [83, tr.6].

Có 14.89% CBGDPL và 11.17% PN tham gia cuộc khảo sát ghi nhận nguyên nhân này. Dù đây là tỷ lệ thấp nhất so với các nguyên nhân khác, song nó đặt ra đòi hỏi rằng, sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo TG đối với công tác GDPL cho PN phải sâu sát hơn, quyết liệt hơn nữa.

*c) Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả*

Có thể nói, căn bệnh thành tích trong giáo dục, GDPL nói chung vẫn còn tương đối phổ biến ở nhiều nơi. Căn bệnh đó cũng xuất hiện, tồn tại trong GDPL cho PN tại các TG ở nước ta hiện nay. Do tình trạng PN tại nhiều TG đông, luôn quá tải; cơ sở vật chất, phương tiện dạy - học pháp luật ở hầu hết các TG còn thiếu, nhất là phòng học nhỏ để tổ chức cho PN học tập, thảo luận theo đội, tổ, nhóm; các hội trường lớn được xây dựng để phục vụ việc học tập tập trung, song nhiều TG vẫn phải sử dụng để tổ chức cho PN lao động, sản xuất, gây phản cảm về cảnh quan sư phạm; tình trạng đội ngũ CBGDPL yếu về kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; nội dung GDPL cho PN trong các TG tương đối nhiều... nên việc GDPL cho PN có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả. Chẳng hạn, thay vì tổ chức cho PN học tập pháp luật tập trung ở hội trường, thảo luận tại phòng học thì có TG chỉ dừng lại ở việc tổ chức đọc những nội dung GDPL qua hệ thống loa truyền thanh của TG... Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho PN.

Nguyên nhân này được 45.89% CBGDPL và 16.93% PN ghi nhận khi tham gia trả lời phiếu thu thập ý kiến.

*d) Một bộ phận cán bộ giáo dục pháp luật thiếu trình độ chuyên môn, kém kỹ năng sư phạm, thiếu nhiệt tình nên việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đạt hiệu quả mong muốn*

Đội ngũ CBGDPL là khâu then chốt trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN trong các TG. Cùng với việc đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, CBGDPL còn phải có sự nhiệt tình, sâu sát và thực sự có trách nhiệm với công tác GDPL cho PN. Một khi sự nhiệt tình, sâu sát, ý thức trách nhiệm của các CBGDPL đối với công việc bị suy giảm thì chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN cũng sẽ bị giảm sút, nảy sinh những hạn chế, bất cập; bởi lẽ, họ sẽ thiếu đầu tư thời gian, công sức cho việc nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài giảng, không chịu khó tìm tòi các phương pháp giảng dạy hấp dẫn để lôi cuốn PN vào bài học.

Nhìn chung, đội ngũ CBGDPL ở các TG còn yếu về kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, kiến thức về tâm lý học, giáo dục học còn hạn chế. Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ này chưa được quan tâm đúng mức nên họ gặp nhiều khó khăn trong triển khai chương trình GDPL cho PN.

Một số cán bộ yếu về kiến thức, năng lực chuyên môn nhưng không chịu nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi để nâng cao trình độ, khả năng sư phạm hoặc thiếu mô phạm, gương mẫu trong tác phong, văn hóa ứng xử, làm hạn chế kết quả giáo dục công dân. Việc kết hợp giữa cán bộ giáo dục và quản giáo trong GDPL chưa tốt, chưa phát huy được vai trò của quản giáo trong việc tổ chức cho đội (tổ) phạm nhân thảo luận, viết thu hoạch, đánh giá kết quả [83, tr.6].

*e) Một bộ phận đáng kể phạm nhân chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ, ý thức học tập kém, chủ yếu là đối phó*

Mục tiêu của GDPL cho PN trong các TG là trang bị thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết liên quan đến quá trình chấp hành án phạt tù; từ đó, làm hình thành ở họ tình cảm, niềm tin đối với tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật; tạo thói quen xử sự tích cực theo pháp luật cho PN trong thời gian chấp hành án phạt tù cũng như sau khi trở về tái hòa nhập cộng đồng.

Mục tiêu đó chỉ có thể thành hiện thực khi mỗi PN nhận thức đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của GDPL dành cho họ. Khi và chỉ khi đó PN mới có thể chủ động, tích cực, nhiệt tình học tập pháp luật. Còn khi PN chưa nhận thức được vai trò của công tác GDPL dành cho họ thì việc học tập pháp luật đối với họ sẽ mang tính chất miễn cưỡng, đối phó; không thể trở thành động lực nội tại thôi thúc họ chiếm lĩnh kiến thức pháp luật. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL nảy sinh từ phía PN, được 71.74% CBGDPL và 63.28% PN tham gia cuộc khảo sát thừa nhận.

Chính vì chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp GDPL dành cho bản thân, ý thức học tập kém, đối phó nên chỉ có 57.31% PN được hỏi *nhận thức được tính chất, hậu quả nguy hại cho xã hội mà hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra*; những lợi ích khác đều chiếm tỷ lệ dưới 50% [xem Phụ lục 2u]. Hệ quả tất yếu là họ không có sự chuyển biến tích cực về nhận thức, hành vi trong chấp hành án phạt tù; một số PN vi phạm nội quy buồng giam, kỷ luật TG. Về nguyên tắc, PN đến TG để chấp hành án phạt tù phải học tập pháp luật, giáo dục công dân. Vì chưa chủ động, nhiệt tình trong học tập, thiếu kiến thức pháp luật nên một số PN sau khi ra trại, trở về cuộc sống đời thường lại tiếp tục tái phạm, tái phạm nguy hiểm hoặc lại phạm tội khác.

*f) Đối với những phạm nhân là người dân tộc thiểu số, rào cản về ngôn ngữ, học vấn thấp làm giảm hiệu quả giáo dục pháp luật dành cho họ*

Tại các TG ở nước ta hiện nay, về thành phần dân tộc, số PN là người dân tộc Kinh vẫn chiếm phần lớn tại hầu hết các TG với tỷ lệ chung khoảng từ 65 - 70%, còn lại là người các dân tộc khác. Tùy theo từng địa bàn đứng chân của TG mà tỷ lệ PN là người dân tộc thiểu số có khác nhau. Nhìn chung, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật của số PN người dân tộc thiểu số còn hạn chế là một trong những nguyên nhân dẫn họ đến con đường phạm tội.

Về cơ bản, mỗi dân tộc thiểu số phân bố trên địa bàn cả nước đều có truyền thống văn hóa mang bản sắc riêng của dân tộc mình, như có phong tục tập quán riêng, có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) riêng, khác nhau về tôn giáo, tín ngưỡng, lối sống, sinh hoạt, lao động sản xuất... Những yếu tố đó cùng với học vấn thấp, nhận thức pháp luật của số PN người dân tộc thiểu số còn hạn chế nên sẽ có ảnh hưởng nhất định đến công tác GDPL cho họ; đồng thời là một trong những

nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác này. Nguyên nhân này được 76.71% CBGDPL và 59.78% PN thừa nhận.

- Những PN là người dân tộc thiểu số trước đây sống, sinh hoạt trong cộng đồng dân tộc mình với truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán riêng nên ngoài ảnh hưởng tích cực thì những tác động tiêu cực như sự bảo thủ, trì trệ là khó tránh khỏi. Trong một số trường hợp, việc làm của họ chịu sự chi phối của luật tục nhiều hơn là luật pháp, khiến cho các quy định pháp luật đến với họ khó khăn hơn; cùng với đó, trình độ học vấn thấp khiến cho việc lĩnh hội nội dung GDPL đối với họ khó khăn hơn so với những PN khác.

- Những PN là người dân tộc thiểu số có thể có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) riêng nên trong giao tiếp, sinh hoạt cũng như trong lao động, học tập pháp luật họ thường có thói quen sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình; một số PN thậm chí chưa hoàn toàn thông thạo tiếng Việt phổ thông, dẫn đến không hiểu hết những nội dung GDPL được CBGDPL truyền đạt; việc giảng giải được hết ý nghĩa của các điều luật cho PN là người dân tộc thiểu số trở nên khó khăn hơn, làm suy giảm chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN.

### **3.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA TRONG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TẠI CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Từ sự phân tích tình hình PN trong những năm qua, đánh giá thực trạng GDPL cho PN tại các TG ở Việt Nam hiện nay, có thể nhận diện, chỉ ra một số vấn đề cơ bản, cấp thiết đang đặt ra trong GDPL cho PN như sau:

#### **3.3.1. Giải quyết mâu thuẫn giữa xu hướng gia tăng số lượng phạm nhân tại các trại giam với yêu cầu quản lý giam giữ, nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Các số liệu thống kê về diễn biến tăng, giảm số lượng PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay rất phức tạp; trong đó, số lượng PN luôn có xu hướng gia tăng, gây nên tình trạng quá tải cho công tác giam giữ, quản lý PN và gây không ít khó khăn đối với công tác GDPL cho PN, nhất là tổ chức GDPL cho số PN mới đến TG để chấp hành án và số PN sắp chấp hành xong án phạt tù.

Dưới tác động của tình trạng suy thoái kinh tế thế giới, bên cạnh xu hướng tậm dục, khai thác các lợi thế phục vụ sự phát triển, kinh tế Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức kéo theo tình trạng thất nghiệp - một trong

những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Tình hình phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội giữa đô thị và nông thôn, giữa các vùng, miền cũng đang đặt ra nhiều hệ lụy. Chẳng hạn, địa hình khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc hiểm trở, kinh tế khó khăn, thiếu thốn, đời sống tinh thần nghèo nàn, phong tục, tập quán lạc hậu, trình độ dân trí và nhận thức pháp luật của người dân, nhất là vùng biên giới, còn thấp vẫn tiếp tục là nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh các loại tội phạm. Tại khu vực này, các loại tội phạm về ma túy vẫn gia tăng về số vụ và số đối tượng phạm tội (phạm tội lần đầu hoặc tái phạm). Các yếu tố kể trên là nguyên nhân, điều kiện làm cho nhiều người dân khu vực miền núi phía Bắc chưa thực sự được tiếp cận đầy đủ các hoạt động phổ biến, GDPL, chưa thấu triệt các biện pháp phòng ngừa tội phạm mà các cơ quan chức năng xây dựng và triển khai; dẫn đến hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm còn nhiều hạn chế, chưa đạt được như các cấp, các ngành mong muốn. “Những năm gần đây, tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, xuất hiện nhiều hình thức phạm tội mới. Các trại giam, phân trại quản lý phạm nhân trong các trại tạm giam có số lượng phạm nhân đến chấp hành án phạt tù ngày càng tăng” [12, tr.207-208]. Dự báo tình hình tội phạm ở nước ta trong những năm tới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, gây áp lực cho công tác giam giữ, giáo dục cải tạo PN nói chung, đối với công tác GDPL cho PN nói riêng.

Trong khi đó, các văn bản QPPL về phổ biến, GDPL cho PN tại các TG được ban hành ngày càng đầy đủ, đồng bộ hơn. Bộ Công an, Tổng cục VIII đã quan tâm sâu sát, chỉ đạo quyết liệt công tác GDPL cho PN với những yêu cầu cụ thể về nội dung, phương pháp, hình thức GDPL; hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN, giúp họ có kiến thức, hiểu biết pháp luật phục vụ tái hòa nhập cộng đồng, giảm thiểu tình trạng tái phạm.

Rõ ràng, mâu thuẫn giữa xu hướng gia tăng số lượng PN trong các TG với yêu cầu quản lý giam giữ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN là mâu thuẫn đang được đặt ra hiện nay và phải có giải pháp khắc phục. Tình hình đó đòi hỏi các TG ở Việt Nam phải có sự chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết khác nhằm bảo đảm thực hiện tốt công tác quản lý giam giữ, giáo dục PN nói chung, công tác GDPL cho PN trong các TG nói riêng. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải *xã hội hóa quản lý*

TG và PN, trong đó có việc: 1) Tiếp thu, vận dụng mô hình “*Tù tại gia*” của một số nước đang áp dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam; 2) Triển khai thực hiện chế định “*Tạm tha có điều kiện*” - áp dụng với những PN phạm tội lần đầu, tính chất ít nghiêm trọng, đã cải tạo tốt tại cơ sở giam giữ ít nhất 1/3 mức án phạt tù và luôn cải tạo tốt. Những PN đáp ứng tiêu chuẩn sẽ được trả về địa phương để chính quyền, tổ chức, đoàn thể ở cơ sở và gia đình tiếp tục quản lý, giáo dục.

### **3.3.2. Giải quyết mâu thuẫn giữa đòi hỏi khách quan phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho phạm nhân với thực trạng cơ sở vật chất còn hạn chế**

Hoạt động GDPL cho bất cứ đối tượng xã hội nào, trong đó có PN tại các TG, cũng đòi hỏi phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả, phục vụ thiết thực việc truyền đạt, cung cấp thông tin, kiến thức, hiểu biết pháp luật cho đối tượng. Muốn bảo đảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay thì một trong những điều kiện tiên quyết là TG phải trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy của CBGDPL và hoạt động học của PN. Nhìn trên phương diện này, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ GDPL cho PN trong các TG ở nước ta còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Điều đó làm nảy sinh *mâu thuẫn giữa đòi hỏi khách quan phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN với thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác này còn nhiều hạn chế, khó khăn*.

Cơ sở vật chất, phương tiện dạy - học pháp luật ở hầu hết các TG còn thiếu, nhất là những phòng học nhỏ để tổ chức cho PN học tập, thảo luận theo đội, tổ, nhóm. Các hội trường lớn được xây dựng để phục vụ việc học tập tập trung, song nhiều TG vẫn phải sử dụng hội trường để tổ chức cho PN lao động, sản xuất, gây phản cảm về cảnh quan sư phạm. Số tủ sách dành cho PN còn ít và nghèo nàn các đầu sách, báo, tạp chí về pháp luật. Tài liệu học tập pháp luật, giáo dục công dân lẽ ra phải được in ấn, photocopy đầy đủ để phát cho PN phục vụ quá trình học tập, nhưng nhiều TG thiếu sách in/photocopy hoặc nếu có cũng rất ít, không đủ cấp phát cho PN... Có thể thấy, “*dạy chay, học chay*” là khá phổ biến trong GDPL cho PN tại hầu hết các TG hiện nay. Vấn đề cấp thiết đang đặt ra đối với các TG là phải xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động dạy - học pháp luật nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN.

### **3.3.3. Giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu giảng dạy nội dung pháp luật mới với tình trạng thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Nội dung GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay đã được quy định trong các văn bản QPPL, cụ thể là quy định tại khoản 1 Điều 21 *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*; khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT cũng như trong các văn bản pháp quy chỉ đạo, hướng dẫn GDPL cho PN do Tổng cục VIII ban hành. Những nội dung GDPL đó đã được Tổng cục VIII cụ thể hóa trong Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” và trong Chương trình khung về giáo dục cải tạo PN. Yêu cầu đặt ra là các TG thuộc Bộ Công an phải tổ chức GDPL cho PN theo nội dung chương trình này nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung GDPL cho PN theo chương trình nói trên thì các TG phải có đội ngũ CBGDPL đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng (*có trình độ từ cử nhân luật trở lên và có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm*). Nhìn dưới góc độ này, một trong những vấn đề đặt ra đối với GDPL cho PN là mâu thuẫn giữa yêu cầu giảng dạy nội dung pháp luật mới theo quy định của pháp luật với thực trạng thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ CBGDPL.

Đội ngũ CBGDPL tại các TG hiện nay được tuyển dụng từ hai nguồn chủ yếu: *tốt nghiệp đại học luật hoặc cảnh sát và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc cao đẳng sư phạm*. Họ cùng đảm nhiệm công tác GDPL cho PN trong các TG; từ đó đã nảy sinh tình trạng: người có trình độ cử nhân luật, có kiến thức pháp luật thì thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết để truyền đạt cho PN; ngược lại, người có bằng sư phạm, có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thì lại thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật nên nội dung kiến thức pháp luật truyền đạt cho PN trở nên nghèo nàn. Điều đó dẫn đến một thực trạng chung là CBGDPL *hoặc thiếu kiến thức, hiểu biết chuyên sâu về pháp luật, hoặc thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết, hoặc thiếu cả hai yếu tố kể trên*. Yêu cầu về đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ này đang là yêu cầu cấp bách.



Như vậy, giải quyết mối quan hệ giữa một bên là yêu cầu giảng dạy nội dung pháp luật mới theo quy định của pháp luật với một bên là tình trạng thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ CBGDPL cho PN trong các TG đang là bài toán đặt ra đòi hỏi Nhà nước, Bộ Công an phải tìm ra lời giải thỏa đáng.

### **3.3.4. Giải quyết mâu thuẫn giữa mặt bằng trình độ học vấn tương đối thấp của nhiều phạm nhân với yêu cầu tiếp thu thông tin, kiến thức pháp luật phục vụ quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng**

Mặt bằng trình độ học vấn của PN có ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng tiếp thu, năng lực lĩnh hội, ghi nhớ thông tin, kiến thức pháp luật của họ khi tham gia học tập pháp luật; từ đó, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam. Các số liệu thống kê về cơ cấu trình độ học vấn của PN cho thấy, số PN chưa biết chữ chiếm 4.39%, học hết tiểu học (lớp 1 - 5) chiếm 23.06%, số PN học hết trung học cơ sở (lớp 6 - 9) chiếm 44.85%. Tổng cộng, số lượng PN hiện đang chấp hành án phạt tù trong các TG ở nước ta *chưa biết chữ, học hết tiểu học và trung học cơ sở chiếm tới 72.30% - là tỷ lệ khá cao*. Có thể khẳng định rằng *trình độ học vấn của nhiều PN trong các trại giam ở Việt Nam tương đối thấp*. Trong khi đó, khối lượng thông tin, kiến thức pháp luật theo chương trình học tập pháp luật hiện hành dành cho PN (mới đến TG chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành hình phạt tù và sắp chấp hành xong hình phạt tù) là *tương đối nhiều và nặng*; đòi hỏi PN phải có trình độ học vấn tối thiểu từ tốt nghiệp trung học phổ thông (lớp 10 - 12) trở lên mới có thể tiếp thu, hiểu và vận dụng trong quá trình chấp hành án phạt tù cũng như tái hòa nhập cộng đồng.

Thực tế đó làm nảy sinh mâu thuẫn giữa mặt bằng trình độ học vấn tương đối thấp của nhiều PN với yêu cầu tiếp thu một khối lượng tương đối lớn kiến thức pháp luật phục vụ quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng. Đây thực sự là một khó khăn rất lớn, ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả, hiệu quả GDPL cho PN; đồng thời cũng là một trong những vấn đề đang được đặt ra trong công tác GDPL cho PN tại các TG ở nước ta hiện nay; đòi hỏi các cơ quan chức năng phải có giải pháp phù hợp để khắc phục - phải phân loại theo trình độ và có giáo trình phù hợp.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở số liệu thu thập được từ 23 TG có tính đại diện ở cả ba miền Bắc, Trung và Nam, luận án đã đánh giá cơ cấu tình hình PN theo các tiêu chí: diễn biến tăng, giảm PN trong các TG; giới tính, lứa tuổi, thành phần dân tộc, nghề nghiệp trước khi phạm tội, trình độ văn hóa/học vấn, trình độ đào tạo nghề - chuyên môn, tội danh và mức án. Tình hình PN có tác động mạnh mẽ, gây khó khăn không nhỏ đối với GDPL cho PN trong các TG.

Dựa trên kết quả xử lý các phiếu thu thập ý kiến được phát ra - thu về tại 24 TG, luận án đã phân tích, đánh giá những thành công, kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam; chỉ rõ nguyên nhân của thực trạng đó.

Công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trong những năm qua đã được tăng cường và đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện trên các phương diện mục tiêu, chủ thể, nội dung, phương pháp, hình thức và cơ sở vật chất phục vụ GDPL; đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu và nhu cầu về tri thức pháp luật của PN. Bên cạnh đó, công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có sáu nguyên nhân cơ bản được luận án chỉ ra.

Từ sự phân tích, đánh giá tình hình PN và thực trạng công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay, luận án đã nhận diện và chỉ ra một số vấn đề cơ bản, cấp thiết đang được đặt ra trong GDPL cho PN.

**Chương 4**  
**QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ**  
**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN**  
**TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**4.1. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM**

**4.1.1. Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng xã hội**

Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động của Nhà nước và xã hội; bởi vậy, hoạt động GDPL nói chung, GDPL cho các đối tượng xã hội cụ thể nói riêng phải luôn bám sát quan điểm, đường lối và gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng ta luôn quan tâm, coi trọng GDPL cho các tầng lớp nhân dân, cho từng nhóm đối tượng xã hội vì GDPL là biện pháp hữu hiệu để đưa thông tin, kiến thức pháp luật đến với nhân dân nói chung, đội ngũ CBCS, viên chức nói riêng; mặt khác, khẳng định Nhà nước ta luôn đảm bảo tôn trọng quyền con người, quyền công dân, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Nghị quyết Đại hội VI đã xác định: “Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*... Cán bộ quản lý các cấp, từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật” [22, tr.121]. Mục tiêu của công tác GDPL được Đảng ta xác định: “Tăng cường giáo dục ý thức pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng” [28, tr.225]. Chủ thể, hình thức GDPL cũng đã được Đảng ta đề cập rất cụ thể trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII:

Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật. Huy động các lực lượng đoàn thể, chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường xuyên, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong các cơ quan nhà nước và xã hội [24, tr.241].

Giải pháp có tính thực tiễn để phát huy vai trò của GDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân là: “Các luật ban hành cần đảm bảo tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để giảm bớt tình trạng phải chờ đợi quá nhiều văn bản hướng dẫn mới thi hành được. Tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành” [25, tr.48]. Đại hội IX tiếp tục khẳng định: “Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền giáo dục toàn dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật” [26, tr.135].

Điểm mốc quan trọng nhất đánh dấu sự quan tâm mạnh mẽ và sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, GDPL là Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*. Mục tiêu, yêu cầu xuyên suốt của Chỉ thị này là: công tác phổ biến, GDPL ở nước ta trong giai đoạn hiện nay cần được tăng cường thường xuyên, liên tục và ở tầm cao hơn, nhằm làm cho cán bộ, nhân dân hiểu biết pháp luật và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thông qua đó mà kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật; đồng thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong điều chỉnh các lĩnh vực, các quan hệ xã hội.

Việc quán triệt những quan điểm, đường lối của Đảng về phổ biến, GDPL chính là cơ sở để xây dựng các giải pháp khả thi, phù hợp bảo đảm GDPL cho các đối tượng xã hội khác nhau; đồng thời, vận dụng các quan điểm, đường lối đó vào GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay.

#### **4.1.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam nói riêng**

*Trên bình diện GDPL chung*, bước chuyển quan trọng, đánh dấu sự quan tâm mạnh mẽ và sự chỉ đạo sâu sát của Nhà nước ta đối với công tác phổ biến, GDPL nói chung là Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/01/1998 *Về việc tăng cường công tác phổ biến, GDPL trong giai đoạn hiện nay*; Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg *Về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, GDPL từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, GDPL*. Hai văn bản QPPL này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng và tạo

điều kiện thuận lợi để triển khai công tác phổ biến, GDPL một cách mạnh mẽ hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

Từ năm 2003, việc xây dựng, ban hành các văn bản QPPL về phổ biến, GDPL tiếp tục được tăng cường. Ngày 17/01/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 13/2003/QĐ-TTg *Phê duyệt Chương trình phổ biến, GDPL từ năm 2003 đến năm 2007*. Ngày 12/3/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg *Phê duyệt Chương trình phổ biến, GDPL từ năm 2008 đến năm 2012*, trong đó đề ra mục tiêu chung là tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; đổi mới phương thức tổ chức thực hiện phổ biến, GDPL và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác phổ biến, GDPL; tuyên truyền kịp thời, thường xuyên nội dung pháp luật phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; tổ chức có hiệu quả công tác phổ biến, GDPL, góp phần thực hiện nếp sống và làm việc theo pháp luật...

Nhằm tạo ra công cụ có giá trị pháp lý cao hơn điều chỉnh lĩnh vực phổ biến, GDPL, Nhà nước ta đã xây dựng, ban hành *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*, trong đó “quy định quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và các điều kiện bảo đảm cho công tác phổ biến, GDPL” [65, Điều 1]. Luật này gồm 5 chương, 41 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

*Đối với công tác GDPL cho PN trong các TG*, Nhà nước ta cũng đã đưa những quy định pháp luật cụ thể, rõ ràng.

*Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)* quy định: “Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt trong trại giam, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ đã có nhiều tiến bộ thì xét để giảm việc chấp hành hình phạt” [61, khoản 4, Điều 3]. Điều đó có nghĩa là việc học tập, trong đó có *học tập pháp luật* thông qua GDPL trong các TG, là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với PN.

*Luật Thi hành án hình sự năm 2010* quy định: “1. Phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề... 2. Phạm nhân được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Điều 21 *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012* quy định về phổ biến, GDPL cho người đang chấp hành hình phạt tù...; trong đó nêu rõ:

Việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, tùy theo từng đối tượng mà tập trung vào các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, pháp luật về hình sự, thi hành án hình sự, xử lý vi phạm hành chính; pháp luật về phòng, chống ma túy và các tệ nạn xã hội [65, khoản 1, 2, 3 Điều 21].

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự năm 2010 và các văn bản QPPL có liên quan, ngày 06/02/2012, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2012TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT *Hướng dẫn việc tổ chức dạy văn hóa, GDPL, giáo dục công dân, phổ biến thông tin thời sự, chính sách và thực hiện chế độ sinh hoạt, giải trí cho PN*; trong đó dành Chương II (từ Điều 8 đến Điều 11) để quy định về *chương trình, nội dung, thời gian, hình thức, chủ thể GDPL, giáo dục công dân cho PN và tổ chức GDPL, giáo dục công dân cho PN là người nước ngoài.*

Những văn bản QPPL nêu trên là cơ sở pháp lý quan trọng để các TG triển khai công tác GDPL cho PN; góp phần trang bị những thông tin, kiến thức pháp luật cần thiết cho PN trong quá trình chấp hành án phạt tù cũng như khi trở về với cuộc sống đời thường, trở thành công dân có ích cho xã hội.

#### **4.1.3. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại các trại giam**

Giáo dục pháp luật cho PN trong các TG là hoạt động có mục đích, có tổ chức và tuân theo những kế hoạch do chủ thể GDPL vạch ra; bởi vậy, hoạt động này phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau:

##### **4.1.3.1. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa**

Nguyên tắc pháp chế XHCN là một nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt toàn bộ quá trình xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật, trong đó có GDPL. “Pháp chế xã hội chủ nghĩa là một chế độ đặc biệt của đời sống chính trị - xã hội, trong đó tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nhân viên nhà nước, nhân viên các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh, triệt để và chính xác” [89, tr.508-509]. Trong thực hiện

pháp luật thi hành án hình sự, nguyên tắc pháp chế đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền và mọi cá nhân có liên quan phải nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật về GDPL cho PN trong TG.

Theo tinh thần đó, công tác GDPL cho PN trong các TG không chỉ tuân thủ các QPPL được nêu trong Bộ luật Hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; mà còn phải bảo đảm tuân thủ các quy định về nội dung, phương pháp, hình thức, thời lượng GDPL cho PN trong các TG được nêu tại các văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng thuộc Bộ Công an. Bên cạnh đó, việc GDPL cho PN cũng phải bảo đảm đáp ứng quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của PN; tránh tình trạng áp đặt, duy ý chí.

Về phía PN, nguyên tắc pháp chế đòi hỏi mỗi PN phải tuyệt đối chấp hành các quy định pháp luật về nội dung, phương pháp, hình thức và thời lượng GDPL dành cho PN đang chấp hành án phạt tù trong các TG; phải có tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm trong việc học tập pháp luật để vừa phục vụ trực tiếp cho quá trình chấp hành án phạt tù, vừa chuẩn bị hành trang kiến thức pháp luật để tái hòa nhập cộng đồng sau khi hết thời hạn chấp hành án.

#### ***4.1.3.2. Nguyên tắc nhân đạo***

Nguyên tắc nhân đạo một nguyên tắc lớn, phổ biến trong chính sách, pháp luật của Nhà nước ta và được áp dụng rộng rãi trong đời sống pháp luật. Bộ luật Hình sự đưa ra các nguyên tắc xử lý mang tính nhân đạo:

3. Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục;
4. Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt trong trại giam, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có nhiều tiến bộ thì xét để giảm việc chấp hành hình phạt;
5. Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hoà nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích [61, khoản 3, 4, 5 Điều 3].

Việc bắt buộc người bị kết án phải chấp hành án trong TG không nhằm hạ nhục danh dự, nhân phẩm hay gây đau đớn về thể xác của họ; mà là giáo dục, cải tạo trở về với con đường lương thiện, trở thành công dân có ích cho xã hội, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Điều đó nói lên tinh thần nhân đạo, nhân văn trong chính sách, pháp luật của Nhà nước ta đối với người bị kết án.

Việc pháp luật quy định phải tổ chức GDPL cho PN trong các TG *tự nó đã chứng tỏ tính chất nhân đạo, nhân văn của pháp luật*, rằng GDPL cho PN trong các TG là để trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật cho PN, giúp họ nhận ra sai lầm, tội lỗi đã phạm phải trước đây, nay cần phải chủ động, tự giác học tập pháp luật nhằm tích lũy kiến thức phục vụ cho việc tài hòa nhập cộng đồng sau này. Bởi vậy, trong công tác GDPL cho PN phải tuân thủ nguyên tắc “bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án” [64, khoản 3, Điều 4].

#### ***4.1.3.3. Nguyên tắc phối kết hợp chặt chẽ giữa trại giam, các cơ quan hữu quan, gia đình phạm nhân và bản thân mỗi phạm nhân***

Về nguyên tắc, triển khai thực hiện công tác GDPL nói chung không chỉ là trách nhiệm của cá nhân, cơ quan hay đơn vị chức năng, mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia của Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, các tổ chức, cơ quan, đoàn thể xã hội, nhà trường, gia đình và sự nỗ lực của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, GDPL ở đây không có nghĩa là “mạnh ai nấy làm”, mà phải tuân thủ nguyên tắc phối kết hợp chặt chẽ giữa các bên hữu quan. GDPL phải mang tính hệ thống, có sự điều hành thống nhất, hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và các cá nhân về nội dung, phương pháp, hình thức GDPL. Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các bên hữu quan đảm bảo sự vận hành có hiệu quả GDPL cho các đối tượng xã hội.

Theo nguyên tắc đó, công tác GDPL cho PN trong các TG đòi hỏi phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa TG, các cơ quan hữu quan, gia đình PN và bản thân mỗi PN. Các TG giữ vai trò chủ thể chính, chỉ đạo, tổ chức và điều hành công tác GDPL theo chương trình, kế hoạch đã được xác định; vai trò hàng đầu thuộc về những CBGDPL của các TG được phân công chuẩn bị bài, trực tiếp lên lớp truyền đạt nội dung GDPL cho PN; các cán bộ quản giáo có trách nhiệm hỗ trợ tích cực cho hoạt động này. Các cơ quan hữu quan giữ vai trò phối hợp trong việc cử chuyên gia lên lớp giảng dạy, tổ chức những hoạt động có tính chất lồng ghép giáo dục, tuyên truyền pháp luật cho PN khi có yêu cầu; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình GDPL cho PN. Gia đình PN giữ vai trò động viên PN tự giác, tích cực học tập pháp luật, chấp hành nội quy, quy chế qua những lần thăm gặp hoặc nói chuyện



điện thoại; có thể gửi sách, báo, tạp chí có các nội dung pháp luật phù hợp để PN tự đọc, tìm hiểu thêm. Bản thân mỗi PN phải nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập pháp luật, chiếm lĩnh tri thức pháp luật. Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa TG, các cơ quan hữu quan, gia đình PN và bản thân mỗi PN vừa là quan điểm chỉ đạo, vừa là biện pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả GDPL cho PN.

#### **4.1.4. Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý thi hành án hình sự; sự tổ chức, điều hành của các trại giam**

Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ: tổ chức triển khai thi hành pháp luật về thi hành án hình sự; chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự; tổng kết công tác thi hành án hình sự. Đồng thời, cơ quan này còn có một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể: tổ chức kiểm tra công tác thi hành án hình sự thuộc lực lượng công an nhân dân; quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án; trực tiếp quản lý các TG thuộc Bộ Công an; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Công an giao.

Một trong những nhiệm vụ cụ thể thuộc nhiệm vụ, quyền hạn kể trên của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an là lãnh đạo, chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn *việc áp dụng các quy định pháp luật về GDPL* cho PN trong các TG thuộc Bộ Công an cũng như kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác này. Để thực hiện nhiệm vụ đó, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an đã tổ chức xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác GDPL cho PN trong các TG hoặc có liên quan đến công tác này, như phối hợp với Viện Khoa học giáo dục Việt Nam biên soạn bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” dành cho PN, trong đó có phần GDPL. Công tác GDPL cho PN trong các TG phải dựa trên nội dung, tinh thần của các văn bản đó nhằm bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý thi hành án hình sự; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, nề nếp của công tác này.

Với tư cách là cơ quan thi hành án phạt tù, một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của TG thuộc Bộ Công an là tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải

tạo PN, trong đó có việc tổ chức GDPL cho PN. Trên cơ sở các quy định pháp luật, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, các TG là nơi trực tiếp tổ chức GDPL cho PN dưới sự chỉ đạo, điều hành của Giám thị TG và các Phó giám thị TG (thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Giám thị theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám thị và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao). Chính vì vậy, công tác GDPL cho PN cũng phải luôn đặt dưới sự chỉ đạo, điều hành của TG.

#### **4.1.5. Phải lựa chọn những nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật phù hợp với đặc điểm tình hình phạm nhân trong các trại giam**

Nội dung, phương pháp và hình thức GDPL là những thành tố cơ bản của hoạt động GDPL cho PN trong các TG. Giữa các thành tố này có mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Bởi vậy, để bảo đảm GDPL cho PN thì phải lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp.

Nội dung GDPL cho PN trong các TG phải bảo đảm tính khoa học, vừa tuân thủ các nội dung chương trình GDPL cho PN, vừa bảo đảm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của PN và phù hợp với đặc điểm về độ tuổi, giới tính, học vấn, cơ cấu tình hình tội phạm ở từng khu vực. Trên cơ sở thống kê về thực trạng tình hình tội phạm ở từng khu vực, cần xây dựng chuyên đề GDPL chuyên biệt về những loại tội phạm nổi cộm ở khu vực để truyền đạt cho PN.

Phương pháp GDPL cho PN trong các TG phải được coi trọng hơn và đặt đúng vị trí, vai trò của nó, cũng phải bảo đảm tính khoa học, hiện đại; chuyển dần từ phương pháp “lấy người dạy làm trung tâm” sang phương pháp “lấy người học làm trung tâm” nhằm “phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều” [27, tr.97]. Các CBGDPL cần kết hợp hài hòa giữa phương pháp thuyết trình truyền thống với phương pháp nêu vấn đề, kết hợp giữa truyền đạt nội dung pháp luật với việc nêu ra các tình huống, bài tập trắc nghiệm; tăng cường các phương pháp đối thoại, thảo luận nhóm theo các chủ đề pháp luật, phương pháp nêu tình huống để lôi cuốn PN vào sự tranh luận, thảo luận nhằm tìm ra hướng giải quyết hợp lý nhất.

Phải đa dạng hóa, sử dụng kết hợp nhiều hình thức GDPL cho PN trong các TG một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng PN; từng bước khai thác và vận dụng công nghệ thông tin (soạn bài giảng, giáo án

điện tử) phục vụ công tác GDPL cho PN. Ngoài hình thức chính là giảng dạy trên hội trường thì cần tăng cường thêm các hình thức GDPL khác, như sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, sân khấu hóa, thảo luận tại buổi giam, thi tìm hiểu pháp luật...

#### **4.1.6. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục công dân, dạy văn hóa và dạy nghề cho phạm nhân**

Trên thực tế, quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa GDPL với giáo dục công dân, dạy văn hóa và dạy nghề cho PN đã được quy định trong Luật Thi hành án hình sự: “1. Phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề. Phạm nhân chưa biết chữ phải học văn hoá để xoá mù chữ...” [64, khoản 1 Điều 28]. Luật Phổ biến, giáo dục năm 2012 cũng quy định: “2. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù... được chú trọng thực hiện thông qua chương trình học pháp luật, giáo dục công dân và lồng ghép trong chương trình học văn hoá, học nghề, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng; phổ biến thông tin thời sự, chính sách; sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm đồng đảng và các hình thức phù hợp khác” [65, khoản 2, Điều 21].

Việc quán triệt quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa GDPL cho PN với giáo dục công dân, dạy văn hóa và dạy nghề cho họ là nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hài hòa và hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong các TG. Giữa GDPL và giáo dục công dân, dạy văn hóa và dạy nghề cho PN có mối quan hệ biện chứng: GDPL cho PN phải gắn với giáo dục công dân. Nội dung chủ yếu của giáo dục công dân cho PN là giáo dục đạo đức và kỹ năng sống. Mục tiêu của GDPL và giáo dục đạo đức là thiết lập trật tự pháp luật và trật tự đạo đức, hình thành ở mỗi cá nhân hành vi hợp pháp, hợp đạo đức xã hội. Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là xã hội mà ở đó mọi công dân đều phải có ý thức và lối sống phù hợp với nền tảng đạo đức và tuân thủ pháp luật. Mục tiêu của pháp luật và đạo đức là phục vụ con người, vì những giá trị nhân văn của con người. Có kiến thức pháp luật mà thiếu sự hiểu biết, tôn trọng các giá trị đạo đức thì PN khó có thể trở thành người có ích khi trở về tái hòa nhập xã hội.

Giáo dục pháp luật phải gắn với dạy văn hóa cho PN vì GDPL chỉ có tác dụng khi dựa trên một nền tảng học vấn nhất định. Trình độ học vấn của PN càng cao thì việc học tập pháp luật càng thuận lợi và ngược lại. PN mù chữ thì khó có thể

tiếp thu kiến thức pháp luật chứ chưa nói đến hiểu biết pháp luật. Bởi vậy, để bảo đảm hiệu quả GDPL cho PN mù chữ thì điều kiện tiên quyết là phải dạy chữ cho họ, có thể triển khai lồng ghép với hoạt động dạy nghề cho PN.

## **4.2. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM Ở VIỆT NAM**

### **4.2.1. Nhóm giải pháp bảo đảm từ phía cơ quan quản lý thi hành án hình sự (Tổng cục VIII, Bộ Công an)**

Để bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho PN tại TG ở nước ta hiện nay, với tư cách là cơ quan quản lý công tác GDPL cho PN trong các TG, Tổng cục VIII, Bộ Công an cần thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

#### ***4.2.1.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy hướng dẫn tổ chức, thực hiện giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam***

Nhằm tăng cường công tác GDPL cho PN trong các TG, đảm bảo hiện thực hóa mục đích của hình phạt, trong những năm qua, Nhà nước, các cơ quan chức năng đã xây dựng, ban hành một hệ thống các văn bản QPPL về GDPL cho PN trong các TG, trong đó có các quy định cụ thể về chủ thể, nội dung, hình thức GDPL cho PN, như Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT *Hướng dẫn việc tổ chức dạy văn hóa, GDPL, giáo dục công dân, phổ biến thông tin thời sự, chính sách và thực hiện chế độ sinh hoạt, giải trí cho PN.*

Từ trước tới nay, công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam đã được chú trọng triển khai thực hiện, song thiếu tính đồng bộ, nhất quán về nội dung, phương pháp và hình thức GDPL; mỗi TG làm công tác GDPL cho PN theo những cách khác nhau tùy thuộc điều kiện cụ thể về nhân lực, cơ sở vật chất của từng TG. Nhằm chấn chỉnh những hạn chế đó, năm 2009, Tổng cục VIII đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo) biên soạn Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” gồm 03 tập dành cho 03 nhóm đối tượng PN. Tất cả các TG thuộc Bộ Công an đều đã tổ chức GDPL cho PN theo nội dung được biên soạn trong Bộ tài liệu này và đã đạt được những kết quả quan trọng bước đầu, tạo được những chuyển biến tích cực trong nhận thức, thái độ và hành vi của đa số PN.

Tuy nhiên, sau một số năm triển khai thực hiện, đến nay, Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập do những nguyên nhân chủ

quan và khách quan. Từ thực tế đó, với tư cách là cơ quan quản lý công tác GDPL cho PN trong các TG, Tổng cục VIII, Bộ Công an cần nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác GDPL cho PN trong các TG theo hướng:

a) *Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan biên soạn lại Bộ tài liệu “Giáo dục công dân”*

Việc biên soạn lại Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” đang được sử dụng trong các TG hiện nay phải được triển khai trên cơ sở những quy định về nội dung theo các văn bản QPPL mới nhất, như *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, và phải có sự linh hoạt về hình thức trình bày.

- *Về hình thức tài liệu*, phải tách chủ đề GDPL ra khỏi Bộ tài liệu và biên soạn thành tài liệu/sách độc lập với tên gọi “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân*”, trong đó vẫn gồm ba phần: Phần I- Dành cho PN mới đến TG chấp hành án phạt tù; Phần II- Dành cho PN đang chấp hành án phạt tù, trong đó chỉ cần ấn định nội dung, còn hình thức GDPL để mở để các TG vận dụng linh hoạt); Phần III- Dành cho PN sắp chấp hành xong án phạt tù. Sau khi bộ tài liệu được biên soạn lại, được nghiệm thu thì cho *in thành sách* và phát hành rộng rãi tại tất cả các TG để giảng dạy cho PN. Việc giảng dạy các nội dung vẫn lần lượt theo từng phần phù hợp với tiến trình đã được xác định.

Hai chủ đề giáo dục đạo đức và giáo dục kỹ năng sống cũng phải được biên soạn thành tài liệu/sách với tên gọi “*Giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho phạm nhân*” và vẫn gồm ba phần dành cho 03 nhóm đối tượng PN như trên; *in thành sách* và phát hành làm tài liệu học tập cho PN trong các TG.

- *Về nội dung GDPL cho PN*, phải thay đổi ngay phần nội dung pháp luật về Thi hành án phạt tù và Quy chế trại giam trong Bộ tài liệu “*Giáo dục công dân*” hiện hành vì chúng đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2011 khi Luật Thi hành án hình sự chính thức có hiệu lực. Việc biên soạn tài liệu/sách “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân*” phải: *một mặt*, kế thừa những nội dung GDPL phù hợp trong tài liệu “*Giáo dục công dân*” hiện hành vì chúng đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn GDPL cho PN trong những năm qua; *mặt khác*, bổ sung ngay những nội dung GDPL mới được quy định tại khoản 1, Điều 21 *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012* và khoản 2, Điều 8 Thông tư liên tịch số

02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT nhằm bảo đảm quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam. Hiện nay, Tổng cục VIII đang xúc tiến việc ban hành Chương trình khung về giáo dục cải tạo PN nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc biên soạn lại nội dung GDPL, giáo dục công dân cho PN.

- Về việc huy động những cán bộ nghiên cứu, nhà giáo dục tham gia biên soạn nội dung, chương trình GDPL cho PN, với tư cách là cơ quan chủ trì, tổ chức biên soạn tài liệu/sách GDPL dành cho PN, Tổng cục VIII phải mời được những nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia pháp luật đang công tác tại Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Trường Đại học Luật, Học viện Cảnh sát... tham gia biên soạn sách “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân*” vì họ là những người đã và đang trực tiếp tham gia giảng dạy pháp luật, có kinh nghiệm sư phạm, đã từng biên soạn sách chuyên khảo, giáo trình, đã từng chủ trì, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học... Việc mời được những nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia pháp luật tham gia biên soạn tài liệu/sách GDPL cho PN chắc chắn sẽ góp phần xây dựng được một cuốn sách giáo khoa có chất lượng cao, bảo đảm tính khoa học, hiện đại, phù hợp với những đặc điểm tâm lý của PN trong các TG; đáp ứng cao nhất nhu cầu tiếp nhận tri thức pháp luật của PN.

b) *Tổ chức tập huấn chuyên sâu các chuyên đề giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giáo dục pháp luật ở các trại giam*

Sau khi tổ chức biên soạn, nghiệm thu xong và in thành sách “*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân*”, Tổng cục VIII, Cục C86 phải tổ chức tập huấn chuyên sâu các chuyên đề GDPL cho PN - những nội dung trong sách, bồi dưỡng các phương pháp và hình thức giảng dạy những nội dung đó cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL cho PN ở các TG trước khi chính thức triển khai rộng rãi tại tất cả các TG thuộc Bộ Công an. Điều đó có tác dụng tạo sự đồng thuận, thống nhất về quan điểm, nhận thức xung quanh nội dung, phương pháp và hình thức triển khai thực hiện GDPL cho PN trong đội ngũ CBGDPL tại các TG, tránh được tình trạng “mạnh ai nấy làm”.

Khi tổ chức tập huấn các chuyên đề GDPL, bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL tại các TG, Tổng cục VIII cũng phải mời được những nhà khoa học, nhà sư phạm giỏi về

chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ sư phạm, am hiểu đặc điểm, tình hình PN trong các TG để trực tiếp đứng lớp. Đó phải là những người đủ khả năng “cầm tay chỉ việc” cho CBGDPL, có thể tạo ra những “giờ giảng mẫu” thực sự thuyết phục để những CBGDPL của các TG có thể vận dụng trực tiếp vào công việc của họ. Tuyệt đối tránh tình trạng làm qua loa, đại khái cho xong, không quan tâm đến chất lượng, hiệu quả!

*c) Ban hành văn bản pháp quy quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật, về hình thức bắt buộc và hình thức hỗ trợ trong giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Bộ Công an, Tổng cục VIII cần xây dựng, ban hành văn bản quy phạm, trong đó quy định tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL cho PN theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT; theo đó, CBGDPL cho PN phải đạt trình độ chuyên môn từ cử nhân luật trở lên; được tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề về kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, tin học, phương pháp giảng dạy và các kỹ năng mềm khác (thuyết phục, làm việc nhóm, soạn giáo án điện tử, kỹ năng đánh giá...); xác định cụ thể lộ trình để mỗi CBGDPL cho PN có thể đạt được các tiêu chuẩn đó. Những cán bộ, giảng viên bên ngoài TG được mời tham gia GDPL cho PN cũng phải đạt chuẩn theo quy định.

Về hình thức GDPL cho PN, Bộ Công an, Tổng cục VIII cần quy định cứng, bắt buộc các TG phải tổ chức học tập pháp luật của PN theo hình thức học tập trung trên hội trường/phòng học, phải có giảng viên trực tiếp lên lớp; hình thức hỗ trợ là tổ chức cho PN thảo luận, viết thu hoạch theo tổ, đội, nhóm dưới sự hướng dẫn của CBGDPL kết hợp với cán bộ quản giáo. Những hình thức GDPL khác thì cho phép các TG tự vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi TG.

#### ***4.2.1.2. Tăng cường hơn nữa việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam***

Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình GDPL là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên đối với hoạt động triển khai thực hiện GDPL cho các đối tượng của các cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới nhằm định hướng, bảo đảm cho công tác này diễn ra đúng quy định pháp luật; đánh

giá được kết quả của công tác GDPL. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát mà các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên có căn cứ để đưa ra nhận định đúng đắn về những thành công và hạn chế của quá trình thực hiện pháp luật về GDPL, phát hiện kịp thời những biểu hiện lệch lạc, vướng mắc cần tháo gỡ; điều chỉnh, bổ sung kịp thời những khe hở, thiếu hụt của pháp luật; xử lý kịp thời các hành vi sai phạm của chủ thể GDPL.

Là cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, dựa trên cơ sở các quy định pháp luật về GDPL cho PN, Tổng cục VIII có trách nhiệm cụ thể hóa, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy hướng dẫn tổ chức, thực hiện việc GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam; còn tổ chức và thực hiện hoạt động GDPL cho PN là nhiệm vụ của các TG thuộc Bộ Công an. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Tổng cục VIII phó mặc cho các TG tự mình thực hiện GDPL cho PN; mà còn phải lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác này ở từng TG. Để có thể tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đối với GDPL cho PN trong các TG thì Tổng cục VIII phải có những biện pháp cụ thể, thiết thực, bao gồm:

**Thứ nhất**, tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt sâu sắc tới Đảng ủy, Ban Giám thị các TG, tới đội ngũ CBGDPL cho PN về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác GDPL cho PN trong các TG. Mỗi chủ thể nói trên phải coi đó là một nhiệm vụ chính trị quan trọng trong giai đoạn hiện nay; yêu cầu các chủ thể GDPL thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về tiến độ, chương trình, nội dung, hình thức và thời lượng GDPL cho PN trong các TG theo đúng văn bản hướng dẫn của Tổng cục VIII. Định kỳ hàng năm, mỗi TG phải tổ chức tổng kết, đánh giá công tác GDPL cho PN, chỉ ra cụ thể những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, xác định bài học kinh nghiệm, phương hướng tháo gỡ, biện pháp khắc phục. Kết quả tổng kết, đánh giá công tác GDPL cho PN phải được tập hợp thành Báo cáo tổng hợp và gửi về Tổng cục VIII.

**Thứ hai**, thường xuyên hoặc định kỳ hàng quý gửi văn bản đôn đốc, nhắc nhở Ban Giám thị các TG xây dựng chương trình, kế hoạch, thời gian biểu và yêu cầu đội ngũ CBGDPL cho PN trong TG làm tốt công tác GDPL cho cả ba nhóm đối tượng PN (mới đến TG chấp hành án phạt tù, đang chấp hành án phạt tù và sắp



chấp hành xong án phạt tù); phải bảo đảm cho tất cả các PN đang chấp hành án đều được học tập pháp luật theo quy định.

**Thứ ba**, định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các đoàn công tác của Tổng cục VIII đi khảo sát, kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho PN trong các TG. Việc kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho PN phải bao quát từ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, giáo án/bài giảng của mỗi CBGDPL, tài liệu học tập của PN cho đến kế hoạch, thời khóa biểu, nhật ký giảng dạy, sĩ số lớp học, bài thu hoạch kết quả học tập pháp luật của PN...; có thể phỏng vấn, trao đổi thêm với một số cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL và một số PN (được lựa chọn ngẫu nhiên) để nắm bắt thêm tình hình giảng dạy của CBGDPL và tình hình học tập pháp luật của PN. Kết quả khảo sát, kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho PN phải được ghi thành biên bản; trong đó phải thể hiện rõ các kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và hướng khắc phục, các bài học kinh nghiệm được rút ra, các kiến nghị... Tuyệt đối tránh tình trạng nể nang, bao che, xuê xoa, kiểm tra qua loa, đại khái, che giấu khuyết điểm của cấp dưới vì điều đó sẽ chỉ làm trầm trọng thêm những mặt hạn chế của công tác GDPL cho PN trong TG.

**Thứ tư**, do việc đổi mới nội dung chương trình GDPL cho PN đang được triển khai, trong quá trình thực hiện chương trình mới sẽ khó tránh khỏi những khiếm khuyết, bất cập; bởi vậy, sau khoảng 2 năm triển khai thực hiện chương trình GDPL mới, Tổng cục VIII phải tổ chức hội nghị/hội thảo nhằm tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về các mặt được và chưa được trong công tác GDPL cho PN; trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng và các giải pháp cụ thể nhằm ngày càng hoàn thiện chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức, thời lượng GDPL cho PN trong các TG theo phương châm: tất cả vì mục tiêu giáo dục PN trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

#### ***4.2.1.3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế phục vụ giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam***

Chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN trong các TG không thể tách rời việc đáp ứng và bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Sự hỗ trợ và bảo đảm từ phía Bộ Công an, Tổng cục VIII các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phục vụ GDPL cho PN vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa là giải pháp quan trọng bảo đảm hiệu quả công tác này.

*a) Tăng cường đầu tư kinh phí để xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, học liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Mọi hoạt động xã hội nói chung chỉ thực sự đi vào chiều sâu, thực chất, đạt chất lượng, hiệu quả cao khi nhận được sự quan tâm và đầu tư kinh phí thỏa đáng từ phía Nhà nước nói chung, các cấp, các ngành nói riêng. Hoạt động GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay cũng không nằm ngoài tính quy luật nói trên. Chính vì vậy, Nhà nước, Bộ Công an cần quan tâm hơn nữa, dành sự đầu tư kinh phí thỏa đáng cho công tác GDPL cho PN trong các TG. Bộ Công an cần xây dựng cơ chế bố trí ngân sách dành riêng cho công tác GDPL cho PN; tăng cường việc huy động kinh phí từ các đề án, chương trình và các nguồn kinh phí khác trong phạm vi quyền hạn của Bộ. Có thể nói, sự đầu tư kinh phí thỏa đáng dành cho công tác GDPL cho PN là yếu tố hết sức quan trọng bảo đảm cho việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác này. Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác GDPL cho PN được sử dụng phục vụ các mục tiêu sau đây:

- Củng cố, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất phục vụ hoạt động GDPL cho PN, như: các hội trường, phòng học rộng rãi, thoáng mát, có bảng, phấn, bàn ghế đầy đủ, các phòng học nhỏ phục vụ hoạt động thảo luận, viết thu hoạch; mua sắm sách vở, giấy bút, học liệu phục vụ việc học tập của PN; trang bị các thiết bị truyền thông đa phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động giảng dạy pháp luật, gồm loa, đài, âmly, máy vi tính, máy chiếu, máy ghi âm, nối mạng Internet... để trong quá trình giảng bài cho PN, CBGDPL có thể sử dụng các phương tiện này nhằm lồng ghép, dẫn chiếu các hình ảnh, âm thanh làm ví dụ minh họa thực tiễn, giúp bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

- Nguồn kinh phí phục vụ GDPL cho PN được Bộ Công an tăng cường cho các TG còn được dùng để mua bổ sung các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu về pháp luật phục vụ việc xây dựng và nâng cấp thư viện, tủ sách pháp luật dành cho cán bộ, chiến sĩ và thư viện, tủ sách pháp luật dành cho PN trong các TG; tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ CBGDPL, cán bộ quản giáo tự nghiên cứu, tìm hiểu, cập nhật những thông tin, kiến thức pháp luật mới; giúp các PN có điều kiện tự học tập, nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.

*b) Bảo đảm kinh phí để củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam*

Kinh phí là điều kiện rất quan trọng, cần thiết để cơ quan quản lý thi hành án hình sự tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy pháp luật dành cho các cán bộ lãnh đạo TG, đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL; giúp họ vững vàng về kiến thức, hiểu biết pháp luật, có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm giỏi, biết tạo ra những giờ giảng pháp luật hấp dẫn, thu hút, lôi cuốn PN. Nguồn kinh phí cũng giúp cơ quan quản lý thi hành án hình sự có thể chi trả chế độ bồi dưỡng, thù lao thỏa đáng để mời được các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia pháp luật giỏi tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu GDPL cho PN; mời họ trực tiếp lên lớp tập huấn chuyên đề pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ CBGDPL cho PN.

Nguồn kinh phí được bảo đảm cũng giúp các TG có thể chi trả chế độ thù lao cho những cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ GDPL cho PN trong TG. Trước mắt, Bộ Công an cần nhanh chóng, chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan hữu quan thực hiện ngay việc chi trả chế độ bồi dưỡng cho những CBGDPL trực tiếp lên lớp giảng dạy pháp luật cho PN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT “*không quá 0,15 mức lương tối thiểu chung đối với cán bộ trại giam*” đối với 01 buổi giảng dạy (4 giờ) [11, khoản 2, Điều 16]. Ngoài ra, vì đại đa số các buổi học tập pháp luật của PN diễn ra vào ngày thứ 7, CBGDPL phải làm việc ngoài giờ hành chính nên nếu không bố trí nghỉ bù thì nhất thiết phải tính thêm lao động ngoài giờ hành chính theo quy định của Bộ luật Lao động. Khoản thu nhập theo quy định nêu trên có thể không nhiều nhưng nó là sự ghi nhận giá trị lao động trí óc của những CBGDPL; có tác dụng khơi dậy sự nhiệt tình, tận tâm của đội ngũ CBGDPL đối với công tác GDPL cho PN.

#### **4.2.2. Nhóm giải pháp bảo đảm từ phía các cơ quan thi hành án hình sự (các trại giam) với tư cách chủ thể giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Nếu như Bộ Công an, Tổng cục VIII là cơ quan quản lý thi hành án hình sự thì các TG thuộc Bộ Công an là cơ quan thi hành án hình sự. Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam là “tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân” [64, Điều 16], trong đó có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện hoạt

động GDPL cho PN. Để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ GDPL cho PN, các TG phải tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

**4.2.2.1. Phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Đảng ủy, Ban Giám thị, cán bộ chỉ huy đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân**

Trại giam là cơ quan trực tiếp tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo PN. Sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ phía Đảng ủy, Ban Giám thị, cán bộ chỉ huy đối với công tác GDPL cho PN trong TG có vai trò đặc biệt quan trọng, *là khâu có tính chất đột phá, mở đường* để khai thông, thúc đẩy hoạt động GDPL cho PN theo hướng chất lượng, hiệu quả và thiết thực. Chính vì vậy, phải phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Đảng ủy, Ban Giám thị, cán bộ chỉ huy đối với công tác GDPL cho PN trong TG.

**Thứ nhất,** Đảng ủy các TG cần dành sự quan tâm, lãnh đạo sát sao hơn đối với công tác GDPL cho PN, coi đó là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng ủy và các chi bộ trực thuộc trong TG. Về nguyên tắc, *Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, thông qua các chỉ thị, nghị quyết*. Ngoài việc quán triệt sâu sắc tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên trong TG các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản pháp quy hướng dẫn của Bộ Công an, Tổng cục VIII về công tác GDPL cho PN, Đảng ủy các TG cần xây dựng, ban hành một *Nghị quyết riêng về tăng cường lãnh đạo công tác GDPL cho PN trong TG*. Trong Nghị quyết này phải xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ GDPL cho PN; các yêu cầu về triển khai thực hiện nội dung GDPL, cải tiến, đổi mới phương pháp, hình thức GDPL cho PN; đánh giá thực trạng những mặt đã làm được và chưa làm được trong công tác này; trên cơ sở đó, đề ra các phương hướng, giải pháp cụ thể nhằm tổ chức và thực hiện trong những năm tới phù hợp với điều kiện của TG... Có thể khẳng định rằng, việc Đảng ủy các TG ban hành được một Nghị quyết bám sát nội dung, tinh thần nói trên sẽ có tác động mạnh mẽ tới nhận thức, ý thức chính trị của toàn thể cán bộ, chiến sĩ của TG trong việc phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ GDPL, giáo dục công dân cho PN.

**Thứ hai,** trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy TG, *Ban Giám thị các TG* phải có sự vào cuộc mạnh mẽ, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện công tác GDPL cho PN. Ban Giám thị phải chủ động chỉ đạo Đội Giáo dục - Hồ sơ phối hợp với các đội nghiệp vụ (quản giáo, trinh sát, hậu cần...) xây dựng kế hoạch, thống nhất nội

dung chương trình GDPL cho PN; căn cứ vào số lượng PN thuộc ba nhóm đối tượng (mới đến TG chấp hành án phạt tù; đang chấp hành án phạt tù; sắp chấp hành xong án phạt tù) để bố trí hội trường, phòng học, tổ chức lớp học, phân công CBGDPL lên lớp; chuẩn bị phương tiện dạy học, sách vở, giấy bút, học liệu cho PN... Ban Giám thị TG còn có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình GDPL cho PN; kịp thời biểu dương, khen thưởng những CBGDPL hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phê bình, có biện pháp xử lý kỷ luật đối với những CBGDPL còn mắc phải sai sót, khuyết điểm, không hoàn thành nhiệm vụ.

Tùy thuộc vào điều kiện về thời gian, khả năng về chuyên môn, nghiệp vụ, Giám thị, các Phó Giám thị TG có thể trực tiếp lên lớp giảng một số bài thuộc nội dung GDPL cho PN, vừa để xây dựng giờ giảng mẫu cho những CBGDPL khác, vừa để bản thân các PN thấy được sự quan tâm của lãnh đạo TG đối với họ; qua đó, họ sẽ cố gắng, nỗ lực hơn trong học tập. Ban Giám thị TG cũng cần tạo điều kiện về thời gian, chế độ bồi dưỡng, động viên, khuyến khích đội ngũ CBGDPL chủ động, tích cực tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên đề pháp luật mới, các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; giải quyết kịp thời chế độ bồi dưỡng cho CBGDPL trực tiếp lên lớp giảng dạy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT ngay khi có thể.

*Thứ ba, cán bộ chỉ huy các phân trại, các đội nghiệp vụ, nhất là Đội Giáo dục - Hồ sơ, Quản giáo, cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu cả về tác phong, lời nói, việc làm trong hoạt động GDPL cho PN theo phương châm “trong các TG, mỗi cán bộ, chiến sĩ công an đồng thời là một người thầy”;* phải tạo dựng được cơ chế phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, hợp lý giữa các bộ phận nghiệp vụ của TG nhằm tạo cho các PN những điều kiện thuận lợi về thời gian, sức khỏe, tâm lý, tinh thần thoải mái để họ học tập pháp luật một cách tốt nhất. Ngoài việc trực tiếp đứng lớp, cán bộ chỉ huy Đội Giáo dục - Hồ sơ có trách nhiệm xây dựng thời khóa biểu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng CBGDPL, đôn đốc, nhắc nhở họ hoàn thành tốt nhiệm vụ; động viên mỗi CBGDPL chịu khó nghiên cứu, học hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ động tìm tòi, cải tiến phương pháp giảng dạy sao cho hiệu quả nhất.

#### ***4.2.2.2. Nâng cao trình độ kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân***

Trong bất kỳ hoạt động nào, vai trò quyết định đối với sự thành công, hiệu quả của nó luôn thuộc về nhân tố con người với những năng lực, phẩm chất cần có. Chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay, do đó, chắc chắn cũng chịu sự quyết định bởi chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL cho PN, mà cụ thể là năng lực, phẩm chất, tiêu chuẩn nghiệp vụ cần thiết và phải có ở đội ngũ này. Năng lực, phẩm chất đó chủ yếu thể hiện ở *trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm* của đội ngũ CBGDPL cho PN trong các TG.

Để có thể lên lớp giảng dạy về pháp luật cho PN thì trước hết, bản thân lãnh đạo, chỉ huy, CBGDPL phải có trình độ kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật. Kiến thức pháp luật, hiểu biết về tâm lý tội phạm, tính chất của tội phạm... là nền tảng để giảng viên nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, về nội dung, tinh thần của pháp luật nói chung, pháp luật hình sự, thi hành án hình sự và các văn bản QPPL khác có liên quan đến quá trình PN chấp hành án phạt tù nói riêng; về tác động thực tế của các văn bản QPPL đó đối với PN... Trên nền tảng kiến thức, hiểu biết pháp luật sẵn có, CBGDPL mới có thể xác định, lựa chọn những nội dung pháp luật cụ thể, thiết thực, tác động trực tiếp tới PN để giảng dạy, truyền đạt nhằm cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật cho họ một cách hiệu quả. Ngược lại, nếu kiến thức, hiểu biết pháp luật của đội ngũ CBGDPL cho PN ở trình độ thấp, không được tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề pháp luật thường xuyên thì họ sẽ bị động, lúng túng khi đứng lớp giảng bài; thiếu tự tin khi giải thích những nội dung pháp luật, khái niệm pháp lý mà PN chưa hiểu. Kiến thức, hiểu biết pháp luật của CBGDPL ở trình độ thấp chắc chắn sẽ có *tác động tiêu cực* tới hiệu quả GDPL cho PN.

Cán bộ giáo dục pháp luật cho PN còn phải có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm - nhân tố quyết định tạo nên bài giảng pháp luật sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn người nghe là PN. Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của CBGDPL thể hiện ở khẩu khí thuyết trình, giảng giải, ở sự lựa chọn và sử dụng phối kết hợp các phương pháp giảng dạy, truyền đạt; hiểu tâm lý người nghe, lứa tuổi, tội phạm học; ở việc đưa ra những tình huống pháp lý, sự kiện pháp luật thực tế liên quan đến nội dung pháp luật để giúp PN dễ nhớ, dễ hiểu; ở sự vận dụng công nghệ thông tin để soạn giáo

án/bài giảng điện tử phục vụ quá trình giảng dạy... Có được những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản là điều kiện tiên quyết để CBGDPL thu hút, lôi cuốn các PN vào nội dung bài giảng của mình mà không cần đến bất kỳ một mệnh lệnh hành chính nào. Ngược lại, CBGDPL thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết thì dù có bắt buộc PN ngồi im lặng, trật tự trong hội trường, tâm hồn họ vẫn có thể đang “treo ngược cành cây”.

Nếu đội ngũ CBGDPL cho PN có trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cao, tinh thông kỹ năng sư phạm thì chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN sẽ được nâng cao; ngược lại, trình độ kiến thức pháp luật của đội ngũ này thấp, thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thì hiệu quả GDPL cho PN sẽ thấp. Chính vì vậy, để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay thì nhất thiết phải nâng cao trình độ kiến thức pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ CBGDPL cho PN.

- Trước hết, các TG theo từng cụm/khu vực đứng chân phải phối hợp với nhau để nghị Bộ Công an, Tổng cục VIII *tổ chức riêng cho cụm/khu vực của mình các lớp tập huấn chuyên đề pháp luật và lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm* với đối tượng tham dự là đội ngũ CBGDPL cho PN của các TG thuộc cụm/khu vực; có thể mời Ban Giám thị các TG tham dự. Lớp tập huấn, bồi dưỡng được tổ chức tập trung tại một trong các TG thuộc cụm hoặc khu vực sao cho thuận lợi nhất đối với sự tham gia của các CBGDPL.

+ *Tập huấn chuyên đề pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL cho PN* là hình thức đào tạo pháp luật ngắn hạn, do Bộ Công an, Tổng cục VIII phối hợp với các cơ sở đào tạo luật hoặc Học viện Cảnh sát nhân dân tổ chức, hướng tới trang bị cho CBGDPL ở TG những thông tin, kiến thức pháp luật về các văn bản QPPL hoặc văn bản QPPL dưới luật *mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung*, liên quan trực tiếp đến nội dung GDPL cho PN. Thời gian tập huấn thường từ 3 - 5 ngày tùy theo nội dung các chuyên đề, bài giảng. Lớp học phải mời được giảng viên là những nhà giáo, nhà khoa học giỏi, trình độ cao về chuyên môn, có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn phong phú, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp luật thi hành án hình sự và các văn bản QPPL có liên quan. Học viên - các CBGDPL cho PN trong TG - phải tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc; Ban quản lý lớp học phối hợp với giảng viên, cơ sở đào tạo tổ chức cho học viên viết tiểu luận, kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ.

+ *Bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL cho PN* cũng là hình thức đào tạo ngắn hạn, do Bộ Công an, Tổng cục VIII phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, các Trường Đại học sư phạm tổ chức, hướng tới *bổ sung, củng cố lại, trang bị mới, cập nhật* cho CBGDPL những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm *cụ thể, thiết thực đối với hoạt động giảng dạy của họ*, gồm: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thảo luận nhóm; kỹ năng thuyết phục người khác; kỹ năng phát vấn, đặt câu hỏi, nêu tình huống thực tế hoặc giả định và giải quyết tình huống; kỹ năng tổng hợp các ý kiến từ một cuộc thảo luận, tranh luận và đưa ra kết luận; kỹ năng khơi gợi sự chủ động, tích cực của người học; kỹ năng soạn giáo án điện tử... Các nhà giáo, chuyên gia sư phạm lên lớp phải là những người có đủ năng lực “*cầm tay chỉ việc*” cho CBGDPL của các TG, phải cung cấp được cho đội ngũ này các bài giảng mẫu sinh động, hấp dẫn thực sự để họ có thể áp dụng ngay vào thực tiễn công việc. Đó mới là thứ CBGDPL đang cần, chứ không phải những “*bài giảng lý thuyết về kỹ năng*” chung chung, trừu tượng.

+ Ngoài ra, có thể và cần thiết phải trang bị thêm cho đội ngũ CBGDPL cho PN những kiến thức, hiểu biết cần thiết về một số lĩnh vực khoa học xã hội có tính chất bổ trợ cho chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ này, như giáo dục học, tâm lý học tội phạm, xã hội học pháp luật, xã hội học tội phạm.v.v. Thời gian một đợt bồi dưỡng có thể từ 5 - 7 ngày tùy thuộc vào số lượng các chuyên đề, kỹ năng cần bồi dưỡng. Lớp bồi dưỡng cũng phải mời được giảng viên là những nhà sư phạm, giáo dục có uy tín, kinh nghiệm. Các CBGDPL cho PN được cử đi học tập, bồi dưỡng phải tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc; Ban quản lý lớp học phối hợp với giảng viên, cơ sở đào tạo tổ chức cho họ thực hành các phương pháp sư phạm, kỹ năng được học và cấp chứng chỉ.

- *Về phía đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL cho PN*, mỗi CBGDPL cần có tinh thần, ý thức trách nhiệm cao khi tham gia các lớp tập huấn chuyên đề pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm xuất phát từ nhu cầu, động lực nội tâm của bản thân mong muốn nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật thực sự, phấn đấu lĩnh hội được các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; chứ không phải tham gia theo kiểu đối phó, mà là vì lợi ích của chính mình và để làm công tác giảng dạy pháp luật cho PN tốt hơn. Trên cơ sở đó, đội ngũ CBGDPL cho PN trong các trại giam *phải thực sự có thái độ nghiêm túc, cầu thị, học hỏi* trong quá trình tham gia lớp tập



huấn chuyên đề pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Mặt khác, mỗi CBGDPL còn *cần phải thường xuyên tự tìm hiểu, cập nhật thông tin về các chính sách, văn bản pháp luật mới*, nhất là những văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực thi hành án hình sự; *tự trau dồi, rèn luyện những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy* sao cho thành thực, hấp dẫn, lôi cuốn được người nghe.

Đội ngũ CBGDPL cho PN trong các TG phải ghi nhớ rằng, tham dự nghiêm túc, đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ, được nghe truyền đạt những kiến thức pháp luật mới, các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy khoa học, hiện đại *mới chỉ giải quyết được phần ngọn* của vấn đề; còn *cái gốc rễ* của vấn đề nằm ở chính sự nỗ lực rèn luyện, phấn đấu trau dồi chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của từng người.

- Ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, đội ngũ CBGDPL cho PN còn phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh Công an nhân dân; có văn hóa ứng xử phù hợp với PN. CBGDPL phải yêu nghề, có tấm lòng bao dung, nhân ái, độ lượng, hết mình vì công việc được giao, vì sự nghiệp giáo dục, cảm hóa phạm nhân - những người một thời lầm lỡ, đưa họ trở lại với con đường lương thiện, trở thành người có ích cho xã hội. Nếu người CBGDPL cho PN thiếu những phẩm chất đó thì khó có thể khiến PN “tâm phục, khẩu phục” và mục tiêu GDPL cho PN cũng khó hiện thực hóa.

#### ***4.2.2.3. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nội dung trong chương trình giáo dục pháp luật, đổi mới phương pháp, đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân***

Nội dung, phương pháp và hình thức GDPL là những thành tố cơ bản của hoạt động GDPL cho PN trong các TG; bởi vậy, việc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung GDPL, cải tiến, đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức GDPL cho PN cũng là một giải pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

##### ***a) Về nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân***

Trước tiên, trong quá trình lên lớp giảng bài, CBGDPL cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung GDPL cho PN vì những nội dung đó đã được quy định trong các văn bản QPPL và đã được Bộ Công an, Tổng cục VIII cụ thể hóa thông qua

việc ban hành Chương trình khung, biên soạn tài liệu, sách phục vụ hoạt động dạy và học. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là CBGDPL truyền đạt các nội dung pháp luật cho PN một cách rập khuôn, máy móc; mà *phải có sự linh hoạt, sáng tạo* tùy theo từng nội dung bài học cụ thể. Kết hợp với những nội dung trong sách, tài liệu, CBGDPL phải chủ động mở rộng phạm vi kiến thức ra bên ngoài sách vở; gắn kết, liên hệ những nội dung đó với thực tiễn đời sống pháp luật ngoài xã hội cũng như trong chính TG để các PN hiểu nội dung bài học pháp luật sâu hơn.

Ngoài những nội dung GDPL cho PN có tính chất “quy định cứng”, tùy theo tỷ lệ thống kê các nhóm tội danh mà PN đang chấp hành án phạt tù đã phạm phải, phụ thuộc vào tình hình tái phạm, tái phạm nguy hiểm, CBGDPL có thể chủ động đề xuất với Ban Giám thị TG xây dựng thêm những chuyên đề GDPL có tính chất hẹp, chuyên sâu, chuyên biệt hơn để giảng dạy cho PN nhằm ngăn ngừa diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm ở từng khu vực có thể tác động tiêu cực tới PN sau khi họ ra trại, khiến họ có thể tái phạm.

*b) Về phương pháp giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Trong thời gian tới, đội ngũ CBGDPL phải cải tiến, đổi mới mạnh mẽ phương pháp GDPL cho PN theo hướng và đáp ứng các yêu cầu sau:

**Một là**, nhanh chóng giảm thiểu, khắc phục tình trạng giảng dạy pháp luật cho PN theo phương pháp độc thoại, truyền đạt lý thuyết đơn thuần vì phương pháp này thường mang tính thụ động một chiều, dễ gây tâm lý căng cứng, gò bó cho PN, khiến họ khó tiếp thu bài giảng; tăng cường hơn nữa sự liên hệ, vận dụng thực tiễn đời sống pháp luật ngoài xã hội, trong chính TG vào nội dung bài giảng, tạo sự sinh động, hấp dẫn, kích hoạt tư duy của các đối tượng PN; giúp ghi nhớ, khắc sâu kiến thức pháp luật vào trí nhớ của họ.

**Hai là**, CBGDPL cần sử dụng tổng hợp, linh hoạt nhiều phương pháp GDPL trong cùng một bài giảng phù hợp với từng nội dung pháp luật cụ thể. Trong quá trình GDPL cho PN, CBGDPL không nên chỉ sử dụng một phương pháp duy nhất, mà phải kết hợp chặt chẽ nhiều phương pháp với nhau để giải quyết nội dung pháp luật cần truyền đạt. Đối với mỗi nội dung pháp luật lại phải lựa chọn và sử dụng một phương pháp chủ đạo trong sự kết hợp với các phương pháp khác có vai trò hỗ trợ cho phương pháp chủ đạo. Vấn đề ở đây là phải xác định và sử dụng đúng đắn,

hợp lý các phương pháp GDPL thì công tác GDPL cho PN mới có thể đạt được hiệu quả cao.

**Ba là**, trong quá trình GDPL cho PN, CBGDPL không được quá thiên về thuyết trình, mà chỉ nên giới thiệu tóm tắt những nội dung chính của bài học; sau đó, CBGDPL đặt các câu hỏi, gợi mở những vấn đề, sự kiện, tình huống pháp lý có tính chất tranh luận và dành nhiều thời gian để các PN cùng thảo luận, phát biểu ý kiến. Trong quá trình đó, CBGDPL chủ yếu giữ vai trò trọng tài, đưa ra ý kiến kết luận về những tình huống tranh luận... Tạo ra được những giờ học, thảo luận sôi nổi, hấp dẫn, lôi cuốn PN tham gia xây dựng bài học pháp luật mà người CBGDPL chỉ đóng vai trò định hướng, nêu vấn đề, làm trọng tài phân định các luồng ý kiến và đưa ra kết luận cuối cùng cũng có nghĩa là chúng ta cải tiến, đổi mới phương pháp GDPL cho PN theo phương châm khoa học, hiện đại “*lấy người học - PN - làm trung tâm*”. Những biện pháp cải tiến, đổi mới phương pháp này có tác dụng kích thích sự hứng thú, tăng cường tính tích cực, chủ động trong hoạt động nhận thức của PN.

**Bốn là**, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin phục vụ có hiệu quả công tác GDPL cho PN. Để hỗ trợ tích cực cho việc cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, mỗi CBGDPL cần đầu tư thời gian, công sức soạn giáo án điện tử PowerPoint; trong đó có cài đặt linh hoạt âm thanh, hình ảnh, các đoạn videoclip phù hợp với mỗi nội dung bài giảng pháp luật để trình chiếu trong giờ giảng, tạo sự sinh động, hấp dẫn của bài học và có sức thu hút PN.

**Năm là**, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập pháp luật của PN trong TG. Lâu nay, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập pháp luật của PN còn hình thức, chưa kích thích được sự hăng hái, nỗ lực học tập của PN. Trong thời gian tới các TG cần cải tiến công tác này theo hướng:

- *Vấn giữ và thực hiện hình thức viết thu hoạch* kết quả học tập pháp luật nhưng chỉ áp dụng đối với nội dung chương trình dành cho PN mới đến TG chấp hành án phạt tù và PN sắp chấp hành xong án phạt tù. Thiết kế lại mẫu viết thu hoạch, trong đó dành dung lượng nhiều hơn cho phần nội dung được học và nhận thức sau khi học tập pháp luật.

- Đối với nội dung GDPL dành cho PN đang chấp hành án phạt tù trong các TG, do nhiều nội dung và thời lượng học tập nhiều hơn nên phải *tổ chức cho PN*

*làm bài kiểm tra tại lớp*, ra đề mở (cho phép sử dụng tài liệu), thời gian từ 90 đến 120 phút tùy theo yêu cầu của đề bài. Sau khi PN làm bài, CBGDPL phải tổ chức chấm bài, cho điểm, thông báo công khai kết quả điểm cho PN biết. Kết quả học tập sẽ được tính làm căn cứ để đánh giá, xếp loại PN, để xét giảm thời hạn chấp hành án hoặc đặc xá đối với những người đạt kết quả cao trong học tập; đối với những PN có kết quả học tập thấp có thể phải kiểm tra lại hoặc yêu cầu học lại. Việc học tập pháp luật gắn với những lợi ích cụ thể, thiết thực, có khen thưởng - kỷ luật nghiêm minh sẽ là động lực thúc đẩy PN hăng hái, tích cực, nỗ lực hơn trong quá trình học tập pháp luật.

*c) Về hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân*

Hình thức GDPL cho PN trong các TG được sử dụng phổ biến và có tính bắt buộc lâu nay là học tập trung trên hội trường hoặc nhà học tập. Ngoài việc tập trung tối đa cơ sở vật chất, nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hình thức này, các TG cần *tiếp tục đa dạng hóa* các hình thức GDPL khác phù hợp với điều kiện của từng TG.

- *Tăng cường cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho PN* trong TG thông qua việc củng cố, nâng cấp thư viện, tủ sách pháp luật dành cho PN, trang bị thêm nhiều sách, báo, tạp chí chuyên ngành luật; các loại tài liệu pháp luật nói chung, liên quan đến thi hành án hình sự nói riêng; giáo trình, tập bài giảng theo nội dung chương trình GDPL dành cho PN; cho PN đọc tại chỗ hoặc mượn đem về buồng giam để đọc thêm.

- *Tiếp tục phát huy hiệu quả của hình thức niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại/phân trại, ở buồng giam PN* với nội dung chính gồm quy chế TG, nội quy buồng giam, chế độ, chính sách, quy định pháp luật mới đối với PN. Thông tin được niêm yết phải cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu đối với PN.

- *Nâng cao chất lượng, hiệu quả của hình thức GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua hệ thống loa truyền thanh đã được lắp đặt khá đồng bộ trong TG*; bởi lẽ hình thức này có ưu thế đưa thông tin pháp luật đến với PN một cách nhanh chóng, kịp thời và rộng rãi và có thể lặp đi lặp lại nhiều lần theo phương châm “mưa dầm thấm lâu”. Các TG cần xây dựng băng ghi âm, ghi hình phục vụ hình thức này một cách hiệu quả, truyền tải thông tin, kiến thức pháp luật đến với PN thông qua tiếng nói, hình ảnh.

- *Định kỳ hàng năm hoặc hai năm một lần tổ chức cho PN thi tìm hiểu pháp luật về thi hành án hình sự, tìm hiểu chính sách của Nhà nước đối với PN và các nội dung pháp luật đã được học. TG cần thành lập Ban Tổ chức cuộc thi, chấm bài, tổng kết và trao giải thưởng cho những PN đạt kết quả cao; qua đó, giúp họ nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật.*

- *Tăng cường lồng ghép nội dung GDPL vào chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội của PN, đặc biệt là tổ chức *sân khấu hóa* nội dung GDPL thông qua việc dàn dựng các tiểu phẩm sân khấu, kịch nói... Nếu có điều kiện, TG tổ chức hoạt động giao lưu, mời được những người đã từng học tập, cải tạo trong trại, đã trở về hòa nhập cộng đồng và nay trở thành doanh nhân thành đạt, có thành tích cao trong hoạt động xã hội đến nói chuyện, trao đổi với PN trong trại.*

#### **4.2.3. Nhóm giải pháp bảo đảm tác động tới phạm nhân trong các trại giam - đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật**

Trong hoạt động GDPL, chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL là “*đối tác*” của nhau: chủ thể GDPL chủ động cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật cho đối tượng với hiệu suất, hiệu quả tối đa; đối tượng tích cực tiếp nhận, lĩnh hội thông tin, kiến thức pháp luật nhiều nhất có thể và biến chúng thành tri thức pháp luật của mình. Bởi vậy, chất lượng, hiệu quả GDPL chỉ thực sự được nâng cao khi có được *sự hợp tác đầy đủ* từ cả hai phía. Đối với công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam hiện nay, *tất cả giải pháp, biện pháp cụ thể nêu ở các phần trên sẽ trở nên vô nghĩa nếu thiếu đi sự hợp tác chủ động, tích cực từ phía PN*. Vì lẽ đó, nhóm giải pháp bảo đảm tác động tới PN trong các TG với tư cách đối tượng tiếp nhận GDPL là nhóm giải pháp không thể thiếu, tạo nên sự đồng bộ và tính khả thi của các giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho PN trong các TG ở nước ta hiện nay.

##### **4.2.3.1. Phát huy vai trò của Ban tự quản phạm nhân trong việc động viên, giúp đỡ phạm nhân tham gia học tập pháp luật**

Hiện nay, tại tất cả các TG thuộc Bộ Công an đều đã thành lập *Ban tự quản PN* theo quy định tại Điều 26 Quy chế trại giam (*Ban hành kèm theo Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ*):

Trong từng phân trại của trại giam có Ban tự quản của phạm nhân. Ban tự quản do hội nghị hàng năm của phạm nhân bầu và được Giám thị trại giam ra quyết định công nhận. Ban tự quản có trách nhiệm giúp Giám thị trại giam giữ gìn trật tự, vệ sinh, nội quy, nếp sống văn hóa trong trại giam và trong từng nhà giam, buồng giam, đề đạt kiến nghị, yêu cầu, nguyện vọng của phạm nhân với Giám thị trại giam và phải chịu sự theo dõi, quản lý của Giám thị trại giam [15].

Hiện tại, Nghị định số 113/2008/NĐ-CP đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15/12/2011 *Quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân*. Mặc dù trong Nghị định 117/2011/NĐ-CP không còn quy định về việc thành lập Ban tự quản PN, song do nhu cầu quản lý PN và hiệu quả thiết thực của Ban tự quản PN nên các TG vẫn giữ mô hình này.

Ban tự quản PN ở các TG được thành lập thông qua Hội nghị PN toàn trại hoặc phân trại bầu ra và được Giám thị TG ra quyết định công nhận. Ban tự quản PN gồm có Trưởng ban, Phó trưởng ban, các thành viên là Đội trưởng các đội PN và trưởng các tiểu ban, như Tiểu ban bảo vệ, Tiểu ban học tập, văn hóa, Tiểu ban lao động sản xuất và Tiểu ban đời sống. Việc lựa chọn, bầu và thành lập Ban tự quản PN được thực hiện theo quy trình, thủ tục chặt chẽ, dựa trên nguyên tắc công khai, dân chủ. Các thành viên Ban tự quản PN phải là những PN có quá trình học tập pháp luật đạt kết quả cao, có quá trình cải tạo thực sự tiến bộ, có đủ các điều kiện về đạo đức, tác phong gương mẫu, có uy tín, được các PN khác tôn trọng và có năng lực tổ chức, quản lý nhằm giúp Giám thị, cán bộ TG duy trì trật tự, kỷ cương TG, động viên PN phấn đấu học tập, cải tạo tốt để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, cộng đồng xã hội.

Trong hoạt động GDPL cho PN, Ban tự quản PN, nhất là *Tiểu ban học tập, văn hóa* cần phát huy vai trò tích cực, là cầu nối giữa PN với Ban Giám thị, CBGDPL của TG, phản ánh kịp thời tâm tư, tình cảm, khả năng học tập, tiếp thu kiến thức pháp luật của PN với Giám thị, Hội đồng giáo dục, CBGDPL để kịp thời đề ra phương hướng, biện pháp tháo gỡ khó khăn, động viên, giúp đỡ những PN yếu kém trong học tập. Bản thân mỗi thành viên của Ban tự quản PN phải cố gắng, nỗ lực hơn trong học tập pháp luật để làm gương cho những PN khác noi theo, phân

công nhau động viên, giúp đỡ những PN gặp khó khăn trong học tập theo mô hình “*một PN tiếp thu nhanh kèm cặp một PN tiếp thu chậm*”; phối hợp với CBGDPL, cán bộ quản giáo tổ chức các giờ thảo luận một cách hiệu quả. Rõ ràng, nếu phát huy tốt vai trò của Ban tự quản PN trong việc động viên, giúp đỡ PN trong tham gia học tập pháp luật thì hiệu quả học tập pháp luật của từng PN sẽ được nâng lên.

#### ***4.2.3.2. Nâng cao ý thức tự giác, chủ động, tích cực của phạm nhân trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục pháp luật***

Bản thân mỗi PN cần nhận thức được rằng, việc TG tổ chức hoạt động GDPL, giáo dục công dân cho PN trong các TG là sự thể hiện chính sách nhân đạo, nhân văn của Đảng, Nhà nước đối với PN, phục vụ trực tiếp cho việc hiện thực hóa mục đích của hình phạt: không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Bởi vậy, việc TG, CBGDPL tổ chức cho PN học tập pháp luật *hoàn toàn không phải là hoạt động cưỡng bức* PN, mà là PN *được giáo dục pháp luật*, có cơ hội học tập, cải tạo tốt để có thể sớm trở về đoàn tụ với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng xã hội.

Từ sự nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập pháp luật đối với bản thân, mỗi PN phải tự xác định rõ ràng cho mình mục tiêu của việc học tập pháp luật: học tập pháp luật phải xuất phát từ mục đích tự thân, vì chính mình, “*học được thì ám vào thân*”. Mục tiêu cụ thể mà mỗi PN cần xác định là: học để hiểu biết pháp luật; học để làm theo đúng quy định pháp luật; học để cùng chung sống và học cách sống chung với những người xung quanh; học để tự khẳng định năng lực của chính mình, để lập thân, lập nghiệp, làm lại cuộc đời sau khi chấp hành xong án phạt tù, trở thành người có ích cho xã hội. Khi đã xác định rõ mục tiêu của việc học tập pháp luật rồi, mỗi PN phải kiên quyết gạt bỏ tâm lý tự ti, mặc cảm, nâng cao ý thức tự giác học tập; chủ động, tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài học; mạnh dạn trả lời những câu hỏi, tình huống mà CBGDPL đặt ra trên tinh thần không sợ sai, sai thì đã có cán bộ sửa cho mình, đúng thì được cán bộ khen ngợi, được các PN khác nể phục, tôn trọng. Ngoài giờ lên lớp học tập trung, PN phải dành thời gian tự đọc lại sách, tài liệu, xem lại bài học, làm bài tập được giao, suy ngẫm về những câu hỏi, tình huống được nêu trong bài học và tích cực tham gia các hình thức GDPL khác.

Về phía các TG, cần tạo dựng cho PN một môi trường sống, lao động, học tập, sinh hoạt, rèn luyện thuận lợi, bảo đảm quyền con người của mỗi PN để họ yên tâm học tập, cải tạo:

- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo yêu cầu “*xanh, sạch, đẹp*”, chủ động, tích cực tổ chức cho PN thực hiện khẩu hiệu “*Nếp sống kỷ cương, trật tự, văn minh*” và “*Trật tự, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm*”; tổ chức các phong trào thi đua cải tạo, học tập, rèn luyện, như “*Vì môi trường trong sạch, vì sức khỏe cộng đồng*”, “*Không hút thuốc lá, thuốc lào trong buồng giam và nơi công cộng trong trại giam*”...; thực hiện nghiêm túc Quy định về văn hóa ứng xử giữa cán bộ, chiến sĩ với PN và thân nhân PN [82].

- Chăm lo nơi ở bảo đảm đủ ánh sáng, không khí, xây dựng môi trường sống trong lành, sạch sẽ trong TG;

- Bảo đảm khẩu phần ăn đủ định lượng, đáp ứng dinh dưỡng, nước uống sạch, hợp vệ sinh và an toàn thực phẩm theo quy định; thường xuyên thay đổi thực đơn để PN được ăn ngon miệng và ăn hết tiêu chuẩn;

- Cấp phát, trang bị đầy đủ quần áo mặc và đồ dùng sinh hoạt bảo đảm sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông và phù hợp với đặc điểm tình hình khí hậu, thời tiết ở từng khu vực, địa bàn nơi TG đứng chân.

- Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc y tế, khám chữa bệnh cho PN thông qua việc tăng cường đội ngũ cán bộ y tế, phối hợp với các cơ quan y tế địa phương trong việc khám, chữa bệnh cho PN bị bệnh nặng, hiểm nghèo;

- Bảo đảm thực hiện đúng quy định việc PN được gặp thân nhân, nhận, gửi thư; nhận tiền, quà và liên lạc điện thoại với thân nhân. Việc thường xuyên được thăm gặp, giữ mối liên hệ với thân nhân, gia đình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với PN, là nhu cầu chính đáng và là động lực thúc đẩy mạnh mẽ PN lao động, rèn luyện, học tập tốt để nhanh chóng được trở về đoàn tụ với gia đình. Một thống kê cho thấy: trong số những PN phải ly hôn trong thời gian chấp hành án phạt tù thì có 24% phạm tội mới; còn trong số những PN vẫn giữ được mối liên hệ bình thường với gia đình, người thân thì tỷ lệ phạm tội mới chỉ có 7% [67, tr.6].

#### ***4.2.3.3. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, có chế tài khen thưởng kịp thời, kỷ luật nghiêm minh đối với phạm nhân trong quá trình giáo dục pháp luật***

Hoạt động GDPL cho PN trong các TG là một lĩnh vực hoạt động dành cho đối tượng đặc thù là PN, diễn ra trong một môi trường đặc biệt là môi trường TG -



nơi mà *quan hệ mệnh lệnh - chấp hành* được phục tùng gần như tuyệt đối và dựa trên các quy định nghiêm ngặt của pháp luật. Bên cạnh đó, GDPL cho PN là hoạt động khó khăn, phức tạp bởi PN thuộc nhiều thành phần, có nhiều khác biệt về giới tính, lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, dân tộc, phạm phải những tội khác nhau và có mức án cũng rất khác nhau. Do đó, việc duy trì, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, khen thưởng kịp thời, kỷ luật nghiêm minh đối với PN trong quá trình tham dự hoạt động GDPL là một biện pháp quan trọng nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác này.

*Về phía PN*, mỗi PN phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế tổ chức lớp học do Giám thị TG, CBGDPL đề ra: chuẩn bị bài nghiêm túc, chu đáo trước khi đến lớp học; đi học đầy đủ, đúng giờ; có thái độ tôn trọng giảng viên và những PN khác; giữ trật tự trong lớp học, chú ý lắng nghe khi CBGDPL giảng bài, nếu có gì chưa rõ thì xin phép hỏi lại; chủ động, tích cực tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài, trả lời câu hỏi do giảng viên đưa ra; tích cực tham gia thảo luận theo nhóm, tổ, đội; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các bài tập được CBGDPL giao; hăng hái, nhiệt tình tham gia các hình thức GDPL khác do TG tổ chức; tham dự các kỳ thi, kiểm tra môn học nếu TG tổ chức... Việc PN duy trì, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quá trình tham gia học tập pháp luật có tác dụng: *một mặt*, thể hiện thái độ nghiêm túc, ý thức tự giác chấp hành quy chế trại giam, nội quy học tập - một trong những tiêu chuẩn thi đua, xếp loại PN; *mặt khác*, giúp PN có sự tập trung cao nhất vào việc học tập pháp luật nhằm tiếp thu bài giảng một cách hiệu quả.

*Về phía Giám thị TG, CBGDPL*, cần phải xây dựng được chế tài khen thưởng kịp thời, kỷ luật nghiêm minh đối với PN trong quá trình tham dự hoạt động GDPL. Do tính chất phức tạp của thành phần PN trong một TG nên sẽ khó tránh khỏi tình trạng PN này thì chấp hành tốt, PN khác thì vi phạm kỷ luật học tập nên việc đặt ra chế tài khen thưởng - kỷ luật là rất cần thiết. Đối với những PN có ý thức tự giác và chấp hành tốt nội quy học tập, đạt kết quả, thành tích cao trong học tập pháp luật thì cần được biểu dương, khen thưởng kịp thời cả bằng vật chất lẫn tinh thần nhằm động viên, khích lệ chính họ và cổ vũ những PN khác noi theo. Đối với những PN vi phạm kỷ luật học tập thì phải có biện pháp kỷ luật nghiêm minh để chấn chỉnh họ và ngăn ngừa những PN khác vi phạm. Việc khen thưởng - kỷ luật phải công bằng, công khai, thì mới bảo đảm tác dụng nâng cao kết quả học tập pháp luật của PN tại TG.

#### **Kết luận chương 4**

Trên cơ sở các quan điểm có tính chất chỉ đạo, để bảo đảm GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam trong những năm tới cần tập trung thực hiện tốt các nhóm giải pháp sau đây:

1) *Nhóm giải pháp bảo đảm từ phía cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an*, gồm các giải pháp cụ thể sau: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác GDPL cho PN; Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra công tác GDPL cho PN trong các TG; Bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phục vụ công tác GDPL cho PN trong các TG.

2) *Nhóm giải pháp bảo đảm từ phía các cơ quan thi hành án hình sự (các TG) với tư cách chủ thể GDPL cho PN*, tập trung vào các nội dung: Phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Đảng ủy, Ban Giám thị, cán bộ chỉ huy đối với công tác GDPL cho PN; Nâng cao trình độ kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của CBGDPL; Thực hiện nghiêm túc nội dung, đổi mới phương pháp, đa dạng hóa hình thức GDPL cho PN.

3) *Nhóm giải pháp bảo đảm tác động tới PN trong các TG - đối tượng tiếp nhận GDPL*, gồm các giải pháp cụ thể: Phát huy vai trò của Ban tự quản PN trong việc động viên, giúp đỡ PN tham gia học tập pháp luật; Nâng cao ý thức tự giác, chủ động, tích cực của PN trong quá trình tham gia hoạt động GDPL; Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, có chế tài khen thưởng kịp thời, kỷ luật nghiêm minh đối với PN trong quá trình GDPL.

## KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu vấn đề GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam cho phép rút ra một số kết luận sau:

**Thứ nhất**, dựa trên hệ thống các khái niệm cơ bản của khoa học Lý luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật nói chung, lý luận về GDPL nói riêng, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự, Bộ Công an trong công tác GDPL cho PN trong các TG, luận án đã tập trung xây dựng, phân tích, làm rõ cơ sở lý luận của hoạt động GDPL cho phạm nhân trong các TG ở Việt Nam, như khái niệm, vai trò, đặc trưng của GDPL cho PN; các yếu tố cấu thành hoạt động GDPL cho PN, gồm mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho PN. Luận án cũng tập trung làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho phạm nhân trong các TG, gồm các yếu tố chủ quan (ý thức trách nhiệm, năng lực tổ chức, thực hiện của chủ thể GDPL cho PN và trình độ học vấn, khả năng tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của PN) và các yếu tố khách quan (điều kiện kinh tế; môi trường giáo dục, lao động, học tập, sinh hoạt trong TG; chính sách và tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước đối với PN). Trên cơ sở khảo sát, đánh giá chế độ lao động, GDPL, chuẩn bị tài hòa nhập cộng đồng cho tù nhân ở một số nước, khu vực trên thế giới, luận án đã đưa ra những nhận xét và rút ra một số bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể cân nhắc, tham khảo.

**Thứ hai**, từ cơ sở lý luận, luận án đã đi sâu phân tích, đánh giá toàn diện cơ cấu tình hình PN theo các tiêu chí: diễn biến tăng, giảm PN trong các TG, giới tính, lứa tuổi, thành phần dân tộc, nghề nghiệp trước khi phạm tội, trình độ văn hóa/học vấn, trình độ đào tạo nghề - chuyên môn, tội danh và mức án đang chấp hành trong TG. Dựa trên kết quả xử lý các phiếu thu thập ý kiến được phát ra - thu về tại 24 trại giam do Bộ Công an quản lý, đứng chân trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, luận án đã phân tích, đánh giá, chỉ ra những thành công, kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam; làm rõ nguyên nhân của những thành công cũng như hạn chế đó. Từ sự đánh giá cơ cấu tình hình PN và thực trạng công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, luận án đã nhận diện, chỉ rõ một số vấn đề cơ bản, cấp thiết đang được đặt ra trong công tác GDPL cho PN ở Việt Nam hiện nay; lấy đó

làm luận cứ thực tiễn để đề xuất và luận giải các giải pháp khả thi bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này.

**Thứ ba**, luận án đã nêu lên sáu quan điểm có tính chất chỉ đạo công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam: 1) Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về công tác phổ biến, GDPL cho các đối tượng xã hội; 2) Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về GDPL nói chung, GDPL cho PN trong các TG nói riêng; 3) Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong quá trình GDPL cho PN; 4) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy cơ quan quản lý thi hành án hình sự và sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cơ quan thi hành án hình sự; 5) Bảo đảm lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp với đặc điểm tình hình PN trong các TG; 6) Kết hợp chặt chẽ giữa GDPL cho PN với giáo dục công dân, dạy văn hóa và dạy nghề cho PN.

**Thứ tư**, từ các quan điểm có tính chất chỉ đạo, luận án đề xuất, luận chứng tính khả thi của ba nhóm giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho PN trong các TG ở Việt Nam, gồm: 1) Nhóm giải pháp bảo đảm từ phía cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an; 2) Nhóm giải pháp bảo đảm từ phía các cơ quan thi hành án hình sự (các TG) với tư cách chủ thể giáo dục pháp luật cho PN; 3) Nhóm giải pháp bảo đảm tác động tới PN trong các TG - đối tượng tiếp nhận GDPL.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Ngô Văn Trù (2013), “Tăng cường giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (1), tr.79-83.
2. Ngô Văn Trù (2013), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Ngô Văn Trù (2014), “Một số ý kiến qua nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (1), tr.86-89.
4. Ngô Văn Trù (2015), “Vai trò của giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (1), tr.105-108.
5. Ngô Văn Trù (2015), “Xây dựng, hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự về “tạm tha có điều kiện”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (2), tr.51-56.
6. Ngô Văn Trù (2015), “Đặc trưng của hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, (2), tr.70-74.
7. Ngô Văn Trù (2015), “Một số ý kiến về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (2), tr.84-87.
8. Ngô Văn Trù (2015), “Nâng cao trình độ kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam”, *Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục tội phạm*, (16), tr.59-61.
9. Ngô Văn Trù (2015), “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam thuộc Bộ Công an quản lý”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (1), tr.101-104.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### \* Tài liệu tiếng Việt

1. Huỳnh Thị Kim Ánh (2010), *Thi hành án phạt tù có thời hạn - giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành án phạt tù có thời hạn ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) (2003), *Chỉ thị số 32/CT/TW ngày 09/12/2003 Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội, 2003.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) (2011), *Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 Về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*, Hà Nội.
4. Lê Văn Bền (1997), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Mai Ngọc Bích (2013), *Vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên đô thị*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Bộ Công an - Cục V26 (2007), *Hội nghị các cán bộ lãnh đạo quản lý trại giam khu vực Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 27 (APCCA 27)*, Hà Nội.
7. Bộ Công an - Cục V26 (2007), *Tài liệu tổ chức cho phạm nhân học tập*, Hà Nội.
8. Bộ Công an (2009), *Quyết định số 4051/QĐ-BCA ngày 11/12/2009 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp*, Hà Nội.
9. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 35/QĐ-BCA ngày 5/01/2010 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng*, Hà Nội.
10. Bộ Công an (2011), *Thông tư số 40/2011/TT-BCA ngày 27/6/2011 Quy định tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù và xếp loại chấp hành án phạt tù*, Hà Nội.

11. Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT ngày 06/02/2012 Hướng dẫn việc tổ chức dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân, phổ biến thông tin thời sự, chính sách và thực hiện chế độ sinh hoạt, giải trí cho phạm nhân*, Hà Nội.
12. Bộ Công an - Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (2012), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Luật Thi hành án hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Bộ Công an (2013), *Công văn số 148/C81-C86 ngày 30/01/2013 Hướng dẫn việc dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân cho phạm nhân*, Hà Nội.
14. Bộ Công an (2013), *Thông tư số 39/2013/TT-BCA ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về giáo dục và tư vấn cho phạm nhân sắp chấp hành án phạt tù*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2008), *Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 Về việc ban hành Quy chế trại giam*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2009), *Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2011), *Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15/12/2011 Quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân*, Hà Nội.
18. Cục C86 (2012), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác*, Hà Nội.
19. Hồ Quốc Dũng (1997), *Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở nước ta - thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
20. Trần Ngọc Dũng (2010), “Hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật ở Việt Nam nhằm thi hành Hiến chương ASEAN”, *Tạp chí Luật học*, 1(116).
21. Đại Hội đồng Liên Hợp quốc (1999), *Phụ lục Nghị quyết số 45/111 ngày 14/12/1999 Về những nguyên tắc cơ bản cho việc đối xử với tù nhân*, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 53, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng ủy Tổng cục VIII (2012), *Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 26/3/2012 của Đảng ủy Tổng cục VIII Về tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục phạm nhân, trại viên, học sinh giai đoạn 2012 - 2016*, Hà Nội.
31. Đảng ủy Tổng cục VIII (2013), *Thông báo kết luận số 302/KL-ĐU(C86UBKT) của Đảng ủy Tổng cục VIII kiểm tra việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 26/3/2012 của Đảng ủy Tổng cục VIII về tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục phạm nhân, trại viên, học sinh giai đoạn 2012 - 2016 đối với Đảng bộ cơ sở Trại giam Kênh 7*, Hà Nội.
32. Lưu Đức Đạo, Thạch Tinh Thắm (1986), *Giáo trình tu dưỡng nhân tài*, Nxb Nhân dân Hà Nam, Trung Quốc (người dịch: Bùi Đức Thiệp).
33. Lê Văn Đạo (dịch và tổng hợp) (2014), “Một số sáng kiến huy động sự tham gia và liên lạc với cộng đồng của Cục Trại giam Hồng Kông”, *Tham luận tại Hội nghị các cán bộ lãnh đạo quản lý trại giam khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APCCA)*, 2011, Tokyo, Nhật Bản.
34. Trần Ngọc Đường (1990), *Giáo dục pháp luật cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.



35. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Cù Lập Hạc, Trịnh Thế Hưng (chủ biên) (1978), *Nguyên lý giáo dục*, Công ty sách Vĩ Văn, Đài Loan (tiếng Trung).
37. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
38. Nguyễn Ngọc Hoàng (2000), *Đổi mới giáo dục pháp luật hệ đào tạo trung học chính trị ở nước ta hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
39. Học viện Cảnh sát nhân dân, Khoa Giáo dục - cải tạo phạm nhân (2009), *Giáo trình tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân* (Lưu hành nội bộ), Hà Nội.
40. Lương Vị Hùng, Khổng Khang Hoa (chủ biên) (1997), *Triết lý giáo dục hiện đại*, Nxb Giáo dục Cao đẳng Quảng Đông, Trung Quốc (Người dịch: Bùi Đức Thiệp).
41. Nguyễn Văn Hùng (2011), *Hoạt động tái hòa nhập cộng đồng tại trại giam trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
42. Trần Minh Hường (chủ biên) (2011), *Bình luận khoa học Luật thi hành án hình sự và các quy định mới nhất về thi hành án hình sự 2011*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
43. Lê Đình Khiên (2002), *Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
44. Khoa Nhà nước và Pháp luật (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 1999), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường Chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
45. Cù Bảo Khôi (1989), *Mục đích giáo dục*, Nxb Giáo dục nhân dân, Trung Quốc (tiếng Trung, người dịch: Bùi Đức Thiệp).
46. Không rõ tên (2000), *Cuộc sống bên trong nhà tù khét tiếng nhất Brazil*, tại trang [http:// www.anninhthudo.vn/kham-pha/cuoc-song-ben-trong-nha-tu-khet-tieng-nhat-brazil/594213.antd](http://www.anninhthudo.vn/kham-pha/cuoc-song-ben-trong-nha-tu-khet-tieng-nhat-brazil/594213.antd), [truy cập ngày 04/02/2015].

47. Không rõ tên (2000), *Giám án tù bằng cách đọc sách*, tại trang <http://vtv.vn/doi-song/giam-an-tu-bang-cach-doc-sach-64747.htm>, [truy cập ngày 04/02/2015].
48. Nguyễn Duy Lãm (chủ biên) (1996), *Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
49. Nguyễn Duy Lãm (chủ biên) (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
50. Điền Bồi Lâm (chủ biên) (1985), *Lý luận mới của giáo dục học*, Nxb Cảnh văn, Đài Loan (tiếng Trung, người dịch: Bùi Đức Thiệp).
51. Nguyễn Đình Lộc (1987), *Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Luật học.
52. Trần Công Lý (2009), *Giáo dục ý thức pháp luật cho cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
53. Dương Thanh Mai (1992), “Về giáo dục pháp luật trong sự nghiệp nâng cao dân trí hiện nay ở Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục và Đào tạo thường xuyên*, (1).
54. Dương Thanh Mai (1994), “Một vài suy nghĩ về đổi mới giáo dục pháp luật trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý kinh tế bằng pháp luật”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (3).
55. Dương Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp (bằng thực tiễn của tòa án và luật sư)*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
56. Ngô Văn Nhân (2011), *Tác động của dư luận xã hội đối với ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
57. Ngô Văn Nhân (2012), “Giáo dục pháp luật hay giáo dục ý thức pháp luật?”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 12(295).
58. Ngô Văn Nhân (2012), *Xã hội học pháp luật (tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa, bổ sung)*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
59. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
60. Quách Vi Phiên (1983), *Lý luận và thực tế giáo dục hiện đại*, Công ty xuất bản sách Ngũ Nam, Đài Loan (tiếng Trung, người dịch: Bùi Đức Thiệp).

61. Quốc hội (2000), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
62. Quốc hội (2004), *Bộ luật Tổ tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
63. Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Quốc hội (2010), *Luật Thi hành án hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
65. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
66. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
67. Hồ Sỹ Sơn (2009), “Hình phạt tù và vấn đề tái hòa nhập cộng đồng ở Việt Nam hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Pháp luật và thực tiễn về tái hòa nhập xã hội của những người mãn hạn tù ở Việt Nam và Na Uy*”, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
68. Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
69. Nguyễn Quốc Sửu (2011), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
70. Xuân Thanh (2012), *Khai giảng lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý trại giam và cải tạo phạm nhân cho cán bộ Bộ An ninh Lào*, tại trang <http://www.ppa.edu.vn/vn/Acedemy/Giao-duc-Dao-tao/48/3466/>, [truy cập 06/022015].
71. Lê Tiến Thịnh (2014), *Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án - qua thực tiễn tỉnh Thanh Hoá*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
72. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg ngày 07/01/1998 Về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.

73. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003 đến năm 2007*, Hà Nội.
74. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 Phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012*, Hà Nội.
75. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 9/4/2012 Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*, Hà Nội.
76. Nguyễn Thu Thủy (2006), “Chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá”, *Tạp chí Luật học*, 5(72).
77. Hồ Việt Tiệp (2000), “Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình mới”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (9).
78. Nguyễn Thị Tĩnh (2013), “Giáo dục pháp luật trong hoạt động thu thập chứng cứ tại tòa án”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (4).
79. Trần Đức Toàn (2013), *Phổ biến, giáo dục pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
80. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (Bộ Công an), Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo) (2008), Tài liệu “*Giáo dục công dân*” dành cho phạm nhân trong các trại giam, 03 tập, Hà Nội.
81. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (2014), *Chương trình khung về giáo dục cải tạo phạm nhân*, Hà Nội.
82. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (2014), *Quyết định số 2536/QĐ-C81-C86 ngày 26/9/2014 Quy định về văn hóa ứng xử giữa cán bộ, chiến sĩ với phạm nhân và thân nhân phạm nhân*, Hà Nội.
83. Tổng cục VIII - Cục C86, Đỗ Tá Hảo (2012), *Báo cáo Đề dẫn Hội thảo Đánh giá kết quả việc tổ chức giáo dục công dân cho phạm nhân trong các trại giam và thực hiện Kế hoạch 9330/KHPH*, Hà Nội.

84. Tổng cục VIII - Cục C86 (2014), *Báo cáo tổng kết 30 năm đổi mới công tác giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng*, Hà Nội.
85. Trần Văn Trầm (2002), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bình Định - thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
86. Bùi Thị Diễm Trang (2010), *Hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật đối với đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tiến trình hội nhập phát triển của đất nước*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
87. Vân Trang (2000), *Sự thật khủng khiếp về ngành kinh doanh trại giam tư nhân ở Mỹ*, tại trang <http://www.tinmoi.vn/su-that-khung-khiep-ve-nganh-kinh-doanh-trai-giam-tu-nhan-o-my-011280080.html>, [truy cập ngày 04/02/2015].
88. Ngô Văn Trù (2013), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
89. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
90. Trường Đại học Luật Hà Nội (Ngô Văn Nhân chủ biên) (2010), *Tập bài giảng xã hội học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
91. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật (Tái bản lần thứ 3 có sửa đổi)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
92. Nguyễn Thanh Tùng (2011), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào công giáo ở tỉnh Đồng Nai hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
93. Đào Trí Úc (chủ nhiệm) (1995), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX-07-17, Hà Nội.
94. Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý (Bộ Tư pháp) (1998), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số 92-98-223, Hà Nội.
95. Viện Nhà nước và Pháp luật (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) (1995), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX-07-17, Hà Nội.
96. Vụ Phổ biến Pháp luật - Bộ Tư pháp (1997), *Một số vấn đề về giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

**\* Tài liệu tiếng nước ngoài**

97. G. Hawkins (1983), *Prison Labor and Prison Industries, Lao động nhà tù và công nghiệp nhà tù*, The University of Chicago Press, USA.
98. G. Rusche - G. Dinwiddie (1978), *Labor Market and Penal Sention - Thoughts on the Sociology of Criminal Justice, Thị trường lao động và các hình phạt - suy nghĩ từ góc độ xã hội học về tư pháp hình sự*, Social Justice/Global Options, USA.
99. N. I. Matuzova, A. V. Maluko (2001), *Теория государства и права, Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, /Под. редакцией Матузова Н. И., Малыко А.В./, изд. Юъийтъ, Москва.
100. В. О. Миронов (2012), *Преступления, совершаемые в исправительных учреждениях, и их предупреждение, Tội phạm xảy ra trong các trại cải tạo và việc phòng chống*, Диссертация кандидата юридических наук, Ростов-на-Дону.
101. Н. И. Брезгин (2004), *Управление исправительными учреждениями со сложной оперативной обстановкой, Quản lý các cơ sở giam giữ trong bối cảnh có biến động phức tạp*, Рязань, Академия права и управления Минюста России.
102. Л. Б. Смирнов (2003), *Уголовно-исполнительная политика в сфере совершенствования правового регулирования исполнения уголовных наказаний, Chính sách pháp luật hình sự trong lĩnh vực hoàn thiện các quy định pháp luật về thi hành các hình phạt hình sự*, Диссертация кандидата юридических наук, Санкт-Петербургский университет.

## PHỤ LỤC

### **PHỤ LỤC 1 : CƠ CẤU TÌNH HÌNH PHẠM NHÂN**

- Phụ lục 1a : Số liệu phạm nhân từ năm 2005 - 2014 (tăng)
- Phụ lục 1b : Số liệu phạm nhân từ năm 2005 - 2014 (giảm)
- Phụ lục 1c : Cơ cấu giới tính của phạm nhân
- Phụ lục 1d : Cơ cấu lứa tuổi của phạm nhân
- Phụ lục 1e : Cơ cấu thành phần dân tộc của phạm nhân
- Phụ lục 1f : Cơ cấu nghề nghiệp trước khi phạm tội
- Phụ lục 1g : Cơ cấu trình độ văn hóa của phạm nhân
- Phụ lục 1h : Cơ cấu đào tạo chuyên môn - nghề của phạm nhân
- Phụ lục 1i : Cơ cấu theo các tội danh của phạm nhân
- Phụ lục 1k : Cơ cấu theo mức án phạm nhân phải chấp hành

### **PHỤ LỤC 2 : CÁC BẢNG SỐ LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG, CHỈ DẪN TRONG LUẬN ÁN**

- Phụ lục 2a : Về xác định mục tiêu GDPL cho PN (CB trả lời)
- Phụ lục 2b : Về xác định mục tiêu GDPL cho PN (PN trả lời)
- Phụ lục 2c : CBGDPL được trang bị kiến thức pháp luật
- Phụ lục 2d : Thời điểm CBGDPL được trang bị kiến thức pháp luật
- Phụ lục 2đ : Trình độ kiến thức pháp luật của CBGDPL
- Phụ lục 2e : CBGDPL đánh giá vai trò của kiến thức pháp luật với PN
- Phụ lục 2f : PN trả lời về việc có được tổ chức học tập pháp luật không
- Phụ lục 2g : Tiêu chí tổ chức GDPL cho PN
- Phụ lục 2h : Nội dung GDPL cho PN trong các TG
- Phụ lục 2i : Phương pháp GDPL cho PN trong các TG
- Phụ lục 2k : Hình thức GDPL cho PN trong các TG
- Phụ lục 2l : Cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho PN
- Phụ lục 2m : Đánh giá chung về kết quả GDPL đáp ứng yêu cầu của PN
- Phụ lục 2n : Đánh giá chung về kết quả GDPL đáp ứng yêu cầu của PN
- Phụ lục 2o : Lý do PN đánh giá đáp ứng ở mức độ “tốt” và “khá”
- Phụ lục 2ô : Nguyên nhân đưa đến những thành công, kết quả đạt được
- Phụ lục 2ơ : Sự quan tâm của Tổng cục VIII đối với GDPL cho PN
- Phụ lục 2p : Hình thức/hệ đào tạo mà CBGDPL tham gia
- Phụ lục 2q : Sự cần thiết phải phân loại PN trước khi tổ chức GDPL
- Phụ lục 2r : Phân bố số tiết trong Bộ tài liệu “Giáo dục công dân”
- Phụ lục 2s : Sự không đồng đều về cơ sở vật chất phục vụ GDPL
- Phụ lục 2t : Nguyên nhân của các hạn chế trong GDPL cho PN
- Phụ lục 2u : Những lợi ích cụ thể mà công tác GDPL mang lại cho PN

### **PHỤ LỤC 3 : MẪU PHIẾU VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XHH**

- Phụ lục 3a : Phiếu thu thập ý kiến (dành cho CBGDPL)
- Phụ lục 3b : Kết quả xử lý phiếu thu thập ý kiến (CBGDPL)
- Phụ lục 3c : Phiếu thu thập ý kiến (dành cho phạm nhân)
- Phụ lục 3d : Kết quả xử lý Phiếu thu thập ý kiến (phạm nhân)

**PHỤ LỤC 1**  
**CƠ CẦU TÌNH HÌNH PHẠM NHÂN**

**Phụ lục 1a**

**SỐ LIỆU PHẠM NHÂN TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2014**

*Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	Diễn biến tăng qua các năm										Tổng số tăng		
		Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tổng số	Nam	Nữ
1	Kênh 7	1108	1216	1549	1195	1144	984	851	879	1208	957	<b>11091</b>	11091	0
2	Phú Sơn 4	2352	1288	1145	1073	1584	1268	978	1631	1981	2120	<b>15420</b>	12130	3290
3	Vĩnh Quang	1390	616	553	541	587	976	868	840	766	1097	<b>8234</b>	8234	0
4	Mỹ Phước	0	675	749	719	726	747	675	925	1255	1055	<b>7526</b>	7051	475
5	Đại Bình	589	687	835	727	598	471	678	497	563	543	<b>6188</b>	6052	136
6	Thủ Đức	2156	2176	3469	2621	3528	2868	2497	3645	3493	3584	<b>30037</b>	25465	4572
7	Tân Lập	1655	660	905	750	1647	1331	811	1018	1004	1401	<b>11182</b>	11182	0
8	Xuyên Mộc	528	928	790	746	932	818	901	1107	1040	877	<b>8667</b>	8667	0
9	Xuân Hà	0	0	0	0	0	433	625	726	698	663	<b>3145</b>	3145	0
10	Đắc Tân	0	0	0	0	0	0	946	924	1137	858	<b>3865</b>	3865	0
11	Thạnh Hoà	667	501	858	1601	989	1184	1077	1256	1561	1642	<b>19849</b>	19849	0
12	Quyết Tiến	830	845	886	931	877	983	1074	1500	1635	1835	<b>11396</b>	11396	0
13	Thanh Xuân	761	994	589	333	601	444	588	1221	723	811	<b>7065</b>	4994	2071



TT	Trại giam	Diễn biến tăng qua các năm										Tổng số tăng		
		Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tổng số	Nam	Nữ
14	Ngọc Lý	1604	1720	1712	1742	1656	1845	1446	1351	1728	1141	<b>15945</b>	14165	1780
15	Bình Điền	737	558	959	1159	884	749	390	663	972	1028	<b>23010</b>	22388	622
16	Xuân Nguyên	928	881	894	930	888	1067	670	740	608	866	<b>8472</b>	7191	1281
17	Xuân Lộc	1456	1532	1354	1335	1061	1891	2011	1761	1992	1970	<b>16363</b>	15110	1253
18	Cao Lãnh	886	791	806	450	623	698	690	885	764	1470	<b>8063</b>	8063	0
19	Trại 6	1277	1356	2108	2050	1919	1612	1943	1317	1579	1939	<b>17100</b>	14264	2836
20	An Điền	510	401	206	120	323	538	707	614	810	876	<b>5105</b>	4796	309
21	An Phước	799	791	1097	1463	1706	1577	1650	1768	1504	1717	<b>14072</b>	10962	3110
22	Hoàng Tiến	648	743	554	685	1784	1111	929	1601	837	1469	<b>10361</b>	10151	210
23	Cái Tàu	804	852	515	754	1303	1123	1237	930	1348	1607	<b>10473</b>	9081	1392
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21685</b>	<b>20211</b>	<b>22533</b>	<b>21925</b>	<b>25360</b>	<b>24718</b>	<b>24242</b>	<b>27799</b>	<b>29206</b>	<b>31526</b>	<b>221880</b>	<b>198542</b>	<b>23338</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1b**  
**SỐ LIỆU PHẠM NHÂN TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2014**

*Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	Diễn biến giảm số lượng phạm nhân										Tổng số
		Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	
1	Kênh 7	958	1247	1308	1349	1242	1265	890	737	654	1068	9760
2	Phú Sơn 4	780	1347	637	810	990	1710	1999	1448	1408	1836	12185
3	Vĩnh Quang	528	594	515	488	452	755	741	792	669	948	5954
4	Mỹ Phước	546	576	622	666	562	566	497	423	621	1034	5567
5	Đại Bình	789	583	478	689	545	699	527	506	421	602	5050
6	Thủ Đức	3235	2615	2834	3437	2518	3355	3227	2947	2665	3408	27006
7	Tân Lập	764	814	765	784	817	1177	1357	1078	923	1328	9043
8	Xuyên Mộc	531	738	641	701	753	1111	1086	927	899	1202	8058
9	Xuân Hà	214	377	0	0	0	04	325	449	422	647	2224
10	Đắc Tân	0	0	0	0	0	0	467	868	509	910	2754
11	Thạnh Hoà	853	997	628	1013	992	1486	1310	1050	1006	1652	10134
12	Quyết Tiên	668	910	380	608	743	1167	1211	1157	994	1642	8812
13	Thanh Xuân	615	925	274	525	481	1209	891	685	688	1011	6689
14	Ngọc Lý	1623	1786	1097	1543	1354	1835	1483	1051	830	1382	12361
15	Bình Điền	529	607	367	631	775	1239	1100	637	705	1004	7065
16	Xuân Nguyên	710	1399	599	629	698	948	1081	766	510	824	7454
17	Xuân Lộc	1238	1387	1226	1318	1151	1831	2042	1891	1490	2092	14428
18	C.ao Lãnh	743	770	754	834	485	675	621	598	525	1001	6263
19	Trại 6	1676	1917	1477	1785	1827	2053	1545	1291	1194	1667	14756
20	An Điền	271	492	223	253	224	426	545	518	514	760	3955
21	An Phước	828	995	681	1128	889	1664	1702	1480	1305	1871	11715
22	Hoàng Tiên	713	962	402	423	1084	1206	1604	1144	923	1471	9219
23	Cái Tàu	528	1080	652	630	731	1386	1379	1097	940	1498	9393
	<b>Tổng cộng</b>	<b>19340</b>	<b>23118</b>	<b>16560</b>	<b>20244</b>	<b>19313</b>	<b>27767</b>	<b>27630</b>	<b>23540</b>	<b>20815</b>	<b>30858</b>	<b>229185</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1c**

**CƠ CẤU GIỚI TÍNH CỦA PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM**

TT	Trại giam	Cơ cấu giới tính				Tổng cộng	
		Nam		Nữ		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)		
1	Kênh 7	1831	100.00	0	00.00	1831	100.00
2	Phú Sơn 4	4340	82.93	893	16.07	5233	100.00
3	Vĩnh Quang	2270	100.00	0	00.00	2270	100.00
4	Mỹ Phước	1785	100.00	0	00.00	1785	100.00
5	Đại Bình	1332	100.00	0	00.00	1332	100.00
6	Thủ Đức	6682	83.20	1349	16.70	8031	100.00
7	Tân Lập	2978	76.31	688	23.69	3666	100.00
8	Xuyên Mộc	2778	100.00	0	00.00	2778	100.00
9	Xuân Hà	1260	100.00	0	00.00	1260	100.00
10	Đắc Tân	1548	100.00	0	00.00	1548	100.00
11	Thạnh Hoà	2384	82,15	518	17.85	2902	100.00
12	Quyết Tiến	2761	80.35	675	19.65	3436	100.00
13	Thanh Xuân	1453	61.93	893	29.07	2346	100.00
14	Ngọc Lý	3008	83.93	576	16.07	3584	100.00
15	Bình Điền	1804	88.69	230	11.31	2034	100.00
16	Xuân Nguyên	2468	81.77	550	18.23	3018	100.00
17	Xuân Lộc	4469	89.38	531	10.62	5000	100.00
18	C.ao Lãnh	6263	100.00	0	00.00	6263	100.00
19	Trại 6	3118	81.77	695	18.23	3813	100.00
20	An Điền	1538	93.12	112	06.88	1650	100.00
21	An Phước	1421	91.20	137	08.80	1558	100.00
22	Hoàng Tiến	1469	100.00	0	00.00	1469	100.00
23	Cái Tàu	2507	74.41	373	25.59	2880	100.00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>61.467</b>	<b>88.21</b>	<b>8.220</b>	<b>11.79</b>	<b>69.687</b>	<b>100.00</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1d****CƠ CẤU LỬA TUỔI CỦA PHẠM NHÂN***Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	Cơ cấu lứa tuổi				
		Dưới 18	18 - 35	36 - 45	46 - 60	Trên 60
1	Kênh 7	824	7358	1347	401	53
2	Phú Sơn 4	56	6502	5079	5178	603
3	Vĩnh Quang	189	3659	2459	493	34
4	Mỹ Phước	823	4704	1618	350	26
5	Đại Bình	421	4296	1112	246	23
6	Thủ Đức	217	3828	2998	889	99
7	Tân Lập	02	1087	1912	876	66
8	Xuyên Mộc	521	5437	1848	304	29
9	Xuân Hà	99	2504	671	195	15
10	Đắc Tân	03	2716	1249	340	30
11	Thanh Hoà	105	1974	478	306	39
12	Quyết Tiến	64	1892	1726	568	33
13	Thanh Xuân	154	3418	2027	636	69
14	Ngọc Lý	784	11019	1242	1166	103
15	Bình Điền	25	5371	1239	674	53
16	Xuân Nguyên	10	3579	2280	1336	339
17	Xuân Lộc	270	9604	4040	909	84
18	Cao Lãnh	566	5627	634	306	44
19	Trại 6	583	6844	5853	1388	83
20	An Điền	467	3023	912	179	14
21	An Phước	1256	7457	3592	917	51
22	Hoàng Tiến	509	754	459	136	7
23	Cái Tàu	561	1374	537	373	35
	<b>Tổng</b>	<b>7725</b>	<b>104027</b>	<b>45312</b>	<b>18166</b>	<b>1932</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1e**  
**CƠ CẦU THÀNH PHẦN DÂN TỘC CỦA PHẠM NHÂN**

*Đơn vị tính: người*

TT	Dân tộc	CÁC TRẠI GIAM								Tổng số
		Kênh 7	Phú Sơn 4	Vĩnh Quang	Mỹ Phước	Đại Bình	Thủ Đức	Tân Lập	Xuyên Mộc	
1	Kinh	8674	12191	7754	7330	5548	19726	8803	8434	<b>78460</b>
2	Thái	0	177	27	0	43	06	271	03	<b>527</b>
3	H'Mông	0	124	20	0	01	0	385	0	<b>530</b>
4	Tày	2	2599	124	0	54	05	208	14	<b>3006</b>
5	Nùng	0	1532	82	02	45	0	61	14	<b>1736</b>
6	Thổ	0	0	0	0	05	0	0	01	<b>6</b>
7	Dao	0	285	26	0	05	01	195	07	<b>519</b>
8	Khơ me	1207	05	01	163	15	64	0	29	<b>1484</b>
9	Ê đê	0	08	0	0	03	01	0	0	<b>12</b>
10	Chăm	4	0	0	01	14	10	0	5	<b>34</b>
11	Dân tộc khác	96	497	200	30	355	15224	2254	170	<b>18826</b>
	<b>Tổng</b>	<b>9983</b>	<b>17418</b>	<b>8234</b>	<b>7526</b>	<b>6088</b>	<b>35037</b>	<b>12177</b>	<b>8667</b>	<b>105140</b>

TT	Dân tộc	TRẠI GIAM								Tổng số
		Xuân Hà	Đắc Tân	Thạnh Hòa	Quyết Tiến	Thanh Xuân	Ngọc Lý	Bình Điền	Xuân Nguyên	
1	Kinh	2790	2967	12907	11563	7509	14457	7362	10024	<b>69579</b>
2	Thái	276	54	01	110	791	15	261	156	<b>1664</b>
3	H'Mông	25	0	0	40	513	06	08	49	<b>641</b>
4	Tày	09	140	0	538	47	626	04	103	<b>1467</b>
5	Nùng	04	153	0	152	39	677	03	83	<b>1111</b>
6	Thổ	10	0	0	0	01	01	05	0	<b>17</b>
7	Dao	02	20	0	249	48	56	04	16	<b>395</b>
8	Khơ me	0	02	62	0	48	0	0	01	<b>113</b>
9	Ê đê	0	324	0	0	0	01	01	0	<b>326</b>
10	Chăm	0	04	0	0	0	01	122	0	<b>127</b>
11	Dân tộc khác	29	201	55	314	387	105	1329	40	<b>2460</b>
	<b>Tổng</b>	<b>3145</b>	<b>3865</b>	<b>13025</b>	<b>12966</b>	<b>9383</b>	<b>15945</b>	<b>9099</b>	<b>10472</b>	<b>77.900</b>

TT	Dân tộc	TRẠI GIAM							Tổng số
		Xuân Lộc	Cao Lãnh	Trại 6	An Điền	An Phước	Hoàng Tiến	Cái Tàu	
1	Kinh	18764	0	16312	5443	13253	3299	11238	<b>223705</b>
2	Thái	07	0	103	01	13	36	0	<b>2342</b>
3	H'Mông	0	0	16	0	6	31	0	<b>1224</b>
4	Tày	24	0	09	07	51	65	0	<b>4629</b>
5	Nùng	27	0	01	04	48	77	0	<b>3004</b>
6	Thổ	0	0	04	0	03	0	0	<b>30</b>
7	Dao	0	0	04	0	03	03	0	<b>921</b>
8	Khơ me	69	0	0	0	77	0	938	<b>2681</b>
9	Ê đê	04	0	0	01	05	0	0	<b>381</b>
10	Chăm	25	0	0	01	17	0	0	<b>204</b>
11	Dân tộc khác	443	0	51	148	496	106	97	<b>20167</b>
	<b>Tổng</b>	<b>14907</b>	<b>0</b>	<b>16500</b>	<b>4595</b>	<b>13273</b>	<b>3617</b>	<b>12273</b>	<b>259288</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1f**  
**CƠ CẤU NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI PHẠM TỘI**

*Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	CƠ CẤU NGHỀ NGHIỆP				
		Làm ruộng	Công nhân	Cán bộ, công chức, viên chức	Các nghề khác	Không nghề nghiệp
1	Kênh 7	1635	143	21	6581	1603
2	Phú Sơn 4	626	278	63	6096	10355
3	Vĩnh Quang	2362	119	46	1529	2778
4	Mỹ Phước	485	154	09	4805	2073
5	Đại Bình	2011	171	35	1252	2629
6	Thủ Đức	388	319	73	6066	1185
7	Tân Lập	1537	34	19	1128	1225
8	Xuyên Mộc	451	388	17	6155	3784
9	Xuân Hà	990	38	14	1224	1218
10	Đắc Tân	2057	66	16	1749	720
11	Thanh Hoà	89	130	18	1791	874
12	Quyết Tiến	1896	36	36	1196	1119
13	Thanh Xuân	2512	73	233	1453	2033
14	Ngọc Lý	5045	217	123	2903	6026
15	Bình Điền	1063	195	61	3273	2770
16	Xuân Nguyên	965	129	54	537	5859
17	Xuân Lộc	962	906	28	6041	6970
18	Cao Lãnh	728	56	37	5095	1261
19	Trại 6	3608	146	118	4831	7120
20	An Điền	647	172	22	1938	1816
21	An Phước	805	890	50	5223	6305
	<b>Tổng</b>	<b>30862</b>	<b>4660</b>	<b>1093</b>	<b>66518</b>	<b>69723</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*



**Phụ lục 1g**

**CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ CỦA PHẠM NHÂN**

*Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	Cơ cấu trình độ văn hóa			
		Chưa biết chữ	Lớp 1 - 5	Lớp 6 - 9	Lớp 10 - 12
1	Kênh 7	1551	4205	3312	912
2	Phú Sơn 4	665	3299	5181	8273
3	Vĩnh Quang	64	1246	3151	2364
4	Mỹ Phước	0	0	0	0
5	Đại Bình	283	1645	2950	1183
6	Thủ Đức	458	2290	3642	1641
7	Tân Lập	194	1109	1563	1075
8	Xuyên Mộc	262	2676	3583	1594
9	Xuân Hà	119	478	1591	1296
10	Đắc Tân	264	1024	2080	970
11	Thanh Hoà	101	921	1329	551
12	Quyết Tiến	223	887	1845	1328
13	Thanh Xuân	832	1634	2308	1915
14	Ngọc Lý	264	2650	7117	4265
15	Bình Điền	310	1412	3624	2016
16	Xuân Nguyên	204	1244	3914	2182
17	Xuân Lộc	609	4844	6586	2851
18	Cao Lãnh	0	0	0	0
19	Trại 6	345	2994	7309	5175
20	An Điền	170	660	1403	1362
21	An Phước	0	0	0	0
22	Hoàng Tiến	67	1404	5176	3011
	<b>Tổng số</b>	<b>6985</b>	<b>36622</b>	<b>71230</b>	<b>43964</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1h**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN - NGHỀ**

*Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	Đào tạo				
		Chưa được đào tạo nghề	Trung học nghề	Cao đẳng nghề	Đại học	Sau đại học
1	Kênh 7	9177	659	147	2	1
2	Phú Sơn 4	0	04	04	34	15
3	Vĩnh Quang	0	01	0	05	01
4	Mỹ Phước	0	0	0	0	0
5	Đại Bình	0	04	20	13	0
6	Thủ Đức	0	03	19	43	0
7	Tân Lập	3908	31	01	01	0
8	Xuyên Mộc	0	13	13	6	0
9	Xuân Hà	0	0	01	0	0
10	Đắc Tân	4338	0	0	0	0
11	Thạnh Hoà	1124	0	0	0	0
12	Quyết Tiến	0	0	0	0	0
13	Thanh Xuân	2033	06	17	23	0
14	Ngọc Lý	30	02	04	08	01
15	Bình Điền	7362	0	0	0	0
16	Xuân Nguyên	0	0	0	0	0
17	Xuân Lộc	0	01	01	15	0
18	Cao Lãnh	0	0	0	0	0
19	Trại 6	15811	01	02	09	0
20	An Điền	0	0	0	0	0
21	An Phước	0	0	0	0	0
22	Hoàng Tiến	0	0	0	30	0
	<b>Tổng số</b>	<b>43783</b>	<b>725</b>	<b>229</b>	<b>189</b>	<b>18</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1i**  
**CƠ CẤU THEO CÁC CÁC TỘI DANH**

*Đơn vị tính: người*

TT	Tội danh	CÁC TRẠI GIAM								Tổng số
		Kênh 7	Phú Sơn 4	Vĩnh Quang	Mỹ Phước	Đại Bình	Thủ Đức	Tân Lập	Xuân Mộc	
1	Tội giết người	376	702	285	246	467	970	318	512	<b>3876</b>
2	Tội cướp TS - XPSH	5289	4396	3156	3858	3024	11959	2702	4915	<b>39299</b>
3	Các tội phạm về ma túy	614	8735	2769	698	580	11870	4371	1417	<b>31054</b>
4	B. bán phụ nữ và trẻ em	01	135	0	0	06	08	37	01	<b>188</b>
5	Hiếp dâm	408	475	94	172	184	52	134	58	<b>1577</b>
6	Tham nhũng	39	61	110	22	116	49	12	13	<b>422</b>
7	Các tội khác	3256	2914	1820	2530	1711	10169	4603	6138	<b>33141</b>
	<b>Tổng</b>	<b>9983</b>	<b>17418</b>	<b>8234</b>	<b>7526</b>	<b>6088</b>	<b>35077</b>	<b>12177</b>	<b>13054</b>	<b>109557</b>
TT	Tội danh	CÁC TRẠI GIAM								Tổng số
		Xuân Hà	Đắc Tân	Thạnh Hòa	Quyết Tiến	Thanh Xuân	Ngọc Lý	Bình Điền	Xuân Nguyên	
1	Tội giết người	117	194	343	254	212	418	346	448	<b>2332</b>
2	Tội cướp TS - XPSH	1252	1562	4604	3265	1889	2152	3735	3632	<b>22091</b>
3	Các tội phạm về ma túy	1436	516	4048	4312	3738	4588	1331	2712	<b>22681</b>
4	B. bán phụ nữ và trẻ em	06	01	09	254	124	144	02	69	<b>609</b>
5	Hiếp dâm	29	121	22	167	95	161	135	66	<b>796</b>
6	Tham nhũng	04	01	35	11	34	48	36	50	<b>219</b>
7	Các tội khác	304	1470	3975	4703	2928	8407	3514	2495	<b>27796</b>
	<b>Tổng</b>	<b>3148</b>	<b>3865</b>	<b>13036</b>	<b>12966</b>	<b>9020</b>	<b>15918</b>	<b>9099</b>	<b>9472</b>	<b>76524</b>

TT	Tội danh	CÁC TRẠI GIAM						Tổng số
		Xuân Lộc	Trại 6	An Điền	An Phước	Hoàng Tiến	Cái Tàu	
1	Tội giết người	972	298	188	1044	413	449	<b>3364</b>
2	Tội cướp TS+XPSH	7868	1574	1995	5696	1025	4547	<b>22705</b>
3	Các tội phạm về ma túy	3238	7411	600	3256	1011	1989	<b>17505</b>
4	B.Bán phụ nữ và trẻ em	13	44	0	51	151	57	<b>316</b>
5	Hiếp dâm	260	88	89	330	99	831	<b>1697</b>
6	Tham nhũng	75	27	32	51	56	75	<b>316</b>
7	Các tội khác	5937	7058	2701	2544	862	4325	<b>23427</b>
	<b>Tổng</b>	<b>18363</b>	<b>16500</b>	<b>5605</b>	<b>12972</b>	<b>3617</b>	<b>12273</b>	<b>69330</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

### TỔNG SỐ PHẠM NHÂN THEO TỪNG NHÓM TỘI DANH

*Đơn vị tính: người*

TT	Tội danh	Tổng số
1	Tội giết người	<b>9572</b>
2	Tội cướp tài sản, xâm phạm sở hữu	<b>84095</b>
3	Các tội phạm về ma túy	<b>71240</b>
4	Buôn bán phụ nữ và trẻ em	<b>1113</b>
5	Hiếp dâm	<b>4070</b>
6	Tham nhũng	<b>957</b>
7	Các tội khác	<b>84364</b>
	<b>Tổng</b>	<b>255411</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**Phụ lục 1k**  
**CƠ CẤU THEO MỨC ÁN**

*Đơn vị tính: người*

TT	Trại giam	Chung thân	Trên 15 năm đến 30 năm	Trên 7 năm đến 15 năm	Trên 3 năm đến 7 năm	Đến 3 năm	Tổng số
1	Kênh 7	21	130	636	2011	7181	9979
2	Phú Sơn 4	187	1423	6681	3770	5357	17418
3	Vĩnh Quang	114	250	1382	2767	3839	8352
4	Mỹ Phước	05	66	628	1660	5167	7526
5	Đại Bình	10	144	799	1485	3650	6088
6	Thủ Đức	265	933	11729	11726	10426	35079
7	Tân Lập	365	821	4311	4746	1934	12177
8	Xuyên Mộc	129	335	2061	3308	2834	8667
9	Xuân Hà	16	46	339	762	1985	3148
10	Đắc Tân	13	106	603	1136	2007	3865
11	Thanh Hòa	23	207	4208	4354	4244	13036
12	Quyết Tiến	87	507	2021	41106	4175	47896
13	Thanh Xuân	145	508	1912	2685	2764	8014
14	Ngọc Lý	96	421	0	4343	9059	13919
15	Bình Điền	32	231	0	2867	4057	7187
16	Xuân Nguyên	340	687	2444	3030	3971	10472
17	Xuân Lộc	286	1070	4371	5596	8040	19363
18	Cao Lãnh	20	117	596	2362	4968	8063
19	Trại 6	356	1112	4146	6792	4094	16500
20	An Điền	42	252	524	2187	2600	5605
21	An Phước	142	572	3476	4355	5427	13972
22	Hoàng Tiến	98	410	399	658	2236	3801
23	Cái Tàu	39	219	3116	3436	5463	12273
	<b>Tổng</b>	<b>2831</b>	<b>10567</b>	<b>56382</b>	<b>117142</b>	<b>105478</b>	<b>292400</b>

*Nguồn: Bộ Công an - Cục V26; Tổng cục VIII - Cục C86 [6; 7; 83; 84]*

**PHỤ LỤC 2**  
**SỐ LIỆU KHẢO SÁT XÃ HỘI HỌC CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**1. Phụ lục 2a:** Về xác định mục tiêu GDPL cho PN (Cán bộ giáo dục trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời (Cán bộ giáo dục trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có xác định cụ thể, rõ ràng	542	92.81	93.93	93.93
	2	Có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng	32	05.48	05.55	99.48
	3	Không xác định, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được	3	00.51	00.52	100.00
	4	Ý kiến khác	0	00.00	00.00	100.00
	<b>Tổng cộng</b>			<b>577</b>	<b>98.80</b>	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			7	01.20		
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>		

**2. Phụ lục 2b:** Về xác định mục tiêu GDPL cho PN (Phạm nhân trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời (Phạm nhân trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có xác định cụ thể, rõ ràng	1053	83.70	84.58	84.58
	2	Có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng	124	09.86	09.96	94.54
	3	Không xác định, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được	67	05.33	05.38	99.92
	4	Ý kiến khác	1	00.08	00.08	100.00
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1245</b>	<b>98.97</b>	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			13	01.03		
<b>Tổng cộng</b>			<b>1258</b>	<b>100.00</b>		

**3. Phụ lục 2c:** CBGDPL được trang bị kiến thức pháp luật

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đã được trang bị	571	97.95	97.95	97.95
	2	Chưa được trang bị	13	02.05	02.05	100.00
	<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00		
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>		

**4. Phụ lục 2d:** Thời điểm CBGDPL được trang bị kiến thức pháp luật

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trước khi trở thành cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân	465	79.62	82.44	82.44
	2	Sau khi đã là cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân	99	16.95	17.56	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>564</b>	<b>96.57</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			20	3.43		
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>		

**5. Phụ lục 2đ:** Trình độ kiến thức pháp luật của CBGDPL

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trình độ Sơ cấp về luật	63	10.79	11.05	11.05
	2	Trình độ Trung cấp luật	205	35.10	35.96	47.01
	3	Trình độ Đại học luật	299	51.20	52.45	99.46
	4	Trình độ Thạc sĩ luật	2	00.34	00.35	99.81
	5	Trình độ Tiến sĩ luật	1	00.17	00.19	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>570</b>	<b>97.60</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			14	02.40		
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>		

**6. Phụ lục 2e:** CBGDPL đánh giá vai trò của kiến thức pháp luật đối với PN

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	509	87.16	87.16	87.16
	2	Cần thiết	74	12.67	12.67	99.83
	3	Không cần thiết lắm	0	00.00	00.00	99.83
	4	Không cần thiết	0	00.00	00.00	99.83
	5	Rất không cần thiết	1	00.17	00.17	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>584</b>	<b>100.00</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00		
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>		

**7. Phụ lục 2f:** PN trả lời về việc có được tổ chức học tập pháp luật không

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	1228	97.62	98.00	98.00
	2	Không	25	01.99	02.00	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1253</b>	<b>99.60</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			5	00.40		
<b>Tổng cộng</b>			<b>1258</b>	<b>100.00</b>		

**8. Phụ lục 2g:** Tiêu chí tổ chức GDPL cho PN

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tổ chức giáo dục pháp luật <i>đầu vào</i> theo chương trình, kế hoạch (khi có đủ số phạm nhân để mở lớp)	552	95.52
	2	Tổ chức giáo dục pháp luật <i>đầu ra</i> theo chương trình, kế hoạch (khi phạm nhân sắp chấp hành xong hình phạt tù)	521	89.21
	3	Tổ chức mỗi khi có văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến chế độ, chính sách đối với phạm nhân cần tuyên truyền, phổ biến	505	86.47
	4	Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của phạm nhân	110	18.83
	5	Tiêu chí khác	1	00.17
	<b>Tổng cộng</b>		<b>584</b>	<b>100.00</b>
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>

**9. Phụ lục 2h:** Nội dung GDPL cho PN trong các TG

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam</b>	<b>Cán bộ trả lời</b>		<b>PN trả lời</b>	
			<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù	558	95.55	1052	83.62
	2	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác	539	92.29	987	78.46



	3	Các quy định liên quan đến phạm nhân trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự Luật Cư trú, Luật Đặc xá...	543	92.97	992	78.86
	4	Nội quy trại giam, các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù	558	95.55	1170	93.00
	5	Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong trại giam	541	92.64	1024	81.40
	6	Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng	523	98.55	991	78.78
	7	Lĩnh vực khác	2	00.34	2	00.16
		<b>Tổng cộng</b>	<b>584</b>	<b>100.00</b>	<b>1258</b>	<b>100.00</b>
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00	0	00.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>	<b>1258</b>	<b>100.00</b>

#### 10. Phụ lục 2i: Phương pháp GDPL cho PN trong các TG

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương pháp giáo dục pháp luật (Cán bộ giáo dục pháp luật trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Phương pháp độc thoại (cán bộ thuyết trình → phạm nhân nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	453	77.56
	2	Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật (chia phạm nhân thành các nhóm → phạm nhân thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → cán bộ kết luận)	315	53.93
	3	Phương pháp nêu tình huống (cán bộ giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → phạm nhân trao đổi, tranh luận → cán bộ giữ vai trò điều khiển)	377	64.55
	4	Phương pháp thực hành pháp luật (cán bộ giới thiệu nội dung pháp luật → giao bài tập thực hành → phạm nhân tự giải quyết bài tập → phạm nhân thuyết trình phương án giải quyết → cán bộ đưa ra kết luận)	258	44.18
	5	Phương pháp khác	2	00.34
			<b>Tổng cộng</b>	<b>584</b>
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>

**11. Phụ lục 2k: Hình thức GDPL cho PN trong các TG**

Biển số	Mã số	Hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân	Cán bộ trả lời		Phạm nhân trả lời	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biển số hợp lệ</i>	1	Tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường	563	96.40	1021	81.16
	2	Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho phạm nhân	339	58.05	840	66.77
	3	Niên yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại giam/phân trại, ở buồng giam phạm nhân	380	65.07	759	60.33
	4	Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động...	513	87.84	845	67.17
	5	Tổ chức cho phạm nhân thi tìm hiểu pháp luật	431	73.80	767	60.97
	6	Giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội	453	77.57	736	58.51
	7	Giáo dục pháp luật cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng phạm nhân	375	64.21	490	38.95
	8	Hình thức khác	2	00.34	0	00.00
			<b>Tổng cộng</b>	<b>584</b>	<b>100.00</b>	<b>1258</b>
<i>Biển số không hợp lệ</i>			0	00.00	0	00.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>	<b>1258</b>	<b>100.00</b>

**12. Phụ lục 2l: Cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho PN**

Số TT	Đơn vị (Trại giam)	Nhà học tập		Phòng học		Tủ sách (cái)	Tổng số đầu sách
		Tổng số nhà	m2	Tổng số phòng	m2		
1	Phú Sơn 4	01	1400	01	1400	26	4360
2	Thủ Đức	7	2240	5	100	7	21600
3	Thạnh Hòa	02	1001	0	0	04	2770
4	Thanh Xuân	01	324	02	324	05	2439

5	Ngọc Lý	05	5000	08	760	78	4200
6	Bình Điền	03	1232	03	80	05	2500
7	Xuân Lộc	05	1685	05	1685	05	2500
8	Trại 6	03	1338	03	450	55	2500
9	An Điền	02	1600	02	1600	04	800
10	An Phước	04	3057	0	0	12	11200

**13. Phụ lục 2m:** Đánh giá chung về kết quả GDPL đáp ứng yêu cầu của PN

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Mức độ đáp ứng (Cán bộ giáo dục trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đáp ứng ở mức độ tốt	112	19.18	19.24	19.24
	2	Đáp ứng ở mức độ khá	353	60.44	60.65	79.89
	3	Đáp ứng ở mức độ trung bình	116	19.86	19.93	99.83
	4	Chưa đáp ứng được yêu cầu	1	00.17	00.17	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	<b>582</b>	<b>99.66</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			2	00.34		
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>		

**14. Phụ lục 2n:** Đánh giá chung về kết quả GDPL đáp ứng yêu cầu của PN

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Mức độ đáp ứng (Phạm nhân trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đáp ứng ở mức độ tốt	523	41.57	41.77	41.77
	2	Đáp ứng ở mức độ khá	573	45.55	45.77	87.54
	3	Đáp ứng ở mức độ trung bình	139	11.05	11.10	98.64
	4	Chưa đáp ứng được yêu cầu	17	01.35	01.36	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1252</b>	<b>99.52</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			6	00.48		
<b>Tổng cộng</b>			<b>1258</b>	<b>100.00</b>		

**15. Phụ lục 2o:** Lý do PN đánh giá đáp ứng ở mức độ “tốt” và “khá”

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Lý do đánh giá đáp ứng mức độ “tốt”, “khá” (Phạm nhân trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Vì nội dung phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam	957	76.07
	2	Vì nội dung cập nhật được những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân	874	69.48
	3	Vì nội dung đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng	707	56.20
	4	Vì nội dung thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của phạm nhân	554	44.04
	5	Lý do khác	2	00.16
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**16. Phụ lục 2o:** Nguyên nhân đưa đến những thành công, kết quả đạt được

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Các cấp ủy Đảng từ Bộ Công an đến trại giam luôn quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	534	91.44
	2	Lãnh đạo Tổng cục VIII, Ban Giám thị trại giam luôn chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	570	97.60
	3	Các cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	533	91.27
	4	Đa số phạm nhân hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình giáo dục, cải tạo trong trại cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau này nên chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ	419	71.75
	5	Nguyên nhân khác	1	00.17
			<b>Tổng cộng</b>	584
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00

**17. Phụ lục 2o:** Sự quan tâm của lãnh đạo Tổng cục VIII với GDPL cho PN

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	581	99.48	99.83	99.83
	2	Không	1	00.17	00.27	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		582	99.65		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			2	00.35		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**18. Phụ lục 2p:** Hình thức/hệ đào tạo mà CBGDPL tham gia

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật	56	09.59	09.88	09.88
	2	Đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ chính quy	127	21.75	22.40	32.28
	3	Đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (tại chức)	92	15.75	16.22	48.50
	4	Đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ chính quy	51	08.73	08.99	57.49
	5	Đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (tại chức)	239	40.92	42.15	99.64
	6	Đào tạo Đại học Luật hệ từ xa	2	00.34	00.36	100.00
	7	Hình thức đào tạo khác	0	00.00	00.00	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		567	97.01		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			17	2.99		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**19. Phụ lục 2q:** Sự cần thiết phải phân loại PN trước khi tổ chức GDPL

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Sự cần thiết phân loại phạm nhân (Cán bộ trả lời)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	249	42.64	43.23	43.23
	2	Cần thiết	234	40.07	40.63	83.86
	3	Không cần thiết lắm	75	12.84	13.02	96.88
	4	Không cần thiết	17	02.91	02.95	99.83
	5	Rất không cần thiết	1	00.17	00.17	100.00
<b>Tổng cộng</b>		576	98.63			
<i>Biến số không hợp lệ</i>			8	01.37		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**20. Phụ lục 2r: Phân bố số tiết trong Bộ tài liệu “Giáo dục công dân”**

TT	Bộ tài liệu “Giáo dục công dân”	Nội dung giáo dục công dân					
		Giáo dục đạo đức		Giáo dục pháp luật		Giáo dục kỹ năng sống	
		Số bài	Số tiết	Số bài	Số tiết	Số bài	Số tiết
1	Tập I	2	2	4	7	3	7
2	Tập II	5	6	8	15	8	17
3	Tập III	3	3	4	5	2	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>27</b>	<b>13</b>	<b>28</b>

**21. Phụ lục 2s: Sự không đồng đều về cơ sở vật chất phục vụ GDPL giữa các trại giam**

TT	Đơn vị (Trại giam)	Nhà học tập		Phòng học		Tủ đọc sách (cái)	Tổng số đầu sách
		Tổng số nhà	m2	Tổng số phòng	m2		
1	Kênh 7	2	1139	0	0	2	411
2	Phú Sơn 4	01	1400	01	1400	26	4360
3	Vĩnh Quang	2	300	2	300	2	300
4	Mỹ Phước	2	1183	0	0	0	1116
5	Thủ Đức	7	2240	5	100	7	21600
6	Tân Lập	0	0	5	2171	25	15
7	Xuyên Mộc	03	03	1431	06	5	09
8	Xuân Hà	01	240	0	0	02	13
9	Đắc Tân	02	576	0	0	01	05
10	Thạnh Hoà	02	1001	0	0	04	2770
11	Quyết Tiến	02	60	02	30	04	122
12	Thanh Xuân	01	324	02	324	05	2439
13	Ngọc Lý	05	5000	08	760	78	4200
14	Bình Điền	03	1232	03	80	05	2500
15	Xuân Nguyên	03	1374	0	0	02	800
16	Xuân Lộc	05	1685	05	1685	05	2500
17	Trại 6	03	1338	03	450	55	2500
18	An Điền	02	1600	02	1600	04	800
19	An Phước	04	3057	0	0	12	11200
20	Hoàng Tiến	01	120	120	05	585	06

**22. Phụ lục 2t: Nguyên nhân của các hạn chế, bất cập trong GDPL cho PN**

Biển số	Mã số	Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập	Cán bộ trả lời		PN trả lời	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biển số hợp lệ</i>	1	Cơ sở vật chất (hội trường, phòng học, tài liệu học tập, trang thiết bị kỹ thuật...) phục vụ giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam còn nhiều khó khăn, thiếu thốn	531	90.92	1013	80.52
	2	Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo trại giam đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đôi khi chưa sâu sát, quyết liệt	87	14.89	128	10.17
	3	Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả	268	45.89	213	16.93
	4	Một bộ phận cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam thiếu trình độ chuyên môn, kém kỹ năng sư phạm, thiếu nhiệt tình nên việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đạt hiệu quả như mong muốn	336	57.53	144	11.45
	5	Một bộ phận đáng kể phạm nhân chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ, ý thức học tập kém, chủ yếu là đối phó	419	71.74	796	63.28
	6	Đối với những phạm nhân là người dân tộc thiểu số, rào cản về ngôn ngữ, trình độ học vấn thấp làm giảm hiệu quả giáo dục dành cho họ	448	76.71	752	59.78
	7	Nguyên nhân khác	3	00.51	2	00.16
		<b>Tổng cộng</b>		584	100.00	1258
<i>Biển số không hợp lệ</i>			0		0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>584</b>	<b>100.00</b>	<b>1258</b>	<b>100.00</b>

**23. Phụ lục 2u:** Những lợi ích cụ thể mà công tác GDPL mang lại cho PN

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nhận thức được tính chất, hậu quả nguy hại cho xã hội mà hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra	721	57.31
	2	Hình thành, củng cố ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế trại giam	487	38.71
	3	Hiểu được chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước đối với phạm nhân	431	34.26
	4	Giúp ổn định tư tưởng, tâm lý, yên tâm học tập, lao động, cải tạo tốt để sớm được trở về với gia đình, cộng đồng	595	47.30
	5	Giúp chuẩn bị hành trang kiến thức, hiểu biết pháp luật để tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù	465	36.96
	6	Lợi ích khác	5	00.40
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00



## PHỤ LỤC 3

### Phụ lục 3a

### PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ giáo dục pháp luật trong trại giam)

#### Kính thưa Đồng chí!

Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta trong những năm qua cũng cho thấy, *do những hạn chế về trình độ học vấn, thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng nên không ít người đã thực hiện hành vi phạm tội, bị tòa tuyên án, trở thành phạm nhân*. Bởi vậy, công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở nước ta hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng. Trong những năm qua, công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đã đạt được những kết quả quan trọng, giúp phạm nhân nhận thức được tính chất, hậu quả nguy hại cho xã hội mà hành vi phạm tội của họ gây ra, làm hình thành, củng cố ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của họ. Bên cạnh đó, công tác này cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Để tìm hiểu thực trạng công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, chúng tôi triển khai thực hiện đề tài khoa học: “**Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam**” nhằm thu thập các luận cứ thực tiễn phục vụ việc đề xuất, xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này.

Với mục đích, ý nghĩa đó, chúng tôi kính đề nghị đồng chí trả lời các câu hỏi dưới đây. Đồng chí đồng tình hoặc lựa chọn phương án trả lời nào thì xin vui lòng đánh dấu x vào ô trống ( ) tương ứng. Đối với câu hỏi không có sẵn phương án trả lời thì đồng chí vui lòng ghi rõ ý kiến của mình vào phần để trống bên dưới câu hỏi.

#### Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

\*\*\*\*\*

**Câu 1:** Là cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật chưa? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Đã được trang bị

2. Chưa được trang bị

**Câu 2:** Ở câu 1, nếu đồng chí chọn phương án “*chưa được trang bị*” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Vì trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đã học trước đây không có các môn học về pháp luật

2. Vì chưa từng tham dự một chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật nào

3. Đã có học qua một vài môn luật nhưng không liên quan đến nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân hiện nay nên coi như chưa được trang bị

4. Lý do khác (nếu có, xin ghi rõ): .....

**Câu 3:** Ở câu 1, nếu đồng chí chọn phương án “đã được trang bị” thì xin cho biết đã được trang bị kiến thức pháp luật vào thời điểm nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Trước khi trở thành cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân
2. Sau khi đã là cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân

**Câu 4:** Nếu đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật thì đồng chí được trang bị ở trình độ nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Trình độ Sơ cấp về luật (được học một số môn luật lồng ghép trong chương trình đào tạo không chuyên về luật hoặc tham dự bồi dưỡng kiến thức pháp luật)
2. Trình độ Trung cấp luật (tốt nghiệp Trung cấp Cảnh sát)
3. Trình độ Đại học luật (tốt nghiệp Đại học Luật, Học viện Cảnh sát...)
4. Trình độ Thạc sĩ luật
5. Trình độ Tiến sĩ luật

**Câu 5:** Đồng chí đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật thông qua hình thức đào tạo nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật
2. Đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ chính quy
3. Đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (tại chức)
4. Đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ chính quy
5. Đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (tại chức)
6. Đào tạo Đại học Luật hệ từ xa
7. Hình thức đào tạo khác (nếu có, xin ghi rõ): .....

**Câu 6:** Từ thực tiễn làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với công việc mà mình đang đảm nhiệm? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| 1. Rất cần thiết       | 4. Không cần thiết     |
| 2. Cần thiết           | 5. Rất không cần thiết |
| 3. Không cần thiết lắm |                        |

**Câu 7:** Theo đồng chí, Tổng cục VIII, lãnh đạo trại giam nơi đồng chí đang công tác có quan tâm đến công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Có
2. Không

**Câu 8:** Trong những năm qua, công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam được tổ chức theo *tiêu chí* nào dưới đây, thưa đồng chí? (*được chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Tổ chức giáo dục pháp luật *đầu vào* theo chương trình, kế hoạch (khi có đủ số phạm nhân để mở lớp)
2. Tổ chức giáo dục pháp luật *đầu ra* theo chương trình, kế hoạch (khi phạm nhân sắp chấp hành xong hình phạt tù)
3. Tổ chức mỗi khi có văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến chế độ, chính sách đối với phạm nhân cần được tuyên truyền, phổ biến
4. Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của phạm nhân
5. Tiêu chí khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 9:** Khi lên lớp giáo dục pháp luật, đồng chí có *xác định cụ thể, rõ ràng mục đích, mục tiêu* mà mỗi phạm nhân cần đạt được sau khi tham dự lớp giáo dục pháp luật không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Có xác định cụ thể, rõ ràng
2. Có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng
3. Không xác định, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được
4. Ý kiến khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 10:** Về nội dung giáo dục pháp luật, đồng chí thường cung cấp cho phạm nhân kiến thức về những *lĩnh vực* nào? (*được chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước liên quan đến phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù
2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác
3. Các quy định liên quan đến phạm nhân trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự Luật Cư trú, Luật Đặc xá...
4. Nội quy trại giam, các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù
5. Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong trại giam
6. Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng
7. Lĩnh vực khác (*xin ghi rõ*): .....

**Câu 11:** Từ thực tiễn công tác, theo đồng chí, nội dung giáo dục pháp luật trang bị cho phạm nhân đã *đáp ứng như thế nào* so với yêu cầu giáo dục và nhu cầu của phạm nhân? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Đáp ứng ở mức độ tốt
2. Đáp ứng ở mức độ khá
3. Đáp ứng ở mức độ trung bình
4. Chưa đáp ứng được yêu cầu, nhu cầu

**Câu 12:** Ở câu 11, nếu đồng chí cho rằng đáp ứng ở mức độ “*tốt*” hoặc “*khá*” so với yêu cầu/nhu cầu thì xin vui lòng cho biết tại sao? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Vì nội dung phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân tại trại giam
2. Vì nội dung cập nhật được những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân
3. Vì nội dung đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng
4. Lý do khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 13:** Ở câu 11, nếu đồng chí cho rằng đáp ứng ở mức độ “*trung bình*” hoặc “*chưa đáp ứng yêu cầu, nhu cầu*” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Vì nội dung chưa phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam
2. Vì nội dung còn lạc hậu, chưa cập nhật kịp thời những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân
3. Vì nội dung chưa đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng
4. Lý do khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 14:** Trại giam nơi đồng chí công tác có tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức giáo dục pháp luật cho họ không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Có
2. Không

**Câu 15:** Theo quan điểm của cá nhân đồng chí, việc tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức giáo dục pháp luật cho họ có *cần thiết* không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Không cần thiết lắm
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

**Câu 16:** Khi lên lớp giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí thường sử dụng phương pháp nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Phương pháp độc thoại (cán bộ thuyết trình → phạm nhân nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)
2. Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật (chia phạm nhân thành các nhóm → phạm nhân thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → cán bộ kết luận)
3. Phương pháp nêu tình huống (cán bộ giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → phạm nhân trao đổi, tranh luận → cán bộ giữ vai trò điều khiển)
4. Phương pháp thực hành pháp luật (cán bộ giới thiệu nội dung pháp luật → giao bài tập thực hành → phạm nhân tự giải quyết bài tập → phạm nhân thuyết trình phương án giải quyết → cán bộ đưa ra kết luận)
5. Phương pháp khác (ghi rõ): .....

**Câu 17:** Về hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân, theo đồng chí, nên sử dụng hình thức nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường
2. Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho phạm nhân
3. Niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại giam/phân trại, ở buồng giam phạm nhân
4. Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động...
5. Tổ chức cho phạm nhân thi tìm hiểu pháp luật
6. Giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội
7. Giáo dục pháp luật cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng phạm nhân
8. Hình thức khác (ghi rõ): .....

**Câu 18:** Đồng chí hãy chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Các cấp ủy Đảng từ Bộ Công an đến trại giam luôn quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân
2. Lãnh đạo Tổng cục VIII, Ban Giám thị trại giam luôn chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân
3. Các cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân

4. Đa số phạm nhân hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình giáo dục, cải tạo trong trại cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau này nên chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ

5. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*): .....

**Câu 19:** Theo đồng chí, đâu là *nguyên nhân của những hạn chế, bất cập* trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Cơ sở vật chất (hội trường, phòng học, tài liệu học tập, trang thiết bị kỹ thuật...) phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam còn nhiều khó khăn, thiếu thốn

2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo trại giam đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đôi khi chưa sâu sát, quyết liệt

3. Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả

4. Một bộ phận cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam thiếu trình độ chuyên môn, kém kỹ năng sư phạm, thiếu nhiệt tình nên việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đạt hiệu quả như mong muốn

5. Một bộ phận đáng kể phạm nhân chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ, ý thức học tập kém, chủ yếu là đối phó

6. Đối với những phạm nhân là người dân tộc thiểu số, rào cản về ngôn ngữ, trình độ học vấn thấp làm giảm hiệu quả giáo dục pháp luật dành cho họ

7. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*): .....

**Câu 20:** Theo đồng chí, để nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, lãnh đạo Tổng cục VIII, Bộ Công an và trại giam cần triển khai thực hiện *những giải pháp* nào? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật về giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam

3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam

4. Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật



**Câu 25:** Trình độ học vấn về pháp luật cao nhất hiện nay của đồng chí? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Trung cấp luật
2. Cử nhân luật
3. Thạc sỹ luật
4. Tiến sỹ luật
5. Trình độ khác (nếu có, xin vui lòng ghi rõ): .....

**Câu 26:** Trình độ, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đồng chí hiện tại? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Tốt nghiệp Đại học sư phạm
2. Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm
3. Đã được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm
4. Chưa được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm

**Câu 27:** Hiện nay đồng chí đang công tác tại trại giam nào? (xin vui lòng ghi rõ)

1. Trại giam: .....
2. Trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: .....

Với việc trả lời Phiếu thu thập ý kiến này, đồng chí đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc hoàn thành những nhiệm vụ mà cuộc khảo sát đặt ra. Những ý kiến của đồng chí là cơ sở thực tiễn rất quan trọng để giúp các cơ quan chức năng xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở nước ta hiện nay. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ hiệu quả của đồng chí!

***Xin gửi tới đồng chí lời chào trân trọng!***

**NGƯỜI PHÁT - THU PHIẾU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TRẢ LỜI PHIẾU**  
(Có thể ký tên hoặc không)



**Phụ lục 3b**  
**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN**  
*(Mẫu phiếu dành cho cán bộ giáo dục pháp luật trong trại giam)*

**Câu 1:** Là cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật chưa? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đã được trang bị	571	97.95	97.95	97.95
	2	Chưa được trang bị	13	02.05	02.05	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		584	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 2:** Ở câu 1, nếu đồng chí chọn phương án “*chưa được trang bị*” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Vi trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đã học trước đây chưa có các môn học về pháp luật	3	00.51	23.08	23.08
	2	Vi chưa tham dự một chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật nào	3	00.51	23.08	46.16
	3	Đã có học qua một vài môn luật nhưng không liên quan đến nội dung giáo dục pháp luật cho phạm nhân hiện nay nên coi như chưa được trang bị	7	1.20	53.84	100.00
	4	Lý do khác	0	0.00	0.00	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		13	2.22		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			571	97.78		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 3:** Ở câu 1, nếu đồng chí chọn phương án “đã được trang bị” thì xin vui lòng cho biết đã được trang bị kiến thức pháp luật vào thời điểm nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trước khi trở thành cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân	465	79.62	82.44	82.44
	2	Sau khi đã là cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân	99	16.95	17.56	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		564	96.57		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			20	3.43		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 4:** Nếu đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật thì đồng chí được trang bị ở trình độ nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trình độ Sơ cấp về luật	63	10.79	11.05	11.05
	2	Trình độ Trung cấp luật	205	35.10	35.96	47.01
	3	Trình độ Đại học luật	299	51.20	52.45	99.46
	4	Trình độ Thạc sĩ luật	2	00.34	00.35	99.81
	5	Trình độ Tiến sĩ luật	1	00.17	00.19	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		570	97.60		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			14	02.40		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 5:** Đồng chí đã được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật thông qua hình thức đào tạo nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật	56	09.59	09.88	09.88
	2	Đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ chính quy	127	21.75	22.40	32.28
	3	Đào tạo Trung cấp Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (tại chức)	92	15.75	16.22	48.50

	4	Đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ chính quy	51	08.73	08.99	57.49
	5	Đào tạo Đại học Luật/Cảnh sát hệ vừa làm vừa học (tại chức)	239	40.92	42.15	99.64
	6	Đào tạo Đại học Luật hệ từ xa	2	00.34	00.36	100.00
	7	Hình thức đào tạo khác	0	00.00	00.00	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	567	97.01		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			17	2.99		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 6:** Từ thực tiễn làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với công việc mà mình đang đảm nhiệm? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	509	87.16	87.16	87.16
	2	Cần thiết	74	12.67	12.67	99.83
	3	Không cần thiết lắm	0	00.00	00.00	99.83
	4	Không cần thiết	0	00.00	00.00	99.83
	5	Rất không cần thiết	1	00.17	00.17	100.00
			<b>Tổng cộng</b>	584	100.00	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 7:** Theo đồng chí, Tổng cục VIII, lãnh đạo trại giam nơi đồng chí đang công tác có quan tâm đến công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	581	99.48	99.83	99.83
	2	Không	1	00.17	00.27	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	582	99.65		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			2	00.35		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 8:** Trong những năm qua, công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam được tổ chức theo *tiêu chí* nào dưới đây, thưa đồng chí? (*được chọn nhiều phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tổ chức giáo dục pháp luật <i>đầu vào</i> theo chương trình, kế hoạch (khi có đủ số phạm nhân để mở lớp)	552	95.52
	2	Tổ chức giáo dục pháp luật <i>đầu ra</i> theo chương trình, kế hoạch (khi phạm nhân sắp chấp hành xong hình phạt tù)	521	89.21
	3	Tổ chức mỗi khi có văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến chế độ, chính sách đối với phạm nhân cần tuyên truyền, phổ biến	505	86.47
	4	Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của phạm nhân	110	18.83
	5	Tiêu chí khác	1	00.17
			<b>Tổng cộng</b>	584
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00

**Câu 9:** Khi lên lớp giáo dục pháp luật, đồng chí có *xác định cụ thể, rõ ràng mục đích, mục tiêu* mà mỗi phạm nhân cần đạt được sau khi tham dự lớp giáo dục pháp luật không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có xác định cụ thể, rõ ràng	542	92.81	93.93	93.93
	2	Có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng	32	05.48	5.55	99.48
	3	Không xác định, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được	3	00.51	0.52	100.00
	4	Ý kiến khác	0	00.00	00.00	100.00
			<b>Tổng cộng</b>	577	98.80	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			7	01.20		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 10:** Về nội dung giáo dục pháp luật, đồng chí thường cung cấp cho phạm nhân kiến thức về những lĩnh vực nào? (được chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước liên quan đến phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù	558	95.55
	2	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác	539	92.29
	3	Các quy định liên quan đến phạm nhân trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự Luật Cư trú, Luật Đặc xá...	543	92.97
	4	Nội quy trại giam, các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù	558	95.55
	5	Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong trại giam	541	92.64
	6	Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng	523	98.55
	7	Lĩnh vực khác	2	00.34
			<b>Tổng cộng</b>	
<i>Biến số không hợp lệ</i>				
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00

**Câu 11:** Từ thực tiễn công tác, theo đồng chí, nội dung giáo dục pháp luật trang bị cho phạm nhân đã đáp ứng như thế nào so với yêu cầu giáo dục và nhu cầu của phạm nhân? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đáp ứng ở mức độ tốt	112	19.18	19.24	19.24
	2	Đáp ứng ở mức độ khá	353	60.44	60.65	79.89
	3	Đáp ứng ở mức độ trung bình	116	19.86	19.93	99.83
	4	Chưa đáp ứng được yêu cầu	1	00.17	00.17	100.00
			<b>Tổng cộng</b>	582	99.66	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			2	00.34		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 12:** Ở câu 11, nếu đồng chí cho rằng đáp ứng ở mức độ “*tốt*” hoặc “*khá*” so với yêu cầu/nhu cầu thì xin vui lòng cho biết tại sao? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Vì nội dung phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam	426	72.94
	2	Vì nội dung cập nhật được những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân	441	75.51
	3	Vì nội dung đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng	387	66.27
	4	Lý do khác	2	00.34
		<b>Tổng cộng</b>	584	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00

**Câu 13:** Ở câu 11, nếu đồng chí cho rằng đáp ứng ở mức độ “*trung bình*” hoặc “*chưa đáp ứng yêu cầu, nhu cầu*” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Vì nội dung chưa phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam	63	10.79
	2	Vì nội dung còn lạc hậu, chưa cập nhật kịp thời những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân	53	09.07
	3	Vì nội dung chưa đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng	93	15.92
	4	Lý do khác	3	00.51
		<b>Tổng cộng</b>	584	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00

**Câu 14:** Trại giam nơi đồng chí công tác có tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức giáo dục pháp luật cho họ không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	340	58.22	59.34	59.34
	2	Không	233	39.90	40.66	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		573	98.12		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			11	01.88		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 15:** Theo quan điểm của cá nhân đồng chí, việc tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức giáo dục pháp luật cho họ có cần thiết không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	249	42.64	43.23	43.23
	2	Cần thiết	234	40.07	40.63	83.86
	3	Không cần thiết lắm	75	12.84	13.02	96.88
	4	Không cần thiết	17	02.91	02.95	99.83
	5	Rất không cần thiết	1	00.17	00.17	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		576	98.63		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			8	01.37		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 16:** Khi lên lớp giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí thường sử dụng phương pháp nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Phương pháp độc thoại (cán bộ thuyết trình → phạm nhân nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	453	77.56
	2	Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật (chia phạm nhân thành các nhóm → phạm nhân thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → cán bộ kết luận)	315	53.93

	3	Phương pháp nêu tình huống (cán bộ giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → phạm nhân trao đổi, tranh luận → cán bộ giữ vai trò điều khiển)	377	64.55
	4	Phương pháp thực hành pháp luật (cán bộ giới thiệu nội dung pháp luật → giao bài tập thực hành → phạm nhân tự giải quyết bài tập → phạm nhân thuyết trình phương án giải quyết → cán bộ đưa ra kết luận)	258	44.18
	5	Phương pháp khác	2	00.34
		<b>Tổng cộng</b>		
<i>Biến số không hợp lệ</i>				
		<b>Tổng cộng</b>	584	100.00

**Câu 17:** Về hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân, theo đồng chí, nên sử dụng hình thức nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường	563	96.40
	2	Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho phạm nhân	339	58.05
	3	Niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại giam/phân trại, ở buồng giam phạm nhân	380	65.07
	4	Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động...	513	87.84
	5	Tổ chức cho phạm nhân thi tìm hiểu pháp luật	431	73.80
	6	Giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội	453	77.57
	7	Giáo dục pháp luật cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng phạm nhân	375	64.21
	8	Hình thức khác	2	00.34
			<b>Tổng cộng</b>	584
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
		<b>Tổng cộng</b>	584	100.00



**Câu 18:** Đồng chí hãy chỉ ra những *nguyên nhân* của những kết quả đạt được trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Các cấp ủy Đảng từ Bộ Công an đến trại giam luôn quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	534	91.44
	2	Lãnh đạo Tổng cục VIII, Ban Giám thị trại giam luôn chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	570	97.60
	3	Các cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	533	91.27
	4	Đa số phạm nhân hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình giáo dục, cải tạo trong trại cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau này nên chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ	419	71.75
	5	Nguyên nhân khác	1	00.17
			<b>Tổng cộng</b>	584
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00

**Câu 19:** Theo đồng chí, đâu là *nguyên nhân của những hạn chế, bất cập* trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Cơ sở vật chất (hội trường, phòng học, tài liệu học tập, trang thiết bị kỹ thuật...) phục vụ giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam còn nhiều khó khăn, thiếu thốn	531	90.92
	2	Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo trại giam đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đôi khi chưa sâu sát, quyết liệt	87	14.89

	3	Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả	268	45.89
	4	Một bộ phận cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam thiếu trình độ chuyên môn, kém kỹ năng sư phạm, thiếu nhiệt tình nên việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đạt hiệu quả như mong muốn	336	57.53
	5	Một bộ phận đáng kể phạm nhân chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ, ý thức học tập kém, chủ yếu là đối phó	419	71.74
	6	Đối với những phạm nhân là người dân tộc thiểu số, rào cản về ngôn ngữ, trình độ học vấn thấp làm giảm hiệu quả giáo dục pháp luật dành cho họ	448	76.71
	7	Nguyên nhân khác	3	00.51
		<b>Tổng cộng</b>	584	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
		<b>Tổng cộng</b>	584	100.00

**Câu 20:** Theo đồng chí, để nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, lãnh đạo Tổng cục VIII, Bộ Công an và trại giam cần triển khai thực hiện *những giải pháp* nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật về giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam	541	92.64
	2	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam	464	79.45
	3	Bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam	518	88.69
	4	Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật	544	93.15

	5	Cử cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam đi đào tạo, nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo luật, Học viện Cảnh sát...	495	84.76
	6	Tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên môn, trao đổi nghiệp vụ sư phạm giữa các cán bộ giáo dục pháp luật theo các cụm trại giam	435	74.48
	7	Phát miễn phí sách, báo, tạp chí về pháp luật cho đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật	445	76.19
	8	Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật cho phạm nhân	428	73.28
	9	Giải pháp khác	2	00.34
		<b>Tổng cộng</b>	584	
<i>Biến số không hợp lệ</i>				
		<b>Tổng cộng</b>	584	100.00

**Câu 21:** Đối với phạm nhân, theo đồng chí, cần có những giải pháp tác động nào để bảo đảm sự tham gia của họ vào hoạt động giáo dục pháp luật dành cho phạm nhân? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tạo dựng môi trường lao động, học tập, sinh hoạt trong trại giam thuận lợi, phù hợp với hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân	535	91.61
	2	Đa dạng hóa nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân	503	86.13
	3	Nâng cao ý thức tự giác, chủ động, tích cực của phạm nhân trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục pháp luật	462	79.11
	4	Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, có chế tài khen thưởng - kỷ luật kịp thời đối với phạm nhân trong quá trình giáo dục pháp luật	515	88.18
	5	Giải pháp khác	0	00.00
			<b>Tổng cộng</b>	584
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
		<b>Tổng cộng</b>	584	100.00

**Câu 22:** Từ thực tiễn giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng chí có đề xuất, kiến nghị gì với các cấp lãnh đạo xung quanh công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại trại giam mà đồng chí đang công tác?

STT	Các đề xuất, kiến nghị của cán bộ giáo dục pháp luật
1	Các cấp lãnh đạo cho tuyển chọn một số chỉ tiêu từ 3-4 là cán bộ có trình Đại học Luật được đào tạo chính quy vào các trại giam chuyên làm công tác giáo dục tư vấn pháp luật cho phạm nhân, đồng thời đầu tư vào các thiết bị phòng học theo chủ đề của mỗi lớp học, tổ chức tập huấn kỹ năng sư phạm cho đội ngũ làm công tác giáo dục.
2	<p>- Cải thiện cơ sở vật chất, tăng cường các hoạt động giáo dục nhằm giúp phạm nhân thấy được giá trị, trách nhiệm của mình đối với gia đình, xã hội, tôn trọng vào chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, từ đó họ sẽ yên tâm phấn đấu cải tạo.</p> <p>- Có chính sách khen thưởng, thực thi pháp luật phải nghiêm khắc để bảo đảm sự công bằng, dân chủ và phân biệt sẽ đối tượng phạm nhân không được cải tạo.</p>
3	Xây dựng hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật về giáo dục, pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam trang bị cơ sở vật chất (hệ thống lớp học, thư viện,...) đảm bảo yêu cầu công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân.
4	Cử cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam đi đào tạo để nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo luật học viện cảnh sát.
5	Tài liệu về giáo dục pháp luật còn hạn chế. Hiện đơn vị chưa có phòng học cho phạm nhân, chủ yếu sử dụng hội trường để cho phạm nhân học, đôi lúc bị động vì cùng một lúc có nhiều lớp học như: đầu vào, đang chấp hành án, đầu ra, văn hóa, khai thác tố giác tội phạm. Đề xuất: xây phòng học, trang bị đủ tài liệu.
6	Để công tác giáo dục cho phạm nhân đạt kết quả cao thì chúng ta phải phổ biến rộng đến phạm nhân
7	Tăng cường mở các lớp đào tạo chuyên sâu về pháp luật nghiệp vụ sư phạm. Cung cấp giáo án, tài liệu pháp luật liên quan đến công tác giáo dục pháp luật. Tập huấn chuyên sâu về công tác giáo dục pháp luật.
8	Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ. Thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật.
9	Để công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đạt kết quả tốt nhất cần phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất. Tăng cường mở các lớp tập huấn chuyên sâu về pháp luật nghiệp vụ sư phạm.
10	Bố trí, đào tạo cán bộ làm công tác chuyên sâu; bồi dưỡng khả năng sư phạm để đứng lớp.
11	Đề xuất các cấp lãnh đạo trong thời gian tới bồi dưỡng cho các đồng chí làm công tác giáo dục đc tập huấn kỹ năng nghiệp vụ sư phạm để truyền đạt kiến thức cho phạm nhân đạt hiệu quả.
12	Bố trí các bộ chuyên sâu về giáo dục, phù hợp với khả năng, năng khiếu truyền đạt, nội dung giáo dục phải phong phú, dễ hiểu, phù hợp với nhận thức lứa tuổi, trình độ của phạm nhân, duy trì thường xuyên liên tục, phù hợp với điều kiện thực tiễn từng trại giam.

13	Tôi đề xuất với các cấp lãnh đạo là trong thời gian tới cho các đồng chí làm công tác quản giáo, giáo dục phải được tập huấn bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm để truyền đạt kiến thức, giáo dục phạm nhân đạt hiệu quả cao.
14	Cán bộ giáo dục pháp luật cần đa dạng nội dung, phương pháp giáo dục pháp luật cho phạm nhân và triển khai một cách thường xuyên và liên tục. Cán bộ giáo dục cần phải bồi dưỡng nhiều về nghiệp vụ sư phạm, và cách truyền đạt dễ hiểu và tiếp thu từng loại đối tượng.
15	Việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam là việc làm bắt buộc, vì vậy cần phải có nội dung, tài liệu, phương tiện cần thiết khác để phục vụ cho công tác giáo dục được tốt hơn, phải có chính sách và sự đãi ngộ thích hợp cho đội ngũ làm công tác giáo dục trong trại giam.
16	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát kiểm tra hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất nguồn nhân lực phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân.
17	Cần có sự quan tâm nhiều hơn, tốt hơn nữa của lãnh đạo Bộ Công An và lãnh đạo Tổng cục VIII. Xây dựng nội dung và cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật sát với chương trình giáo dục cho phạm nhân. Có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác giáo dục.
18	Đề nghị Tổng cục VIII thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật để đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ công tác đề ra.
19	Phát miễn phí sách, báo, tạp chí về pháp luật cho đội ngũ cán bộ giáo dục pháp luật. Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật.
20	Đề nghị Tổng cục VIII thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật.
21	Trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục phạm nhân. Tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu cho các cán bộ giáo dục trại giam.
22	Trang bị cơ sở vật chất (hội trường, tài liệu, thiết bị kỹ thuật,...). Tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu, đào tạo kỹ năng cơ bản, cách thức tiến hành, đổi mới phương pháp cho cán bộ giáo viên làm công tác giáo dục. Cho cán bộ giáo dục đi theo dõi các tiết dạy mẫu chuẩn, để học hỏi đúc rút kinh nghiệm.
23	Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất trang thiết bị và tài liệu để phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật, nhất là kỹ năng nghiệp vụ sư phạm tốt hơn, trong công tác tuyên truyền giảng dạy đối với phạm nhân.
24	Cần quy định tăng thời gian giáo dục pháp luật cho phạm nhân, đồng thời quan tâm đầu tư mua sách pháp luật phải đảm bảo đầy đủ.
25	Cần được cung cấp đầy đủ hơn nữa về cơ sở vật chất, tài liệu, trang thiết bị kỹ thuật,... để phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân ở trại giam.
26	Tăng cường cơ sở hạ tầng ở trại giam. Làm thật tốt công tác quản lý giáo dục cải tạo phạm nhân. Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giáo dục.

27	Xây dựng nội dung chương trình giáo dục cho phạm nhân. Đảm bảo cơ sở vật chất và phương tiện dạy học. Đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục.
28	Trang bị đủ điều kiện cơ sở vật chất. Có đội ngũ cán bộ hiểu biết pháp luật và trình độ sư phạm. Có giáo trình hướng dẫn, và sự chỉ đạo thường xuyên cụ thể của các cấp lãnh đạo.
29	Đề xuất trang bị đủ điều kiện về vật chất để phục vụ cho việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân và có chế độ đãi ngộ cho cán bộ trực tiếp giáo dục pháp luật cho phạm nhân vì phải tổ chức cho phạm nhân học tập nhiều vào ngày thứ 7, ngày nghỉ.
30	Đề xuất tăng cường các lớp bồi dưỡng tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật: tài liệu, giáo trình giảng dạy, kinh phí tổ chức giảng dạy.
31	Thường xuyên cung cấp tài liệu liên quan đến công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân để cán bộ giáo dục nắm được và làm phong phú thêm bài giảng. Tổ chức cho cán bộ giáo dục đi đào tạo, nâng cao trình độ tại đại học Luật, Sư phạm...
32	Tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm bồi dưỡng về pháp luật cho lực lượng cán bộ làm công tác. Cung cấp tài liệu đầy đủ và liên tục cho cán bộ làm công tác giáo dục. Có nhiều chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân.
33	Mở thêm các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật. Xây dựng, củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Cử cán bộ giáo dục pháp luật của trại đi đào tạo nâng cao trình độ tại các cơ sở Luật, Học viện Cảnh sát,...
34	Quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần của cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Đề xuất tăng cường các lớp bồi dưỡng tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Có chế độ khen thưởng cho những cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.
35	Đề xuất lãnh đạo cấp trên tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ hoạt động giáo dục về công việc, thời gian và tài liệu. Tăng cường sự hiểu biết chuyên sâu về pháp luật cho cán bộ hoạt động giáo dục thông qua các giáo trình luật hoặc các lớp bồi dưỡng, tập huấn. Có chế độ động viên kịp thời với các đồng chí cán bộ hoạt động giáo dục pháp luật đạt kết quả tốt và có sáng tạo.
36	Mở thêm các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật. Có chế độ khen thưởng cho những cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần của cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật.
37	Cần mở lớp trại dôi về giáo dục pháp luật cho cán bộ trong trại giam. Cần nâng cao về cơ sở vật chất trong công tác giáo dục cho phạm nhân.
38	Đề xuất bổ sung biên chế cán bộ có trình độ sư phạm để dạy giáo dục công dân cho phạm nhân (hiện cán bộ của đơn vị làm kiêm nhiệm). Trang bị cơ sở vật chất phương tiện kỹ thuật phục vụ việc dạy và học của cán bộ và phạm nhân.

39	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân từ khâu quan tâm, đào tạo tập huấn kỹ năng sư phạm, kiến thức pháp luật cho cán bộ làm công tác giáo dục ở các trại giam. Biên soạn tài liệu, bài giảng về pháp luật cho phạm nhân. Quan tâm cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục pháp luật. Có qui định, qui chế cụ thể đối với giáo dục pháp luật cho phạm nhân.
40	Có nhiều chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân. Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật.
41	Hiện nay trại còn thiếu giáo viên có trình độ sư phạm để dạy giáo dục công dân theo chương trình bộ giáo dục và Tổng cục VIII biên soạn chưa đảm nhiệm được tất cả các bài giảng, vẫn còn sử dụng cán bộ không có trình độ sư phạm. Đề nghị tuyển thêm giáo viên có trình độ sư phạm.
42	Đề nghị lãnh đạo quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ giáo dục pháp luật trong trại giam. Cung cấp tài liệu giáo trình phục vụ công tác giáo dục. Phối hợp các giảng viên chuyên trách của các cơ quan tuyên truyền hỗ trợ cán bộ trại.
43	Quan tâm hơn nữa tới công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Mở thêm các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật.
44	Xây dựng, củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Có nhiều chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân.
45	Khi tiến hành giáo dục pháp luật cho phạm nhân cần thiết phải phân loại phạm nhân theo trình độ văn hóa (Ví dụ: Phạm nhân có trình độ văn hóa thất, số phạm nhân dân tộc thiểu số,...) để có kế hoạch, biện pháp giáo dục phù hợp.
46	Nâng cao trình độ sư phạm đối với cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật. Lựa chọn cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật.
47	Thường xuyên làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, có tính chiến lược, đặc biệt phải đào tạo kỹ năng sư phạm có tính chất chuyên sâu; khai thác các góc cạnh tâm lý, lứa tuổi, tội danh theo như tội của phạm nhân. Đồng thời có kế hoạch tổng kết chuyên đề giáo dục cho pháp luật cho phạm nhân, tổng kết thực tiễn rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện pháp luật.
48	Từ thực tiễn công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, tôi đề xuất với các cấp lãnh đạo mở thêm các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật.
49	Phải có sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật phạm nhân. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giáo dục pháp luật.
50	Hoàn thiện các văn bản pháp luật về giáo dục phạm nhân. Có nguồn lực con người được đào tạo bài bản, đủ đức, đủ tài, có tinh thần trách nhiệm đối với công tác này.

51	Tăng cường công tác phối kết hợp với các cơ quan pháp luật trong việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Có kinh phí đảm bảo để thực hiện việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân, nhất là chế độ chính sách cho cán bộ làm công tác giáo dục và khen thưởng cho phạm nhân.
52	Cần đảm bảo số lượng cán bộ làm công tcs giáo dục pháp luật cho phạm nhân theo quy định. Lựa chọn những cán bộ có trình độ nghiệp vụ, và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt công việc.
53	Tăng cường cho cán bộ giáo dục đi đào tạo, nâng cao trình độ tại đại học Luật, Sư phạm...
54	Hoàn thiện giáo trình giảng dạy. Bổ sung kinh phí để xây dựng phòng học, mua sắm t rang thiết bị kỹ thuật. Tổ chức lớp tập huấn và bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ làm công tác giáo dục.
55	Đề nghị được trang bị kiến thức sư phạm kỹ năng giáo dục và trang thiết bị giảng dạy, thường xuyên tập huấn bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm.
56	Chương trình giáo dục công dân, giáo dục pháp luật cho phạm nhân là quan trọng và cần thiết. Nhiệm vụ công tác giáo dục phạm nhân quá nhiều nên không có thời gian chuyên sâu nghiên cứu bài giảng nên hiệu quả không cao.
57	Tại trại giam nơi đơn vị công tác là vùng sâu, vùng xa, do vậy việc phổ biến kiến thức pháp luật, nhất là các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản hướng dẫn việc thực thi đối với phạm nhân còn hạn chế, mặt khác cán bộ làm công tác giáo dục chưa được trang bị nghiệp vụ sư phạm. Vì vậy kiến nghị lãnh đạo tổng cục mở các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ.
58	Công tác giáo dục phạm nhân tại trại giam đòi hỏi phải có sự kiên trì, lâu dài từ giáo dục chung tới giáo dục cá biệt từng cá nhân phạm nhân. Đòi hỏi mỗi cán bộ giáo dục phải đầu tư nhiều công sức, lòng nhiệt huyết, thời gian. Kính đề xuất lãnh đạo các cấp quan tâm tới chế độ chính sách đối với đội ngũ trên như cần thiết phải có chế độ phụ cấp đặc thù cho cán bộ giáo dục.
59	Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động công tác giáo dục pháp luật. Xử lý nghiêm những trường hợp phạm nhân vi phạm. Tấn công mạnh mẽ hơn đối với tình huống vi phạm quy phạm pháp luật/
60	Cần sự ủng hộ từ các cấp lãnh đạo, đầu tư cơ sở vật chất có chiều sâu và hiệu quả, từ phương pháp truyền tải mang tính phổ biến lâu dài.
61	Cán bộ giáo dục phải được đào tạo chuyên sâu am hiểu pháp luật vững, khi truyền đạt cho phạm nhân phải có ngôn ngữ dễ hiểu, linh động và lòng yêu ngành, mến nghề, tận tụy với công việc giáo dục.
62	Đảm bảo tiêu chuẩn về chính trị, nghiệp vụ đối với lực lượng làm công tác giáo dục: hạn chế việc tuyển dụng cán bộ làm công tác giáo dục tốt nghiệp ngoài ngành CAND. Sau đó bồi dưỡng nghiệp vụ 6 tháng. Cán bộ làm công tác giáo dục phải được đào tạo kỹ năng sư phạm. Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo làm công tác giáo dục.



63	Lãnh đạo cần tuyển chọn cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân phải có trình độ sư phạm về giáo dục công dân, tâm lý tội phạm, giáo viên dạy nghề. Bố trí cán bộ làm công tác giáo dục có trình độ sư phạm, độ tuổi thấp nhất là 25 tuổi được trải nghiệm qua công tác thực tiễn.
64	Thực tế lực lượng cảnh sát trại giam so với các cơ quan hành chính bên ngoài và công an các huyện, tỉnh, thành phố được đào tạo thấp (chủ yếu là trung cấp), rất ít đại học. Văn bản thì nhiều, áp lực lớn, cần đào tạo nhiều hơn trình độ chuyên môn; thực hiện nhiều hơn nữa chính sách đãi ngộ đối với cảnh sát trại giam. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất ở mỗi đơn vị trại giam.
65	Cần có những công văn hướng dẫn, quán triệt sâu sắc hơn đến cán bộ làm công tác giáo dục, phạm nhân, có những tài liệu hướng dẫn tra cứu thêm kiến thức pháp luật cho cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, có sự chỉ đạo hướng dẫn sát sao của các cấp lãnh đạo để thực hiện tốt hơn việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân.
66	Thường xuyên quan tâm chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân nhằm đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất của mục đích giáo dục. Quan tâm, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ kiến thức pháp luật kỹ năng sư phạm cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục cho phạm nhân.
67	Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân.
68	Đổi mới nội dung Bộ sách GDCD dành cho phạm nhân mới đến trại, đang chấp hành án, sắp chấp hành án để phù hợp với thực tiễn. Thường xuyên mở thêm các lớp tập huấn chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật.
69	Hoàn thiện hệ thống giáo dục chung và riêng cho phạm nhân trên toàn quốc. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và giáo dục cho phạm nhân. Đào tạo kỹ năng sư phạm và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân.
70	Cần nâng lực giáo dục cho cán bộ giáo dục pháp luật, thường xuyên tập huấn đào tạo cơ bản cho số cán bộ làm công tác.
71	Mở lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng sư phạm cho cán bộ giáo dục pháp luật. Tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên môn, trao đổi nghiệp vụ sư phạm giữa các cán bộ giáo dục pháp luật. Trang bị sách báo tạp chí về pháp luật cho đội ngũ cán bộ.
72	Hoàn thiện các văn bản quy phạm dưới luật về giáo dục phạm nhân. Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm.
73	Cán bộ giáo dục phải được cử đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ pháp luật. Thường xuyên mở các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm.
74	Từng bước đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục, chú trọng nâng cao trình độ về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ.
75	Triển khai các kế hoạch, chương trình giáo dục, đảm bảo tính khoa học, có chuyên đề chọn lọc, tránh hình thức chạy theo thành tích.

**Câu 23:** Giới tính?

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nam	477	81.68	83.68	93.68
	2	Nữ	93	15.92	16.32	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		570	97.60		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			14	02.40		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 24:** Lứa tuổi? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Dưới 30 tuổi	125	21.40	21.59	21.59
	2	Từ 31 đến 35 tuổi	153	26.20	26.42	48.01
	3	Từ 36 đến 40 tuổi	152	26.03	26.25	74.26
	4	Từ 41 đến 45 tuổi	54	09.25	09.33	83.59
	5	Từ 46 đến 50 tuổi	34	05.82	05.87	89.46
	6	Từ 51 đến 55 tuổi	53	09.07	09.15	98.61
	7	Trên 55 tuổi	8	01.37	01.39	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	579	99.14		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			5	00.86		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 25:** Trình độ học vấn về pháp luật cao nhất hiện nay của đồng chí? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trung cấp luật	211	36.13	39.14	39.14
	2	Cử nhân luật	312	53.42	57.88	97.02
	3	Thạc sĩ luật	2	00.34	00.37	97.39
	4	Tiến sĩ luật	0	00.00	00.00	97.39
	5	Trình độ khác	14	02.40	02.61	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	539	92.29		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			45	07.71		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 26:** Trình độ, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đồng chí hiện tại? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
Biến số hợp lệ	1	Tốt nghiệp Đại học sư phạm	36	06.16	06.80	06.80
	2	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm	20	03.42	03.78	10.58
	3	Đã được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm	91	15.58	17.20	27.78
	4	Chưa được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm	382	65.41	72.22	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	529	90.58		
Biến số không hợp lệ			55	09.42		
<b>Tổng cộng</b>			584	100.00		

**Câu 27:** Hiện nay đồng chí đang công tác tại trại giam nào? (xin vui lòng ghi rõ)

STT	Tên trại giam	Tỉnh/thành phố	Số lượng	Tỷ lệ
1	Thanh Hòa	Long An	23	03.94
2	Hoàng Tiên	Hải Dương	23	03.94
3	Đại Bình	Lâm Đồng	20	03.42
4	Thanh Lâm	Thanh Hóa	20	03.42
5	Xuân Hà	Hà Tĩnh	25	04.28
6	Ngọc Lý	Bắc Giang	24	04.11
7	Xuân Nguyên	Hải Phòng	28	04.79
8	Quyết Tiến	Tuyên Quang	28	04.79
9	Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	23	03.94
10	Bình Điền	Thừa Thiên - Huế	18	03.08
11	Thủ Đức	Bình Thuận	25	04.28
12	Tân Lập	Phú Thọ	30	05.13
13	Mỹ Phước	Tiền Giang	14	02.39
14	Đắk Tân	Đắk Lắk	25	04.28
15	Thanh Xuân	Hà Nội	32	05.48
16	Kênh 7	Kiên Giang	20	03.42
17	Số 6	Nghệ An	15	02.57
18	Xuân Lộc	Đồng Nai	35	05.99
19	Vĩnh Quang	Vĩnh Phúc	20	03.42
20	Cao Lãnh	Đồng Tháp	26	04.45
21	An Phước	Bình Dương	23	03.94
22	Cái Tàu	Cà Mau	24	04.12
23	An Điền	Bình Dương	23	03.94
24	Phú Sơn	Thái Nguyên	40	06.85
<b>Tổng số</b>			584	100.00



4. Lười lao động nhưng lại muốn nhanh chóng kiếm được nhiều tiền
5. Thiếu hiểu biết pháp luật
6. Nguyên nhân khác (nếu có, xin ghi rõ): .....

**Câu 3:** Trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam, Anh/Chị có được trại giam tổ chức cho học tập pháp luật không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Có
2. Không

**Câu 4:** Ở câu 3, nếu Anh/Chị trả lời là “có” thì vui lòng cho biết đã được học tập chương trình giáo dục pháp luật nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Chương trình giáo dục pháp luật đầu vào (dành cho phạm nhân mới đến chấp hành án phạt tù tại trại giam)
2. Chương trình giáo dục pháp luật đầu ra (dành cho phạm nhân sắp hết thời hạn chấp hành án phạt tù)
3. Cả hai chương trình giáo dục pháp luật đầu vào và đầu ra

**Câu 5:** Ngoài hai chương trình giáo dục pháp luật đầu vào và đầu ra, Anh/Chị và những phạm nhân khác trong trại giam có nhu cầu, nguyện vọng được học tập, tìm hiểu thêm các lĩnh vực pháp luật khác không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Có
2. Không

**Câu 6:** Trại giam có tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức học tập pháp luật không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Có
2. Không

**Câu 7:** Theo Anh/Chị, việc tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức học tập pháp luật có cần thiết không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Không cần thiết lắm
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

**Câu 8:** Khi lên lớp học tập pháp luật, cán bộ giáo dục có xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu mà mỗi phạm nhân cần đạt được sau khi học tập pháp luật không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Có xác định cụ thể, rõ ràng
2. Có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng
3. Không xác định, chỉ truyền đạt các nội dung pháp luật
4. Ý kiến khác (nếu có, xin ghi rõ): .....

**Câu 9:** Trên lớp học, Anh/Chị được học tập kiến thức về những lĩnh vực nào? (được chọn nhiều phương án trả lời)

1. Những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước liên quan đến phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù
2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác
3. Các quy định liên quan đến phạm nhân trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự Luật Cư trú, Luật Đặc xá...
4. Nội quy trại giam, các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù
5. Các chuẩn mực đạo đức xã hội
6. Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong trại giam
7. Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng
8. Lĩnh vực khác (*xin ghi rõ*): .....

**Câu 10:** Những nội dung pháp luật được học tập đã đáp ứng như thế nào so với nhu cầu của Anh/Chị và các phạm nhân khác? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

- |                         |                                |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Đáp ứng ở mức độ tốt | 3. Đáp ứng ở mức độ trung bình |
| 2. Đáp ứng ở mức độ khá | 4. Chưa đáp ứng được nhu cầu   |

**Câu 11:** Ở câu 10, nếu Anh/Chị cho rằng đáp ứng ở mức độ “*tốt*” hoặc “*khá*” so với nhu cầu thì xin cho biết tại sao? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Vì nội dung phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân tại trại giam
2. Vì nội dung cập nhật được những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân
3. Vì nội dung đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng
4. Vì nội dung thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của phạm nhân
5. Lý do khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 12:** Ở câu 10, nếu Anh/Chị cho rằng đáp ứng ở mức độ “*trung bình*” hoặc “*chưa đáp ứng nhu cầu*” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (*chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Vì nội dung chưa phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam
2. Vì nội dung còn lạc hậu, chưa cập nhật kịp thời những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân
3. Vì nội dung chưa đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng

4. Vì nội dung chưa thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của phạm nhân

5. Lý do khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 13:** Khi lên lớp giáo dục pháp luật cho phạm nhân, Anh/Chị nhận thấy cán bộ giáo dục thường sử dụng *phương pháp giáo dục* nào? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Phương pháp độc thoại (cán bộ thuyết trình → phạm nhân nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)

2. Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật (chia phạm nhân thành các nhóm → phạm nhân thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → cán bộ kết luận)

3. Phương pháp nêu tình huống (cán bộ giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → phạm nhân trao đổi, tranh luận → cán bộ giữ vai trò điều khiển)

4. Phương pháp thực hành pháp luật (cán bộ giới thiệu nội dung pháp luật → giao bài tập thực hành → phạm nhân tự giải quyết bài tập → phạm nhân thuyết trình phương án giải quyết → cán bộ đưa ra kết luận)

5. Phương pháp khác (*ghi rõ*): .....

**Câu 14:** Về hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân, theo Anh/Chị, trại giam nên sử dụng *hình thức* nào thì phù hợp với điều kiện lao động, sinh hoạt, học tập của phạm nhân? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường

2. Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho phạm nhân

3. Niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại giam/phân trại, ở buồng giam phạm nhân

4. Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động...

5. Tổ chức cho phạm nhân thi tìm hiểu pháp luật

6. Giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội

7. Giáo dục pháp luật cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng phạm nhân

8. Hình thức khác (*ghi rõ*): .....

**Câu 15:** Sau khi kết thúc chương trình học tập pháp luật, Anh/Chị đánh giá như thế nào về *vai trò* của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với phạm nhân? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Rất cần thiết

4. Không cần thiết

2. Cần thiết

5. Rất không cần thiết

3. Không cần thiết lắm

**Câu 16:** Chương trình học tập pháp luật dành cho phạm nhân mang lại cho Anh/Chị những lợi ích cụ thể, thiết thực nào? (có thể chọn 1 phương án trả lời)

1. Nhận thức được tính chất, hậu quả nguy hại cho xã hội mà hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra
2. Hình thành, củng cố ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, nội quy trại giam
3. Hiểu được chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước với phạm nhân
4. Giúp ổn định tư tưởng, tâm lý, yên tâm học tập, lao động, cải tạo tốt để sớm được trở về với gia đình, cộng đồng
5. Giúp chuẩn bị hành trang kiến thức, hiểu biết pháp luật để tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù
6. Lợi ích khác (nếu có, xin ghi rõ): .....

**Câu 17:** Anh/Chị hãy chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Ban Giám thị trại giam luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân
2. Các cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân
3. Đa số phạm nhân hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình giáo dục, cải tạo trong trại cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau này nên chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ
4. Nguyên nhân khác (ghi rõ): .....

**Câu 18:** Theo Anh/Chị, đâu là nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Cơ sở vật chất (hội trường, phòng học, tài liệu học tập, trang thiết bị kỹ thuật...) phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam còn nhiều khó khăn, thiếu thốn
2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo trại giam đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đôi khi chưa sâu sát, quyết liệt
3. Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả
4. Một bộ phận cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam thiếu trình độ chuyên môn, kém kỹ năng sư phạm, thiếu nhiệt tình nên việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đạt hiệu quả như mong muốn



5. Một bộ phận đáng kể phạm nhân chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ, ý thức học tập kém, chủ yếu là đối phó
6. Đối với những phạm nhân là người dân tộc thiểu số, rào cản về ngôn ngữ, trình độ học vấn thấp làm giảm hiệu quả giáo dục pháp luật dành cho họ
7. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*): .....

**Câu 19:** Đối với phạm nhân, theo Anh/Chị, cần có những giải pháp tác động nào để bảo đảm sự tham gia của họ vào hoạt động giáo dục pháp luật dành cho phạm nhân? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Tạo dựng môi trường lao động, học tập, sinh hoạt trong trại giam thuận lợi, phù hợp với hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân
2. Đa dạng hóa nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân
3. Nâng cao ý thức tự giác, chủ động, tích cực của phạm nhân trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục pháp luật
4. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, có chế tài khen thưởng - kỷ luật kịp thời đối với phạm nhân trong quá trình giáo dục pháp luật
5. Giải pháp khác (*nếu có, xin ghi rõ*): .....

**Câu 20:** Từ thực tế học tập pháp luật trong trại giam, Anh/Chị có đề xuất, kiến nghị gì với các cấp lãnh đạo xung quanh công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại trại giam hiện nay?

.....

.....

**Tiếp theo, đề nghị Anh/Chị vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:**

**Câu 21:** Giới tính?

- |        |       |
|--------|-------|
| 1. Nam | 2. Nữ |
|--------|-------|

**Câu 22:** Lứa tuổi? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

- |                      |                      |
|----------------------|----------------------|
| 1. Dưới 30 tuổi      | 5. Từ 46 đến 50 tuổi |
| 2. Từ 31 đến 35 tuổi | 6. Từ 51 đến 55 tuổi |
| 3. Từ 36 đến 40 tuổi | 7. Trên 55 tuổi      |
| 4. Từ 41 đến 45 tuổi |                      |

**Câu 23:** Trình độ học vấn cao nhất hiện nay của Anh/Chị? (*chọn 1 phương án trả lời*)

- |                                   |                           |
|-----------------------------------|---------------------------|
| 1. Đang học xóa mù chữ trong trại | 5. Tốt nghiệp Trung cấp   |
| 2. Tốt nghiệp Tiểu học            | 6. Tốt nghiệp Cao đẳng    |
| 3. Tốt nghiệp Trung học cơ sở     | 7. Tốt nghiệp Đại học     |
| 4. Tốt nghiệp Trung học phổ thông | 8. Tốt nghiệp Sau đại học |

**Câu 24:** Nghề nghiệp của Anh/Chị trước khi phạm tội? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Lao động nông nghiệp
2. Lao động phi nông nghiệp
3. Lao động tự do
4. Công nhân
5. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước
6. Doanh nghiệp tư nhân
7. Nghề nghiệp khác (*nếu có, xin vui lòng ghi rõ*): .....

**Câu 25:** Hiện Anh/Chị đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nào? (*vui lòng ghi rõ*)

1. Trại giam: .....
2. Trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: .....

Với việc trả lời Phiếu thu thập ý kiến này, Anh/Chị đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành những nhiệm vụ mà cuộc khảo sát đặt ra. Những ý kiến của Anh/Chị là *cơ sở thực tiễn* để các cơ quan chức năng tham khảo nhằm xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở nước ta hiện nay. Một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp trả lời phiếu của Anh/Chị!

***Chúc Anh/Chị lao động, học tập tốt!***

**NGƯỜI PHÁT - THU PHIẾU**

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**NGƯỜI TRẢ LỜI PHIẾU**

(*Có thể ký tên hoặc không*)

**Phụ lục 3d**  
**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN**  
*(Mẫu phiếu dành cho phạm nhân trong các trại giam)*

**Câu 1:** Trước khi phạm tội, chấp hành hình phạt tù trong trại giam, Anh/Chị đã bao giờ được học tập, trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật chưa? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đã từng được học	588	46.74	46.74	46.74
	2	Chưa bao giờ được học	670	53.26	53.26	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1258	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	00.00		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 2:** Theo nhận thức của Anh/Chị, nguyên nhân nào dẫn Anh/Chị tới việc thực hiện hành vi phạm tội? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trình độ văn hóa thấp	391	31.08
	2	Nhu cầu, đòi hỏi cấp thiết về kinh tế (thất nghiệp, nợ nần, túng thiếu...)	524	41.65
	3	Dính líu vào tệ nạn xã hội, che dấu hành vi sai lầm, tội phạm khác	252	20.03
	4	Lười lao động nhưng lại muốn nhanh chóng kiếm được nhiều tiền	214	17.01
	5	Thiếu hiểu biết pháp luật	652	51.83
	6	Nguyên nhân khác	66	05.25
	<b>Tổng cộng</b>		1258	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 3:** Trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam, Anh/Chị có được trại giam tổ chức cho học tập pháp luật không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	1228	97.62	98.00	98.00
	2	Không	25	01.99	02.00	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1253	99.60		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			5	00.40		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 4:** Ở câu 3, nếu Anh/Chị trả lời là “có” thì vui lòng cho biết đã được học tập chương trình giáo dục pháp luật nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Chương trình giáo dục pháp luật đầu vào (dành cho phạm nhân mới đến chấp hành án phạt tù tại trại giam)	794	63.12	64.08	64.54
	2	Chương trình giáo dục pháp luật đầu ra (dành cho phạm nhân sắp hết thời hạn chấp hành án phạt tù)	18	01.43	01.45	65.54
	3	Cả hai chương trình giáo dục pháp luật đầu vào và đầu ra	427	33.94	34.46	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1239	98.49		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			19	01.51		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 5:** Ngoài hai chương trình giáo dục pháp luật đầu vào và đầu ra, Anh/Chị và những phạm nhân khác trong trại giam có nhu cầu, nguyện vọng được học tập, tìm hiểu thêm các lĩnh vực pháp luật khác không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	1157	91.97	92.26	92.26
	2	Không	97	07.71	07.74	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1254	99.68		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			4	00.32		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 6:** Trại giam có tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức học tập pháp luật không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	672	53.42	53.85	53.85
	2	Không	576	45.79	46.15	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1248	99.21		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			10	00.79		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 7:** Theo Anh/Chị, việc tiến hành sàng lọc, phân loại phạm nhân theo mức án, theo trình độ học vấn hoặc theo nhu cầu, nguyện vọng của phạm nhân trước khi tổ chức học tập pháp luật có cần thiết không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	587	46.66	46.85	46.85
	2	Cần thiết	375	29.81	29.93	76.78
	3	Không cần thiết lắm	185	14.71	14.76	91.54
	4	Không cần thiết	94	07.42	07.50	99.04
	5	Rất không cần thiết	12	00.95	00.96	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1253	99.60		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			5	00.40		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 8:** Khi lên lớp học tập pháp luật, cán bộ giáo dục có xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu mà mỗi phạm nhân cần đạt được sau khi học tập pháp luật không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có xác định cụ thể, rõ ràng	1053	83.70	84.58	84.58
	2	Có xác định nhưng không cụ thể, rõ ràng	124	09.86	09.96	94.54
	3	Không xác định, chỉ cần truyền đạt đầy đủ nội dung pháp luật là được	67	05.33	05.38	99.92
	4	Ý kiến khác	1	00.08	00.08	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1245	98.97		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			13	01.03		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 9:** Trên lớp học, Anh/Chị được học tập kiến thức về những lĩnh vực nào? (được chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước liên quan đến phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù	1052	83.62
	2	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác	987	78.46
	3	Các quy định liên quan đến phạm nhân trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự Luật Cư trú, Luật Đặc xá...	992	78.86
	4	Nội quy trại giam, các quy định về tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, xếp loại chấp hành án phạt tù	1170	93.00
	5	Các chuẩn mực đạo đức xã hội	879	69.87
	6	Những quy tắc cơ bản về nếp sống trật tự, văn minh trong trại giam	024	81.40
	7	Các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết đối với phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập cộng đồng	991	78.78
	8	Lĩnh vực khác	2	00.16
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 10:** Những nội dung pháp luật được học tập đã đáp ứng như thế nào so với nhu cầu của Anh/Chị và các phạm nhân khác? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đáp ứng ở mức độ tốt	523	41.57	41.77	41.77
	2	Đáp ứng ở mức độ khá	573	45.55	45.77	87.54
	3	Đáp ứng ở mức độ trung bình	139	11.05	11.10	98.64
	4	Chưa đáp ứng được yêu cầu	17	01.35	01.36	100.00
			<b>Tổng cộng</b>	1252	99.52	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			6	00.48		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 11:** Ở câu 10, nếu Anh/Chị cho rằng đáp ứng ở mức độ “*tốt*” hoặc “*khá*” so với nhu cầu thì xin cho biết tại sao? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Vì nội dung phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam	957	76.07
	2	Vì nội dung cập nhật được những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân	874	69.48
	3	Vì nội dung đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng	707	56.20
	4	Vì nội dung thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của phạm nhân	554	44.04
	5	Lý do khác	2	00.16
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 12:** Ở câu 10, nếu Anh/Chị cho rằng đáp ứng ở mức độ “*trung bình*” hoặc “*chưa đáp ứng nhu cầu*” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Vì nội dung chưa phù hợp với yêu cầu giáo dục, cải tạo phạm nhân trong trại giam	37	02.94
	2	Vì nội dung còn lạc hậu, chưa cập nhật kịp thời những văn bản pháp luật mới liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phạm nhân	39	03.10
	3	Vì nội dung chưa đáp ứng được nhu cầu của phạm nhân sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù, trở về hòa nhập cộng đồng	41	03.26
	4	Vì nội dung chưa thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của phạm nhân	89	07.07
	5	Lý do khác	8	00.64
			<b>Tổng cộng</b>	
<i>Biến số không hợp lệ</i>				
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 13:** Khi lên lớp giáo dục pháp luật cho phạm nhân, Anh/Chị nhận thấy cán bộ giáo dục thường sử dụng *phương pháp giáo dục* nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Phương pháp độc thoại ( cán bộ thuyết trình → phạm nhân nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	985	78.30
	2	Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật (chia phạm nhân thành các nhóm → phạm nhân thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → cán bộ kết luận)	412	32.75
	3	Phương pháp nêu tình huống (cán bộ giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → phạm nhân trao đổi, tranh luận → cán bộ giữ vai trò điều khiển)	659	52.38
	4	Phương pháp thực hành pháp luật (cán bộ giới thiệu nội dung pháp luật → giao bài tập thực hành → phạm nhân tự giải quyết bài tập → phạm nhân thuyết trình phương án giải quyết → cán bộ đưa ra kết luận)	412	32.75
	5	Phương pháp khác	4	00.32
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 14:** Về hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân, theo Anh/Chị, trại giam nên sử dụng *hình thức* nào thì phù hợp với điều kiện lao động, sinh hoạt, học tập của phạm nhân? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tổ chức thành các lớp học tập trung tại hội trường	1021	81.16
	2	Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho phạm nhân	840	66.77
	3	Niêm yết thông tin pháp luật tại bảng tin của trại giam/phân trại, ở buồng giam phạm nhân	759	60.33
	4	Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động...	845	67.17
	5	Tổ chức cho phạm nhân thi tìm hiểu pháp luật	767	60.97
	6	Giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ, đội	736	58.51
	7	Giáo dục pháp luật cá biệt, tư vấn pháp luật riêng cho từng phạm nhân	490	38.95
	8	Hình thức khác	0	00.00
		<b>Tổng cộng</b>	1258	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00



**Câu 15:** Sau khi kết thúc chương trình học tập pháp luật, Anh/Chị đánh giá như thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với phạm nhân? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	932	74.09	74.86	74.86
	2	Cần thiết	308	24.48	24.74	99.60
	3	Không cần thiết lắm	4	00.32	00.32	99.92
	4	Không cần thiết	1	00.08	00.08	100.00
	5	Rất không cần thiết	0	00.00	00.00	100.00
			<b>Tổng cộng</b>	1245	98.97	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			13	01.03		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 16:** Chương trình học tập pháp luật dành cho phạm nhân mang lại cho Anh/Chị những lợi ích cụ thể, thiết thực nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nhận thức được tính chất, hậu quả nguy hại cho xã hội mà hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra	721	57.31
	2	Hình thành, củng cố ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế trại giam	487	38.71
	3	Hiểu được chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước đối với phạm nhân	431	34.26
	4	Giúp ổn định tư tưởng, tâm lý, yên tâm học tập, lao động, cải tạo tốt để sớm được trở về với gia đình, cộng đồng	595	47.30
	5	Giúp chuẩn bị hành trang kiến thức, hiểu biết pháp luật để tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt tù	465	36.96
	6	Lợi ích khác	5	00.40
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 17:** Anh/Chị hãy chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Ban Giám thị trại giam luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	1145	91.02
	2	Các cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam tích cực, nhiệt tình trong triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân	967	76.87
	3	Đa số phạm nhân hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với quá trình giáo dục, cải tạo trong trại cũng như tái hòa nhập cộng đồng sau này nên chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ	772	61.37
	4	Nguyên nhân khác	0	00.00
		<b>Tổng cộng</b>	1258	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00

**Câu 18:** Theo Anh/Chị, đâu là nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Cơ sở vật chất (hội trường, phòng học, tài liệu học tập, trang thiết bị kỹ thuật...) phục vụ giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong trại giam còn nhiều khó khăn, thiếu thốn	1013	80.52
	2	Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo trại giam đối với công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân đôi khi chưa sâu sát, quyết liệt	128	10.17
	3	Công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chạy theo kế hoạch, chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả	213	16.93

	4	Một bộ phận cán bộ giáo dục pháp luật của trại giam thiếu trình độ chuyên môn, kém kỹ năng sư phạm, thiếu nhiệt tình nên việc giáo dục pháp luật cho phạm nhân chưa đạt hiệu quả như mong muốn	144	11.45
	5	Một bộ phận đáng kể phạm nhân chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp giáo dục pháp luật dành cho họ, ý thức học tập kém, chủ yếu là đối phó	796	63.28
	6	Đối với những phạm nhân là người dân tộc thiểu số, rào cản về ngôn ngữ, trình độ học vấn thấp làm giảm hiệu quả giáo dục pháp luật dành cho họ	752	59.78
	7	Nguyên nhân khác	2	00.16
		<b>Tổng cộng</b>	1258	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
		<b>Tổng cộng</b>	1258	100.00

**Câu 19:** Đối với phạm nhân, theo Anh/Chị, cần có những giải pháp tác động nào để bảo đảm sự tham gia của họ vào hoạt động giáo dục pháp luật dành cho phạm nhân? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tạo dựng môi trường lao động, học tập, sinh hoạt trong trại giam thuận lợi, phù hợp với hoạt động giáo dục pháp luật cho phạm nhân	971	77.19
	2	Đa dạng hóa nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật cho phạm nhân	791	62.88
	3	Nâng cao ý thức tự giác, chủ động, tích cực của phạm nhân trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục pháp luật	864	68.68
	4	Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, có chế tài khen thưởng - kỷ luật kịp thời đối với phạm nhân trong quá trình giáo dục pháp luật	930	73.93
	5	Giải pháp khác	3	00.24
			<b>Tổng cộng</b>	1258
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	
		<b>Tổng cộng</b>	1258	100.00

**Câu 20:** Từ thực tế học tập pháp luật trong trại giam, Anh/Chị có đề xuất, kiến nghị gì với các cấp lãnh đạo xung quanh công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại trại giam hiện nay?

TT	Các đề xuất, kiến nghị của phạm nhân
1	Cần phải nâng cao trình độ văn hóa hiểu biết pháp luật cho các phạm nhân trong trại, thường xuyên đôn đốc các tổ đội từng phạm nhân phát huy tốt vai trò của cán bộ giao.
2	Đề xuất các cấp lãnh đạo quan tâm tới cơ sở vật chất của phân trại, thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật để phạm nhân hiểu rõ được chính sách khoan hồng của Đảng nhà nước và pháp luật đối với người phạm tội. Để họ có hướng phấn đấu cải tạo tốt.
3	Tất cả phạm nhân nói chung đều hiểu biết về pháp luật Việt Nam còn yếu và thiếu; hơn nữa chính sách của Đảng và nhà nước ta đang phải thay đổi theo xu hướng toàn cầu hóa. Chính vì thế công tác học tập và giáo dục các phạm nhân trong trại cần đẩy mạnh hơn nữa và thường xuyên, liên tục để phạm nhân chúng tôi không bị hổng hụt sau khi ra khỏi trại và tái hòa nhập xã hội, góp phần cho chống tái phạm.
4	Cần đầu tư thêm cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị để học tập thúc đẩy cho phạm nhân háng hái học tập hơn nữa, am hiểu pháp luật, rèn dũa nhân cách để hoàn thiện bản thân, trở thành công dân tốt cho xã hội và gia đình.
5	Ban Giám thị cần đầu tư cơ sở vật chất cũng như đa dạng hóa các phương pháp giáo dục, cung cấp đầy đủ những trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục pháp luật trong phạm nhân, đặc biệt quan tâm đến phạm nhân người dân tộc.
6	Nâng cao cơ sở vật chất, cần có nhiều tài liệu phổ biến về chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như tài liệu về pháp luật, thường xuyên tổ chức cho phạm nhân học tập, sinh hoạt nhiều hơn nữa để phạm nhân có nhận thức sâu rộng về kiến thức pháp luật.
7	Trại giam cần đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất, tài liệu để tìm hiểu pháp luật đến từng phạm nhân, để có điều kiện nghiên cứu tốt hơn nữa, cơ sở vật chất hiện tại đối với phạm nhân, cuộc sống rất vất vả.
8	Cần phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật cho từng phạm nhân hơn nữa, thường xuyên được học tập, tìm hiểu về chế độ, chính sách của pháp luật nhà nước. Tạo môi trường thuận lợi cho việc học tập, lao động đối với phạm nhân. Cơ sở hạ tầng cần được nâng cấp, đảm bảo đời sống cho phạm nhân.
9	Về cơ sở vật chất còn thiếu tài liệu, cũng như sự thiếu hiểu biết của các phạm nhân dân tộc thiểu số trong trại, cố gắng phát huy tốt hơn nữa để tất cả phạm nhân chúng tôi được hiểu biết rõ về pháp luật của nhà nước.
10	Về cơ sở vật chất còn thiếu thốn, cần nhiều tài liệu hướng cho phạm nhân được học tập, trau dồi kiến thức hiểu biết pháp luật.
11	Đa phần phạm nhân học tập pháp luật trong trại giam chưa nâng cao được ý thức học tập và không hiểu gì vì là dân tộc thiểu số. Đề nghị các cấp lãnh đạo tạo điều kiện học tập bằng cách tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật hoặc những bài thi, kiểm tra có chấm điểm, kết quả học tập sẽ đánh giá vào phần xếp loại thi đua của từng người; tránh tình trạng kiểu học chung chung, kém hiệu quả.

12	Sau khi được phổ biến, học tập về pháp luật, tôi nhận thấy nên tổ chức phát động các buổi học tuyên truyền hơn để phát huy cho các phạm nhân kém hiểu biết, nhất là phạm nhân dân tộc thiểu số.
13	Đề nghị các cấp lãnh đạo tạo điều kiện cho phạm nhân được học tập bằng hội thi, bài thi, kết quả sẽ đánh giá vào phần xếp loại thi đua.
14	Rút ra từ những điều được học tập pháp luật, tôi nhận thấy cần học tập và tuyên truyền nhiều hơn nữa nhất là những người dân tộc thiểu số để chất lượng học tập ngày một có kết quả tốt hơn.
15	Tôi có nguyện vọng được tổ chức học tập, tìm hiểu pháp luật tại trại giam để tập thể phạm nhân chúng tôi hiểu biết về pháp luật nhiều hơn, nhất là đối với phạm nhân là người dân tộc thiểu số.
16	Cần học tập và rèn luyện nhiều hơn nữa, nhất là với những phạm nhân dân tộc thiểu số.
17	Lãnh đạo trại giam quan tâm hơn nữa, đi sâu, đi sát xây dựng kế hoạch biện pháp chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân hiệu quả hơn. Thường xuyên thông tin cho phạm nhân nắm bắt được chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước về chế độ chính sách khoan hồng.
18	Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của lãnh đạo trại giam trong việc triển khai tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho phạm nhân. Khen thưởng, kỷ luật kịp thời đúng đối tượng nhằm khích lệ phạm nhân có tính thần tự giác, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương và giúp đỡ các phạm nhân khác cùng cải tạo tiến bộ.
19	Tăng cường tài liệu, sách báo để phạm nhân tìm hiểu nghiên cứu để tăng hiểu biết trong các lĩnh vực luật hình sự, dân sự,...
20	Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về pháp luật, tổ chức nhiều buổi học tập để tuyên truyền về pháp luật nâng cao kiến thức cho phạm nhân.
21	Kính mong Ban giám thị và Hội đồng cán bộ duy trì và tổ chức học tập nhiều hơn và đa dạng trong lao động cũng như học tập của phạm nhân để mỗi phạm nhân phân trại cũng như cả nước.
22	Cần có chế tài cứng rắn với những phạm nhân cá biệt, cập nhật kịp thời, làm thật nghiêm với những phạm nhân cố tình vi phạm nội quy, quy chế trại giam và vi phạm pháp luật trong trại giam. Khen thưởng kịp thời với những phạm nhân có thành tích và ý thức cải tạo tốt.
23	Khi thực hiện xét giảm thời gian chấp hành án phạt tù, cấp lãnh đạo không nên nhìn vào việc phạm nhân có tiền án tiền sự mà hãy đánh giá dựa trên việc chấp hành nội quy, quy chế trại giam, loại cải tạo của phạm nhân.
24	Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, cung cấp đầy đủ và đa dạng tài liệu về pháp luật.
25	Cho phạm nhân học tập và giúp các phạm nhân an tâm tư tưởng để sớm về xã hội và trở thành công dân có ích.
26	Cần nghiêm khắc hơn trong việc tổ chức học tập vì đa số phạm nhân đã vào hoàn cảnh tù tội là do học vắn tắt, rất thiếu hiểu biết về pháp luật.

27	Tìm kiếm công việc triển khai cho phạm nhân lao động tạo ra sản phẩm để nâng cao đời sống phạm nhân, cải thiện môi trường, giúp các phạm nhân có cuộc sống tốt hơn.
28	Giáo dục cho phạm nhân hiểu biết về pháp luật, khi tái hòa nhập cộng đồng không còn tái phạm, vi phạm pháp luật. Nếu có điều kiện nên cho phạm nhân học nghề.
29	Nên thêm các phong cách giảng dạy mới như sử dụng máy chiếu, minh họa, hoạt hình,... sẽ giúp phạm nhân tiếp thu dễ dàng hơn.
30	Các cấp lãnh đạo có phương án để giúp các phạm nhân lao động một cách tích cực nghĩa vụ và quyền lợi một cách thiết thực, tạo ra thành quả lao động.
31	Đưa việc học tập pháp luật là 1 tiêu chuẩn đánh giá ý thức rèn luyện cải tạo của phạm nhân.
32	Công tác giáo dục phạm nhân về pháp luật cần có cán bộ có chuyên môn, bổ sung tài liệu còn thiếu và thiết bị phục vụ cho việc học tập.
33	Cần có nhiều đợt tư vấn trực tiếp.
34	Tăng cường giáo trình điện tử.
35	Là phạm nhân bị giam giữ, sự tìm hiểu pháp luật là khá hạn hẹp. Để thực tế hơn trong việc học tập, tìm hiểu về pháp luật, nên cung cấp thêm cho phạm nhân sách báo tìm hiểu về pháp luật, phân tích được cái mà phạm nhân không hiểu, rèn luyện thêm cho phạm nhân xem thường pháp luật trong trại giam.
36	Cơ sở vật chất như phòng học, hội trường, tài liệu học tập còn nhiều khó khăn và thiếu thốn, đề nghị các cấp lãnh đạo xem xét.
37	Còn thiếu thốn về các chỗ để phục vụ sinh hoạt tập thể.
38	Mong được trang bị cơ sở vật chất sách báo để việc học tập được hiệu quả hơn. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, khen thưởng kịp thời đối với phạm nhân trong quá trình học tập.
39	Có thư viện cho phạm nhân mượn sách để đọc. Chú ý sát sao đối tượng dân tộc thiểu số. Khen thưởng trong quá trình học tập.
40	Khi có thông tin mới hoặc nghị định sửa đổi hiến pháp pháp luật, mong Ban giám thị cho chúng tôi tổ chức tham khảo tại hội trường để cập nhật thông tin cũng như hiểu biết về pháp luật.
41	Cần có biện pháp tuyên truyền cho phạm nhân hiểu rõ về chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước.
42	Cần đầu tư thêm về vật chất và luôn sẵn sàng tổ chức các cuộc thi pháp luật có khen thưởng rõ ràng và cung cấp đầy đủ sách báo về pháp luật.
43	Xem xét giảm mức án đối với những phạm nhân chấp hành tốt quy định của trại giam, hiểu rõ pháp luật và chấp hành tốt.
44	Đề xuất các cấp lãnh đạo quan tâm sâu sát hơn nữa, bổ sung thêm các lớp học trang bị kiến thức cho phạm nhân trong trại giam.
45	Đề xuất ý kiến chia nhỏ các lớp học giáo dục tìm hiểu pháp luật nhằm giúp phạm nhân cập nhật thông tin chính sách mới.

46	Cần lồng ghép các chương trình học văn hóa, nghệ, hoạt động văn nghệ
47	Thường xuyên tổ chức cho phạm nhân được giao lưu văn hóa, văn nghệ thể thao, các lớp học tuyên truyền giúp cho phạm nhân an tâm tư tưởng phấn đấu học tập rèn luyện.
48	Đề xuất ban lãnh đạo làm sao để tạo ra phong trào học tập thi đua tìm hiểu pháp luật trong phạm nhân một cách hăng hái, tự giác, tích cực tham gia các buổi học tập.
49	Mong Ban giám thị quan tâm hơn nữa trong lao động và đời sống phạm nhân, giữ nghiêm kỉ luật, kỉ cương đối với phạm nhân hơn nữa.
50	Theo dõi sát để nắm bắt kịp thời chuyển biến tư tưởng của phạm nhân để cảm hóa giáo dục, động viên khích lệ kịp thời.
51	Xử lý nghiêm các trường hợp phạm nhân vi phạm nội quy, khen thưởng với những phạm nhân cải tạo tốt.
52	Cần có môi trường cải tạo theo lứa tuổi của phạm nhân để tránh sự xô bồ, không phân biệt lớn nhỏ, bố trí công việc phù hợp theo lứa tuổi, sức khỏe.
53	Cần có kế hoạch học tập, giáo dục các thông tin văn bản pháp luật liên quan đến phạm nhân bằng hình thức học tập trung và niêm yết công khai để phạm nhân học tập và cập nhật.
54	Nâng cao chương trình dành cho phạm nhân mù chữ.
55	Quan tâm hơn tới đời sống phạm nhân về mặt sinh hoạt tập thể.
56	Cần các ban lãnh đạo chỉ đạo cho các phạm nhân được học các lĩnh vực pháp luật để được hiểu biết nhiều hơn.
57	Cần có biện pháp giáo dục riêng cho những phạm nhân cá biệt, sống buông thả, vi phạm nội quy thường xuyên.
58	Cập nhật các văn bản kịp thời của Đảng và Nhà nước cho phạm nhân đọc và tìm hiểu. Có cơ chế khen thưởng, xử phạt kịp thời.
59	Thường xuyên tổ chức các buổi học tập vào các ngày nghỉ để một số phạm nhân đang còn hạn chế về trình độ có thể hiểu sâu rộng hơn.
60	Cần có những phương pháp giảng dạy mới nhằm tạo hiệu quả tốt hơn trong công tác giảng dạy.
61	Cán bộ giảng dạy phải có kiến thức, am hiểu pháp luật. Phạm nhân có thể đăng ký học theo chủ đề.
62	Cần có biện pháp để phạm nhân tự giác học tập trong và ngoài giờ học.
63	Tạo dựng cơ sở vật chất tốt hơn. Phát động thêm nhiều phong trào thi đua rèn luyện nâng cao hiểu biết pháp luật.
64	Ngoài chương trình giáo dục pháp luật đầu vào và đầu ra, cần có chương trình giáo dục định kỳ, khi có cập nhật văn bản, quyết định mới của pháp luật hiện hành.
65	Tạo dựng đội ngũ cán bộ có kiến thức sâu rộng, khả năng diễn thuyết tốt.

66	Cần được học thêm về chương trình phòng chống HIV và bệnh xã hội.
67	Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân, nâng cao giáo án, bài giảng sát với thực tế.
68	Đưa chương trình giáo dục pháp luật vào đời sống phạm nhân nhiều hơn nữa.
69	Tổ chức cho phạm nhân tìm hiểu về pháp luật thông qua những bài học được xây dựng từ thực tế.
70	Nâng cao trình độ giảng dạy cho các cán bộ trại giam, đi sâu vào thực tiễn, nhận thức của phạm nhân.
71	Nâng cao cơ sở hạ tầng ở trại giam, quản lý chặt chẽ, tạo môi trường trong sạch, lành mạnh.
72	Thường xuyên mở lớp giáo dục chung cho phạm nhân phân trại, cung cấp nhiều tài liệu về pháp luật.
73	Tiến hành phân loại phạm nhân theo mức án để quản lý.
74	Tổ chức tập trung, có cán bộ giảng dạy, có phim ảnh minh họa nâng cao chất lượng buổi học.
75	Cho phạm nhân đọc nhiều sách và xem phim ảnh liên quan đề học và tìm hiểu pháp luật.
76	Phải có biện pháp kỷ luật nghiêm khắc với những phạm nhân thường xuyên vi phạm.
77	Các cấp lãnh đạo cần sâu sát tích cực chỉ đạo cho các cán bộ giáo dục đề ra một chương trình hành động cụ thể và hiệu quả nhằm nâng cao ý thức học tập và tìm hiểu pháp luật.
78	Thường xuyên tổ chức cuộc thi tìm hiểu về pháp luật.
79	Cần tăng cường tuyên truyền thêm thông tin pháp luật trên bảng tin trong buồng giam.
80	Triển khai kiên quyết, gắn liền với thi đua. Nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất.
81	Sàng lọc, phân loại phạm nhân theo trình độ học vấn, theo nhu cầu và nguyện vọng của học viên.
82	Tổ chức học tập pháp luật ngay tại xưởng lao động.
83	Sau mỗi buổi học cho phạm nhân làm bài thu hoạch để đánh giá kết quả học tập.
84	Ngoài việc học pháp luật còn chú ý đến các phạm nhân dân tộc thiểu số không biết chữ, cần mở thêm những lớp dành riêng cho họ.
85	Cần động viên khen thưởng những phạm nhân chấp hành tốt nội quy trại giam đồng thời nghiêm khắc xử phạt những trường hợp cá biệt.
86	Lồng ghép việc giáo dục cho phạm nhân pháp luật, chủ trương chính sách, kèm với những hoạt động khác.
87	Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn.



88	Cho phạm nhân được học nghề tùy theo điều kiện mỗi người để khi kết án trở về hạn chế đến mức thấp nhất việc tái phạm.
89	Mở lớp học an toàn giao thông và tổ chức cuộc thi cấp giấy phép lái xe cho phạm nhân trong trại.
90	Tạo điều kiện cho phạm nhân vui chơi giải trí hoặc mở các lớp học nghề vào những ngày nghỉ trong tuần.
91	Đề nghị trong công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân là rất cần thiết để phạm nhân có đủ những kiến thức cơ bản, cần bổ sung thêm nhiều buổi học tập hơn nữa.
92	Thường xuyên tổ chức hoạt động thể dục thể thao trong trại giam.
93	Tăng thêm thời lượng, tài liệu học tập cho phạm nhân, đa dạng hình thức khen thưởng, kỷ luật, đẩy mạnh phong trào văn hóa thể thao.
94	Đi sâu sát hơn nữa để nắm bắt được tình hình cụ thể để có kế hoạch giảng dạy phù hợp hơn.
95	Kết hợp giáo dục cho phạm nhân, phối hợp giữa gia đình và cán bộ trại giam.
96	Mở rộng ra nhiều phương hướng, phương pháp giáo dục để truyền tải những vấn đề kiến thức cơ bản pháp luật.
97	Công tác giáo dục pháp luật cần được giảng dạy thường xuyên hơn, đưa thêm nhiều hiến pháp, luật định vào chương trình giảng dạy.
98	Nâng cao giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép trong chương trình học văn hóa, học nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao.
99	Lồng ghép thêm các hình thức giảng dạy mới trong quá trình học tập pháp luật.
100	Trang bị thêm nhiều sách về pháp luật, mở thêm nhiều lớp học tập.
101	Có phương pháp tuyên truyền rộng rãi, dễ hiểu, chú trọng đến các văn bản liên quan.
102	Tổ chức thêm các cuộc thi tìm hiểu pháp luật và có phần thưởng cho những phạm nhân đạt điểm cao.
103	Đảm bảo cơ sở vật chất, tinh thần cho công tác và người thực hiện việc giáo dục pháp luật. Phân chia đối tượng cần giáo dục theo nhiều mức khác nhau.
104	Trong quá trình giảng dạy, nên sử dụng trang thiết bị máy móc, hình ảnh để phạm nhân dễ hiểu.
105	Cần quan tâm hơn nữa tới chế độ của phạm nhân, tạo điều kiện cho phạm nhân sinh hoạt văn hóa thể thao.
106	Bố trí thời gian lao động và học tập phù hợp cho phạm nhân, có chế độ khen thưởng, kỷ luật hợp lý.
107	Cần có bộ phận cán bộ có chuyên môn cao để giảng dạy cho phạm nhân.
108	Cần cung cấp thêm thông tin, tài liệu, phổ biến pháp luật thông qua phương tiện thông tin đa dạng. Có chế tài khen thưởng kỷ luật hợp lý.
109	Chọn lọc những nội dung sát thực tế thiết thực cho phạm nhân học, đồng thời quan tâm đến chất lượng học tập của phạm nhân.
110	Cấp tài liệu liên quan đến pháp luật nhiều hơn để phạm nhân tìm hiểu thêm.

**Câu 21:** Giới tính?

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nam	1071	85.14	85.34	85.34
	2	Nữ	184	14.63	14.66	100.00
	<b>Tổng cộng</b>		1255	99.76		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			3	00.24		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 22:** Lứa tuổi? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Dưới 30 tuổi	458	36.41	36.44	36.44
	2	Từ 31 đến 35 tuổi	240	19.08	19.09	55.53
	3	Từ 36 đến 40 tuổi	199	15.82	15.83	71.36
	4	Từ 41 đến 45 tuổi	140	11.13	11.14	82.50
	5	Từ 46 đến 50 tuổi	134	10.65	10.66	93.16
	6	Từ 51 đến 55 tuổi	55	04.37	04.38	97.53
	7	Trên 55 tuổi	31	02.46	02.47	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	1257	99.92		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			1	00.08		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 23:** Trình độ học vấn cao nhất hiện nay của Anh/Chị? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đang học xóa mù chữ trong trại	56	04.45	04.46	04.46
	2	Tốt nghiệp Tiểu học	180	14.31	14.32	18.77
	3	Tốt nghiệp Trung học cơ sở	376	29.89	29.91	48.69
	4	Tốt nghiệp Trung học phổ thông	412	32.75	32.78	81.46
	5	Tốt nghiệp Trung cấp	60	04.77	04.77	86.24
	6	Tốt nghiệp Cao đẳng	33	02.62	02.63	88.86
	7	Tốt nghiệp Đại học	128	10.17	10.18	99.05
	8	Tốt nghiệp Sau đại học	12	00.95	00.95	100.00
		<b>Tổng cộng</b>	1257	99.92		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			1	00.08		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 24:** Nghề nghiệp của Anh/Chị trước khi phạm tội? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

<b>Biến số</b>	<b>Mã số</b>	<b>Phương án trả lời</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ hợp lệ</b>	<b>Tỷ lệ cộng dồn</b>
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Lao động nông nghiệp	180	14.31	14.33	14.33
	2	Lao động phi nông nghiệp	27	02.15	02.15	16.48
	3	Lao động tự do	641	50.95	51.04	67.52
	4	Công nhân	99	07.78	07.88	75.40
	5	Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước	115	09.14	09.16	84.55
	6	Doanh nghiệp tư nhân	103	08.19	08.20	92.75
	7	Nghề nghiệp khác	91	07.23	07.25	100.00
			<b>Tổng cộng</b>	1256	99.84	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			2	00.16		
<b>Tổng cộng</b>			1258	100.00		

**Câu 25:** Hiện Anh/Chị đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nào? (xin vui lòng ghi rõ)

<b>TT</b>	<b>Tên trại giam</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Tân Lập	Phú Thọ	60	04.77
2	Xuân Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	52	04.13
3	Hoàng Tiên	Hải Dương	55	04.37
4	Quyết Tiến	Tuyên Quang	60	04.77
5	Đại Bình	Lâm Đồng	51	04.05
6	Đắc Tân	Đắk Lắk	51	04.05
7	Thanh Hòa	Long An	50	03.97
8	Thanh Lâm	Thanh Hóa	49	03.90
9	Thanh Xuân	Hà Nội	91	07.23
10	Kênh 7	Kiên Giang	50	03.97
11	Số 6	Nghệ An	56	04.45
12	Bình Điền	Thừa Thiên - Huế	50	03.97
13	Xuân Hà	Hà Tĩnh	52	04.13
14	Thủ Đức	Bình Thuận	50	03.97
15	Ngọc Lý	Bắc Giang	55	04.37
16	Xuân Nguyên	Hải Phòng	50	03.97
17	Mỹ Phước	Tiền Giang	50	03.97
18	Xuân Lộc	Đồng Nai	57	04.53
19	Vĩnh Quang	Vĩnh Phúc	21	01.67
20	Cao Lãnh	Đồng Tháp	50	03.97
21	Phú Sơn	Thái Nguyên	56	04.45
22	An Phước	Bình Dương	49	03.90
23	Cái Tàu	Cà Mau	44	03.50
24	An Điền	Bình Dương	49	03.90
<b>Tổng số</b>			<b>1258</b>	<b>100.00</b>